

500

VỊ LA HÁN

Tổng hợp & biên dịch: **PHẠM ĐỨC HÂN - PHẠM VĂN TUẤN**
TRẦN VĂN THỨC - ĐẶNG THUY THUY
Hiệu đính: **GS. TRẦN LÂM BIÊN**



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

500
VỊ LA HÂN

Tổng hợp & Biên dịch:

- PHẠM ĐỨC HÂN
- PHẠM VĂN TUẤN
- TRẦN VĂN THỨC
- ĐẶNG THÚY THÚY

Hiệu đính: GS. TRẦN LÂM BIÊN

500 VỊ LA HÁN



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

500 VỊ LA HẦN

Phạm Đức Hân - Phạm Văn Tuấn - Trần Văn Thức

- Đồng Thụy Thúy (Tổng hợp & biên dịch)

Hiệu đính: GS. Trần Lâm Biên



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Số 4 - Tống Duy Tân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT : (04)8286766 - 8252916

Fax : (04)8257063 - Email: nhaxuatbanhanoi@hn.vnn.vn



Chịu trách nhiệm xuất bản : **NGUYỄN KIỂU OANH**

Biên tập : **Phóng Biên tập tổng hợp**

Trình bày : **Vũ Tuyến**

Vẽ bìa : **HS. Quốc Ân**

Sửa bản in : **Nguyễn Hà**



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA VĂN LANG - NS. VĂN LANG

40 - 42 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM

ĐT : 3.8.242157 - 3.8.233022 - Fax : 84.3 8.235079



In 1000 cuốn khổ 13,5x21cm tại Cty CP Văn Hóa Văn Lang.

Số đăng ký KHXB 273-2009/CXB/97VHXX-24/HN.

Quyết định xuất bản số: 458/QĐ HN cấp ngày 27.05.2009.

In xong và nộp lưu chiểu quý 4 năm 2009.

Lời nói đầu



La hán tức A La hán (dịch âm từ tiếng Phạn - Arhat), vốn chỉ nhà tu hành Phật giáo nguyên thủy đã đạt đến một thành tựu rất cao. Cổ sách nói: một tín đồ Phật giáo tu hành, có thể đạt đến bốn thành tựu ở mức độ cao thấp khác nhau. Mỗi thành tựu được gọi là một “quả vị”, tương tự như học vị ngày nay. Bốn quả vị ấy là:

QUẢ VỊ THỨ NHẤT: Còn có tên gọi là Dự lưu quả (Srotāpanna, dịch âm là Tu đà hoàn), đạt được Sơ quả thì khi luân hồi sẽ không bị sa đọa vào cõi “ác thú” (tức là biến thành các loại súc sinh, ác quỷ).

QUẢ VỊ THỨ HAI: Còn có tên gọi là Nhất mẽ quả (Sakrđàgāmin, dịch âm là Tu đà hàm), đạt đến quả vị này thì chỉ còn một lần luân hồi sinh tử.

QUẢ VỊ THỨ BA: Còn có tên gọi là Bất hoàn quả (Anāgāmin, dịch âm là A na hàm) đạt được quả vị này thì không bao giờ trở lại “Dục giới”, mà sẽ được siêu sinh lên Thiên giới.

QUẢ VỊ THỨ TƯ: Còn có tên gọi là A La hán quả, thụ được quả này, tức là các nghiệp xấu đã hết, muôn hạnh tròn đầy, những gì đáng làm thì đã làm, những gì biện biệt đã biện biệt, vĩnh viễn không đả thai chuyển thế để nhận quả khổ “sinh tử luân hồi”. Người đạt được quả vị đó gọi là A La hán, gọi tắt là La hán.

Căn cứ vào ghi chép trong quyển 4 của Thập tụng luật,

khi Thích Ca còn tại thế, 500 vị đệ tử theo ngài nghe pháp, nhận sự chuyển đạo của Phật được gọi là “500 La hán”. Trong Phất 500 đệ tử được thụ ký - Kinh Pháp Hoa cũng ghi việc Phật tổ đã từng thụ ký cho 500 La hán. Pháp trụ ký ghi: 16 La hán đều có trú địa, đều có bộ hạ, từ 500 tới 1.600 người, 500 La hán chỉ là một con số. Trong Xá Lợi Phất văn kinh có ghi chép, sau khi vua Phất Xa Mật Đa La hủy diệt Phật pháp thì có 500 vị La hán đứng ra khôi phục Phật pháp. Trong Kinh Phật ngũ bách đệ tử tự thuyết bản khởi do Trúc Pháp Hộ đời Tây Tấn dịch lại có ghi rằng, năm sau khi Phật diệt độ, Tôn giả Ca Diếp cùng với 500 vị La hán (500 Tỷ kheo) lần đầu tiên tổ chức kết tập kinh điển. Kết tập là âm dịch từ tiếng Phạn - Sangiti nghĩa là chỉ việc biên soạn kinh điển Phật giáo. Trong Phật giáo Nam truyền cũng có truyền thuyết về việc 500 vị La hán tham gia kết tập kinh điển lần thứ tư tại Sri Lanka. Tóm lại, những vấn đề có liên quan đến truyền thuyết 500 La hán đa phần đều thấy trong kinh Phật, nhưng không ghi rõ về tên tuổi.

500 La hán xuất hiện vào giai đoạn nào ở Trung Quốc? Sách Cao Tăng truyện quyển 12 cho biết, họ bắt đầu xuất hiện trên núi Thiên Thai, thời Đông Tấn. Đến thời Ngũ Đại, tín ngưỡng sùng bái La hán mới thịnh hành. Năm đầu niên hiệu Hiên Đức (954), thiền sư Đạo Tiềm được sự đồng ý của Ngô Việt Tiền Trung Ý vương dời 16 pho tượng đại sĩ từ chân núi Lôi Phong đến chùa Tịnh Từ, dựng nhà đặt tượng 500 vị La hán. Niên hiệu Ung Hy thứ 2 đời vua Tống Thái Tông (982), tạc 516 pho tượng La hán, đặt ở chùa trên núi Thiên Thai. Trong thời gian ấy, nhiều chùa cũng xây dựng La hán đường hoặc La hán các. Danh họa Lý Công Lân cũng từng vẽ hình 500 La hán.

Nhắc đến tên gọi của 500 La hán, hiện còn 2 bia ghi chép lại:

Bia thứ nhất: Sau khi Trung Quốc giải phóng, phát hiện



ra trên vách động Bạch Long, núi Hội Tiên, huyện Nghi Sơn, tỉnh Quảng Tây, bia có tên gọi Cúng dâng Thích Ca Như Lai trụ thế thập bát Tôn giả ngũ bách đại A La hán thánh hiệu, được khắc vào năm đầu niên hiệu Nguyên Phù đời Tống (1098) ghi chép tên 18 La hán và 500 La hán.

Bia thứ hai: Có tên gọi Giang Âm Quân Càn Minh viện La hán tôn hiệu thạch, được khắc vào tháng 12 niên hiệu Thiệu Hưng thứ 4 (1134) đời Tống. Bia do Cao Đạo Tổ đời Nam Tống soạn, ghi việc đệ nhất La hán A Nhã Kiều Trần Như có 500 vị La hán nguyên theo ông, đều được ứng nghiệm. Bia nay không còn nhưng được lưu trong hòm 43 của Gia Hưng tục tạng. Tượng 500 La hán được đắp ở các chùa thời cận đại, đều sử dụng tên được ghi chép trong bia đó.

Cũng cần nói rõ rằng: Khi so sánh bia Ma Nhai ở động Bạch Long với bia Viện Càn Minh, sự liệt kê tên hiệu và bày biện thứ tự các vị La hán của hai bia là không hoàn toàn giống nhau. Bia trước tuy khắc sớm hơn bia sau 36 năm, nhưng vì phát hiện rất muộn, cho nên, từ đời Tống về sau, trong các chùa, miếu thời cận - hiện đại đều có La hán đường để thờ phụng 500 La hán, hoặc tranh vẽ 500 La hán, tất cả đều dựa vào bia Viện Càn Minh.

Về hình tượng 500 La hán, nói chung có hai loại là tượng đắp tạc và hình vẽ tạc. Tượng tạc thường thấy trong chùa Phật, vì số lượng tượng quá nhiều, không thể dung chứa trong một Phật điện, nên thường tách La hán đường ra nơi thờ riêng. Dựng một La hán đường công phí rất lớn, cho nên, những chùa, miếu có La hán đường thường là một danh thắng lớn. Các tự viện thời cận đại có La hán đường mang tính tiêu biểu như chùa Bích Vân ở Bắc Kinh, chùa Long Hoa ở Thượng Hải, chùa Quy Nguyên ở Hán Dương... trong đó có rất nhiều tác phẩm điêu khắc nổi tiếng. Điều thú vị là, do số lượng La hán quá nhiều, có người đem hình tượng của mình cung tiến, để muốn đời được hưởng thụ

hương hỏa, trong số này có Hoàng đế Càn Long. Pho thứ 446 trong La hán đường chùa Bích Vân ở Bắc Kinh (có bài vị, có số hiệu) được gọi là “Pha Tà Kiến tôn giả”. Vị La hán này thân giắt vàng, đội mũ trụ, mặc giáp, mang giày, hai tay đặt trên gối, hai mắt long lanh, thể hiện sự thoát tục, rời xa bụi trần. Đây chính là vua Càn Long vì mình mà tạc tượng La hán. Tượng 500 vị La hán được tạo tác cuối đời Thanh ở chùa Cung Trục tỉnh Côn Minh thì cực kỳ sinh động, trong đó thậm chí có cả hình tượng Giêsu, tổ sư của Cơ Đốc giáo.

Những bức họa La hán nổi tiếng có liên quan cũng không ít. Căn cứ vào thể loại, có thể phân làm hai loại hình là vẽ trên giấy lụa và khắc đá, vẽ giấy lụa là cơ sở để khắc đá. Như **tranh vẽ 500 La hán** của Hứa Tông Long đời Thanh, hiện lưu ở bảo tàng cổ vật Lô Sơn - Giang Tây. Tác phẩm này hiện còn 112 bức, được xếp vào hàng hiện vật cao cấp của quốc gia, vô cùng nổi tiếng. Gần đây, Giang Tây Nhân dân xuất bản xã từng in ảnh xuất bản, đây là sự thể hiện **tiêu biểu trên giấy lụa**. Tiêu biểu của khắc đá như phù điêu 500 La hán được tạo tác vào năm Gia Khánh thứ 4 (1799) đời Thanh ở chùa Thiên Trữ, phủ Thường Châu (nay là Thường Châu - Giang Tô). Các tượng này phỏng theo tranh ở chùa Tịnh Từ - Hàng Châu, do Tấn Lăng, Ngô Thụ Sơn khắc chữ, Tri phủ Thường Châu là Hồ Quán Lan làm bài跋, còn thạc bản tượng thiếp lưu truyền. Năm Quang Tự thứ 7 (1881) đời Thanh, Thích Tâm Nguyệt cho khắc lại phiên bản chất liệu đá tại chùa Chúc Thánh ở Vệ Sơn, tỉnh Hồ Nam và bài ký tượng 500 A La hán ở chùa Chúc Thánh của Bình Giang Lý Nguyên Độ, bài tựa của Ngô Cẩm Chương, nay còn thạc bản tượng thiếp lưu truyền. Hai bộ thạc bản này là những tác phẩm tiêu biểu cho khắc đá tượng 500 La hán.

Quá trình Hán hóa nền Phật giáo, hình tượng Phật và

Bồ tát đến đời Đường cơ bản đã được định hình, dần dần có xu hướng loại hình hóa. Trang sức cũng có nét đặc thù, khác biệt rất lớn so với thế tục. Truyền thuyết La hán bắt đầu được lưu truyền từ đời Tấn (sách Pháp Trụ ký); áo mặc của La hán lại được Hán hóa, so với y phục của hòa thượng nói chung không có nét gì khác biệt. Tư liệu liên quan đến cuộc sống bình sinh cũng không còn nhiều. Những đặc điểm này đều do các nghệ thuật gia khái quát và sáng tạo nên, họ đã thể hiện được các dáng vẻ béo gầy, thấp cao, trẻ già, đẹp xấu trên cơ sở cuộc sống bình sinh của các vị hòa thượng, phát huy trí tưởng tượng và sáng tạo các hình tượng La hán rất sinh động và đa dạng. Có thể nói, khi hình tượng La hán mới vào Trung Quốc được thể hiện rất sinh động ở các tín đồ Phật giáo, và trong con mắt của nghệ thuật gia, đây chính là sự phong phú trong nội dung đề tài của hội họa điêu khắc Trung Quốc.

Như trên đã trình bày, danh hiệu 500 La hán, thực tế là sự sáng tạo của người Trung Quốc, tuy có căn cứ vào kinh Phật nhưng chưa có ai nghiên cứu một cách tường tận, nên vấn đề chưa được rõ ràng. Suy xét truy nguyên trong Đại Tạng kinh thì 500 La hán đều có xuất xứ, và được viết thành tiểu truyện, đây là những công trình vô cùng to lớn. đương nhiên, hiện căn cứ vào Đại Tạng và Đại Tạng kinh dẫn giải để truy tìm nguồn gốc cũng có thể thu được nhiều điều. Nhưng trước kiểm tra sách dẫn, sau mới tìm ở Tạng kinh, kết hợp với các tư liệu khác mà có được, nay biên tập lại cho văn nghĩa thêm mới, công trình mới trở nên vĩ đại. Hai tác giả đã không ngại khó khăn, hao tổn tâm lực để truy tìm làm rõ những căn cứ về các vị La hán, việc làm này thật đáng trân trọng.

Theo Đại Tạng kinh, Phật pháp rộng lớn, chẳng gì không hàm chứa các giáo nghĩa của tông giáo khác, thu nạp và cải tạo rất nhiều truyền thuyết thần thoại. Trong quá trình phát

triển ba giai đoạn: Phật giáo là Nam truyền, Tạng truyền và Hán hóa đều ít nhiều dung hợp với truyền thống. Như trong Tạng truyền, Phật giáo dung nhập với các tôn giáo nguyên thủy bản địa (bản giáo), tức Phật giáo dung hòa vào truyền thống văn hóa bản địa của Trung Quốc rất rõ rệt. Trong quá trình lưu truyền, Phật giáo có nhiều biến đổi phân chia thành nhiều tông phái, giống như sông Trường Giang hàng trăm dòng chảy xuôi về hạ lưu. Kinh Phật thuyết pháp rất nhiều, sự hiểu biết về kinh khác nhau chia ra các tông “Tiểu Thừa” và “Đại Thừa”. Sự ghi chép truyền kỳ, hành sự của các Phật, Bồ tát, La hán... tuy còn nhiều mâu thuẫn nhưng đều là sự sáng tạo. Trên cơ sở đó có thể nói rằng, dựa trên nhiều tư liệu phức tạp có thể chọn lựa, cải biến, thêm thắt, để sáng tạo nên tác phẩm của mình, đó chính là dấu ấn riêng của tác giả. Trong thời đại phát triển ngày nay, quyển sách này tuy nhỏ nhưng có thể nghiên cứu về con người trong nghệ thuật Phật giáo, và đưa ra những căn cứ và tư liệu nhất định, đây cũng là ý đồ của người biên dịch. Cuốn sách là công trình viết lại chuyện xưa về Phật giáo mà từ trước đến giờ chưa từng xuất hiện loại hình biên dịch này. Nó mang một màu sắc mới mà chỉ những trí thức cao mới xem trọng nó và hiểu được nó. Những ai đọc sách này như vui theo diện bấu núm Linh Thửu nhất định không được tay không mà về.

NHÓM BIÊN DỊCH



1

TÔN GIẢ A NHÃ KIỀU TRẦN NHƯ

Tất Đạt Đa (tức Phật tổ Thích Ca Mâu Ni), khi còn là thái tử con vua Tịnh Phạn, một lòng tìm đường giải thoát hết mọi khổ nạn của thế gian, thế là ngài bỏ nhà đi tu. Vua cha ngăn trở không được, đành chiều theo ý nguyện của con, chọn năm người trong đám A Nhã Kiều Trần Như cùng ngài cất bước ra đi. Ban đầu, bọn họ đều học hỏi một vị tu sĩ nổi tiếng, chuyên tu khổ hạnh. Sau khi tu hành được 6 năm, dung nhan của Tất Đạt Đa trở nên tiêu tụy, thân hình gầy gò, ngài mới hiểu rằng, tu hành khổ hạnh là điều vô ích, liền bỏ đến bên sông tắm gội, lại uống sữa bò của cô gái chăn bò. Đám A Nhã Kiều Trần Như nhận thấy Tất Đạt Đa đã bỏ tín niệm xưa kia, nên bỏ ngài mà đến nơi khác tiếp tục tu hành theo lối khổ hạnh. Sau này, dưới gốc cây Bồ đề, Tất Đạt Đa đã chứng ngộ được quả vị thượng thừa và trở thành Phật. Sau khi trở thành Phật, Thích Ca Mâu Ni tìm lại năm người đã từng theo mình tu hành, tuyên giảng về Phật pháp, đưa họ về con đường giác ngộ và trở thành đệ tử sớm nhất của



*Tôn giả A Nhã
Kiều Trần Như*

Phật. A Nhã Kiều Trần Như là La hán đầu tiên trong số 500 La hán. Ngài thể trạng béo tốt, thần thái trầm tĩnh, khoan thai, biểu hiện rõ là một vị uyên thâm giáo lý của Phật và có niềm tin kiên định.

2

TÔN GIẢ A NÊ LÂU



Tôn giả A Nê Lâu

Tức là Bồ tát A Lâu. Vô Cực bảo tam muội kinh, quyển hạ ghi, Phật tổ ở trong vườn trúc A Duyệt Kỳ cùng với 1.250 vị Tỳ kheo, 90 vạn Bồ tát. Vườn trúc khi đó tự nhiên mọc hoa Văn Đà Ban, mỗi bông đều có trăm vạn cánh, trên mỗi cánh có một vị Phật, trước mỗi vị Phật đều có các vị Bồ tát xin Phật thuyết giảng các pháp. Khi Phật đang thuyết pháp thì mọi người đều đã được thành Phật và bay trên không trung cách mặt đất 30 trượng, từ thân thể rơi xuống các loài

hoa và tỏa ra các mùi hương. A Lâu Bồ tát thấy thế bèn lấy vấn đề “các bậc thượng nhân bay trong không trung, hoa và hương trên thân thể tỏa ra từ chỗ nào” để hỏi, Phật tổ vì Bồ tát mà nói rõ ý nghĩa: “Giống như mảnh gấm vốn sạch sẽ, nhiễm phải năm sắc màu tươi, gấm vốn sạch sẽ, màu sắc cũng vậy. Nhân duyên giữa hai vật vốn đẹp để thì màu sắc không nhiễm được gấm và ngược lại, vì nhân duyên thanh tịnh mà được phát sáng. Các vị Bồ tát do thân tâm sạch sẽ nên toát lên mùi hương hoa, nhân duyên cũng tương tự như thế. Bồ tát không ở trong hương hoa và hương



hoa cũng không ở trong Bồ tát. Các bậc trời, người nếu cắt đứt được vọng tưởng, khiến trí tuệ được khai mở giống như thấy nở hoa. Pháp của Phật cũng tựa như vậy”.

3

TÔN GIẢ HỮU HIỀN VÔ CẦU

Tức Bồ tát Vô Cầu Uy Đức. Phật thường răn dạy các vị Bồ tát phải xa rời những ưu phiền của thế tục, loại bỏ những tà niệm sản sinh ra tội lỗi, nương theo giới luật của Phật để tu hành giác ngộ, tìm đến giải thoát. Như thế mới xứng là tấm thân vô cầu (không bị bụi bám bẩn). Theo *Đại phương quảng tam giới kinh*, quyền thượng, quả vị của vị Bồ tát này ở dưới các Bồ tát Phổ Hiền và Văn Thù, nhưng lại có được đầy đủ lòng từ bi và công đức của Phổ Hiền và Văn Thù. Bồ tát có thể hiển hiện vô



Tôn giả Hữu Hiền Vô Cầu

lượng công đức của thân và tướng trong các chùa Phật, không ngại mệt mỏi để nương về tất thấy các pháp của Phật. Nhân quan của Bồ tát trong lắng không nơi nào là không thấy, lại có khả năng trình hiện tất thấy các phép thần thông của Phật tổ. Ánh sáng từ bi của ngài không nơi nào không chiếu tới, cả kiếp quá khứ lẫn vị lai. Ngài tuy thi triển trí tuệ nơi muôn vật, nhưng lại không biểu thị cao ngạo, tâm tính thường yên lặng, tư duy không rối loạn. Ngài lại hay hoằng dương Phật pháp trong cõi thế gian, dẫn dắt chúng sinh thoát khỏi biển khổ sang bến bờ Cực lạc.

4

TÔN GIẢ TU BẠT ĐÀ LA



Tôn giả Tu Bạt Đà La

Cũng gọi là Tô Bạt Đà La, hoặc Bat Đà, dịch nghĩa chữ Hán là Thiện Hiền, là một học giả Bà La Môn ở thành Câu Thi La, Ấn Độ. Khi Phật còn tại thế có thu nhận một đệ tử cuối cùng, theo truyền thuyết, Tu Bạt Đà La đương thời đã 120 tuổi, tu hành các phép ngoại đạo công lực thâm hậu, đã đạt được năm phép thần thông gồm: Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mệnh thông và Như ý thông. Nghe nói Phật sắp nhập Niết bàn ở trong rừng Ba La, ông vội vàng đến lễ bái.

Phật biết ông sắp đến liền báo cho A Nan biết. Tu Bạt Đà được A Nan dẫn đến trước giường Phật. Phật tuyên giảng yếu nghĩa của Bát đại nhân giác, ông liền chứng quả La hán. Tu Bạt Đà La là một người thông minh, trí tuệ, giác ngộ rất cao, tuổi tuy già nhưng lòng cầu đạo rất tha thiết. Tượng vẽ tay phải lay động, vẻ mặt hiền lành, đó chính là khoảnh khắc thần thái khi ông đạt được cảnh giới tối cao trong Phật giáo.

5

TÔN GIẢ CA LƯU ĐÀ DI

Khi Phật còn tại thế, có chuyện về 6 vị tăng trưởng đánh mất uy nghi của nhà Phật, gọi là chuyện 6 vị Tỳ kheo. Phật

giáo có rất nhiều giới luật, nhân câu chuyện của 6 vị tăng này mà giới luật được chế định. Ca Lưu Đà Di là một trong 6 vị Tỳ kheo đó. Ông vốn là thầy dạy trong cung của Tất Đạt Đa, về sau theo học Phật tổ và giác ngộ. Ca Lưu dịch nghĩa chữ Hán là Hắc Quang (ánh sáng đen). Đương thời, các vị tăng nhân đều đi khát thực để sống qua ngày, ông thường đi giáo hóa nhân duyên vào ban đêm. Một đêm, mây đen vần vũ, ông đến nhà một phụ nữ có chứa khát thực. Bỗng nhiên ánh chớp loè sáng muôn vật, phụ nữ nọ nhận thấy trước mắt mình là một con quỷ đen dúa, mới kinh sợ hỏi: “Người là quỷ phương nào?”. Ông trả lời: “Ta là đệ tử nhà Phật đến đây để khát thực”. Sau đó, ông bị chửi mắng đuổi đi. Người phụ nữ vì kinh sợ mà bị truy thai. Thích Ca sau khi biết chuyện liền chế định giới luật để quy định kẻ xuất gia mỗi ngày chỉ được đi khát thực và ăn một lần vào giữa trưa, sau buổi trưa không được ăn, trước khi ăn không được đến nhà thí chủ khát thực để tránh phát sinh những chuyện đáng buồn tương tự như trên. Ca Lưu Đà Di là một trong những đệ tử đầu tiên của Đức Phật có đầy đủ lý luận Phật học.



Tôn giả Ca Lưu Đà Di

6

TÔN GIẢ VĂN THANH ĐẮC QUẢ

Tôn giả Văn Thanh Đắc Quả nổi danh nhờ đức. *Địa Trì luận* nói rằng: “Ngài nghe âm thanh mà thông đạt cho nên



Tôn giả Văn Thanh Đắc Quả

gọi là Văn Thanh". Đại Thừa nghĩa chương, quyển 17 thì viết: "Nghe lời Như Lai thuyết giáo mà ngộ giải cho nên gọi là Văn Thanh". Tôn giả Văn Thanh Đắc Quả là đệ tử của Thích Ca, thường theo phụ tá, nghe Phật tổ thuyết pháp vô thượng, khoát nhiên mà ngộ nhập nghĩa lý của Tứ đế, cắt đứt nghi hoặc, chứng được quả A La hán, nhập vào cảnh giới Niết bàn bất sinh bất diệt.

7

TÔN GIẢ CHIÊN ĐÀN TẠNG VƯƠNG

Còn gọi là Chiên Đàn Nật Tra, là quốc vương nước Nguyệt Chi. Sau khi Phật nhập diệt 600 năm, có đại sư theo Phật giáo Đại Thừa là Mã Minh giảng pháp ở thành Hoa Thị nước Ma Kiệt (cổ Ấn Độ) về cái khổ, về tính không, về vô ngã, lại cho phổ nhạc Phật giáo tiết luật thanh nhã, âm điệu êm ái, khiến cho đại chúng nghe pháp mà quy y Phật, trong thành có tới 500 người xuống tóc xuất gia. Quốc vương lo lắng, cử thế này thì đất nước chỉ còn đất không có dân nên cấm Mã Minh tuyên giảng Phật pháp, diễn tấu âm nhạc Phật giáo. Không lâu, vua nước Nguyệt Chi là Chiên Đàn Tạng Vương xuất binh đánh bại nước Ma



Tôn giả Chiên Đàn
Tạng Vương



Kiệt. Vua nước Ma Kiệt đem đại sư Mã Minh, bát ân của Phật cùng nhiều vàng bạc hiến dâng cho Chiên Đàn Tạng Vương. Chiên Đàn Tạng Vương rút binh đem theo Mã Minh trở về đất nước. Mã Minh ở nước Nguyệt Chi đã đem lại nhiều thiện nghiệp cho dân chúng, rất nhiều thần dân của Chiên Đàn Tạng Vương đã quy y theo Phật giáo, Phật giáo thịnh hành ở nước Nguyệt Chi. Chiên Đàn Tạng Vương là một vị hộ pháp hưng khởi đạo Phật, được liệt vào Tôn giả hàng thứ 7.

8

TÔN GIẢ THI TRÀNG VÔ CẦU

Dựa vào đức hạnh mà lập danh. Tràng, tiếng Phạn gọi là Đà phộc nhã, còn gọi là Hứa đô, là một loại trang sức lùa nhiều màu trên đầu cây gậy tre, nói chung là được lập nên từ trước thời Phật, ghi chép để suy xét chúng sinh, chế phục các ma quỷ. Tôn giả Thi Tràng Vô Cầu quy y Phật pháp, tôn sùng Phật Đà, đặc biệt, ông đã đề xướng xây dựng một tràng để biểu đạt sự tán tụng pháp lực vô biên. Ông là người tu hành khổ hạnh, giữ giới luật cẩn thận, đạt tới cảnh giới thanh tịnh mà không nhiễm bụi bẩn, chứng nhập được quả A La hán.



Tôn giả Thi Tràng Vô Cầu

TÔN GIẢ KIỀU PHẠM BÁT ĐỀ



Tôn giả Kiều Phạm Bát Đề

Còn gọi là Kiều Phạm Ba Đề, Ca Phạm Ba Đề, Ngũ Tích Tỳ kheo. Ông là một trong mười đại đệ tử của Phật tổ. Khi Tôn giả qua đời đã để lại một hạt gạo, sau đó có rất nhiều lúa gạo rơi trên mặt đất, ông bị phạt 500 lần văng sinh làm trâu bò, để làm lại những gì đã mất mát. Sau này, ông bái Xá Lợi Phất làm thầy, học tinh thông Phật pháp, cư trú tại vườn Nê Lợi Xa Thụ trên tầng trời. Sau khi Thích Ca Mâu Ni nhập Niết bàn, Ca Diếp kết tập tam tạng, không ai có thể kết tập Tỳ Ni tạng. Kinh dâng lên, Ca Diếp phái người đến tầng trời mời Kiều Phạm. Kiều Phạm nghe Thích Ca nhập Niết bàn, Xá Lợi Phất cũng mất, vô cùng buồn bã, nên quyết định ra đi vì Thích Ca và ân sư. Thế là ông nhắm mắt thiền định, theo đó mà hồn bay lên, đưa tay nắm lấy mặt trời, mặt trăng, toàn thân tỏa hào quang, sau đó dụng tâm thiêu thân, thân chảy ra thành 4 dòng nước, chảy xuống bên thân Ca Diếp, chuyển thành 4 câu kệ, biểu thị nếu ông cùng truy cầu theo Thế tôn mà đi. Lại có truyền thuyết, kiếp trước Kiều Phạm là chim nhận, do cúng dàng Phạm vương mà có công đức, đời nay chuyển sinh làm La hán.



TÔN GIẢ NHÂN ĐÀ ĐẮC TUỆ

Trong kinh điển Phật giáo, Nhân Đà La gọi tắt là Nhân Đà, chính là vị La hán này. Kinh điển Phật giáo ghi chép khá nhiều về ông, như *Phiên Phạn ngữ*, quyển thứ nhất nói: “Nhân Đà Đạt Bồ tát cũng gọi là Nhân Đà La Đạt Đa”. Theo các sách như *Cảnh Đức truyền đăng lục*, *Truyền pháp chính tông ký*,... từ khi Phật tổ giao phó chính pháp nhân tạng cho Ma Ha Ca Diếp, đời đời truyền thừa, tới tổ thứ 24 ở Tây Thiên là Tôn giả Sư Tử. Tôn giả Sư Tử giao phó pháp tạng cho tổ thứ 25

là Bà Xá Tư Đa, cùng đề ra một tổ là Đạt Ma Đạt. Đạt Ma Đạt lại có hai đệ tử, Nhân Đà La là một vị. Lại có thuyết Đạt Ma Đạt là người nước Kế Tân. Sau khi Tôn giả Sư Tử bị hại, bèn đến cửa núi Tượng Bạch ẩn cư tu hành, tuổi thọ rất cao, Nhân Đà La luôn hầu trực bên cạnh. Nhân Đà La có 4 đệ tử nổi danh là Đạt Ma Thi Lợi Đế, Na Ca Nan Đề, Phá Lâu Câu Đa La, Bà La Bà Đề. Nhân Đà La tuy chưa được liệt vào đích hệ truyền pháp trong Thiền tông, nhưng rất được kính trọng. “Tuệ” trong Phật giáo chỉ hai nghĩa rộng và hẹp. Nghĩa rộng là chỉ trí tuệ, nghĩa hẹp là “đối với pháp thì có sự tuyển chọn”. Người đã tu đạt cảnh giới của “Tuệ” đương nhiên là một vị cao tăng vô cùng tôn kính.



Tôn giả Nhân Đà Đắc Tuệ

11

TÔN GIẢ CA NA HÀNH NA



Tôn giả Ca Na Hành Na

Tôn giả Ca Na là đệ tử hàng Thanh văn của Phật tổ Thích Ca Mâu Ni. Hàm nghĩa của “Hành Na” là “các pháp học trong nghịch cảnh không được, không mất, không đến, không đi, tâm thần an trụ mà không gì khuynh động”. Ông có đầy đủ các phẩm đức trên cho nên gọi là Ca Na Hành Na. Theo *Xá Lợi Phất vấn kinh* thì Tôn giả Ca Na khi còn là Tỷ kheo ra ngoài hóa duyên, đi tới xóm Đại Lâm, vừa lúc khí hậu thay đổi, rét buốt vô cùng, loài chim thú bị lạnh mà chết rất nhiều. Ca Na trong khi khó khăn được dân thôn cho một chiếc áo rét, trong vẫn mặc cà sa, ngoài thì mặc áo bông, vì vậy mà không bị chết cứng. Giới luật nhà Phật rất nghiêm mật, kẻ xuất gia đều phải mặc cà sa, dầu trời không đội mũ, nếu không thì sẽ vi phạm giới luật. Tôn giả trong lúc khó khăn biết chọn cái này, biết bỏ cái kia, tuy tạm thời mặc áo thế tục để chống rét, nhưng tín ngưỡng trong lòng đối với Phật giáo lại không mấy may dao động, nên được coi là người trí tuệ.

12

TÔN GIẢ BÀ TÔ BÀN ĐẬU

Cũng gọi là Bà Xô Bàn Đậu, Bà Tô Bàn Đà, Pháp Tô Bàn Độ, dịch ý là Thiên Thân, Thế Thân. Tương truyền,

ông là em của Thiên Đế cho nên gọi là Thiên Thân (người thân của trời). Ông là người nước Phú Lâu Sa Phú La (phía Bắc Ấn Độ), sống vào khoảng thế kỷ 5. Ban đầu, ông đến vùng Tát Bộ Đa nước A Du Xa xuất gia, nghiên cứu và tu tập hệ phái Tiểu Thừa. Sau khi thông hiểu bộ sách *Đại Tỳ Bà Sa luận*, ông thuyết giảng cho mọi người, sau mỗi ngày đều làm một bài kệ, tổng cộng 600 bài, đóng thành tập Câu Xá luận. Anh của Tôn giả là A Tăng Già (Bồ tát Vô Trước, tức là Tôn



Tôn giả Bà Tô Bàn Đậu

giả A Tăng Già thứ 319) là một học giả theo hệ phái Đại Thừa, thấy em “hoàng dương Tiểu Thừa mà che khuất đạo lớn”, trong lòng ông rất ưu lo, liền hiện ra thân bệnh tật mà nói: “Tội nhà ngươi quá sâu dày, ta vì ngươi mà chữa”. Bà Tô Bàn Đậu cho rằng, đây chẳng qua là lỗi thuyết giảng nơi đầu lưỡi, nên chuẩn bị cắt đứt đầu lưỡi. A Tăng Già thấy vậy liền nói: “Nhà ngươi lấy đầu lưỡi để phỉ báng Đại Thừa, thì cũng có thể lấy đầu lưỡi để tán dương Đại Thừa”. Bà Tô Bàn Đậu liền soạn ra bộ *Duy Thức luận*, cả thảy 500 bộ để hoàng dương yếu nghĩa của Đại Thừa, người đời gọi là “*Thiên bộ luận chủ*”. Ông thọ 80 tuổi; đời sau gọi là Bồ tát Thế Thân.

13

TÔN GIẢ PHÁP GIỚI TỨ LẠC

Tức là Tuệ Tư, tổ sư đời thứ hai của Thiên Thai Tông. Chủ trương tuần tự (*phẩm An lạc hạnh - Kinh Pháp Hoa*)



Tôn giả Pháp Giới Fú Lạc

tức thể hiện: thân an lạc hạnh, khẩu an lạc hạnh, ý an lạc hạnh, thệ an lạc hạnh. Tôn giả họ Lý, người Thượng Sái - Vũ Tân - Hà Nam. Từ nhỏ, ông thích đọc *Kinh Pháp Hoa*, từng mộng được Phổ Hiền Bồ tát xoa đầu thụ giới, ở nơi đỉnh đầu mọc ra một khối thịt. 15 tuổi ông xuất gia, lòng từ bi trí tuệ thường hơn chúng tăng, tuân theo giới luật của Phật giáo cổ truyền, mỗi ngày chỉ ăn một lần, bình tâm sống trong không gian tịch mịch của chùa viện, lắng tâm tu thiền để giác ngộ đạo lớn. Về sau, ông theo vị tổ thứ nhất của Thiên Thai Tông là thiền sư Tuệ Văn, được trao cho pháp tâm lớn, lãnh hội được yếu nghĩa của *Kinh Pháp Hoa*, đồng thời trở thành vị tổ thứ hai của Thiên Thai Tông. Khoảng những năm Thiên Bảo đời Tề (550-560), ông đưa đệ tử đi chơi phương Nam, gặp lúc Lương Nguyên đế dấy cơn binh lửa, một dải Giang Nam không được yên ổn, do đó sư tạm thời trú chân ở núi Quang Châu, Đại Tô (tỉnh Hà Nam). Nhiều người hâm mộ tên tuổi ông không tiếc đường xa đến học, môn đồ ngày một nhiều. Năm thứ 2 niên hiệu Quang Đại nhà Trần (568), ông đưa môn đệ về ở núi Nam Nhạc Hành Sơn, trong núi thường hiện ra điềm lành. Tương truyền, có mấy vị tiên đồng chấp tay đứng hầu. Trần Tuyên đế cũng nhiều lần sai sứ đến thăm ông. Năm thứ 9 niên hiệu Thái Kiến (577), sư nói với đám đệ tử rằng: "Phật đến đón ta". Sau đó, ông ngồi ngay ngắn mà hóa, thọ 64 tuổi.



14

TÔN GIẢ ƯU LÂU TẦN LOA

Còn gọi là Ưu Lâu Tần Doanh Ca Diếp, Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp,... Ông là người nước Ma Kiệt Đà ở trung Ấn Độ. Họ Ca Diếp, ý nghĩa là chứa ánh sáng, có nguồn gốc từ truyền thuyết. Ngày xưa, có vị tiên thân mình tỏa hào quang, thường ngậm ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Ưu Lâu Tần Loa ý nghĩa là cây, quả, có thuyết nói là nhân trong rừng cây, tên ông được gọi theo quả hạnh tu chứng được, có thuyết lại nói, trong ngực ông có dáng như hình cây có quả nên gọi tên như vậy. Ưu Lâu Tần Loa vốn là



Tôn giả Ưu Lâu Tần Loa

một luận sư ngoại đạo, có 500 đệ tử, đối với oai vọng của Thích Ca thì cực ghen ghét, bèn cùng hai người em (Tôn giả Ca Da Ca Diếp thứ 26 và Na Đề Da Diếp thứ 16) lập mưu dẫn Phật Đà vào hang có rắn độc. Rắn độc sợ pháp lực của Phật Đà mà không dám làm hại. Anh em nhà Ưu Lâu Tần Loa biết Phật pháp uy nghi, bèn dốc xuất đệ tử quy y. Ngài có nhiệt tâm cúng dường Tăng già, được gọi là “cúng dường đệ nhất”.

15

TÔN GIẢ PHẬT ĐÀ MẬT ĐA

Là một thiên sư nổi tiếng của Ấn Độ, soạn bộ *Ngũ môn thiên kinh yếu dụng pháp*. Nhận thấy tọa thiền có 5 phương





Tôn giả Phật Đà Mật Đa

pháp tu luyện, thứ nhất là An ban, thứ hai là Bất tịnh, thứ ba là Từ tâm, thứ bốn là Quán duyên, thứ năm là Niệm Phật, khi dạy đồ môn đồ, ông căn cứ vào đặc điểm của từng người mà có phương pháp truyền thụ cách tu hành hợp lý. Những người tâm tư rối loạn, dạy phép An ban; người tham luyện ái thế gian thì dạy họ phép Bất tịnh; đối với người nóng nảy thì dạy họ phép Từ tâm; đối với những người tham lam thì dạy họ phép Quán duyên; đối với người trầm cảm thì dạy họ phép Niệm Phật. Tọa thiền là cách tu hành của Phật Đà Mật Đa. Ngoài việc tu thiền thường ngày thì cách tiếp người, đãi vật cũng phải tùy từng lúc mà áp dụng phương pháp tư duy hợp lý để điều chỉnh bản thân, đưa họ trở về với giáo lý nhà Phật, ngoài ra cũng cần có sự trợ lực của tọa thiền để sớm được chứng quả.

16

TÔN GIẢ NA ĐỀ CA DIẾP

Còn gọi Nại Đề Ca Diếp Ba, người nước Ma Kiệt Đà. Họ Ca Diếp nghĩa là uống ánh sáng. Na Đề là tên sông, vì đắc đạo bên sông nên ông có tên này. Ông vốn là người tu hành ngoại đạo, thu nạp được 500 đệ tử, cùng với hai người anh (là Tôn giả Ưu Lâu Tần Loa thứ 14 và Tôn giả Già Gia Già Diếp thứ 16) bàn mưu hãm hại Thích Ca nhưng không



Tôn giả Na Đề Ca Diếp



thành. Sau đó biết rằng Phật pháp quá rộng lớn, ông đem theo các đệ tử dốc lòng quy y.

17

TÔN GIẢ NA DIỄN LA MỤC

Còn gọi là Na La Diễn Quật, Phật quá khứ, là tiền thân của Đức Phật Thích Ca, mở rộng giáo pháp làm lợi chúng sinh, công đức lớn lao, sau khi nhập Niết bàn được an trú trong tháp trụ trì. Theo *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh tùy sơ diễn nghĩa* sao, quyển 77: Thích Ca từng nói với các đệ tử rằng, Na Diễn La Mục ở tháp trụ trì của chư Phật thời quá khứ, ông là hiện thân của Phật hiện tại, Bồ tát, là nơi nương vể của các đệ tử. Những Bồ tát của quá khứ đều hết lòng bảo vệ tháp của chư Phật, nay chúng ta phải cung kính cúng dàng, không cứ gì là hiện tại hay tương lai, đệ tử của ta và đệ tử của các đệ tử đều phải lấy tháp này làm nơi nương náu, dốc sức cúng dàng, làm như vậy mới có thể giữ gìn được giáo pháp của chư Phật. Na Diễn La Mục được dựng tháp khắp trong thiên hạ. Đó cũng chính là nơi cư trú của đệ tử bốn phương, để hoằng dương giáo pháp, truyền bá giáo nghĩa, giống như mưa pháp tưới khắp, tràn ngập thế gian.



Tôn giả Na Diễn La Mục

TÔN GIẢ PHẬT ĐÀ NAN ĐỀ



Tôn giả Phật Đà Nan Đề

Ông là người nước Ca Ma La - Ấn Độ, họ Như Cù Đàm, trên đỉnh đầu mọc một u thịt, giỏi biện luận, được Thiên tôn là tổ thứ 8 trong 28 tổ của Tây Thiên. *Cánh Đức truyền đăng lục ghi*, tổ thứ 7 là Phật Tô Mật Đa đi thuyết pháp, Phật Đà Nan Đề muốn được cùng ông bàn luận về giáo nghĩa nhà Phật. Phật Tô Mật Đa nói: “Kẻ nhàn tham gia tranh luận là bất nghĩa, có nghĩa là không tranh luận, nếu cứ chăm chăm vào việc luận nghĩa thì rốt cục chẳng phải luận nghĩa”. Phật Đà Nan Đề nghe xong vô cùng khâm phục,

ông nói, “Tôi muốn học đạo để tận hưởng vị của mưa lành, sương ngọt”. Phật Tô Mật Đa liền thụ giới cho ông rồi giao lại chính pháp nhân tạng. Phật Đà Nan Đề đã thụ giáo xuất gia, bèn cùng đệ tử bốn phương mở rộng Phật pháp. Khi tới nhà Tỳ Xá La ở kinh thành nước Đề Già, thấy ánh sáng từ trong nhà phát lên, ông biết rằng trong đó có bậc thánh nhân, liền đến tỏ lòng muốn gặp. Chủ nhà liền cho con xuất gia theo ông và trở thành Phục Đà Mật Đa. Phật Đà Nan Đề lại đem chính pháp nhân tạng phó gởi cho Phục Đà Mật Đa và nói: “Hư không vốn chẳng có trong ngoài, tâm pháp cũng như vậy, nếu hiểu lẽ hư không, thì đạt lý Chân như”. Phục Đà Mật Đa sau làm bài kệ tán rằng, “Thấy ta trong thiên tổ, xếp hàng thứ tám, hóa pháp vô lượng cho chúng sinh, thực là một La hán”. Lúc đó Phật Đà Nan Đề bỗng hiện rõ thân, sau lại trở về bản dạng cũ, tọa Thiền ngay ngắn về cõi Niết bàn. Sau khi viên tịch, các đệ tử đưa ông vào tháp an táng toàn thân.



TÔN GIẢ MẠT ĐIỀN ĐỂ CA

Ông là tổ thứ ba được Phật tổ giao pháp tạng. Khi Thích Ca còn tại thế, ngài nói với A Nan rằng: Sau khi ta tịch diệt 50 năm, sẽ có một người tên là Mạt Điền Đế Ca người nước Kế Tân sẽ thay ta mở rộng đạo pháp. Phật tịch diệt 50 năm, A Nan cũng sắp nhập Niết bàn, mặt đất chấn động dữ dội, đúng lúc đó có một vị tiên cùng với 500 môn đồ của A Nan vượt gió bay đến. A Nan liền truyền pháp cho Mạt Điền Đế Ca, khiến ông đạt được sáu phép thần thông, có đủ 8 loại giải



Tôn giả Mạt Điền Đế Ca

thoát, giữ gìn giáo lý Phật tổ để lại. Khi nghe xong lời A Nan, Mạt Điền Đế Ca lòng rất vui vẻ, liền trở về Kế Tân hoàng dương Phật giáo, dùng phép thần thông hàng phục Long vương, Long vương bèn nhường lại long cung cho ông. Từ đó, cả nước đi theo Phật giáo. Sau khi Thích Tôn về trời, tín đồ khắp thế gian đều một lòng hướng về Thế Tôn. Mạt Điền Đế Ca liền dùng phép thần thông đưa thợ giỏi lên trời Đâu Suất gặp Phật tổ, gặp được hình dáng dung mạo của Phật tổ liền trở về tạc tượng Phật, sau ba lần lên trời, việc tạc tượng của người thợ đó đã hoàn thành. Và cùng từ đây, khắp các tự viện trong dân gian đều tạc tượng hoặc vẽ hình Phật tổ và các đáng tôn giả để phụng thờ.

TÔN GIẢ NAN ĐÀ ĐA HÓA



Tôn giả Nan Đà Đa Hóa

Nan Đà hay còn gọi là Na Dặc Ca, nghĩa là vui vẻ. Ông còn có các tên khác là Mục Ngưu, hay Mục Ngưu Nan Đà. Có ý kiến cho rằng, ông từng hỏi Phật về 11 truyện thả trâu, và biết được Phật có đầy đủ Nhất Thiết trí, liền xuất gia, chứng quả La hán. Nan Đà rất thông minh, tiếng nói trong trẻo. Theo *Căn bản luật* thì Đức Phật sai Nan Đà thuyết pháp cho Tỳ kheo ni, trong đó có 500 Tỳ kheo ni sau khi nghe thuyết pháp chứng được quả A La hán. Sách *Tất Bà Đa luận* còn nói

rõ tiền nhân duyên của Nan Đà và 500 Tỳ kheo ni: “Đức Phật xưa xuất hiện trên thế gian vì chúng sinh mà thuyết pháp. Khi Phật nhập tịch, có vị vua dựng tháp Ngưu đầu Chiên đàn, rất trang nghiêm: Vị vua có 500 phu nhân, cùng dâng xây tháp này và đều phát nguyện rằng: “Nguyện tất cả những ai sau này theo vua đều được giải thoát”. Vị vua đó nay là Nan Đà; 500 vị phu nhân nay chính là 500 Tỳ kheo ni. Bản nguyện nhân duyên xưa ứng nghiệm từ Nan Đà mà được giải thoát. Tôn giả Nan Đà thường thuyết pháp bằng âm thanh trong trẻo, mà hoá độ cho tất cả chúng sinh.



TÔN GIẢ ƯU BA CÚC ĐA

Còn gọi là Ưu Bà Cấp Đa, Ưu Ba Quạt Đa,... nghĩa là bảo vệ bên cạnh, bảo vệ kín đáo. Ông là người sống vào thế kỷ 3 TCN, là vị tổ thứ 5 được Phật truyền pháp tạng. Theo *A Dục Vương kinh*, quyển 8, khi Đức Phật tại thế có đoán rằng: "Sau khi ta nhập tịch 100 năm, sẽ có vị Tỳ kheo tên là Ưu Ba Cúc Đa kế thừa Phật pháp". Đến lúc đó, Ưu Ba Cúc Đa giáng thế. Ông là con của thương nhân Mạt Đổ La, được sự dạy dỗ của Thương Na Hòa Tu, diệt hết lòng ác, tu dưỡng thiện tâm, sau khi tu hành



Tôn giả Ưu Ba Cúc Đa

được 7 ngày 7 đêm, thì ác tâm tiêu tan, thiện tâm tròn đầy. Sư phụ lại giảng Tứ Thánh đế cho ông, nghe xong ông tự nhiên đắc đạo và trở thành vị tổ thứ 5. Sau khi thừa hưởng giáo pháp, trong lúc A Dục vương còn tại vị, ông dốc hết lòng mở rộng đạo pháp xin Ưu Ba Cúc Đa đến thành Hoa Thị tham bái thánh tích của Thích Ca, và xây tự viện Na La Bát Li ở núi Ưu Lưu Mạn Đổ. A Dục vương hết lòng giúp đỡ, lúc này Phật giáo cực thịnh hành. Giới Phật giáo cho rằng, trí tuệ của Ưu Ba Cúc Đa rất cao, đóng góp của ông với Phật giáo không thể kể hết. Công đức đó sánh ngang hàng cùng Đức Phật, chỉ có điều thân tướng của ông không bằng Đức Phật mà thôi. Vì vậy, người ta tôn ông là ông Phật không tướng (vô tướng Phật).

22

TÔN GIẢ TĂNG CA GIA XÁ



Tôn giả Tăng Ca Gia Xá

Tăng Ca Gia Xá nghĩa là nhiều người ca tụng. Ông là vị sư biện luận giỏi ở nước Ca Thấp Di La - phía bắc Ấn Độ. Theo sách *Nhân Minh nhân chính lý luận hậu tự*, *Nhân Minh Nhân chính lý luận sơ*, quyển 1: Pháp sư Huyền Trang không ngại vạn dặm xa xôi đi tìm Phật pháp thời Đường, khi đến nước Ca Thấp Di La có gặp Tăng Ca Gia Xá và ở chùa Pháp Cứu Luận Sư. Tăng Ca Gia Xá rất khen ngợi sự tu dưỡng và trí tuệ của Huyền Trang, liền hết lòng giúp đỡ Huyền Trang về *Nhân Minh luận* và giảng giải đạo pháp, khiến cho những nghi hoặc trong lòng Huyền Trang đều được hóa giải hết.

23

TÔN GIẢ GIÁO THUYẾT THƯỜNG TRỤ

Ông chủ trương theo Phật giáo Đại Thừa, tức người tu hành ngoài con đường giải thoát bản thân còn mở rộng từ bi, khiến cho chúng sinh đều được giải thoát. “Chính nghiệp” là phương pháp tu hành thứ 4 trong Bát chính đạo, tức người tu hành Phật pháp không bỏ qua cơ hội giáo hóa tất cả chúng sinh, giúp họ xa rời khổ não, quy y Phật



giáo, trở về thế giới cực lạc. Theo *Hoa Nghiêm kinh Thám huyền ký*, quyển 12, Người thuyết pháp và người được thuyết pháp phải có lòng từ bi làm lợi cho muôn vật và chúng sinh, không để chúng sinh sa vào con đường thế tục phiền não, lập chí cốt ở việc dựa vào trí tuệ của mình mà ngộ được chứng quả. Vì thế, ngài thường trụ ở thế gian, giảng pháp cho mọi nhà. Ngài chính là người luôn ở trên thế gian để thuyết pháp.



Tôn giả Giáo Thuyết Thường Trụ

24

TÔN GIẢ THƯƠNG NA HÒA TU



Tôn giả Thương Na Hòa Tu

Hay còn gọi là Thương Nặc Ca Phộc Ba. Ông là người Ma Đột La, Ấn Độ; họ Tỳ Xá Đa, là đệ tử của A Nan, được Thiên tông tôn là vị tổ thứ 3 trong 28 tổ Tây Thiên. Có ý kiến cho rằng, xưa Phật tổ hành hóa, gặp một rừng cây xanh, cành lá tươi tốt, liền nói với A Nan rằng: “Sau khi ta nhập tịch 100 năm, sẽ có một Tỳ kheo là Thương Na Hòa Tu ở vùng đất đó làm chuyển động pháp luân”. Đúng 100 năm sau, điều này được ứng nghiệm. Khi A Nan sắp nhập tịch, ông liền truyền lại chính pháp nhân tạng cho Thương Na Hòa Tu. Theo tiếng Phạn, Thương Na có nghĩa là áo vải. Theo Phật thoại,

Thương Na Hòa Tu mặc quần áo kết từ cây cỏ, vào ngày không an cư thường bố thí cho chúng tăng, “lấy phúc lực đó mà 500 thân vào dịp âm sinh âm thường mặc y phục này, thân nay được sinh ra từ thai. Khi thân lớn dần thì quần áo cũng tự rộng ra. Tới khi A Nan cho xuất gia, thì y phục biến thành Pháp phục. Lại thụ đầy đủ giới, và trở thành Cửu điều Tăng già để”. Sau khi xuất gia, Thương Na Hòa Tu dẫn dắt những kẻ hữu tình, còn hàng phục được rồng lửa quy theo pháp giới. Nơi ở của rồng lửa ngày xưa nay dựng thành chùa. Hóa duyên đã lâu, ông lo tìm người trao chính pháp. Khi đến nước Cha Lợi, ông gặp được Ưu Ba Cúc Đa rồi cho đứng hầu. Sau khi biết Ưu Ba Cúc Đa là người có thể truyền đạo pháp, ông liền truyền lại pháp tạng cho Cúc Đa. Ông có bài kệ rằng: “Không pháp cũng không tâm, không tâm cũng chẳng pháp, nói như vậy đúng là lúc có tâm pháp, đó là pháp không có tâm pháp”. Đọc xong kệ, ông ẩn vào núi Nam Tượng Bạch Sơn nước Kế Tân. Sau lại trợ giúp cho Ưu Ba Cúc Đa quy thuận 500 môn đồ, làm 18 phép lửa tam muội mà tự thiêu thân. Ưu Ba Cúc Đa thu xá li ông táng vào núi Phan Ca La.

25

TÔN GIẢ ĐẠT MA BA LA

Đạt Ma có nghĩa là “hộ pháp”. ông là người thành Kiến Chí Bồ La nước Đạt La Tỳ Đồ vào thế kỷ thứ 6 ở Ấn Độ. Cha ông là đại thần của nước này. Từ nhỏ, Đạt Ma đã sùng mộ Phật pháp. Thời niên thiếu, ông tự bỏ gia đình đến một ngôi chùa cách nhà vài trăm dặm để tu hành. Theo *Đại Đường Tây Vực ký*, quyển 5: Trong lúc Phật giáo suy vi, quốc vương lại tin theo ngoại đạo, liền chiêu vời một đạo sư ngoại đạo rất nổi

tiếng vào chùa cùng chúng tăng biện luận. Nếu đạo sư ngoại đạo giành phần thắng sẽ cấm Phật giáo lưu hành. Chúng tăng sợ mất quyền lợi không ai dám rời đạo tràng. Giữa lúc nguy nan, Đạt Ma đứng dậy cùng biện luận với đạo sư ngoại đạo. Tôn giả Đạt Ma đã giành phần thắng, đạo sư ngoại đạo quy y Phật pháp, từ đó Phật giáo hưng thịnh. Đạt Ma là người học rộng hiểu sâu đã tổng kết học thuyết của Thế Thân Bồ Tát thành cuốn *Duy Thức luận*, là đóng góp lớn của tông Du Già cho Phật giáo Đại Thừa. Ông được xếp hàng đầu trong số 10 vị đại luận sư của Phật giáo Ấn Độ. Ông đã từng trụ trì Na Lan Đà, một trong những ngôi chùa nổi tiếng Ấn Độ. Đệ tử của ông có Giới Hiền là thầy của Huyền Trang đời Đường, Trung Quốc.



Tôn giả Đạt Ma Đại Lai

26

TÔN GIẢ CA DA CA DIẾP



Tôn giả Ca Da Ca Diếp

Còn gọi là Kiệt Di Ca Diếp. Ông là người nước Ma Kiệt Đà vùng Trung Ấn. Thành Ca Da, nghĩa là thành voi, được xây dựng ở bên sông, cách đạo tràng Bồ Đề không xa. Theo *Pháp Hoa kinh*, *Dũng xuất phẩm*: “Khi Như Lai còn là thái tử rời cung điện, cách thành Ca Da không xa, ngồi ở đạo tràng, chứng được A Lậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề”. Ca Da Ca Diếp đã từng tu hành ở thành này, vì vậy mà tôn giả có tên như trên. Căn cứ

vào truyền thuyết Phật giáo, Ca Da Ca Diếp vốn là luận sư ngoại đạo sùng bái lửa, thu nạp được 500 đệ tử. Ông cùng bàn với anh trai là Ưu Lâu Tần Loa (tức vị tôn giả thứ 14) và em trai Na Đề Ca Diếp (tức tôn giả thứ 16), hăm hại Phật tổ nhưng việc không thành, họ ngộ ra rằng, Phật pháp quá rộng lớn.

27

TÔN GIẢ ĐỊNH QUẢ ĐỨC DIẾP



Tôn giả Định Quả Đức Diếp

Tôn giả nhờ việc tu tập thiền định mà sinh ra tất cả công đức, cho nên có tên là Định Quả Đức Diếp. Vị tôn giả này từng tìm hỏi khắp chư Phật, các vị thánh hiền để học phép tu thiền định, thông qua thiền định mà dẹp bỏ được hết tình tứ tán loạn, tâm tính trong sạch, nghiệp chướng tiêu tan, thấy được cái lý của vạn sự, hiểu tính, ngộ được đạo, tiến thêm mà trở thành người có trí tuệ của Đức Phật hiển hiện. Tự làm cho tâm trí của mình và trí tuệ của Phật trở nên đồng nhất, thấu suốt vạn

vật, nhờ tu thân mà chuyển hóa tục thân thành pháp thân, tuy lòng mong muốn mà sinh thành muôn vẻ, muôn hình. Ông đem trí tuệ và phép thần thông phổ khắp chúng sinh, xây dựng nên công đức lớn lao. Công đức của ngài đều bắt nguồn từ thiền định.



28

TÔN GIẢ TRANG NGHIÊM VÔ ƯU

Tôn giả Trang Nghiêm Vô Ưu nhờ vào đức hạnh mà được gọi tên như vậy. Trong kinh điển Phật giáo, nội hàm ý nghĩa của “Trang Nghiêm” rất rộng, trong đó, ý nghĩa thường dùng nhất là chỉ sự trang sức tạo thêm vẻ đẹp, và đoạn chính tôn nghiêm. Đoạn chính tôn nghiêm không nhất thiết phải thể hiện bằng hình tượng mà còn chỉ phẩm đức, chỉ có ở những người có đầy đủ phẩm cách, tài năng và tướng mạo trang nghiêm. “Ưu” là chỉ sự sầu đau phiền não mà loài người cần phải trừ bỏ, nếu chẳng thế thì như *Tri Độ luận*, quyển 2, viết: “Tâm chìm trong bể ưu khổ, thì không tự ngoi lên được”. Tôn giả Trang Nghiêm Vô Ưu khắc khổ tu tập thiền định, không những tự dẹp bỏ mọi phiền não ở cõi tục thế mà còn hết lòng cứu vớt chúng sinh ra khỏi bể khổ. Tướng mạo trang nghiêm của ngài chính là cảnh giới của tâm lý an bình khi đã hướng cho chúng sinh dẹp bỏ hết phiền não khổ đau.



Tôn giả Trang Nghiêm Vô Ưu

29

TÔN GIẢ ƯC TRÌ NHÂN DUYÊN

Tôn giả tên là Tăng Hộ, là đệ tử của Xá Lợi Phất. *Nhân Duyên Tăng Hộ* kinh chép: 500 thương nhân sùng mộ Phật



Tôn giả Ưu Trì Nhân Duyên

giáo, khi buôn ngoài biển đã đem theo Tăng Hộ trên thuyền để thỉnh kinh trong những chuyến hành trình. Tiếng giảng kinh của Tăng Hộ đã làm kinh động đến Hải Long vương. Long vương xin Tăng Hộ đến long cung giảng kinh cho con ông. Tăng Hộ theo vào giảng giải kinh *Tứ A Hàm* cho con Long vương. Khi thương thuyền quay về, cha con Long vương trả Tăng Hộ về thuyền cùng trở về đại lục. Khi thuyền gần cập bờ, Tăng Hộ cùng 500 thương nhân biến mất, chỉ có thân thì đến địa ngục. Sau khi chứng kiến bao cảnh tượng dưới địa ngục, Tăng Hộ lại đến chỗ 500 vị tiên và đưa chúng sinh từ địa ngục thoát khỏi khổ nạn. Tăng Hộ trở về chốn Phật kể lại những điều tai nghe, mắt thấy. Phật giảng cho ông về đạo nhân duyên, muốn chứng được quả tốt thì phải làm việc tốt. Tăng Hộ ghi nhớ lời Phật dạy đi giải thoát cho tất cả chúng sinh.

30

TÔN GIẢ CA NA ĐỀ BÀ

Hay còn gọi là Bồ tát Đề Bà. Ông là người nước Chấp Sư Tử, Nam Thiên Trúc, họ Tỳ Xá Na. “Đề Bà” nghĩa là trời, “Ca Na” nghĩa là mắt. Ông chủ trương truyền bá tư tưởng *kinh trọng thần linh*, không theo đạo trá hình, tự vào chùa đọc đi mắt trái của *Đại Tự tại Thiên thần*, buổi tối lại tự khoét mắt trái trả thần. Thần vô cùng khâm phục, chỉ ông đến thờ đại sư Long Thụ. Long Thụ biết ông đến liền lệnh đệ tử đem ra một bát



nước đầy, Đề Bà ném kim xuống nước. Long Thụ khen ngợi rằng, “Bát nước đầy như tri tuệ của ta trọn vẹn, người ném kim xuống đáy bát thực là người phi thường”. Nói xong liền thu nạp rồi truyền cho chính pháp nhân tạng nên Đề Bà được Thiên tông tôn làm tổ thứ 15 trong 28 vị tổ của Tây Thiên. Ông chu du khắp bốn biển, thuyết giảng Phật pháp. Khi đến nước Tỳ La, ông gặp được La Hưu La Đa và thu nạp làm đệ tử. Có thuyết khác cho rằng, trước khi Phật tổ nhập tịch đã từng dự định La Hưu La



Tôn giả Ca Na Đề Bà

Đa sẽ là một vị giáo chủ trong 500 năm thứ hai. Khi ngoại đạo thịnh hành ở vùng Nam Ấn Độ, Đề Bà muốn dẹp bỏ ngoại đạo, tự coi việc ủng hộ Phật giáo là trách nhiệm của mình. Lại có thuyết cho rằng, ông đã từng biến thành Túc Vệ Sĩ để cảm hóa vua Nam Thiên Trúc mê ngoại đạo. Trong cuộc tranh luận, ông đã đánh bại đối thủ, khiến họ giác ngộ mà quy y Phật pháp. Sau này, ông truyền lại chính pháp nhân tạng cho La Hưu La Đa. Ông có bài kệ rằng, “Vốn đối diện với người truyền pháp, vì thuyết lý giải thoát, vốn pháp thực không chứng ngộ, không đầu cũng không cuối”. Thuyết kệ xong, ông nhập định, thân phóng tám ánh hào quang mà thị tịch. Môn đồ thu nhặt xá lị dựng tháp cúng dàng cho ông.

31

TÔN GIẢ PHÁ TÀ THẦN THÔNG

Tôn giả tên là Bạt Đà La Lâu Chi, nghĩa là hiền ái, người Tây Ấn Độ, nhờ việc phá luận thuyết của tà đạo mà được mọi



Tôn giả Phú Bà La Môn

người tôn kính. Tôn giả thông tỏ luận pháp, học phong thuần phác, giới luật nghiêm cẩn, tâm chứa từ bi. Đương thời, nước Ma Lạp Ba có một người là Đại Mạn Bà La Môn, thông hiểu các sách và lý luận của các tôn giáo, có vài nghìn đệ tử, được quốc vương rất kính trọng, người trong nước cũng rất sợ, không ai dám làm trái ý. Đại Mạn Bà La Môn hủy Phật giáo và mạ nhục những người đức tượng Phật Thích Ca. Tôn giả Bạt Đà La Lâu Chi

biết việc này đau xót vô cùng, vượt ngàn dặm đường đến gặp Đại Mạn Bà La Môn, cùng nhau tranh luận làm rõ sự phải trái. Quốc vương nước Ma Lạp Ba là người đứng ra chủ trì cuộc luận thuyết. Bạt Đà La Lâu Chi tinh thông yếu pháp, biện luận trôi chảy. Đại Mạn Bà La Môn hoàn toàn bị thuyết phục và chấp nhận thất bại trong cuộc tranh luận này. Theo luật pháp của Ma Lạp Ba, người biện luận thua phải chịu tội chém. Tôn giả đem lòng từ bi cầu xin quốc vương xá tội cho Đại Mạn Bà La Môn. Quốc vương Ma Lạp Ba đã tha chết cho hắn với điều kiện hắn phải cưỡi ngựa quanh thành tuyên cáo với dân chúng rằng, mình là người thất bại trong cuộc tranh luận. Đại Mạn Bà La Môn bị làm nhục trước đám đông mà sinh phần uất nôn ra máu. Theo *Đại Đường Tây Vực kí*, quyển 11: Khi biết tin Đại Mạn Bà La Môn lo lắng sinh bệnh, Tôn giả đã đích thân viếng thăm, Đại Mạn Bà La Môn không tỉnh ngộ lại còn mắng mỏ Bạt Đà La Lâu Chi và phỉ báng Phật giáo Đại Thừa. Khi đó trời đất nổi cơn thịnh nộ, đất nứt ra chôn vùi vị Đại Mạn Bà La Môn xuống cõi địa ngục.



TÔN GIẢ KIÊN TRÌ TAM TỰ

Tam Tự tức “A Di Đà” dịch là “Vô Lượng Thọ”, gọi tên theo tên ba chữ này. Theo Vô Lượng Thọ kinh, Quán Vô Lượng Thọ kinh, A Di Đà kinh của Tịnh Độ tông Trung Quốc thì thường xuyên niệm danh hiệu A Di Đà sẽ được vãng sinh vào cõi Tịnh Độ. Tôn giả Kiên Trì Tam Tự có ý chỉ vị thụy tổ có trí tuệ cao của phái Tịnh Độ tông tên là Tuệ Viễn. Ông là nhà tu hành thời Tấn, tên tục là Cổ, người Nhậm Môn, Lâu Phồn. Thuở nhỏ, ông học theo kinh điển Nho gia, đến năm 21



Tôn giả Kiên Trì Tam Tự

tuổi thì xuất gia bái sư Đạo An làm thầy. Ông đã lĩnh hội được yếu chỉ của Phật giáo Đại Thừa. Dưới thời Tương Dương phát sinh phiến loạn, Tuệ Viễn đã từ biệt Đạo An chuẩn bị sang Ấn Độ. Khi tới Lô Sơn, vì thích phong cảnh đẹp ông đã dừng chân tại đây. Ông ở chùa Tây Lâm, sau cùng bạn là Tuệ Vĩnh xây dựng chùa Đông Lâm để cư trú. Tuệ Viễn cùng 123 vị tăng thành lập Bạch Liên xã, trước tượng Vô Lượng Thọ tu tịnh nghiệp, đề xướng “Di Đà Tịnh Độ pháp môn”. Trước tác của phái này có *Pháp Tịnh luận*... Theo ý kiến khác, Tuệ Viễn ở chùa Đông Lâm hơn 30 năm không rời khỏi núi, khi đưa khách cũng chỉ đưa đến suối Hồ Khê. Ông viên tịch khi 83 tuổi.

TÔN GIẢ A MIẾU LÂU ĐÀ



Tôn giả A Miếu Lâu Đà

Còn gọi là A Na Luật, A Lâu Đà, nghĩa là không tham. Ông là một trong 10 đại Thanh văn của Phật tổ Thích Ca, họ Thích Ca, con của vua Cam Lộ Phạn. Theo kinh điển Phật giáo, A Miếu Lâu Đà thời quá khứ từng dâng một bát cơm cho Phật Bích Chi, về sau 50 kiếp đều hưởng niềm vui vô cùng. Kiếp hiện tại, ông được giáng sinh làm con của vua Cam Lộ Phạn. Sau khi được Phật đắc đạo, ông xuất gia học tập Phật pháp. Nhưng, những buổi đầu xuất gia, ông vẫn chưa

xa lìa hết những thói tục như ngủ nhiều, dậy muộn, bị Phật tổ nhắc nhở. Sau khi được Phật dạy, ông hết sức nỗ lực 7 ngày 7 đêm không ngủ và mắt ông trở nên kém đi. Từ đó về sau, ông càng thêm gắng sức, luôn luôn ở bên cạnh Phật, sau có được phép thần thông của mắt trời và được xưng làm Thiên Nhân đệ nhất. Mắt của ông có đủ sức soi xét mọi việc của người khác, có thể nhìn thấy sự sinh tử sẽ tới trên thế gian, thấy được quá khứ và tương lai. Sau khi Thích Ca tịch diệt, A Miếu Lâu Đà cùng đệ tử giấu buồn phiền, gắng nổi nghiệp Thích Ca và quần quan quách bằng vàng của Thích Tôn trong bảy ngày để thỏa mãn tâm nguyện cúng dàng của các thiên thần. Trong bảy ngày đó, các vị thiên thần tay nắm hoa trời từ trên không bay xuống cùng tán dương công đức Phật tổ.



TÔN GIẢ CƯU MA LA ĐA

Còn gọi là Câu Ma La Đa, nghĩa là cho trẻ, đứa trẻ, trẻ nhỏ... Ông là người Hạng Xoa Xí La - Bắc Ấn Độ. Ông được *Ca Da Xá Đa* thụ giới và truyền chính pháp nhân tạng, được Thiền tông tôn là vị tổ thứ 19 trong số 28 vị tổ cõi Tây Thiên. Thời vua A Dục, sùng bái Phật giáo tới mức ngay tại trong cung cũng xây tháp Phật. Sau ông tự ý dời về phía Đông Bắc thành và lâu xưa được sửa thành chùa để cho Cưu Ma La Đa cư trú. Chùa này rộng lớn, tượng Phật uy nghiêm, nổi



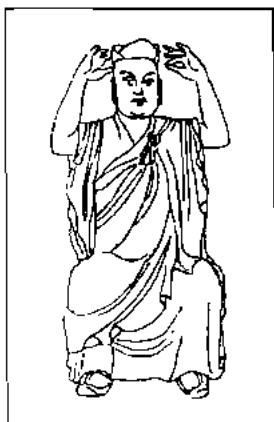
Tôn giả Cưu Ma La Đa

tiếng khắp nơi. Sau khi Cưu Ma La Đa tới nước Thiên Trúc giáo hóa, ông gặp được Chữ Dạ Đa. Chữ Dạ Đa nghe tin Cưu Ma La Đa là người thông hiểu Phật pháp, tỏ ý hâm mộ xin được xuất gia. Cưu Ma La Đa bèn thụ giới cho ông và truyền cho chính pháp nhân tạng. Ông có lời kệ rằng: “Tính vốn không có tính, do người đặt mà thôi, quán pháp không có trở ngại, quan trọng gì chuyện được hay không được”. Nói xong, ông trụ trụ, mặt rạng như hoa sen nở, toàn thân phát sáng về cõi Niết bàn. Lại có thuyết khác, Cưu Ma La Đa từ nhỏ đã thông minh lạ thường, có đủ tuệ căn lại ham học hỏi, truy cầu tinh thông Phật pháp. Ông trước thuật rất nhiều, có hàng vài chục bộ sách được lưu hành rộng rãi. *Giản Xung Kinh Bộ* chứa đựng toàn bộ yếu chỉ trong học thuyết của ông. Đây cũng là một trong 18 bộ của Phật giáo Tiểu Thừa. Người đời sau tôn ông làm Kinh Bộ thiền sư, đắp

tượng tay nắm, thân thái trầm ngâm, hình tượng của một bậc cao tăng, học rộng hiểu sâu.

35

TÔN GIẢ ĐỘC LONG QUY Y



Tôn giả Độc Long Quy Y

Tôn giả tên là Cù Ba La, nghĩa là người chặn trâu. *Đại Đường Tây Vực kí*, quyển 2 chép: Khi Phật tổ Thích Ca còn tại thế, có một người chặn trâu ở nước Na Kiệt La Hạt - cổ Ấn Độ, hàng ngày dâng cúng quốc vương sữa, một lần dâng sữa không hợp lễ nghi nên bị quốc vương trách móc. Người chặn trâu lòng đầy phẫn hận, bèn dâng hoa tươi cầu đảo thần linh, phát lời thề nguyện đời sau biến thành Long vương, tiêu diệt kinh thành, giết quốc vương và muôn dân. Nguyện xong, bèn đâm đầu vào đá, khí hết hồn bay. Không lâu, người chặn trâu chuyển sinh thành Long vương lớn, ở tại động huyết trên núi phía Tây Nam thành Na Kiệt La Hạt. Khi Long vương muốn bay lên khỏi động, để báo oán kiếp trước, Phật tổ đang ở Trung Ấn rất xa nhưng đã sớm biết ác ý của Long vương, thấy muôn dân sắp gặp cơn nguy, bèn vận dụng sức thần thông, chiếu hiện tới trước động Long vương. Long vương thấy Phật tổ, lòng ác độc không còn nữa. Cù Ba La quy y theo đạo Phật, nhận giới luật, thề chẳng sát sinh, cùng phát nguyện bảo vệ Phật pháp, cúng dàng cho đệ tử Thích Tôn. Phật tổ lại thể hiện thần lực, đem hình ảnh của mình lưu lại trên đá trong động và nói với Cù Ba La rằng:

Tượng ảnh của ta có đầy đủ thân lực từ bi, nếu khi người phần nộ mà nảy sinh lòng ác độc (độc tâm), thì lặng xem tượng ảnh, độc tâm tự nhiên mất. Dựa vào ghi chép trên, ảnh Phật trên đá trở thành dấu tích của Phật trong Phật giáo, mà Cù Ba La đạt được quả vị La hán.

36

TÔN GIẢ ĐỒNG THANH KHẾ THỦ

Dựa vào đức hạnh mà có tên. Đồng Thanh Khế Thủ tức vừa xưng tụng danh hiệu Phật Đà, vừa hành lễ cúi đầu (khế thủ). Khế Thủ tiếng Phạn là Bạt Đàm Nam (cũng gọi Bà Nam, Bạt Đàm,...), nghĩa là kính lễ, lễ bái, theo mệnh, tức cúi đầu biểu thị vô cùng kính lễ. Tôn giả Đồng Thanh Khế Thủ sớm tự biết bản thân đã sinh làm phàm phu, hoặc dựa vào ba nghiệp mà sinh tội, hoặc từ sáu căn mà dấy điều sai lầm, hoặc trong tâm tự tư duy tà kiến, hoặc bị nhiễm bởi ngoại cảnh tác động, sai trái khôn lường, quyết lòng cải hối, nên kính lễ Tam bảo, rộng mở ruộng phúc. Ông không phân biệt ngày đêm, miệng thường niệm Phật, thân hay cúi đầu cung kính, cuối cùng diệt hết tội lỗi, đạt quả A La hán. Đúng như *Tu hành đạo địa kinh*, quyển 1 viết: “Cái thanh khiết của Phật không thể nói hết, cho nên cúi đầu (khế thủ) theo mệnh Thế Tôn”.



Tôn giả Đồng Thanh Khế Thủ

TÔN GIẢ TỖ LA CHI TỬ



Tôn giả Tỳ La Chi Tử

Còn có tên là San Xà Dạ. Tỳ La Chi là tên của mẹ Tôn giả. San Xà Dạ là một trong sáu người ngoại đạo tu hành khổ hạnh ở Ấn Độ, thế nên chỉ gọi tên mẹ của ông. Tôn giả cho rằng: Mọi phiền đau vui sướng của thế giới chúng sinh đều có nhân quả từ kiếp trước. Nếu trên thế gian không có chuyện người làm việc xấu, người làm việc tốt thì cũng chẳng có chuyện phân biệt giữa vui buồn và khổ ải. Nếu kiếp này chăm việc tu hành thì kiếp sau sẽ không chịu khổ. Theo sách *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh Tùy sở diễn nghĩa* sao, San Xà Dạ nhận thấy phương pháp giải thoát cần phải thuận theo lẽ tự nhiên, nếu kiếp trước tạo nên nghiệp ác thì kiếp này phải chịu báo ứng và phải chịu hết 8 vạn kiếp khổ, tự nhiên được giải thoát. Do đó, ông chủ trương tu hành khổ hạnh. Phép tu này giống như một quả cầu thêu kim tuyến từ đỉnh núi lăn xuống, khi quả cầu chạm đất thì việc lăn tự nhiên dừng. Tín đồ Phật giáo đa số chủ trương dùng phương pháp và trí tuệ mà được giải thoát. Họ cho rằng, phép tu khổ hạnh không có lợi cho thân tâm, nên cho phép tu này là phép tu ngoại đạo.



TÔN GIẢ PHẬT TÔ MẬT ĐA

Còn gọi là Phiệt Tô Mật Đán La, Bà Tu Mật., người Bắc Thiên Trúc, họ Phả La Đa. Ngài thường mặc y phục sạch sẽ, tay cầm bình rượu, ngất ngư trên phố lớn, hoặc ngấm nga hoặc kêu hét, nên bị cho là cuồng. Di Giá Ca là tổ thứ 6 trong 28 tổ Tây Thiên đến đó hoằng dương Phật pháp, Phật Tô Mật Đa cầm bình rượu đón trước mà hỏi rằng: “Nhà sư từ phương nào tới?. Muốn đi đến đâu?” Di Giá Ca nói: “Từ lòng mà đến, muốn qua nơi không đến”. Phật Tô Mật Đa lại hỏi: “Nhà sư có biết ta không?”. Di Giá Ca nói: “Ta thì không biết, biết tức chẳng phải ta”. Di Giá Ca nói với Phật Tô Mật Đa: “Thầy ta là Đề Đa Ca nói: Thế Tôn từng đi qua Bắc Ấn, nói với A Nan: Nước này sau khi ta diệt độ được 300 năm có một thánh nhân, họ Phả La Đa, tên là Bà Tu Mật, làm tổ thứ 7 Thiên tông. Thế Tôn nói về ngài đấy, ngài nên xuất gia”. Từ đó, Phật Tô Mật Đa bỏ rượu xuất gia, vân du tứ xứ để hoằng dương Phật pháp. Khi đến nước Ca Ma La gặp được Phật Đà Nan Đề, bèn cho xuống tóc rồi giao chính pháp nhãn tạng cho ông ta, mà nói kệ rằng: “Tâm trong thế giới hư không, hiện ra pháp hư không, chứng ngộ thời hư không, đó là pháp chẳng đúng, chẳng sai”. Nói xong, ông nhập từ tam tam muội. Khi đó, Phạm vương Đế Thích cùng chư thiên đến kính lễ. Tôn giả từ trong Tam muội nói: “Ta đắc pháp mà không nguyên cố, nếu biết đất Phật rời nguyên cố”. Nói xong, ông



Tôn giả Phật Tô Mật Đa

lại nhập vào Tam muội mà hiện tướng Niết bàn. Phật Đà Nan Đề xây tháp 7 tầng táng toàn thân.

39

TÔN GIẢ XÀ ĐỀ THỦ NA



Tôn giả Xà Đề Thủ Na

Ông là một trong mười tiên nhân ngoại đạo của Ấn Độ xưa, vào núi khổ tu, chứng được quả vị ngoại đạo, có được năm phép thần thông. Xà Đề Thủ Na viết cuốn *Tam di xoa* làm căn cứ lý luận. *Tam di xoa* có nghĩa là quan sát, cũng có tên là Nhị thập ngũ đề, là con đường đi tìm trí tuệ. Theo quyển 17, *Niết Bàn kinh*: Thích Tôn cùng Xà Đề Thủ Na tranh luận về *Nhị thập ngũ đề* và Phật pháp. Xà Đề Thủ Na thừa nhận Phật giáo có nghĩa lý sâu sắc, liền xuống tóc đi tu và trở thành đệ tử của Thích Ca. Sau khi nghe Phật thuyết dạy, ông chứng quả La hán.

40

TÔN GIẢ TĂNG PHÁP DA XÁ

Tức Tăng Pháp Da Xá. Theo phả hệ truyền pháp của Thiền tông Tây Thiên, tổ thứ 16 là La Hưu La Đa truyền pháp cho tổ thứ 17 là Tăng Già Nan Đề. Sau Tăng Già Nan Đề truyền cho



Già Da Xá Đa làm tổ thứ 18. Già Da Xá Đa lại truyền cho tổ thứ 19 là Cưu Ma La Đa. Nhưng có ý kiến cho rằng, tổ thứ 18 lại là Tăng Pháp Da Xá. Theo sách *Ma Ha Chỉ Quán*, quyển 1: “Pháp được trao cho La Hầu La, La biết các sách chép tên quý, hàng phục bọn ngoại đạo. Pháp lại được trao cho Tăng Già Nan Đề, Nan Đề nói kệ cho La hán. Pháp lại được trao cho Tăng Pháp Da Xá. Xá đi chơi ngoài biển gặp một tòa thành rồi nói kệ”. *Chỉ quán phụ hành truyền hoằng quyết*, quyển 1 giải thích “chơi



Tôn giả Tăng Pháp Da Xá

ngoài biển gặp một tòa thành rồi nói kệ” có nghĩa là: “Pháp được trao cho Tăng Già Da Xá thì Xá đi chơi bên bờ biển, gặp một tòa thành liền vào trong thành khát thực rồi đọc một bài kệ rằng: “Khổ nhất là đi, bệnh đứng đầu là đói, nếu tó được phép thật, thì Niết bàn mấy chốc”. Chủ của tòa thành vì đó mà dâng bữa cơm. Nhân lại thấy hai con quý, trước kia là phụ nữ, do chúng hay ghen tham cho nên ta liền vì nó mà tuyên lời thể rằng: Ta vì người mà chịu quả báo. Tôn giả lại thấy một tòa thành khác, cũng được ăn uống đầy đủ, ăn xong liền đem bát đĩa vứt bỏ, lửa nổi lên đốt cháy thân thể, cũng bởi tham ăn cho nên có nỗi khổ này. Tăng Già Da Xá là một vị cao tăng vân du bốn phương thuyết giảng Phật pháp.

41

TÔN GIẢ BỊ SÁT THẾ GIAN

Tôn giả tên tiếng Phạn là Xoa Đề Câu Xá, hiệu là Bị Nguyễn Kim Cương, chứng ngộ được quả vị Bồ tát. Tôn



Tôn giả Bồ Sát Thế Gian

giả nhẵn nhụi không lay chuyển như đất bằng, yên lặng sâu xa như Phật pháp, cho nên còn có tên là Bồ tát Địa Tạng. Bồ tát này xuất thế sau khi Thích Ca nhập Niết bàn, trước khi Di Lặc giáng sinh thường cứu giúp những khổ đau của thế gian. Theo *Chúc lữ nhân thiên phẩm Địa Tạng Bồ tát bản nguyện công đức kinh*, thì Phật tổ có di chúc cho Tôn giả rằng: Ta ở trên cung trời Đao lợi, tham dự đại hội trăm nghìn vạn ức không thể nói hết các vị Phật

cùng Thiên long bát bộ. Chúng sinh trong cõi thế gian còn chưa được giải thoát, cho nên nay ta giao phó cho người khiến chúng sinh không bị luân hồi trong cảnh địa ngục. Nếu để họ rơi vào địa ngục trong một khoảng thời gian nào đó, ta cũng cảm thấy không yên. Liền đó, Bồ tát Địa Tạng phát nguyện sẽ cứu độ chúng sinh trong sáu nẻo đều được lên cõi Cực lạc, sau đó Bồ tát mới được thành Phật. Hằng ngày vào lúc mặt trời mọc, Bồ Tát tu luyện vô số các phép thiền định, soi chiếu chư Phật trong khắp 10 phương rồi giáo hoá tất cả thấy chúng sinh, khiến họ xa rời khổ đau, tâm nguyện được viên mãn, đạt được cuộc sống an lạc.

42

TÔN GIẢ HIỂN HOA ĐỀ KÝ

Do có đức hạnh mà được gọi tên như vậy. Hiển Hoa tức là Hiển Hoa Tòa ấn. Theo sách *Lập ấn quỹ*, thì tay ấn



quyết “gọi là hoa sen Kim cương hợp với phù dung của trí tuệ, đều nở rộ trong nước, lửa, giống như cánh hoa sen, để dâng thờ chư Phật và Bồ tát”. Đề Ký tức là Thụ ký, nghĩa là chúng sinh có tâm nguyện được Phật xoa đầu và phó thác sẽ làm Phật trong tương lai. Tôn giả Hiên Hoa Đề Ký có tín ngưỡng kiên định, mỗi ngày đều tọa thiền, tay thường kết ấn hiên hoa để dâng chư Phật và Bồ tát. Bởi công đức đó, ông được Phật thụ ký mai sau sẽ được làm Phật.



Tôn giả Hiên Hoa Đề Ký

43

TÔN GIẢ NHÂN QUANG ĐỊNH LỰC



*Tôn giả
Nhân Quang Định Lực*

Tôn giả này mắt phóng ánh sáng tỏa khắp 10 phương thế giới. Gặp ánh mắt này người ngu thành kẻ trí, người dần thành kẻ sáng, phá hết mọi u sầu trong thế tục, loạn tưởng về phiền não và oán hận, khiến người tốt trở về đạo thanh tịnh. Tôn giả Nhân Quang Định Lực phổ thí ơn huệ khắp chúng sinh, trừ hết ác tà trong gian thế. Ánh mắt sáng còn có thể xua đuổi tà ma, hàng phục ác quỷ, đưa chúng trở về cội Phật, kẻ ác trong lòng lo sợ, dần dần hối cải sai lầm.

TÔN GIÀ GIÀ DA XÁ NA



Tôn già Già Da Xá Đa

Tức Già Da Xá Đa người nước Ma Đề, họ Tức Đầu Lan. Có thuyết cho rằng, mẹ ông mơ gặp thần gương sau 7 ngày thì sinh ra ông, thân hình sáng như ngọc Lưu ly, mùi hương tỏa ngát. Khi Tôn già Tăng Ca Nan Đề vị tổ thứ 17 trong 28 tổ Tây Thiên cùng các đệ tử du hành đến đây, bỗng thấy một cơn gió mát thổi tới, khiến lòng khoan khoái lạ thường. Tăng Ca Nan Đà nói: “Gió đạo đó, ắt có vị thánh ra đời. Người đó sẽ đảm nhiệm việc truyền giảng tục diêm”. Các đệ tử vào núi tìm kiếm gặp Già Da Xá Đa cầm chiếc gương tròn. Sau khi xuất gia, một lần nghe tiếng gió thổi vào gương, Tăng Già Nan Đề hỏi: “Chuông kêu hay gió thổi?”. Trả lời: “Chẳng phải gió, chẳng phải chuông, là tiếng lòng đó”. Lại hỏi: “Lòng phục ai vậy?”. Trả lời: “Mọi sự lặng thinh”. Tăng Già Nan Đề liền truyền chính pháp nhân tạng cho ông. Già Da Xá Đa cùng học trò đi du hóa khắp nơi, sau gặp được Cưu Ma La Đa, biết được Đức Phật đã dự đoán rằng đó là người kế pháp, liền truyền pháp tạng cho ông ta, lời kệ rằng: “Có loại có tâm địa, nhân duyên mới thấy sáng, gặp duyên không trở ngại, trong sinh sinh chẳng sinh”. Thuyết kệ xong bay người lên hư không thể hiện 18 phép thần thông biến hóa, hóa lửa tam muội rực sáng thiêu đốt thân thể. Các đệ tử thu nhặt xá lị dựng tháp cúng phụng.



45

TÔN GIẢ SA ĐỂ MẬT XÔ

Sa Để nghĩa là Cát Tường (điềm tốt), Mật Xô tức là Tỳ kheo. Khi Đức Phật Thích Ca tại vườn Kỳ Thụ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ có đụn nước tắm gội chúng tăng. Theo *Phật thuyết đại kim sắc Không tước vương chú kinh*, khi Cát Tường đón củi bông một con rắn đen từ trong lỗ cây lao ra, làm thương ngón chân cái bên trái ông. Nọc rắn lan nhanh khắp thân, hai mắt Cát Tường tối sầm lại, mồm chảy nước dãi, nằm hôn mê. Tôn giả A Nan rất lo sợ bèn đến chỗ Thích Tôn tìm cách giải cứu. A Nan cúi rạp xuống đất, hướng về Đức Phật hành lễ nói rõ nguyên nhân. Thích Tôn trả lời: Ta có lời chú Không tước Minh vương rất có uy lực, lại trừ được mọi độc hại, tai nạn, lo sợ, đau khổ, bảo hộ cho chúng sinh được an vui. Nói xong liền trao chú cho A Nan. A Nan theo lời Phật cứu được Cát Tường. Sau đó, Cát Tường dốc lòng học Phật đạt được chính quả.



Tôn giả Sa Để Mật Xô

46

TÔN GIẢ BA XÀ ĐỀ BÀ

Còn gọi là Ba Lật Thấp Phọc hay Ba Xà, vốn tên là Nan Sinh, còn gọi là Hiệp Tỳ kheo hay Hiệp Tôn giả, người Trung Ấn. Theo Phật thoại, Ba Xà Đề Bà nằm trong thai mẹ 60 năm.



Tôn giả Ba Xà Đề Bà

Lúc ông ra đời người bố nằm mơ thấy một con voi trắng trên lưng có một tòa bấu có hạt minh châu, từ cửa mà vào, ánh sáng rực rỡ. Đây là điềm tốt báo sinh Ba Xà Đề Bà. Khi Phục Đà Mật Đa là tổ thứ 9 trong 28 tổ Tây Thiên tới đây du hóa, người bố bồng Tôn giả đến thành kinh bái lễ và nói: Đứa con này nằm trong thai 60 năm nên đặt tên là Nan Sinh, biết là một vị tiên phi phạm giống như pháp khí. Nay gặp Tôn giả, mong cho nó được xuất gia. Phục Đà Mật Đa liền thụ giới cho Ba Xà Đề Bà.

Trong nghiệp tu hành, ông không bao giờ ngủ. Vì lưng không chạm chiếu nên ông có tên là Hiệp Tôn giả. Khi du hóa đến nước Trung Hoa, dưới một gốc cây ông nói rằng: Đất biến sắc vàng, ắt có bậc thánh ra đời. Nói xong đất quả nhiên biến sắc vàng, ông gặp được Phú Na Dạ Xa từ phía trước đi tới, liền thụ kí và truyền chính pháp cho ông ta, lời kệ rằng: “Chân thể tự nhiên chân, dựa vào chân mà nói cái lý, hiểu được chân pháp của chân, chẳng đi cùng chẳng ở”. Nói xong hiện thân tướng rồi nhập Niết bàn, toàn thân bốc cháy. Đề tử lấy áo thu nhật xá lị, xây tháp khắp nơi để cúng dàng. Căn cứ vào truyền thuyết Phật giáo, Ba Xà Đề Bà đã từng tiến hành cuộc kết tập thứ 4 cùng với 500 chúng tăng dưới thời vua Ca Nhị Sắc Ca.

47

TÔN GIẢ GIẢI KHÔNG VÔ CẤU

Tôn giả tên là Vô Cấu Quang Bồ tát, còn có tên gọi khác là Vô Cấu Quang Đồng tử, mật hiệu là Ly Trần Kim



Cương, cư trú tại Viện Thai tạng giới Văn Thù, là sứ giả của Văn Thù Bồ tát. Bồ tát Văn Thù có tám đệ tử đều được hưởng khoán chúc, mỗi người có một phẩm hạnh của Văn Thù. Vô Cấu hiển hiện được trí tuệ của Bồ tát Văn Thù, toàn thân trong sạch, ánh sáng rực rỡ, lại có được đầy đủ trí đức của Phật và nhập được vào cảnh giới vô tướng của trí tuệ tam muội. Trí tuệ tam muội là đặc thù riêng mà chỉ Văn Thù mới có. Vì thế, trong số các Bồ tát, Văn Thù được tôn làm người có trí tuệ bậc nhất. Bồ tát Vô Cấu Quang là sứ giả Không trí của Văn Thù, lấy trí tuệ đặc thù của Văn Thù mà trừ hết phiền não của chúng sinh, dẫn dắt con đường quá khứ, hiện tại và tương lai hướng chung sinh vào cửa Pháp.



Tôn giả Guat Không Vô Cấu

48

TÔN GIẢ PHỤC ĐÀ MẬT ĐÀ

Tôn giả người nước Đề Già, họ Tỳ Xá La, theo học Phật giáo đến 50 tuổi vẫn không nói, không đi. Khi Phật Đà Nan Đề, tổ thứ 8 trong 28 tổ Tây Thiên đến nơi đây, thấy nhà ông có ánh hào quang, bèn nói: “Nhà này có thánh nhân, miệng không nói, thực là khi Đại Thừa, không đi bốn đường mà trí thông tai thính”. Khi gặp Phật Đà Nan Đề, Phục Đà liền đứng dậy bái và nói kệ rằng: “Cha mẹ không phải là người thân, ai là người thân nhất. Chư Phật không phải đạo của ta, ai là đạo cao nhất”. Phật Đà dùng kệ đáp lại, Phục Đà nghe xong liền đi 7 bước. Phật Đà Nan Đề nói với



Tôn giả Phục Đà Mật Đà

người cha rằng: “Đứa con đó vốn là Đức Phật có một nguyện lớn, nhưng e cha mẹ vì tình khó bỏ, nên không nói chẳng đi”. Người cha bèn cho con xuất gia. Phật Đà truyền lại chính pháp nhân tạng cho Phục Đà. Sau khi nhận sự ký thác, ông đi khắp bốn phương hành hóa, đến vùng Trung Ấn thì gặp được Hiệp Tôn giả liền xuống tóc thụ giới. Sau ông lại truyền chính pháp cho Hiệp Tôn giả. Lời kệ: “Chân lý vốn không tên, vì có tên mà rõ chân lý, linh hội phép thực của chân lý, chẳng thực cũng chẳng dối”. Nói xong, ông liền nhập tịch. Mọi người dùng dầu thơm xoa lên thân thể, nhật xá lị đưa vào tháp chùa Na Lạn Đà.

49

TÔN GIẢ PHÚ NA DẠ XÁ

Ông là vị tổ thứ 11 được Phật phó pháp, người nước Hoa Dân - Ấn Độ, họ Cù Đàm. Cha ông dốc hết lòng thành phụng sự Phật giáo. Ông là người chịu ảnh hưởng từ cha, thông hiểu giới luật và lý luận Phật giáo. Một hôm, Hiệp Tôn giả - vị tổ thứ 10 đến đây thuyết pháp, cùng đệ tử nghỉ dưới gốc cây. Đột nhiên, Hiệp Tôn giả chỉ xuống đất nói với đệ tử rằng: Gò đất này sắp biến thành sắc vàng, đây là điềm báo



Tôn giả Phú Na Dạ Xá



sắp có thánh nhân ra nhập giáo đoàn chúng ta. Nói xong, đất chuyển sắc vàng, Hiệp Tôn giả bỗng thấy Phú Na Dạ Xá chấp tay trước mặt nói rằng: “Lòng ta không dừng Tôn giả, lòng ta không yên, chư Phật cũng thế”. Tôn giả nghe xong mừng lắm liền độ cho Phú Na Dạ Xá, đem pháp khí trao cho, giảng rõ Pháp Tạng của đức tổ Như Lai và nói rằng: Pháp Tạng của Phật tổ đã truyền tới Phú Na, hãy cố giữ gìn, gắng mà tu luyện, sau khi được truyền pháp, phải hết sức thận trọng. Truyền pháp xong, Hiệp Tôn giả toàn thân bốc cháy. Phú Na trở thành vị tổ truyền thừa thứ 11. Sau đó, ông truyền lại pháp tạng cho tôn giả Mã Minh.

50

TÔN GIẢ GIÀ DA THIÊN NHÂN

Nhờ đức hạnh thần thông mà ông được gọi tên như vậy. Phật giáo chia làm 5 loại nhân (mắt): Nội nhân là mắt ở trong thân. Thiên nhân là mắt từ sắc giới của trời. Người tu thiền định có thể đạt được Thiên nhân mà không phân biệt xa gần, trong ngoài tối sáng. Tuệ pháp nhân tức là người nhị thừa tiếp thu được trí tuệ từ cái lý vô tướng trong chân không. Pháp nhân là trí tuệ của Bồ tát khi dẫn dắt chúng sinh qua các cửa pháp. Phật nhân là trong thân Phật đều có đầy đủ tứ nhân. Già Da Tôn giả nhờ kiên trì thiền định mà thông được. Theo *Tri Độ luận*, quyển 5: “Thiên nhân có thể thấy được muôn vật và chúng sinh trong lục đạo, dù xa dù



Tôn giả Già Da Thiên Nhân

gần, dù thô dù tinh, Thiên nhân đều quán chiếu”. Có thể thấy, Già Da Tôn giả không ngại ngần trong những lúc xem xét bất cứ vật gì, có thể biết được vòng luân hồi sinh tử trong khắp chúng sinh.

51

TÔN GIẢ BẮT TRƯỚC THẾ GIAN



Tôn giả Bắt Trước Thế Gian

Ông tên là Hư Không Vô Biên Du Bộ Kim Cương, nghĩa là người có thời gian tu hành dài nhất, sau khi tích lũy được nhiều công đức, đến lúc viên mãn mới chứng ngộ được quả. Buổi đầu chư Phật tu hành cũng vương phải rất nhiều phiền não. Họ gắng dùng trí tuệ diệt trừ phiền não, để được chứng ngộ, mọi phiền não được chuyển hóa thành tám Bồ đề. Hư Không Vô Biên Du Bộ Kim Cương nhờ cảm tám Bồ đề của chư Phật mà được chứng ngộ. Ông đem hết uy lực của trí tuệ hàng phục mọi điều tà ác, khi hét một tiếng có thể làm chấn động tam thiên thế giới, châu mày trợn mắt khiến ma quỷ phải tự bó tay. Nhờ cảm hóa của ngài mà ma chủ hướng thiện quy y. Những giận giữ của Tôn giả đã chuyển thành phép triệt tiêu tà ác mà chúng sinh được hưởng yên bình.



52

TÔN GIẢ GIẢI KHÔNG ĐỀ NHẤT

Ông vốn tên là Tu Bồ Đề, hoặc Tu Phù Đề, Tu Phù Đề, ý nghĩa là điềm lành ứng hiện, nghiệp tốt, hay còn tên khác là Không Sinh. Người thành Xá Vệ nước Câu Tát La - Ấn Độ, thuộc dòng Bà La Môn. Tu Bồ Đề được gọi như vậy là có nguyên do. Có ý kiến cho rằng: Khi ông sinh ra, trong nhà thiếu thốn nhưng lại bói được quẻ tốt. Tu Bồ Đề là một trong mười đệ tử nổi tiếng của Phật Đà khi còn tại thế và được Phật Đà giảng *kinh Bát nhã*. Theo kinh điển Phật giáo, Tu Bồ Đề là người có trí tuệ vô biên, ngồi trong nhà đá mà thấy được thân pháp Phật Đà. Trong *Triệu luận* có chủ rằng: *Đại phẩm Bát Nhã* từ phẩm *Thiên chúa* trở đi, Tu Bồ Đề nương theo phép tỷ dụ huyền hóa để mở rộng cái không nghe, không nói sâu xa của *kinh Bát nhã*. Hình tượng Tu Bồ Đề được tạc mình mặc áo bông, chân đi hài cỏ, biểu hiện Tôn giả đang vân du bốn phương, cũng là khắc họa cảnh ông đang đi giảng *kinh Bát nhã*.



Tôn giả Giải Không Đề Nhất

53

TÔN GIẢ LA ĐỘ VÔ TẬN

Cũng có tên là A Sai Mạt Đề, dịch ý là Vô Tận ý (ý không hết), hiệu là Kim Cương Định Tuệ, đã chứng quả vị Bồ tát,



Tôn giả La Độ Vô Tận

là một trong 16 vị của đời Hiền kiếp, ở nước Bất Tuần thuộc phương Đông. Theo sử sách, khi Thích Ca giảng thuyết *Đại Tập kinh* cho Bồ tát và các đệ tử ở điện Bảo Trang Nghiêm, Bồ tát Vô Tận ý nghe tin liền tức tốc đến nghe. Bồ tát Vô Tận ý tuy mới chứng quả vị Bồ tát, nhưng giáo lý lại nắm rất vững. Đáp lại lời thỉnh mời của Phật và các đệ tử, Bồ tát đã diễn giảng 80 Pháp môn Vô Tận ý, nội dung được chép thành sách, cho nên gọi là kinh *Vô Tận ý Bồ tát*. Nội dung

chủ yếu của kinh là xa lìa ân oán thế tục, truy cầu cảnh giới Niết bàn ngay trong lẽ yên lặng và vô vi. Pháp môn Vô Tận ý ngấm chứa cái đức vô bờ mà vẫn lợi lạc cho chúng sinh.

54

TÔN GIẢ KIM CƯƠNG PHÁ MA

Do đức hạnh và pháp lực mà có tên như vậy. Kim Cương, *Tam Tạng pháp số*, quyển 5 cho biết: “Cứng nhất trong kim loại, cho nên gọi là Kim cương”. *Đại Tạng pháp số*, quyển 41 cũng viết: “Kim cương tiếng Phạn là Bạt Chiết La, Hán dịch là Kim cương, vật báu ấy được chiết từ kim loại, sắc tia óng ánh, không tan trong lò, rất bền rất rắn”. Trong Phật giáo, Kim cương thường được ví với sự kiên cố, sắc bén



Tôn giả Kim Cương Phá Ma



của trí tuệ, có thể cắt đứt hết thấy. Phá Ma tức là diệt trừ 4 loài ma dữ: một, Ma phiền não, cái phiền não do: Tham, Sân, Si, thường làm tổn hại thân tâm; hai, Ma ngũ chủng, năm uẩn Sắc, Thụ, Tưởng, Hành, Thức thường sinh ra khổ não; ba, Ma chết, luôn lấy đi tính mệnh con người; bốn là Thiên ma, tức những sự tha hóa, hay còn gọi là cái ham muốn của Ma vương trời thứ 6, đã làm hại những việc tốt. Tôn giả Kim Cương Phá Ma đã trải qua quá trình tu hành trường kỳ nên tâm tính trí tuệ vững như Kim cương, bốn loại ma không thể xâm phạm.

55

TÔN GIẢ NGUYỄN HỘ THẾ GIAN

Là một trong bốn vị Thiên vương hộ thế. Phật giáo cho rằng, trong thế giới lớn bao hàm vô vàn thế giới nhỏ, số lượng thế giới nhỏ nhiều như cát sông Hằng, mỗi thế giới nhỏ đều có một vị Phật làm chúa tể. Trong mỗi thế giới đều lấy núi Tu Di làm trung tâm, bốn phía là biển lớn giáp với bốn châu là Đông Thắng Thần châu, Nam Thiên Bộ châu, Bắc Câu Lư châu và Tây Ngưu Hóa châu. Lưng chừng núi Tu Di lại có một ngọn núi tên là Kiện Đà La. Trên núi này có bốn đỉnh, trên mỗi đỉnh có một vị Thiên vương hộ thế cư trú, mỗi Thiên vương đều có 28 bộ chúng trấn giữ một phương. Nếu có quỷ ác xâm hại chúng sinh trong cõi thế gian thì các vị Thiên vương liền đem theo bộ chúng đi trừ khử tà ma, bảo vệ chúng sinh.



Tôn giả Nguyễn Hộ Thế Gian

TÔN GIẢ VÔ ƯU THIỀN ĐỊNH



Tôn giả Vô Ưu Thiền Định

Do đức hạnh mà có tên này. Vô Ưu (không ưu lo), tức là dứt trừ ưu sầu phiền não. Con người sinh ra, thường không dễ dứt bỏ ảnh hưởng của Tham, Sân, Si, vì thế sinh ra muôn vàn phiền não. Thiền định tức là dứt bỏ mọi vọng tưởng. Phật giáo cho rằng, có 4 loại Thiền định gồm: Sơ thiền là xa rời những ái dục không tốt, cảm thấy rời xa được niềm vui của cõi dục giới, nhưng trong lòng lại tìm về cõi giác và soi xét quán tưởng. Nhị thiền để đoạn diệt, đạt đến thanh tịnh, an lạc, cảm thụ được tự thân hỷ lạc. Tam thiền loại bỏ hỷ lạc của nhị thiền, đạt tới cảnh giới chẳng khổ chẳng vui, tu thành đạo quả. Tứ thiền đạt đến cõi thanh tịnh, tức xả bỏ sự hỷ lạc của tam thiền, tu dưỡng công đức tu niệm mà đạt tới cảnh giới không khổ, không vui. Tôn giả Vô Ưu Thiền Định thông qua sự tu hành thiền định, rời bỏ triệt để các khổ não, chẳng vui chẳng buồn, chứng quả A La hán.

TÔN GIẢ VÔ TÁC TUỆ THIỀN

“Vô tác” là một trong những quy phạm xử thế của con người trong Phật giáo, đời này chẳng làm việc ác, đời sau sẽ thông tuệ và lương thiện. Nội dung của vô tác có ba loại:



Thân vô tác là căn yếu mến tất cả sinh mệnh thể gian, chẳng làm hại đến sinh mệnh, không như thế là vương vào tội ác; Khẩu vô tác là không nói xấu người, không nói lời càn rỡ; Tâm vô tác là tâm cần thanh tịnh, bỏ tham luyến tài vật và tình cảm, tiêu trừ oán hận, cũng không dựa vào tâm mà sinh lòng oán hận. Thân, khẩu, tâm lấy “vô tác” làm gốc, bỏ ác theo thiện, thoát khỏi báo ứng. *Kinh Đại phương quảng Bồ tát tạng Văn Thù lợi sư căn bản nghi quỹ*, quyển 1 có ghi: Bồ tát Vô tác lấy quy phạm của Phật giáo là vô tác, vô dụng, vô thụ, vô trí, vô tuệ để giáo hóa chúng sinh, làm nên công đức sự nghiệp vô tận. Tôn giả Vô Tác Tuệ Thiện chính là Bồ tát Vô tác.



Tôn giả Vô Tác Tuệ Thiện

58

TÔN GIẢ THẬP KIẾP TUỆ THIỆN



Tôn giả Thập Kiếp Tuệ Thiện

Dựa vào đức hạnh mà có tên này. Kiếp nghĩa là thời gian rất lâu. *Trí Độ luận*, quyển 5 có ghi: Đá núi 40 dặm, có người trường thọ, mỗi trăm năm đến, lấy áo phủ sạch đá, mà thời gian chẳng hết; lại 40 mươi dặm thành đầy cây giới, có người sống lâu, mỗi trăm năm lại tới, lấy một cây giới, giới tử hết mà kiếp chẳng hết”; Tuệ - chỉ sự lý được phân biệt, có tác dụng đoạn diệt lòng nghi ngờ. *Câu*

Xá luận, quyển 4 viết: “Tuệ có sự chọn lựa từ Pháp”. *Đại Thừa nghĩa chương*, quyển 20 viết: “Chân tâm vốn sáng, tự tính chẳng mờ, mắt thấy là Tuệ, thiện ác cùng đối nhau”. *Đại Thừa nghĩa chương*, quyển 12 viết: “Thuận theo lý gọi là thiện, trái lý gọi là ác”. Tôn giả Tuệ Thiện tự mạnh chẳng ngừng, trải qua mười kiếp, tuệ thiện ngày thêm tăng, mới chứng được quả A La hán.

59

TÔN GIẢ CHIÊN ĐÀN ĐỨC HƯƠNG



Tôn giả
Chiên Đàn Đức Hương

Phật giáo lấy cứu khổ cứu nạn làm đức lớn. *Quán Hu không tụng Bồ tát kinh* ghi có Chiên Đàn Đức Phật, đức lừng thơm, như hương hoa sen thanh khiết, nên còn gọi Chiên Đàn Đức Hương Phật. Chiên Đàn Đức Phật chủ cứu hết thấy khổ nạn của thế gian. Như thân mạng tật bệnh, đau khổ, ở chỗ Đức Phật Chiên Đàn từng nói về vô vàn bệnh tật của mình, đến y thuật cũng cần yếu được, mà bệnh tật mới nhanh khỏi. Người đời tưởng rằng nắm được hết thấy trí tuệ, tài nghệ của mình, con cái khỏe mạnh, công

đức, tài thí, không ác, thoát ly chủng chủng tai nạn, rời bỏ phiền não... tất cả đều hơn người, chỉ cần hai tay hợp lại, thành tâm thành ý hướng Chiên Đàn Đức Phật lễ bái, tức cũng đủ thỏa ý nguyện.



TÔN GIẢ KIM SƠN GIÁC Ý

Là đệ tử của Phật Đà. Trong kinh điển Phật giáo, Phật Đà có thời được xưng là Kim Sơn Vương, ý là người thắng diệu trong núi Kim Sơn, *Vãng Sinh Yếu tập* có ghi: “Vọng trông Di Đà Như Lai như Kim Sơn Vương”. Có khi cũng trực tiếp lấy Kim Sơn thí dụ thân Phật, *Pháp Hoa kinh Tỳ phẩm* ghi: “Thân sắc như Kim Sơn, đoan nghiêm rất thâm diệu”. Tôn giả Kim Sơn Giác Ý thường bên thân Phật Đà nghe diệu pháp, đắc đại giác ngộ, chứng được quả A La hán.



Tôn giả Kim Sơn Giác Ý

TÔN GIẢ VÔ NGHIỆP TÚC TẬN

Là thiên sư nổi tiếng đời Đường, pháp hiệu Vô Nghiệp, người Thượng Lạc (nay là Thương Lạc - Lãng Tây), ngài họ Đỗ. Từ nhỏ đã xuất gia, thông minh hơn người, rất thích đọc các kinh *Hoa Nghiêm*, *Pháp Hoa*, 13 tuổi giảng kinh cho mọi người, người đời gọi là thần đồng. Vô Nghiệp trưởng thành tiếng đã vang khắp trong nước và tên tuổi ngày càng thêm rạng, oai danh càng thêm xa, duy chỉ mong cầu tinh tiến đạo Phật. Ông vượt đường dài tiến bước đến Giang Nam bái phỏng Huyền Tố là danh tăng đương thời, hết mình học giáo pháp, sau đó



*Tôn giả
Vô Nghiệp Tác Tận*

đi đến Trường An. Chúng tăng ở Trường An kính trọng ông, cử ông làm chức quan tăng Lương Nhai Đại Đức, Vô Nghiệp sau khi thuyết pháp, rời rời Trường An, đi lên Thượng Đẳng phương Bắc, Tiết Độ sứ Lý Bao Chân lấy lễ nghi Phật giáo tiếp đãi ông, xin dạy yếu lĩnh của Phật pháp, lòng thêm kính trọng, muốn mời ông trụ trì cho việc dạy dỗ Phật giáo ở đây. Vô Nghiệp lại rời Thượng Đẳng, đến ở chùa Khai Nguyên (ở Phần Châu). Đường Hiến Tông hai lần mời ông vào triều, ông đều không vào. Trường Khánh năm thứ 1 (821), Đường Mục Tông lấy lễ rất hậu sai sứ ba lần mời ông, Vô Nghiệp thấy không có cách nào từ chối, quyết định từ bỏ thế gian, lên cỏi Tịnh độ, bèn cười nói với sứ giả: “Đi thì đi vậy”. Chiều hôm đó, ông ngồi ngay mà hóa. Mục Tông nghe Vô Nghiệp thị tịch, hết sức thương tiếc, ban thụy hiệu “Đại Đạt Thiên Sư”.

62

TÔN GIẢ MA HA SÁT LỢI

Tức hiền giả Kinh Sát Lợi. Theo *Phật thuyết vô lượng thanh tịnh bình đẳng giác kinh*, quyển 1, khi Phật Đà Thích Ca Mâu Ni thuyết pháp ở thành Xá Lợi Phất, Tôn giả cũng từng nghe thuyết pháp. Tôn giả Ma Ha Sát Lợi quy tín Phật pháp, tại gia tu hành rất tốt, tinh tiến không ngừng, vô cùng dũng mãnh, cuối cùng trở thành A La hán.



Tôn giả Ma Ha Sát Lợi



TÔN GIẢ VÔ LƯỢNG BẢN HẠNH

Tôn giả này là tiền kiếp của Phật A Di Đà, A Di Đà Phật còn gọi là Vô Lượng Thọ Phật. Phương pháp Bồ tát tu luyện để tự mình thành Phật gọi là Bản hạnh. Căn cứ vào *Vô Lượng Thọ kinh* trong kinh điển Phật giáo ghi thì khi Thế Tụ Tại vương Phật còn ở thế gian, có vị quốc vương nghe Phật thuyết pháp, trong lòng vui vẻ, sau đó rời bỏ ngôi báu xuất gia, lấy pháp hiệu là Pháp Tạng và phát lời nguyện trước Tụ Tại vương Phật rằng: Ta cần mở rộng thuyết pháp tại thế gian, thành tâm tu hành, đạt được quả vị Phật. Sau khi ta thành Phật, nên cứu chúng sinh ở trong khổ nạn. Thế là Thế Tụ Tại vương Phật vì ông rộng thuyết diệu pháp, sau khi nghe pháp tạng thì đạt được đại ngộ, trước Phật, phát nguyện 48 nguyện mà sau khi thí hành thì sẽ thành Phật, trong đó 18 nguyện có nội dung: Nếu ta đạt được quả vị Phật, thập phương chúng sinh đạt được khoái lạc chân chí, giảng sinh vào đại quốc, khiến cho tất thảy đều được giải thoát, giảng sinh vào nước Phật rất dễ, ngoài bốn báng Phật và nghịch tội đều đến nước Phật hưởng thọ yên vui. Thệ nguyện của Pháp Tạng cảm động trời đất, trời vì ông mà rơi rớt nhiều hoa. Trải qua bao lần chuyển thế, thệ nguyện của Pháp Tạng đã hoàn thành, ông cũng thành Phật ở cõi Tây Phương, tên gọi là Vô Lượng Phật.



Tôn giả Vô Lượng Bản Hạnh

TÔN GIẢ NHẤT NIỆM GIẢI KHÔNG



Tôn giả
Nhất Niệm Giải Không

Tức là Cao tăng Giải Không đời Tống. Tôn giả tên là Khả Quán, sau khi xuất gia thụ giới với Trạch Khanh thiền sư ở Xa Khê. Sau lại đến Hồ Châu gặp Tuệ Giác pháp sư, dưới cửa sổ tuyết, đọc sách chứng ngộ được yếu chỉ “ngôn ngữ, văn tự trên thế gian như hạt lúa lép”. Đời Tống Cao Tông niên hiệu Thiệu Hưng thứ 8, ông trụ trì Tạng viện Hồ Đức, tới mùa thu thứ 7 đời Hiếu Tông năm Càn Đạo, chuyển tới Bắc Thiền chùa Thiên Thai, ngày 9 tháng 9 vào chùa, chỉ pháp tòa mà nói: “Trong bụng một tắc tro tàn lạnh, trên

đầu muôn cỏ tuyết chưa tan. Già ta đi bộ trên đường phẳng, lên cao đâu có biết nơi nao”. Mọi người chẳng ai không phục. Năm 89 tuổi dời đến tổ đình Diên Khánh, không đầy hai năm lại trở về am trúc ở Hồ Châu, rồi viên tịch, thọ 91 tuổi, tu 78 năm. Ngày thiêu không gió, không mưa, khói tự nên xá lị, chúng tăng dựng tháp ở Đức Tạng viện để thờ cúng. Tôn giả Giải Không sức học uyên thâm, viết sách có: *Lăng Nghiêm bổ chú* (4 quyển), *Kim cương thông luận sự uyển* (2 quyển), *Viên Giác thủ giám* (1 quyển), *Lan Bồn bổ chú* (1 quyển),... Bình sinh ông làm thơ, viết kệ cũng nhiều, như trong bài tụng *Trung Luận* viết: “Trung Luận do nhân duyên của pháp mà sinh, mỗi năm đạo hết không lời nói. Ta nói tức là Không - Giả - Trung, rèm châu cuốn muộn, núi Tây mưa”.



TÔN GIẢ QUÁN THÂN VÔ THƯỜNG

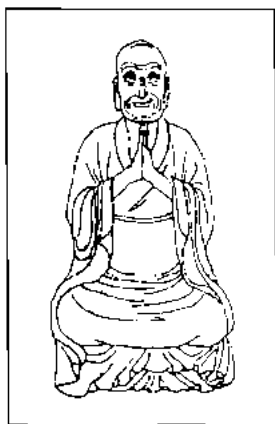
Tôn giả là biến thân của Quán âm Bồ tát. Quán thế âm Đại từ Đại bi, nhập vào Tam muội sắc thân thì có thể hiện 33 thân biến hóa, chúng sinh có nạn, tụng danh hiệu này thì được cứu thoát. 33 thân ấy là: Phật thân, Bích chi Phật thân, Thanh văn thân, Phạm vương thân, Đế Thích thân, Tự tại Thiên thân, Đại Tự tại Thiên thân, Thiên Đại tướng quân thân, Tỳ sa môn thân, Tiểu vương thân, Trưởng giả thân, Cư sĩ thân, Tể quan thân, Bà La Môn thân, Tỳ kheo thân, Tỳ kheo ni thân, Ưu bà tắc thân, Ưu bà di thân, Trưởng giả phụ nữ thân, Cư sĩ phụ nữ thân, Tể quan phụ nữ thân, Bà La Môn phụ nữ thân, Đồng nam thân, Đồng nữ thân, Thiên thân, Long thân, Dạ Xoa thân, Càn đát bà thân, A tu la thân, Ca lâu la thân, Khẩn na la thân, Ma hầu la già thân, Chấp kim cương Thần thân.



Tôn giả
Quán Thân Vô Thường

TÔN GIẢ THIÊN KIẾP BI NGUYÊN

Dựa vào đức hạnh mà có tên. Kiếp là biểu thị thời gian vô cùng lâu dài, Bồ tát Anh lạc bản nghiệp kinh, quyển hạ



Tôn giả
Thiên Kiếp Bi Nguyên

viết: “Vị như một dặm tới mười dặm đá, mặc áo Thiên y nặng ba thù, tuổi thọ của con người ba năm lại thay đổi, đá đó cũng hết, tên là một kiếp; lại có 80 dặm đá, mặc áo Phạm thiên nặng ba thù, Phạm thiên ba năm tuổi lại một lần thay đổi, tên gọi là trung kiếp; lại 800 dặm đá, mặc áo Tinh cư thiên ba thù, Tinh cư thiên ba năm tuổi một lần thay đổi, đá đó đã hết, cho nên gọi là Đại A Tăng kì kiếp”. Bi - Nguyên là yếu chỉ của Phật, là thệ nguyện của Đại từ Đại bi Bồ tát, *Duy Thức luận*, quyển 4 viết: “Bi -

Nguyên tương ứng với tâm”. Phật giáo cho rằng, Bi chính là thuyền bè độ cho người qua con sông sinh tử, cho nên gọi là “Thuyền từ nguyện”. Tôn giả Thiên Kiếp Bi Nguyên từ lâu đã lên đến cõi Chính Đẳng, Chính Giác thương xót cho chúng sinh, mới phát thệ rộng, trong muôn kiếp không rời thế gian, lấy mình làm thuyền bè, để chở chúng sinh thoát khỏi bể khổ.

67

TÔN GIẢ CÙ LA NA HÀM

Tôn giả tên là Cù Sư La, còn gọi Cù Tư La, nghĩa là “tiếng tốt đẹp”, là người nước Kiểu Thường Di, thời cổ Ấn Độ. Kiếp quá khứ, Tôn giả từng là một con chó, lấy tiếng kêu mời Bích Chi Phật đến để gia chủ cúng dàng, do vậy, có được căn lành, đời đời đầu thai chuyển sinh, tiếng thêm đẹp đẽ. Nhà Cù Sư La giàu có, quy y Phật giáo, lấy vườn nhà



dâng cúng cho Phật, gọi là vườn Trường giả Cù Sư La. Trong vườn dựng nhà để cúng dường đức Phật và các đệ tử, khiến cho chốn Tam Bảo được yên bình. Phật tổ từng ở tại khu vườn này giảng kinh nhiều năm và viết bộ *Duy thức luận* tại đây. Căn cứ vào khảo chứng dấu tích của vườn, thì vườn tại thôn Kha Tang bên bờ sông Chu Mộc Na, nước Ấn Độ ngày nay.



Tôn giả Cù La Na Hàm

68

TÔN GIẢ GIẢI KHÔNG ĐỊNH KHÔNG



Tôn giả
Giải Không Định Không

Sách *Bách luận sơ* của Cát Tạng có ghi lời Cưu Ma La Thập rằng: “Giải Không là người thứ nhất đời Tần, chính là Tăng Triệu vậy”. Tăng Triệu họ Trương, người Kinh Triệu (nay là Tây An), là một trong bốn triết gia, đệ tử của Cưu Ma La Thập. Triệu vốn sùng bái Lão Trang, thường đọc Lão Tử mà than rằng: “Đẹp thì đẹp thật nhưng chưa đến được cùng cực của sự tốt lành”. Sau đọc *Duy Ma Cát kinh* thì rất đổi vui mừng, rồi nhân đó mà xuất gia. Nghe nói Cưu Ma La Thập đến đất Cô Tàng (nay Vũ Hán - Cam Túc),

Triệu không ngại đường xa mà đến. Gặp khi Cưu Ma La Thập đến Trường An, Tăng Triệu cũng vâng mệnh vào trong vườn Tiêu Dao, cùng tham gia phiên dịch, bình luận kinh điển.



Sách do Triệu viết ra có *Bất chân chông luận*, *Vật vất thiên luận*, *Niết bàn vô danh luận*,... Vào năm Hoằng Thủy 16 đời Hậu Tần (Tấn - An Đế năm Nghĩa Hy thứ 10), ông nhập tịch ở tuổi 31. *Cờnh Đức truyền đăng lục*, quyển 27 ghi chép, Tăng Triệu bị quốc chủ nước Hậu Tần là Diêu Hưng giết, trước khi mất, có nói kệ rằng: “Bốn Đại vốn có chủ, Ngũ âm cũng vốn không. Treo đầu dưới gương sáng, như là chém gió xuân”.

69

TÔN GIẢ THÀNH TỰU NHÂN DUYÊN



Tôn giả
Phình Lưu Nhân Duyên

Nhà Phật lấy việc thiện báo đáp lại việc thiện gọi là nhân duyên. *Chính Pháp Hoa kinh*, quyển 4 có siêu độ nhân duyên Như Lai, kiếp trước vị Phật này là thái tử. Theo kinh điển Phật giáo thì đã từng có 6 vị thái tử thông minh và 16 vị vua một lòng tin theo Phật giáo. Các thái tử cũng làm việc tốt, cúng dàng cho vô số chúng tăng, được thế tục tôn làm những người tạo nhiều nghiệp tốt. Cuối đời, bọn họ xuất gia, chứng được Phật pháp. Trước tiên, họ tìm đức Phật Thích Ca Mâu Ni nghe giảng về đạo lý uyên thâm của Phật giáo, hy vọng tìm được phương pháp giải thoát của đức Phật. Vì sự thành tâm đó, họ đã được đức Phật giảng cho phép giải thoát. Sau khi lĩnh hội được Phật pháp, các thái tử kiên định kế nghiệp Phật, sau được giải thoát, chứng đạo Bồ đề. Sau đó 12 vị thái tử được lên ngôi Phật, trị vì thế gian trong tám cõi. Phật Như Lai là đức Phật siêu độ ở Tây Phương, giải



thoát cho chúng sinh, đưa họ đến bờ giác và trở thành đức Phật nhân duyên. Ông chính là Tôn giả Nhân Duyên.

70

TÔN GIẢ KIÊN THÔNG TỈNH TIẾN

Tên ngài được gọi theo đức hạnh. “Kiên” là chỉ cội gốc của cây, không bao giờ bị lay động, “Thông” chỉ tác dụng không bị cản trở gì trong tự tại. Tỉnh Tiến hay còn gọi là động, chỉ sự tu hành dùng mãnh, tâm pháp đoạn tuyệt mọi nghiệp xấu. Theo *Duy thức luận*, quyển 6: “Động chỉ sự dùng mãnh, là tính dứt khoát trong phép tu đoạn tuyệt nghiệp ác và trị nghiệp lười biếng”. Theo *Phụ Hành*, quyển 2: “Trong việc hành pháp không bị tạp nhiễm gọi là Tỉnh, thường xuyên niệm Phật, truy cầu chính pháp gọi là Tiến”. Tôn giả Kiên Thông Tỉnh Tiến luôn có niềm tin tuyệt đối vào Phật pháp, ông tu hành gian nan, giữ điều thiện, bỏ điều ác, cuối cùng đạt được chính quả.



Tôn giả
Kiên Thông Tỉnh Tiến

71

TÔN GIẢ TÁT ĐÀ BA LUÂN

Tôn giả là người không tiếc thân mình, chẳng cầu danh lợi, xuất gia vì lợi ích của chúng sinh. Một hôm, ông đang



Tôn giả Tôn Đà Ba Luân

tu thiền trong rừng bỗng có một người trên không trung nói vọng xuống: “Chàng trai tốt, bây giờ người nên đi về phía Đông, trên đường chịu ngũ, ăn ít, phải chịu giá rét, hạn hán, mà không phải bận lòng, bao nhiêu khổ nhọc, người chỉ việc kiên trì tìm pháp, sau sẽ tìm được bộ *Bát nhã Ba La Mật kinh*”. Ông lập tức ra đi, trên đường gặp bao gian khổ, sau khi đi được bảy ngày bảy đêm, ông không thể chịu đựng được liền ngửa mặt lên trời gào to: “Sao tôi khổ thế này!”. Bỗng có tiếng người

trên không trung đáp lời ông: “Người mau đến thành Chúng Hương, cách đó 500 do tuần, có vị Bồ tát Vô Ngại là người truyền kinh rất được kính trọng, kinh của ông ta trừ được mọi khổ não, cứu được chúng sinh, linh hội được chân kinh này sẽ được bao nghiệp tốt. Khi nghe xong, ông quên mọi phiền muộn, cấp tốc lên đường, linh hội được *Bát nhã kinh*, truyền bá trong thế gian. Ngài lập được nhiều công quả trong việc giải thoát chúng sinh và chứng quả vị Bồ tát.

72

TÔN GIẢ CÀN ĐÀ HA LY

Trong kinh điển Phật giáo có vị Bồ tát A Đề, ông chính là vị này. Càn Đà Ha Đề, có nghĩa là: thuyết pháp không mệt mỏi. Theo sách *Phiên dịch danh nghĩa tập*, quyển 1: Càn Đà Ha Đề có nghĩa là không nghỉ ngơi, thường xuyên niệm Phật để đạt đến quả vị Tát bà, xưa kia không nghỉ

ngôi. Theo sách *A Di Đà kinh yếu giải*, thuật ngữ này có nghĩa là không nghĩ ngôi, đây là phép tu hành miệt mài không ngưng trệ. Theo *A Di Đà kinh sơ*, “không nghĩ ngôi có nghĩa là không ngừng giáo hóa chúng sinh”. Lại theo *A Di Đà kinh nghĩa thuật*, “Càn Đà Ha Đề là màu sắc đỏ”. Lại theo *A Di Đà kinh nghĩa kí*, Càn Đà Ha Đề dịch là Hương ý”. Như vậy, Càn Đà Ha Đề là một vị Tôn giả tu hành miệt mài, là cao tăng mãi dẫn dụ chúng sinh.



Tôn giả Càn Đà Ha Ly

73

TÔN GIẢ GIẢI KHÔNG TỰ TẠI



Tôn giả Giải Không Tự Tại

Tên là A Mục Pháp Bạt Chiết La, tiếng Hán dịch là: Bất Không Kim cương. Ngài thông hiểu Phật học, lĩnh hội được Phật pháp, là tổ của Bắc Thiên Trúc. Tiên tổ của ngài là một tộc người theo đường biển sang Trung Quốc định cư vào thời Đường. Ngài thông minh từ bé, 15 tuổi đi tu tại chùa Từ Ân, thành Trương An. Kim Cương Trí là một danh sư Ấn Độ đã thụ giới cho ông, và xem ông như pháp khí. Các kinh điển quan trọng, ông đều được thầy truyền hết và trở thành vị danh tăng lúc bấy giờ.

Niên hiệu Khai Nguyên thứ 29 (741) thấy ông viên tịch, những người bạn tu không làm theo di chúc của thầy ông, lên thuyền

trở về Ấn Độ với mục đích truy tìm ý nghĩa kinh điển Phật giáo. Tại Ấn Độ, ông đã từng thăm nhiều chùa, cầu đạo ở nhiều danh tăng và linh hội được nhiều tri thức Phật giáo. Năm Thiên Bảo thứ 5 (746) ông về Trường An, lại sùng kính Phật giáo Trung Quốc, được đích thân vua Đường Huyền Tông đứng ra cử hành nghi thức quán đảnh. Sau loạn An Lộc Sơn, Bất Không được trao chức Hồng lô Tự khanh, rồi tiến hành phiên dịch 70 bộ kinh dâng lên triều đình, ông mất năm Đường Đại Lịch thứ 9 (774).

74

TÔN GIẢ MA HA CHÚ NA



Tôn giả Ma Ha Chú Na

Ông còn có tên là Ma Ha Chu Na, đệ tử của Phật Đà. Theo *Tứ Phần luật*, quyển 12: “Khi Thế tôn tại vườn Kỳ Thụ Cấp Cò Độc nước Xá Vệ, cùng 500 vị đại Tỷ kheo vào mùa an cư, họ đều là các bậc tri thức như Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Tôn giả Đại Ca Diếp,... Ma Ha Chú Na là một trong những đệ tử luôn hầu cạnh Đức Phật, rất có tiếng, được tín đồ Phật giáo biết rõ”.

75

TÔN GIẢ KIẾN NHÂN PHI ĐĂNG

Là danh tăng đời Đường, pháp hiệu Nhân Thiện, quê ở Kỳ Tịch, họ tên và năm sinh không rõ. Sau khi xuất gia, ông vào



núi cao tu học Phật pháp, vài năm sau đắc đạo, thân tâm thanh tịnh, thâm nhập được vào cõi Thiền, thông hiểu Phật pháp, mở lòng hiểu tính mà không gặp trở ngại, biết rằng cảnh giới sinh tử của Niết bàn không có chuyện quá khứ, tương lai. Nhưng, việc đời vẫn vít, du thiệp khắp nơi, ở không kiên định, được người đời gọi là Hòa thượng Đăng Thắng. Ông viết sách *Liễu Nguyên ca*, được lưu truyền rộng rãi. Năm 695, ông bị phát hiện hành tung, và bị triệu vào triều Võ Tắc Thiên tham gia đàm luận về áo chỉ đạo Phật. Nhân Thiền nhìn Võ Hậu một lúc hỏi rằng: “Đây là áo chỉ của Phật, hiểu không?”. Võ Hậu trả lời: “Không hiểu”. Ông nói: “Lão tăng không cần nói cũng linh hội được, không nên dùng lời”. Nói xong ông quay gót bước đi. Ngày hôm sau, ông dâng một bài ca lược thuyết về yếu chỉ của Phật giáo, Võ Hậu đọc xong vui mừng liền sắc lệnh cho ông đến ở chùa Phúc Tiên - Lạc Dương. Không lâu sau, ông lại mất hành tung.



Tôn giả
Kiến Nhân Phu Đăng

76

TÔN GIẢ BẤT KHÔNG BẤT HỮU

Tên ông được gọi theo đức hạnh. Trong Phật giáo “Không” và “Có” là hai khái niệm đối lập. “Không” là chỉ trạng thái không, thực thể của phép cứu cánh, do nhân duyên sinh ra, nó giống như hoa trong gương, trăng đáy nước, nên gọi như vậy. Nhưng cũng không gọi là trạng thái hư vô như lông rùa, sừng thỏ, là giả hữu. Theo *Chú Duy ma kinh*, *Phẩm Đề từ*:



Tôn giả Bất Không Bất Hữu

“Tiểu Thừa cho rằng, Pháp được khởi dựng trong trạng thái vô chân, chủ mang nghĩa Không, tuy có thể quán cái Không, nhưng tại Không chưa thể tường tận, nên chẳng cứu cánh; Đại Thừa Có mà chẳng Có, Không chẳng phải Không, cái lý không thể hiểu hết, nên có việc cứu cánh”. Tôn giả Bất Không Bất Hữu quán thiền nhiều năm, liễu ngộ được trạng thái Thực của Không, đạt tới cảnh giới “tại Có không Có, tại Không chẳng Không” của Đại Thừa.

77

TÔN GIẢ CHU LỢI BÀN ĐẶC

Còn gọi là Chu Lợi Bàn Đặc Già, nghĩa là kẻ tục được đạo. Kiếp trước Tôn giả đã từng xuất gia, thông hiểu Phật pháp, nhưng vì tính tình kín đáo nên không truyền lại cho ai. Trước khi chết, ông nghĩ rằng: Ta đã dày công nghiên cứu kinh Phật mà chẳng làm được gì cho chúng sinh, khi ta chết phỏng có ích gì? Ông ra đi mang theo niềm hận, nhưng trí tuệ được siêu sinh đến kiếp này, liền xuất gia, ở chùa 24 năm mà không đọc được bài kệ, khóc to trước cửa chùa, mọi người biết ông là người có căn tu, liền đem ông về cho quét chùa, để có thể ngày ngày quét chùa, niệm



Tôn giả Chu Lợi Bàn Đặc



hai chữ kệ “trừ cầu”, nếu quên được kệ thì có thể quên thân mình. Chu Lợi ngày ngày niệm Phật, sau ngộ được đạo. Trừ có nghĩa là thanh tịnh, “Cầu” là tà niệm trói buộc thân tâm, lòng trong sạch không có tà niệm là đã ngộ đạo. Ông ngộ được điểm hóa của Phật tổ, chứng quả vị La hán.

78

TÔN GIẢ CÙ SA TỠ KHEO

Cù Sa nghĩa là Diệu âm, Mỹ âm. Tương truyền, kiếp trước ông là chó, từng kêu mời Phật đến nhà để gia chủ cúng dàng, vì việc làm tốt đó, được chuyển kiếp làm người, tiếng nói trong trẻo. Thời vua A Dục, ông tu hành ở chùa trong rừng Bồ đề. Khi Thái tử của vua A Dục là Câu Lăng Nã hai mắt không được sáng, Cù Sa được mời đọc kinh, vì thế mà Thái tử sáng mắt trở lại. Tượng ông có dáng tay cầm tiêu, tai Cù Sa đẹp dễ sinh động, có thanh âm trị các bệnh.



Tôn giả Cù Sa Tỳ Kheo

79

TÔN GIẢ SƯ TỬ TỠ KHEO

Là tổ thứ 24 của Phật giáo, mang họ Bà La Môn, là con vua Trung Ấn, ông nghe rộng, nhớ nhiều, thông minh, trí



Tôn giả Sư Tử Tỳ Kheo

tuệ hơn người. Vua cha sùng tín Phật giáo, Sư Tử từ nhỏ được Phật giáo hun đúc, rồi quyết chí học Phật. Một ngày, tổ 23 Phật giáo là Hạc Lạc Na vào cung thuyết pháp, Sư Tử hỏi rằng, như thế nào là dốc lòng học Phật, Hạc Lạc Na kiến giải rõ ràng, ngôn ngữ, ý tứ huyền diệu, khiến người nhập vào cảnh giới Thủ thắng, thân tâm Sư Tử tức thì nhập vào cảnh giới Phật học, liền xuất gia đi tu. Hạc Lạc Na liền đem pháp tạng giao cho Sư Tử cùng nói về kiếp số sở tại của nửa đời sau,

chúc phước cho hộ trì. Sau khi chuyển pháp, Hạc Lạc Na diệt độ. Lúc đó nước Kế Tân có năm tăng già tu thiền, tính ngộ hơn người, lời nói tốt đẹp, Sư Tử đến nước đó để luận đạo cùng năm người, năm người đều phục. Sư Tử do đó mà tiếng dậy gần xa. Kế Tân có một trẻ nhỏ, từ khi sinh ra tay trái đã co lại không duỗi ra được, sau khi gặp được Tỳ kheo, tay đã mở ra, mang một quả cầu báu dâng cho Sư Tử. Tỳ kheo thấy rằng, mình vốn có duyên với cậu bé, liền đem pháp y truyền cho cậu. Đứa bé chính là tổ 25 của Phật giáo. Không lâu sau, bọn đồng cốt hoành hành, Sư Tử bị vua nước Kế Tân giết, vị tiên núi Bạch Tượng dựa vào lực thần thông mà biết Tôn giả đã chịu nỗi oan liền dựng tháp táng.

80

TÔN GIẢ TU HÀNH BẤT TRƯỚC

Tên ngài được gọi theo phẩm đức. Tu Hành tức là dựa theo nghĩa lý của Phật pháp mà tiến hành Giới Định Tuệ; Trước



tức là cái tình trong lòng luôn ham muốn sự vật. Theo *Pháp Hoa kinh*, *Phương tiện môn*: “Từ khi ta thành Phật, gặp vô số nhân duyên, dùng bao thí dụ để diễn giải giáo nghĩa, tạo vô số phương tiện dẫn dắt chúng sinh xa lìa khổ ải. Theo quyển trung, *Thích Môn quy kinh nghi*: “ham vật là gốc của bệnh”. Như vậy yếu chỉ của tu hành là diệt trừ ham muốn để đào thải gốc của bệnh. Tôn giả Tu Hành Bất Trước thông qua thực tiễn Giới Định Tuệ của mình, gặp bất cứ việc gì cũng không được ham muốn, lòng phẳng lặng như mặt nước.



Tôn giả Tu Hành Bất Trước

81

TÔN GIẢ TẮT LĂNG GIÀ SA



Tôn giả Tắt Lăng Già Sa

Cũng gọi là Tắt Lan Đà Phiệt Sa, Tắt Lăng Già Bà Sa, Tắt Lăng, là đệ tử nổi tiếng nhất của Phật tổ Thích Ca Mâu Ni, tuy dốc lòng theo Phật giáo nhưng khó mà bỏ được thói xấu hung hăng bất nạt người khác. Ngài thường đi khát thực bên bờ sông Hằng, mỗi lần qua sông đều nói với thần sông Hằng rằng: “Kẻ hầu hạ kia, ta phải qua sông, hãy làm nước sông ngừng chảy”. Thần sông vâng lệnh, Tắt Lăng Già Sa đi bộ giữa khoảng không giữa hai bên nước mà qua sông. Thần sông

Hằng cảm thấy ngài rất vô lễ, bèn tới nơi ở của Phật tổ bày tỏ nỗi khổ sở của mình, Tất Lăng Già Sa chấp hai tay mà nói với vị thần rằng: “Kẻ hủ hạ kia, chớ tức giận, ta sẽ hành lễ với nhà ngươi đây.” Mọi người thấy ngài lại một lần nữa thất lễ gọi vị thần là “kẻ hủ hạ” đều ôm bụng cười sặc sụa. Phật tổ nói với vị thần sông Hằng rằng: “Tất Lăng Già Sa 500 năm chuyển sinh tại các gia tộc Bà la môn cao quý, ông ta tuy dốc lòng quy y Phật pháp, nhưng thói xấu tự cao coi thường khinh bạc người khác khó đổi, mong mọi người hãy rộng lượng với ông ta!”. Cho đến sau khi Tất Lăng Già Sa diệt độ, tật xấu khinh thường, hiếp đáp người khác của ngài vẫn chưa thể sửa đổi.

82

TÔN GIẢ MA LỢI BẤT ĐỘNG



Tôn giả Ma Lợi Bất Động

Nhờ đức hạnh mà được đặt tên. Ma Lợi cũng gọi là Ma Lê, Ma La Da, Ma La Diên, dịch nghĩa là Trừ Cấu, tên núi, ở nước Ma Lợi Già La Da phía Bắc Ấn Độ. Trong núi có loại Chiên Đàn Hương đặc biệt, người đi vào trong núi thân tâm đều thơm tho, thanh khiết, vì thế mà có tên là Trừ Cấu (loại bỏ nhơ bẩn). *Trí độ luận*, quyển hai viết: “Như nhờ có cây chiên đàn hương mà có núi Ma Lợi, trừ núi Ma Lợi ra thì không nơi nào có chiên đàn hương”.

Ma Lợi Bất Động tôn giả trải qua tu hành, đã loại bỏ được những nhơ bẩn như tham, sân, si, tâm tính thanh tịnh thanh khiết, định tại ở một nơi mà không



tán loạn, an định như núi lại không bị bất kỳ ngoại vật nào làm cho động tâm, dần dần tới được cảnh giới vô khổ vô lạc, chứng thành quả vị A La hán.

83

TÔN GIẢ TAM MUỘI CAM LỘ

Tôn giả tên là Cam Lộ Quân Thái Lợi Minh Vương, là một trong năm đại minh vương. *Nhân Vương kinh*, *Phụng trì phẩm* cho rằng, thế giới tương lai sẽ có năm vị Phật vương chủ trì năm phương Phật pháp, thuộc hạ của năm vị Phật gồm có một bồ tát, một minh vương, vị bồ tát ấy chính là luân thân chính pháp của năm vị Phật, lấy Phật pháp để độ hóa chúng sinh; vị minh vương ấy chính là luân thân giáo lệnh của năm vị Phật, thi hành những giáo lệnh của Phật, tiêu diệt



Tôn giả Tam Muội Cam Lộ

hết những tà ác giáng xuống thế gian. Cam Lộ Quân Thái Lợi Minh Vương là Luân thân giáo lệnh của Bảo sinh Như Lai ở phương nam, có thể hiện ra nghìn cánh tay, trong tay cầm các loại khí trượng kim cương, tiêu diệt tất cả những hung thần làm cho con người nảy sinh ra những phiền não và oán hận và tất cả những ma quỷ hại người, hàng phục những Tỳ Na Dạ Già thường theo quỷ, ma người, ma rồng, kim cương dạ xoa, và điều phục tất cả những người ngoại đạo lẫn những người không tin theo Phật giáo. Đồng thời, ngài cũng đem nước Cam Lộ vẩy khắp nhân gian, giáng phúc cho tất cả những người tu hành theo Phật giáo, nuôi

duyên trí tuệ cho chúng sinh, khiến những kẻ ngu tối biến thành thông minh.

84

TÔN GIẢ GIẢI KHÔNG VÔ DANH



Tôn giả Giải Không Vô Danh

Nhờ đức hạnh mà được đặt tên. *Chú Duy Ma kinh* quyển 9 viết: “Thấu suốt không vô, mà lại chẳng bỏ qua những khổ đau lớn ở đời”. Tôn giả Giải Không Vô Danh thông qua nghiên cứu học tập tu luyện Phật tạng mà thấu hiểu tất cả mọi chuyện của thế gian là do nhân duyên sinh ra, trong phút chốc mà sinh mà diệt, “chư pháp cuối cùng không có gì cả”, tất cả đều hư ảo không có thực, chỉ có lý thể hư không, tĩnh lặng, sáng rõ và thanh tịnh mà thôi. Có điều là ngài chẳng vì có được giải ngộ “không vô” mà thờ ơ trước chúng sinh, mà lại coi những đau khổ của chúng sinh thành những đau khổ của chính mình. Trong lòng còn vô hạn những thương xót nên ngài dốc hết toàn lực để cứu độ cho chúng sinh.

85

TÔN GIẢ THẤT PHẬT NAN ĐỀ

Vị tổ thứ 7 của Phật giáo tôn giả Phật Đà Nan Đề, cũng được gọi là Thất Phật Nan Đề. Là người phía Bắc



tán loạn, an định như núi lại không bị bất kỳ ngoại vật nào làm cho động tâm, dần dần tới được cảnh giới vô khổ vô lạc, chứng thành quả vị A La hán.

83

TÔN GIẢ TAM MUỘI CAM LỘ

Tôn giả tên là Cam Lộ Quân Thái Lợi Minh Vương, là một trong năm đại minh vương. *Nhân Vương kinh*, *Phụng trì phẩm* cho rằng, thế giới tương lai sẽ có năm vị Phật vương chủ trì năm phương Phật pháp, thuộc hạ của năm vị Phật gồm có một bồ tát, một minh vương, vị bồ tát ấy chính là luân thân chính pháp của năm vị Phật, lấy Phật pháp để độ hóa chúng sinh; vị minh vương ấy chính là luân thân giáo lệnh của năm vị Phật, thi hành những giáo lệnh của Phật, tiêu diệt hết những tà ác giáng xuống thế gian. Cam Lộ Quân Thái Lợi Minh Vương là Luân thân giáo lệnh của Bảo sinh Như Lai ở phương nam, có thể hiện ra nghìn cánh tay, trong tay cầm các loại khí tượng kim cương, tiêu diệt tất cả những hung thần làm cho con người nảy sinh ra những phiền não và oán hận và tất cả những ma quỷ hại người, hàng phục những Tỳ Na Dạ Già thường theo quỷ, ma người, ma rồng, kim cương dạ xoa, và điều phục tất cả những người ngoại đạo lẫn những người không tin theo Phật giáo. Đồng thời, ngài cũng đem nước Cam Lộ vẩy khắp nhân gian, giáng phúc cho tất cả những người tu hành theo Phật giáo, nuôi



Tôn giả Tam Muội Cam Lộ

dương trí tuệ cho chúng sinh, khiến những kẻ ngu tối biến thành thông minh.

84

TÔN GIẢ GIẢI KHÔNG VÔ DANH



Tôn giả Giải Không Vô Danh

Nhờ đức hạnh mà được đặt tên. *Chú Duy Ma kinh* quyển 9 viết: “Thấu suốt không vô, mà lại chẳng bỏ qua những khổ đau lớn ở đời”. Tôn giả Giải Không Vô Danh thông qua nghiên cứu học tập tu luyện Phật tạng mà thấu hiểu tất cả mọi chuyện của thế gian là do nhân duyên sinh ra, trong phút chốc mà sinh mà diệt, “chư pháp cuối cùng không có gì cả”, tất cả đều hư ảo không có thực, chỉ có lý thể hư không, tĩnh lặng, sáng rõ và thanh tịnh mà thôi. Có điều là ngài chẳng vì có được giải ngộ “không vô” mà thờ ơ trước chúng sinh, mà lại coi những đau khổ của chúng sinh thành những đau khổ của chính mình. Trong lòng còn vô hạn những thương xót nên ngài dốc hết toàn lực để cứu độ cho chúng sinh.

85

TÔN GIẢ THẤT PHẬT NAN ĐỀ

Vị tổ thứ 7 của Phật giáo tôn giả Phật Đà Nan Đề, cũng được gọi là Thất Phật Nan Đề. Là người phía Bắc



nước Thiên Trúc - Ấn Độ xưa. Khi đức Phật còn tại thế, từng dẫn đệ tử đi thăm khắp vùng Bắc Ấn Độ, lúc đó có nói với đệ tử A Nan rằng: “Sau khi ta diệt tịch ba trăm năm, sẽ có một thánh nhân là Phật Đà Nan Đề giảng sinh xuống trần và sẽ hoằng dương Phật pháp tại nơi này. Đến lúc đó, Thất Phật Nan Đề ra đời, trí tuệ của ngài hơn người, lại giỏi về lý giải tất cả các đạo lý, ngài lại có thêm tài hùng biện, giỏi hơn tất cả những nhà hùng biện trên đời. Ngài



Tôn giả Thất Phật Nan Đề

có thể nhớ về những trải nghiệm của tiền kiếp, từng nói với người khác rằng, kiếp trước đã tự mình dâng lên Như Lai một bảo toà, nhờ đó mà có được nhân duyên, kiếp này ta sẽ hoằng dương Phật pháp trong Phật giáo Thích Ca, bởi thế ngài lập chí xuất gia. Một ngày, vị thế tổ thứ sáu của Phật giáo - tôn giả Di Già Gia vân du ở Bắc Thiên Trúc, nhìn từ xa trên bầu trời ở kinh thành có đám mây lành màu vàng, bèn ngạc nhiên vui mừng mà than rằng: “Dưới đám mây lành ắt có bậc đại sĩ, có thể kế thừa được Phật pháp”. Sau khi vào trong thành quả nhiên tìm được Thất Phật Nan Đề, độ hóa ngài cắt tóc đi tu. Thất Phật Nan Đề thông minh hơn người, nhất kinh chỉ điểm, đối với Phật pháp hoàn toàn thông hiểu. Vì thế, Di Già Gia đem Pháp tạng truyền cho Phật Đà Nan Đề, lại dặn dò ngài phải truyền rộng Phật pháp, làm lợi cho thế gian, Phật Đà Nan Đề trở thành vị tổ thứ bảy của Phật giáo, cuối cùng, trong một lần đi hóa duyên khát thực, ngài đã đi vào cõi Niết bàn. Mọi người thu nhặt xá lị mà xây tháp cúng dàng.

TÔN GIẢ KIM CƯƠNG TỈNH TIẾN



Tôn giả Kim Cương Tỉnh Tiến

Nhờ đức hạnh mà được đặt tên. Kim Cương, chỉ tính vững bền, sắc nhọn, có thể bẻ gãy được tất cả trí tuệ, đúng như những gì đã nói trong *Đại tạng pháp số*, quyển 41: “Luyện hàng trăm lần cũng không tiêu tan, cho đến khi cứng và sắc bén”. Tỉnh tiến, là để chỉ nghị lực dũng mãnh hướng lên phía trước, tu thiện bỏ ác, đúng như những gì viết trong sách *Từ Ân thượng sinh kinh số*, quyển hạ: “Tỉnh là ý nói tỉnh thuần, không có suy nghĩ ác, tạp, tiến là nói thăng tiến mà không lười biếng.” Trong *Hoa nghiêm đại số*, quyển 5 cũng viết rằng: “Tỉnh tiến có nghĩa là:

Rèn tâm phải làm theo pháp danh thì gọi là tỉnh, tỉnh tâm để đạt được mục tiêu thì gọi là tiến”. Tôn giả Kim Cương Tỉnh Tiến dốc lòng theo Phật pháp cũng giống như kim cương vững chắc sắc nhọn, hết thảy các ma quỷ trong lòng đều bị diệt tuyệt, những điều xấu xa đều được tẩy trừ, công đức ngày càng tăng tiến, mãi mãi không dừng, mãi mãi không lười nhác trễ nải.

TÔN GIẢ PHƯƠNG TIỆN PHÁP TẠNG

Có thể tạo ra những phương pháp và cách thức để làm lợi cho người khác thì gọi là phương tiện, tất cả các học thuyết của Phật giáo đều gọi là phương tiện (phương thức). Tôn giả Pháp

Tạng có công đức lớn ngày càng nhiều lên với những học thuyết hoàng dương Phật pháp, vì thế gọi ngài là Phương Tiện Pháp Tạng. Tôn giả Pháp Tạng là người sống vào đầu thời Đường, tổ tiên ở Tô Châu, tục họ là Gia Cát, là hậu duệ của Gia Cát Cẩn nước Ngô thời Tam Quốc. Năm ba mươi sáu tuổi Tôn giả xuất gia làm tăng, theo Khâm thiên sư của chùa Tịnh Vực học Phật pháp, trong những năm Vĩnh Huy (năm 696 - năm 700) thì được thụ giới. Pháp Tạng nhờ kiến giải Phật học uyên bác và



Tôn giả Phương Tiện Pháp Tạng

khí phách giữ giới nghiêm túc mà nổi tiếng trong nước. Lúc Võ Tắc Thiên nắm triều chính, có sắc lệnh cho ngài ở đông đô Lạc Dương, kiểm tra việc giữ gìn kinh điển Phật học *Vô tận tạng* ở chùa Đại Phúc Tiên, không lâu sau, lại lệnh cho ngài đi kiểm tra việc giữ gìn kinh điển *Vô tận tạng* ở chùa Hóa Độ, kiêm nhiệm đại đức chùa Tiên Phúc. Pháp Tạng là lãnh tụ của giáo phái Tam giới, một trong những giáo phái của Phật giáo, có được sự trọng dụng của triều đình, được tôn xưng là “Học hạnh quán vu thời” (tạm dịch: Học vấn và đức hạnh đều đứng đầu thời đại). Năm Khai Nguyên thứ hai thời Đường (năm 714), Tôn giả Pháp Tạng viên tịch, thọ 68 tuổi, xây tháp ở núi Chung Nam, chôn xá lý để cúng dàng.

88

TÔN GIẢ QUAN HÀNH NGUYỆT LUÂN

Nhờ đức hạnh mà được đặt tên. Theo cách nói của Phật giáo, hình dáng của trăng tròn sáng rõ cũng giống như tâm



Tôn giả Quan Hành
Nguyệt Luân

bỏ để, vì thế quan sát và chia vầng trăng tròn thành mười sáu phần. Cái gọi là: “Mười sáu phần của vầng trăng, chính là khoảng hợp lại của mặt trăng mặt trời khi đến lúc trời tối buổi đêm, ánh sáng của mặt trăng chính là lấy được từ ánh sáng của mặt trời, sẽ ẩn đi tất cả, nếu sau khi mặt trăng mặt trời giao nhau được một phần thì ánh sáng của mặt trăng ắt sẽ ít hiện ra; lấy phần nhỏ ấy mà hợp với cái sáng rõ của mười lăm ngày trăng về sau, thì thành mười sáu phần”. Có thể thấy, Phật giáo dùng sự sáng tối của

vầng trăng để so sánh với sự tỏ mờ của Phật tính thanh tịnh trong tâm con người. *Ma Ha Bát Nhã kinh* viết: “Trong bản chất của tâm hết thảy đều hữu tình mà có một phần tịnh tịnh, mọi hành động đều có. Cái bản thể của nó vi diệu, sáng tỏ, minh bạch, đến như gặp phải lục thú cũng chẳng thay đổi, giống như một phần trong mười sáu phần của vầng trăng. Phàm là một phần của mặt trăng, nó hòa vào trong khoảng các vì tinh tú, nhưng vì là cái lấy được từ ánh sáng của mặt trời - tính chất của nó là sáng rõ nên nó hiếm thấy. Sau ngày trăng đầu tiên, ngày ngày tròn lên, đến ngày mười lăm là viên mãn tròn đầy”. Cho nên, chú ý tới mặt trăng trong tâm chính là cách để tu dưỡng đạo hạnh, *Mật Tạng bản kỷ* viết: “Duy nhất quan sát vòng quay của mặt trăng, rất lâu về sau, cách thức vòng quay của mặt trăng chính là trong chốc lát quên đi bản thân cũng như mặt trăng, chỉ chuyên chú tới các trí tuệ khác nhau, sau đó làm lợi cho chúng sinh, xuất hiện ở cửa từ bi, rồi quay vòng quay ấy, thu lại về tâm mình”. Tôn giả Quan Hành Nguyệt Luân là một vị La hán tu dưỡng đạo hạnh như thế,

ngài trở thành một cao tăng ở cảnh giới “trắng tức là tâm, tâm tức là trắng, trần uế không nhiễm, vọng tưởng chẳng sinh”, giống như những gì trong *Chứng đạo ca* viết: “Tâm sáng như kính không trở ngại, long lanh, rộng rãi tựa chu sa. Trong hình ảnh hiện ra của lâm la vạn tượng, chẳng ở ngoài vòng tròn sáng”.

89

TÔN GIẢ A NA BẮN ĐÈ

Cũng gọi là Tu Đạt Trưởng Giả, Tu Đạt A Na Bán Đề, người nước Xá Vệ thuộc Ấn Độ xưa, sống cùng thời với đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Nhà Tu Đạt Trưởng Giả rất giàu có, trong nhà có người tớ gái chăm chỉ, chịu khó, sai bà ta quản lý tiền bạc và nhà kho. Tu Đạt Trưởng Giả sùng tín đạo Phật, phàm Phật tử và các đệ tử có nhu cầu gì đều bố thí không tiếc. Người đầy tớ gái cho rằng Tu Đạt ngu ngốc, bị mấy câu nói của những người xuất gia mê hoặc, đến mức khiến cho những tăng nhân xin xỏ không biết chán, bà ta bèn phát ra ác nguyện rằng, mong sớm không phải thấy những tăng nhân này, không phải nghe thấy tên bọn họ. Vợ của vua Ba Tư Nặc nước Xá Vệ là phu nhân Mạt Lợi cũng là người sùng tín đạo Phật, khi nghe thấy chuyện này tức giận vô cùng, lệnh cho Tu Đạt Trưởng Giả đuổi người đầy tớ gái đó ra khỏi nhà. Theo ghi chép của quyển thứ 6, bộ *Quan Phật Tam Muội hải kinh* trong kinh điển nhà Phật, Tu Đạt



Tôn giả A Na Bán Đề

Trưởng Già đề nghị với phu nhân Mạt Lợi rằng, Phật cũng giống như mặt trời nuôi sống vạn vật, những kẻ đại ác như Ương Khuất Ma La, Tiễn Nhân Ni Đề, đều được Phật cảm hóa mà hàng phục, huống hồ người nữ tỳ già cả này lại không thể hàng phục sao? Phu nhân Mạt Lợi chấp nhận ý kiến của Tu Đạt. Một ngày nọ, cung vua bố thí cơm chay cho Thích Ca Mâu Ni và các đệ tử, người đầy tớ gái vâng lệnh cầm bình bấu đến trước để góp vui, nhờ chịu sự cảm hóa của đức Phật mà sự hiểu sai về các tăng nhân trước đây bỗng chốc tiêu tan. Tu Đạt A Na Bán Đề có được sự linh hội toàn diện các học thuyết của Phật học, sau đắc được chính quả, được thăng làm La hán Đại A.

90

TÔN GIẢ PHẬT TRẦN TAM MUỘI

Phật Trần là để chỉ trừ bỏ mọi phiền não của thế tục, tránh khỏi những ảnh hưởng của thế giới khách quan; Tam Muội ý là định, chỉ tâm chuyên chú một cõi mà không bị rơi vào trạng thái tinh thần tán loạn. Trong *Tam thừa bách pháp minh môn luận* trung sơ có viết: “Tại cảnh quan mà khiến cho người ta chuyên chú không phân tán là tính, theo trí là nghiệp. Nói đến xem xét chuyện đặc thất, đều không phải tại trong cảnh sắc mà là tại định linh tâm không phân tán, theo cách đó mà lại chọn lựa thì trí sẽ sinh ra”. *Kinh Đại thừa*



Tôn giả Phật Trần Tam Muội



nghe chương, quyển 19 lại viết: “Tâm thể tĩnh lặng, cách xa tà loạn, vì thế mà gọi là ‘Tam Muội’”. Phất Trần Tam Muội chính là chỉ Tổ sư Bắc tông Thiền tông Thần Tú, theo học thuyết của ngài mà khái quát thành “Phất Trần khán tĩn”. Theo ghi chép của các sách *Cao Tông tăng truyện*, Thần Tú tục họ là Lý, ở Biện Châu. Hiểu biết rộng rãi, sau khi xuất gia tới chùa Đông Sơn núi Song Phong ở Kỳ Châu gặp Hoàng Nhẫn pháp sư, chẻ củi gánh nước, phục dịch sáu năm, được Hoàng Nhẫn rất coi trọng, lệnh cho làm thượng tọa, và lệnh làm “giáo thụ sư”. Sau khi Hoàng Nhẫn viên tịch, Thần Tú truyền pháp tại chùa Ngọc Tuyền núi Dương Dương ở Kinh Châu, người theo rất đông. Lúc hơn 29 tuổi thì bị Võ Hậu Tắc Thiên triệu tới Lạc Dương, sau lại triệu tới đạo tràng trong thành Trường An, Võ Tắc Thiên đích thân làm lễ. Sau khi ngài viên tịch, được Đường Trung Tông ban cho thụy hiệu “Đại Thông Thiền Sư”. Nghe nói khi Hoàng Nhẫn pháp sư chọn người kế tục, sai nhiều người làm kệ, Thần Tông có làm bài kệ như sau:

*“Thân thị bồ đề thụ,
Tâm như minh kính đài,
Thời thời cần phát thức,
Hốt sừ nặc trăn ai”.*

Tạm dịch:

(Thân như cây bồ đề,
Tâm như đài gương sáng,
Luôn luôn chăm lau dọn,
Sao có bụi trần bám vào được đây?)

Hoàng Nhẫn pháp sư cho rằng vẫn chưa ngộ hết, bèn không trao cho y bát làm người kế tục.

TÔN GIÀ MA HA CỤ HI

*Tôn già Ma Ha Cu Hi*

Cũng gọi là Ma Ha Lô, Ma Ha Cụ Sất Sĩ La, Câu Sất Sĩ La. ở bên ngoài thành đô nước Đa Ma Duy thuộc Ấn Độ xưa có một tự viện, bên trong có 500 tăng nhân niệm kinh tu đạo. Trong đó có một nhà sư già tên là Ma Ha Lô, đầu óc trì độn, 500 nhà sư còn lại thay phiên nhau dạy ông học kinh, trong mấy năm ròng mà không thuộc nổi một bài kệ, vì thế mà bị mọi người khinh miệt, không được tham dự buổi pháp hội, bị sai đi coi gác cổng chùa, quét dọn sân. Một

ngày nọ, nhà vua đặt yến tiệc cúng dàng các sư ở trong cung, Ma Ha Lô không được tham dự. Ma Ha Lô tự nghĩ: Mình sinh ra đã ngu đần, bị người khác khinh khi, chẳng thà chết đi cho xong! Rồi tới dưới gốc cây lớn ở hậu viên định tự quyền. Phật tổ Thích Ca Mâu Ni từ nơi xa biết được việc này, trong nháy mắt tới bên gốc cây, nói rằng: Kiếp trước có 500 nhà sư, tự cho trí tuệ có thừa, nhưng lại tiếc ré kinh nghĩa không chịu truyền cho người khác, đến nỗi căn tội của chúng sinh đời sau ngu tối, người phải tự mình cố gắng, không được tự bỏ dờ. Ma Ha Lô nhận được sự cảm hóa của Phật tổ, lập tức định ý, đầu óc bỗng trở nên thông tuệ hẳn tiếp. Ma Ha Lô cuối cùng tự mình nhập cung, ngồi ở vị trí đầu của buổi yến, buổi cơm chay kết thúc, ngài lại giảng kinh cho nhà vua và các quan đại thần, âm lớn như sấm dậy, từ ngữ thanh tịnh như mưa lành. Dưới sự cảm

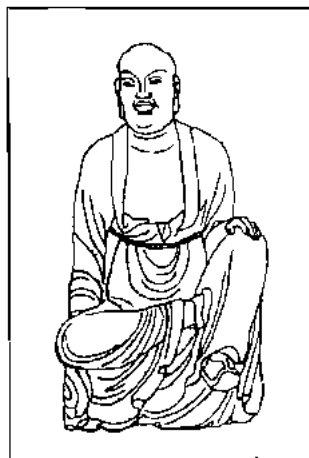


hóa và kêu gọi của Ma Ha Lô, 500 nhà sư giảng kinh bố đạo trong nước, khiến cho bách quan quần thần đều có được quả vị Tu Đà Hoàn (quả vị đầu tiên của Phật giáo). Ma Ha Lô được thăng làm La hán.

92

TÔN GIẢ TỊCH CHI CHUYỂN TRÍ

Trong kinh điển Phật giáo có tám vị Phật Tịch Chi, đứng đầu là quốc vương Ba La Nại, tức là vị La hán này. Phật Tịch Chi gọi đầy đủ là Chi Già Phật Đà, dịch ý là Độc Giác, Duyên Giác. Sách *Trí độ luận* viết: “Ngài lúc đầu phát tâm gặp được Phật, mà suy nghĩ phép của thế gian, sau đắc đạo, thân ra khỏi cõi Phật, tính thích an tĩnh, lại thêm đức hạnh viên mãn mà không chịu sự dạy dỗ của thầy bạn, tự mình ngộ đạo, vì thế mà có tên là Độc Giác; lại trông chờ vào duyên



Tôn giả Tịch Chi Chuyển Trí

trong ngoài, mà ngộ được thánh quả, vì thế mà gọi là Duyên Giác”. Có thể thấy, Độc Giác là chi Phật Tịch Chi tuy sinh ra vào thời không có Phật - “Phật pháp đã diệt”, nhưng nhờ nhân duyên tu hành của tiền kiếp, lại thêm dựa vào trí tuệ của bản thân mà chứng được chính đạo; Duyên Giác là chi Phật Tịch Chi “tự giác không không theo các trí thức khác, quán ngộ được lý lẽ của mười hai nhân duyên mà đắc đạo. Trong *Tạng kinh* có hai quyển *Tịch chi Phật nhân duyên luận*, nói về nhân duyên giác ngộ của 8 vị Phật Tịch Chi.

TÔN GIẢ SÒN ĐỈNH LONG CHÚNG



Tôn giả
Sòn Đỉnh Long Chúng

Lúc Ca Diếp Ba Phật tại thế, tại đầu nguồn sông Tô Bà Phật Tất Đồ (vùng Hà thượng du của Ấn Độ hiện nay) có một người tên gọi là Kinh Kì, người này tinh thông thần chú, lại giỏi chế ngự ác long, cấm long vương không làm mưa to gió lớn gây tai vạ cho dân chúng, khiến cho vùng này mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, hàng năm lương thực dư thừa. Dân chúng trong vùng cảm kích ân đức của Kinh Kì, hàng năm mỗi nhà tự nguyện dâng lên ngài một đầu ngũ cốc, gọi là báo đáp. Năm tháng trôi qua, lòng người

dần lạnh nhạt đối với Kinh Kì, có người đã quên không dâng ngũ cốc. Trong lòng Kinh Kì phẫn nộ, phát nguyện sẽ hóa thành con độc long, dùng cuồng phong mưa lớn để phá hoại mùa màng, khiến cho ruộng đồng thất thu. Sau khi ông chết chuyển sinh thành một con địa long, nằm phục ở đáy suối trên đỉnh núi, mỗi năm vào mùa mưa, suối chảy nước trong, lúa ngô gặp phải nước trong này sẽ biến hết thành khô héo, dân chúng trong vùng bị đói ăn thiếu mặc. Phật tổ Thích Ca Mâu Ni giảng làm xuống trần, thương xót cho kiếp khổ nạn của chúng dân, bèn tới giáo hóa con rồng này, đi theo còn có các lực sĩ dùng gậy kim cương gõ vào vách núi, long vương sợ hãi, nổi lên trên mặt nước mà quy y theo Phật, lắng nghe Phật tổ giảng pháp, trong chốc lát mà tâm địa tĩnh lặng, ác niệm tiêu tan, và nghe theo lời khuyên



dạy của Phật tổ, không tiếp tục phá hoại mùa màng ở đất ấy nữa, cũng từ đó, dân chúng cơm no áo ấm, con rồng này cũng chứng được quả vị La hán.

94

TÔN GIẢ LA VÔNG TƯ DUY

Trong kinh điển của Phật giáo có Bảo Tư Duy cũng chính là vị La hán này. Bảo Tư Duy, tên tiếng Phạn là A Nhĩ Chân Na, là người nước Già Thấp Mật La thuộc Bắc Ấn Độ, giết vua để làm lợi cho chúng sinh. Từ nhỏ đã rời khỏi nhà, lấy thiền tụng làm nghiệp, sau khi xuất gia chuyên tinh luật phẫm. Tuệ giải của ngài hơn người, học thức uyên bác, coi hoàng dương Phật pháp làm nhiệm vụ của mình. Năm thứ hai niên hiệu thời Vô hựu Tắc Thiên triều Đường, ngài đã đến Lạc Dương, Trung Quốc, lại nhận sắc làm trụ trì chùa Thiên Cung, bắt đầu tiên hành sự nghiệp dịch kinh Phật. Đến năm thứ hai niên hiệu Thần Long thời Đường Trung Tông, trước sau ngài dịch được bảy bộ kinh *Phật Bất Không La Sách Đà La Ni Kinh*. Sau những năm Thần Long, Bảo Tư Duy không tiếp tục dịch kinh Phật nữa, mà chỉ chuyên tâm vào lễ tụng, tu chư phúc nghiệp. Hàng ngày ngài thức dậy sớm, xay hương làm nước, sau khi tắm rửa cho tượng Phật rồi mới đi ăn cơm. Ngoài y bát ra, bên người có gì ngài đều đem ra bố thí, không giữ riêng vật gì cả. Sau ngài lại xin triều đình cho xây một ngôi chùa ở núi Long Môn, các thế



Tôn giả La Vông Tư Duy

chế đặt ra đều giống như các chùa bên Tây Vực, vì thế có tên là chùa Thiên Trúc. Ngài và các bạn học môn đồ cùng tu hành trong chùa. Năm thứ chín niên hiệu Khai Nguyên thời Đường Huyền Tông, ngài viên tịch, thọ hơn trăm tuổi, được xây tháp cúng bái.

95

TÔN GIẢ KIẾP TÂN PHÚC TẠNG



Tôn giả Kiếp Tân Phúc Tạng

Kiếp Tân Phúc Tạng dịch ý là người do sao Phòng giảng trần mà chuyển sinh ra. Cha mẹ của Kiếp Tân tuổi đã cao mà không có con cái gì, cầu sao Phòng trong nhị thập bát tú, sao Phòng hữu cảm mà giảng xuống trần gian, chuyển hóa thành người. Cha mẹ ngài tuổi cao mà lại có con, tròn lòng cảm kích trời xanh, đặt tên con là Kiếp Tân Na, dịch ý là sao Phòng. Kiếp Tân Na khi trưởng thành thì xuất gia làm tăng, thông tuệ hơn người, sau khi xuất gia vào chùa tu hành không lâu thì thông thuộc Phật điển, đặc biệt nắm rõ như lòng bàn tay các vì tinh tú trên trời. Phật tổ Thích Ca Mâu Ni biết được đạo căn của Kiếp Tân Na đã chín, liền biến thành một nhà sư già, sống cùng với ngài, thuyết pháp cho Kiếp Tân Na. Kiếp Tân Na được Phật tổ điểm hóa, nhanh chóng thấu nhận được ý nghĩa tinh túy của Phật học, sau khi đắc đạo chứng được quả vị La hán, vì ngài thông thuộc các vì tinh tú trên trời cũng được gọi là “Tri tinh tú đệ nhất” - người thông thuộc các tinh tú giỏi nhất.



TÔN GIẢ THẦN THÔNG ỨC CỤ

Tức Mục Kiền Liên, cũng gọi là Ma Ha Mục Kiền Liên, Mục Liên. Một Đặc Già La Tử..., dịch ý là họ Thái Thúc. Ngài là người ngoại thành thành Vương Xá nước Ma Kiệt Đà thuộc Ấn Độ. Trong mười đại đệ tử của Phật tổ Thích Ca Mâu Ni, Mục Kiền Liên được tôn xưng là Thần Thông đệ nhất.

Theo truyền thuyết, Mục Kiền Liên và Xá Lợi vốn đều là tu tập ngoại đạo, mỗi người có khoảng một trăm đệ tử. Hai người hện nhau, ai có thể giải thoát trước, thì phải báo cho đối phương. Sau Xá Lợi chẳng những gặp được Mã Thắng Tỷ Khưu, lại được nghe Phật Đà thuyết pháp, trong lòng khai ngộ. Liên báo cho Mục Kiền Liên, hai người liền dốc lòng quy Phật, xin vào làm đệ tử trong Phật viện. Mục Kiền Liên thần thông quảng đại, thân thể phi phạm, có thể bay tới mười phương, lên tới tận trời Đâu Sát. Vì thần thông là cái tạo ra định lực, vì thế có phối nó với bên trái, nên là đệ tử đứng bên trái của Phật tổ. Lúc Phật sắp đi vào cõi Niết bàn, Mục Kiền Liên theo thông lệ muốn đi vào cõi Niết bàn trước, bèn vào trong thành Vương Xá, bị các vị Bà la môn phản đối Phật giáo lấy gậy đánh đuổi, Mục Kiền Liên biết được đây là tức nghiệp, vì thế không hề trốn tránh. A Đồ Thế Vương biết được chuyện này, hạ lệnh bắt giết tất cả các Bà la môn tu hành ngoài đạo, Mục Kiền Liên đã cố ý hiện thân để khuyên ngăn.



Tôn giả Thần Thông ỨC CỤ

TÔN GIẢ CỤ THỌ CỤ ĐỀ



Tôn giả Cụ Thọ Cụ Đề

Tôn giả tên là Sa Môn Thập Nhị ức, là đệ tử nổi tiếng của Phật tổ, học tập Phật pháp chuyên cần, cố gắng mà không lười nhác, lại giỏi về tích đức hành thiện, dám cắt đứt ác nghiệp; đối với các đạo lý Phật học mà ngài học được, việc cầu pháp thì cần phải tinh thuần, việc tu dưỡng tâm tính thì phải cầu cho thông đạt, trong các Tỳ kheo ngài được tôn xưng là Tinh tiến đệ nhất. Theo *Hiền ngu kinh*, quyển 6 có chép, một lần Phật tổ dẫn các đệ tử đến nhà Bà la môn Tiệm Na giảng kinh, các đệ tử đều thi triển các phép thần thông. Sa Môn Thập Nhị ức biến ra một con đường lớn trong không trung, lấy ngọc lưu ly lát đường, đem đồ thất bảo để trang hoàng, hai bên ven đường lại có cây cao rợp bóng, trên cây lại treo vô vàn các đồ châu báu tinh xảo, Sa Môn Thập Nhị Ưc bay lên không trung mà đi giữa con đường, chậm chậm mà tới, Tiệm Na nhìn từ xa, kinh ngạc trước uy đức của Phật pháp mãi không thôi.

TÔN GIẢ PHÁP VƯƠNG BỒ ĐỀ

Nhờ đức hạnh mà được đặt tên. Trong Phật giáo, Pháp Vương là tôn xưng của Phật tổ. *Pháp Hoa kinh*, *Dược*



ương phẩm có viết: “Phật Như Lai là vua của các Pháp Vương”. Quyển thượng, sách *Thích Ca phương chí* có chép: “Người phàm đạt tới vị trí cao nhất thì gọi là Luân Vương, thánh nhân đạt tới vị trí cao nhất thì gọi là Pháp Vương”. Trong *Duy Ma Kinh*, *Tuệ Viễn viết chú* sớ có viết: “Đức Phật trong chư pháp đắc thắng tự tại, vì thế mà có tên là Pháp Vương”.



Tôn giả Pháp Vương Bồ Đề

Bồ Đề, nghĩa là Giác, quyển một, sách *Thành duy thức luận thuật ký* viết: “Tiếng Phạn nói bồ đề, ở đây dịch thành giác (giác ngộ), giác pháp là gốc của tính vậy.” Có điều, cảnh giới của giác gồm có hai phép là Sự và Lý. Lý, tức Niết bàn, cắt đứt được chương ngại phiền não mà chứng được tất cả trí của Niết bàn, chính là bồ đề của tam thừa vậy; Sự là hết thảy những phép hữu vi, cắt đứt các chương ngại do các điều biết được mà biết tới hết thảy các loại trí tuệ của chư pháp, chính là bồ đề duy Phật vậy. Bồ đề của Phật, phải thông qua hai điều này, thì được gọi là Đại bồ đề. Có thể thấy, tôn giả Pháp Vương Bồ Đề đã chứng được trí tuệ không gì hơn giống như Phật tổ.

99

TÔN GIẢ PHÁP TẠNG VĨNH KIẾP

Tôn giả tên là Ca Diếp, dịch nghĩa là ăn ánh sáng, tổ tiên ngài có thể ăn được ánh sáng sót từ mặt trăng, mặt trời nên mới được đặt tên này. Ca Diếp sinh ra trong một gia đình



Tôn giả Pháp Lung Vinh Kiếp

Bà la môn gia tộc ở nước La Duyệt Kỳ thuộc Ấn Độ xưa, theo ghi chép, tôn giả chính là thiên thần giáng sinh xuống hạ giới. Sau khi tôn giả trưởng thành, chán ghét cuộc sống trần thế, bèn bỏ người vợ mới cưới đi vào núi sâu tu hành, thân khoác áo nạp rách, tự mình cạo đầu, dùng khổ hạnh để mong cầu sự giải thoát. Sau quy y theo Phật tổ Thích Ca Mâu Ni ở trong vườn trúc thành Vương Xá. Ca Diếp có đầy đủ 5 đức mà người khác không bằng được: Một là, đời sau của tiên nhân, sinh

ra trong môi trường phú quý giàu sang; hai là, dùng cảm từ bỏ cuộc sống phù hoa của gia đình giàu có, xuất gia làm sư; ba là, sau khi có được thành tựu trong Phật học, nhưng vẫn kiên trì chấp hành giới luật của các Đầu Đà; bốn là, nhận được sự cúng dàng của các quốc vương, dân chúng, thiên long cùng như các quỷ thần; năm là, chỗi từ sự cúng dàng dồi dào mà hàng ngày đều đi hóa duyên khát thực. Học thức và đức hạnh của Ca Diếp nhận được sự coi trọng của Phật tổ, được xếp vị trí hàng đầu trong các đệ tử, sau khi Phật tổ diệt độ, mọi chuyện giáo vụ đều được ngài vâng lệnh mà chủ trì, và dưới sự cai quản của ngài, tổ chức cuộc tụ họp lần thứ nhất của Phật giáo, đã đem Pháp, Luật, Luận của Phật giáo mãi mãi truyền cho thế gian. Pháp Tạng là chỉ giáo lý Phật giáo và tất cả các nội dung khác; Kiếp là chỉ một đơn vị thời gian của Phật giáo, Vinh Kiếp nghĩa là thời gian vô cùng vô tận.



TÔN GIẢ BỒ CHÚ

Cũng gọi là **Thiền Chú**. Nhờ đức hạnh mà được đặt tên. Chú, tức là chú giải, chú nhập. Tôn giả Bồ Chú học rộng hiểu nhiều, tinh thông Phật điển, đối với nghĩa lý uyên áo của Phật giáo thì thấm nhuần sâu sắc, giảng giải tinh tế, mọi người nghe ngài thuyết pháp, tinh thông rõ ràng bội phần, khoan khoái nhẹ nhàng, giống như được nước phép tươi, không gì mát mẻ bằng, chậm chậm rót vào lòng người, hết thấy những lo buồn, phiền não và điều xấu xa trong lòng phút chốc được rửa sạch, tỉnh thì sẽ tự thanh tịnh, tâm thì vỡ vạc thông suốt, tỉnh mình không tỳ vết.



Tôn giả Bồ Chú

TÔN GIẢ TRỪ UU



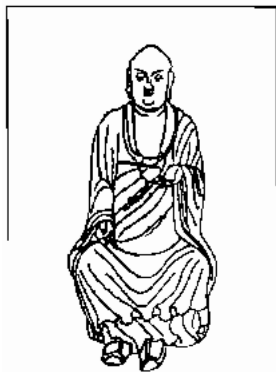
Tôn giả Trừ Ưu

Còn gọi Trừ Chúng Ưu Minh Bồ tát, Đại Cừu Kim Cương. Ưu sầu là khổ não lớn của thế gian, trừ bỏ đi mới giải thoát, để đạt được tự tại. Dựa vào *Phật Thuyết lý cấu thi nữ kinh*: Tôn giả Trừ Ưu từng nghe Phật tổ thuyết pháp ở nước Xá Vệ, được giáo hội của Phật, đã bỏ hết bụi trần thế tục, bỏ hết ưu sầu, phiền não nhân sinh, thoát khỏi bó buộc của nhân duyên

thế gian, thành thông tuệ. Thích Ca nhập Niết bàn, Tôn giả Trừ Ưu ở viện Mạn Đà La thuộc Thái tạng giới, phát nguyện giải hết phiền não và vọng tưởng vô ích của chúng sinh.

102

TÔN GIẢ ĐẠI NHÃN



Tôn giả Đại Nhãn

Là một tăng nổi tiếng của hậu kì Nam Triều (Trung Quốc). Theo *Tri Giả đại sư biệt truyện* chú ghi chép: Ông xuất gia thời Lương, viên tịch vào thời Tùy. Căn cứ vào *Tục Cao Tăng truyện*, quyển 17 và 30, và sách *Tùy Tri Giả Đại sư biệt truyện*, ghi: Đại Nhãn khi còn tại thế, sống ở đời Lương và Trần là một cao tăng đạo cao, đức trọng, tu đạo ở chùa Khai Thiện, không giao du với thế tục. Danh tăng Thế Khải được xưng là “Thiên Thai Đại sư” và được tôn là tổ thứ 4 của Thiên Thai tông, ông là người

có công khai sáng, trong cuộc họp về cách mở rộng Thiền pháp, sư Đại Nhãn từng tham gia nghe biện luận, ông nói: “Trong văn sử không có tranh luận, tùy cơ biện luận, Bất nhã không sắc không cùn, sắc hay cùn là do nhân duyên, phong phú lợi cho các tướng, như ao rộng lớn, sắc thì đạt ý. Giương đầy ánh sáng là lành, khiến ta quên bệnh mà không thấy đau”. Đạt được xưng tán của Đại Nhãn, Trí Khải được hiểu thêm về đạo. Danh tăng Chân Quán cũng từng đến bái kiến Đại Nhãn để hiểu thêm về lẽ huyền diệu, được dẫn dụ: “Đạo Long Thụ hưng khởi từ phương Đông”. Có thể thấy, Đại Nhãn đã khéo nuôi dưỡng vào thế hệ sau rất nhiều.



TÔN GIẢ VÔ ƯU TỰ TẠI

Tôn giả là đệ tử của Phật Tỳ Bà Thi, là Phật quá khứ thứ 7. Phật Tỳ Bà Thi là vị Phật đứng đầu của 7 vị Phật quá khứ, sinh sớm hơn Phật Thích Ca 71 kiếp. Khi Thích Ca còn tu hạnh Bồ tát, nhiều lần hướng Tỳ Bà Thi để tham vấn pháp. Tôn giả Vô Ưu ân cần, khéo léo học hành, thông hiểu hết lý luận trong kinh điển Phật giáo, đối với các Tam muội thì tiến thoái chẳng có trở ngại, rũ bỏ được khổ đau phiền não của thế tục, tâm tính trong sạch, kiên định tin vào Phật pháp.



Tôn giả Vô Ưu Tự Tại

TÔN GIẢ DIỆU CƯ



Tôn giả Diệu Cư

Trong điển tịch Phật giáo, Bồ tát Diệu Tràng chính là người này. Theo *Tôi Thắng Vương kinh*, Bồ tát Diệu Tràng trong một giấc mộng đến núi Thấu Phong bái kiến Phật Đà, ông nói: “Thế Tôn, tôi mộng thấy Bà La Môn gõ vào trống vàng, âm thanh vi diệu, là phương pháp sám hối. Tôi đều nhớ rõ, mong Thế Tôn hãy tin lời tôi”. Diệu Tràng kể lại mọi chuyện cho Phật, khi

nghe xong, Phật nói: “Tốt lắm! Con à! Thực như trong mộng, tiếng trống vang tán thán công đức chân thực và sám hối của Như Lai, nếu ai nghe sẽ được hưởng phúc”.

105

TÔN GIẢ NGHIÊM ĐỘ



Tôn giả Nghiêm Độ

Là đệ tử Thanh văn của Phật tổ Thích Ca. Theo *Duy Ma Cật kinh Phật quốc phẩm*, “Nghiêm Độ từng nghe Phật giảng kinh tại vườn cây của ông Tỳ Gia Ly Na, lúc này ông đã tu hành viên mãn, chứng được quả vị Bồ tát, trình độ Phật học rất cao, ông giảng pháp như tiếng gầm của con sư tử khi giận dữ, tiếng vang 10 phương. Ông lại giỏi phép thiền, tâm địa trong sạch, nhờ phép tu thiền mà ông được nhiều trí tuệ, thân không bị thế tục làm trở ngại. Ông giỏi giải pháp tướng, lại biết được mọi điều thiện ác của kiếp trước. Nghiêm Độ biện luận rất giỏi, khiến các tín đồ khâm phục, ngoại đạo cũng tin theo, học thuyết của Thích Ca đã được ông duy trì, bảo vệ, tâm nguyện của ông giống tâm nguyện của Phật, làm sao cho mọi người trở thành bạn và được yên bình. Lại theo *Phật Danh kinh*, quyển 22: “Tôn giả Nghiêm Độ là một trong các vị Bồ tát của 10 phương, vì giúp chúng sinh được giải thoát mà ngài trụ ở thế gian”.



TÔN GIẢ KIM KẾ

Tôn giả Kim Kế chính là Bồ tát Kim Kế. Theo kinh Phật thì tên ông không thống nhất. Chú *Duy Ma Cật kinh*, quyển 1 ghi là: Bồ tát Kim Kế. Theo *Duy Thức Kinh văn sở*, quyển 1, ông lại có tên Diêm Phù Đàn Kim Tại Kế,... Kim Kế có tướng sáng như vàng, Kế là quyền trí, lấy việc giới tâm làm đầu nên gọi là Kim Kế.



Tôn giả Kim Kế

TÔN GIẢ LÔI ĐỨC



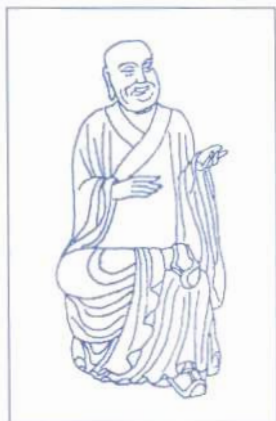
Tôn giả Lôi Đức

Tôn giả tên là A Yết Đa, là La hán có thể chế ngự sấm sét. Theo kinh điển Phật giáo, *Tối Thắng Vương kinh*, *Như ý Báo Châu phẩm*: Phương Đông có một ông vua điện, tên là A Yết Đa, ông ta có thể giải trừ các tai nạn khi có sấm sét. Theo ghi chép của sách vở thì, khi còn sống ông có thể chế ngự các luồng sét làm hại người và vật, giải trừ phiền não. A La hán này có 4 pho, Quang minh Điện vương ở phương Đông gọi là Yết Đa, ở phương Nam gọi là Thiết Đê Đò, phương Tây gọi là Chủ Đa Quang,

phương Bắc gọi là Tô Đa Mật Ni. Thời Nguyên, trong những lúc hoàng đế Mông Cổ và bốn quý tộc có yến tiệc gì đều cúng dàng Quang minh Điện vương trong cung điện và cầu nguyện tránh được sấm sét và tụng *Tỳ Lô kinh*.

108

TÔN GIẢ LÔI ÂM



Tôn giả Lôi Âm

Tức Bồ tát Lôi Âm. Theo *Đại Bảo tích kinh*, Lôi Âm vốn là Bồ tát nước Như Lai Phật của Vua Lôi Âm, ông đến chỗ đức Phật thuyết pháp, linh hội được yếu chỉ của Phật pháp. Nhưng ông lại không muốn hiện thân mà chỉ biểu thị sự tôn kính với Phật đà và pháp giáo, ông tác pháp trong không trung, như rưới hoa tươi lên tượng, trong không trung phát ra những âm thanh hay. Bồ tát Tịch ý không hiểu đây là gì, Phật Đà giải thích cho ông ta về Bồ tát Lôi Âm, đang nói thì Bồ tát Lôi Âm từ trên không bay

xuống, cúi dưới chân Phật, đi quanh Phật 7 vòng, để biểu thị sự tôn kính cùng chuyển đạt ý Lôi Âm vương Như Lai đến Phật. Phật Đà hy vọng Lôi Âm biểu thị nguyện vọng tán thưởng, để Mật Tích Kim cương Lực sĩ thay Phật tổ tuyên giảng cho Lôi Âm và các Bồ tát khác nghe. Từ đó về sau, Lôi Âm thường nghe Phật thuyết pháp. Theo *Duy Ma Cật kinh*: “Trong lần các Bồ tát hội tập có mặt ông ta”. Theo *Thập trụ đoạn kết kinh*: Lôi Âm kể qua về những lời thoại: “Đối với các gốc thiện, quán được pháp giới thì không tăng, không giảm, trong việc giữ sạch thân, khẩu ý thì là trí tuệ Bồ tát”.



TÔN GIẢ HƯƠNG TƯỢNG

Tôn giả còn gọi là Hương Huệ, Xích Sắc,... đã đạt được quả vị Bồ tát. Phật giáo chia vũ trụ thế gian thành ba giai đoạn Quá khứ, Hiện tại và Tương lai. Quá khứ gọi là kiếp Trang nghiêm; Hiện tại gọi là kiếp Hiện; Vị lai là kiếp Tinh tú (sao trời). Trong ba kiếp, mỗi kiếp đều có 1.000 vị Phật, Bồ tát xuất thế. Hương Tượng là Bồ tát hiện tại, cùng với Phật tổ là hai vị trong 16 vị của Hiện kiếp, Hương Tượng đứng đầu 4 vị ở phương Nam. Theo *Phật thuyết quán tụng Phật mẫu Bát nhã ba La mật đa*



Tôn giả Hương Tượng

Bồ tát kinh: Hương Tượng cùng các tăng trong nhà nghe kinh. *Hoa Nghiêm kinh*, *Bồ tát trụ xứ phẩm ghi*: Phương Bắc có núi Tụ Hương, Bồ tát quá khứ từng ở đây, hiện tại Hương Tượng Bồ tát thương đến đây, vì đại chúng mà thuyết pháp.

TÔN GIẢ MÃ ĐẦU

Tức là Mã Đầu Quán Âm, còn gọi Mã Đầu Đại sĩ. Tiếng Phạn là Hà Da Yết Lê Bà. Là Liên Hoa Bộ trong 5 bộ Minh Vương. Vì đầu giống đầu ngựa nên ngài có tên như vậy, đồng thời biểu thị ông vượt qua biển sinh tử, hàng phục bốn ma.



Tôn giả Mã Đầu

Theo *Đại Tỳ Lô Giá Na Thành Phật kinh*, quyển 5, hình tượng của Tôn giả Mã Đầu là: “Thân ông chẳng vàng, không đỏ, như sắc mặt trời mới mọc, như anh lạc của hoa sen trắng, thân trang nghiêm, sáng rực mãnh liệt, đỏ đẹp như tơ, móng tay dài nhọn, hai sừng nhô ra, đầu như sư tử, có vẻ như giận dữ”. Tôn giả biểu thị hình tượng phần nộ mà uy nghi như thề hăm dọa tà ma, nhưng thực tế lại không như vậy, có khi lại biểu thị hình tượng hiền hòa, để giác ngộ chúng sinh.

111

TÔN GIẢ MINH THỦ

Là đệ tử của Phật, từng theo Phật tu học Phật pháp, kiên trì và thành tâm, nên đạt được quả vị Bồ tát. Tôn giả có trí tuệ của Phật tổ, nổi tiếng là người am hiểu Đại Thừa, hiểu các giới luật Phật pháp, hiểu lý luận Phật giáo như hươu không xa rặng. Tùy hoàn cảnh để tuyên giảng, dạy dỗ chúng sinh, nói rõ sự đồng dị trong phong tục tập quán để cảm động nhân thế, hóa độ chúng sinh đến bờ giác ngộ. Ông biện tài huyền diệu, biến hóa khôn lường, có thể trừ được oán hận cho muôn dân và hàng phục các loài ma chướng, ngoại đạo, khiến chúng



Tôn giả Minh Thủ



đều quy y Phật pháp. Ông dùng mãnh đi du hóa 10 phương, tà ma ngoại đạo không thể ngăn trở. Theo *Phật thuyết như thữ Bồ tát Vô thượng thanh tịnh kinh*, quyển thượng, thì Bồ tát từng nghe Phật thuyết pháp ở thành Xá Vệ. Lại theo *Phật thuyết Bồ tát bản nguyện kinh*, “Cõi vô cực phía tây - nam có một ngôi chùa, vị Phật ở đó tên là Thượng Tịnh Tiến, Bồ tát tên là Minh Thử”. Như vậy, phương tây - nam là nơi ở của Bồ tát.

112

TÔN GIẢ KIM THỦ

Tức là Kim Đầu Tiên Nhân, tiếng Phạn gọi là Ca Tỳ La Tiên, vốn là tín đồ ngoại đạo. Theo *Tam Luận kinh nghĩa*, quyển thượng, “Thần thông vi diệu, mắt nhìn là đạo, tâm chơi cõi ngoài, cho nên gọi là ngoại đạo”. Chủ trương của Kim Tiên Nhân (người mình vàng). Theo *Ma Ha chỉ quán*, quyển 10, “Trong Nhân được Quả”. *Duy Ma nghĩa* sơ ghi: “Chấp hữu”, lại cho là một phái “Số luận bộ”. Sau Kim Tiên Nhân, lý luận Phật giáo nhận thấy, tự thân hữu hạn mà quy y chính pháp sẽ thành chính quả.



Tôn giả Kim Thủ

113

TÔN GIẢ KÍNH THỦ



Tôn giả Kinh Thủ

Tôn giả đã đạt được quả vị Bồ tát, là một Bồ tát trong mười phương. Theo *Phật thuyết Bồ tát bản nghiệp kinh*, “Đông phương vô cùng, có chốn chùa Hương Lâm, có Phật Nhập Tính Tiến, Bồ tát Kính Thủ”. Kính Thủ là Bồ tát ở phương Đông, ông thần thông quảng đại, không nơi nào trên thế gian không hưởng phúc đức từ ông. Ông thâm hiểu giáo nghĩa Phật giáo Đại Thừa và Tiểu Thừa, không thời nào, xứ nào ông không giảng Phật pháp, dẫn dắt chúng sinh thoát khỏi trần lao, được giải thoát. ông lấy trí tuệ trời sinh và từ bi của Phật mà hóa dụ cho chúng sinh, lấy quyền biến mà cảm hóa chúng sinh. Thệ nguyện của ông chưa hề dao động, khiến cho thế gian thoát ba đường khổ, thoát được đường khổ lửa; miễn đường khổ máu; khỏi đường khổ đao. Kính Thủ tạo ra bao nghiệp phúc cho chúng sinh, do vậy đạt được quả vị vô thượng. Sau khi Phật diệt, ông cũng chuyển thành Phật.

114

TÔN GIẢ CHÚNG THỦ

Tức là Phật Chúng Thủ. *Từ bi đạo tràng sám pháp ghi:*



Khuyến chúng sinh niệm tên hiệu Phật Chúng Thủ thì được quả Phúc. Phật Chúng Thủ là người cha từ bi hộ trì cho thế gian, ông có trí tuệ vô cùng, thần thông quảng đại, có thể hàng phục ma, giúp chúng sinh tiến nhập vào Đạo. Chúng sinh kiên tâm theo Phật Chúng Thủ, hướng lòng sám hối, khiến muôn tội tiêu tan, muôn phúc sinh ra, vắng sinh vào trời Tịnh độ, phát tâm Bồ đề.



Tôn giả Chúng Thủ

115

TÔN GIẢ BIỆN ĐỨC



Tôn giả Biện Đức

Tôn giả tên là Nhạc Càn Đát Bà, một trong 4 Càn Đát Bà - thần chủ về âm nhạc. Thiên thần lấy núi báu của thế gian làm nơi ở, ông ở núi rừng với hổ, lang, sói rất hòa mục. Nhạc Càn Đát Bà được chim thú vô cùng ái mộ. Ông đi đâu đều mặc áo tơ tằm màu xanh, lông chim khổng tước làm cờ, các thú đi theo, chúng chim lượn quanh. Thiên thần nào cần tấu nhạc, không cần sử giả thông báo, ông cũng đã tự biết, 4 Càn Đát Bà sai nhạc

công tấu nhạc, Nhạc Càn Đát Bà cũng tấu điệu nhạc làm chư Phật vui vẻ mà giáo hóa chúng sinh.

TÔN GIẢ SÀN ĐỀ



Tôn giả Sàn Đề

Tức Bồ tát Sàn Đề, *Phật Danh kinh*, quyển 17, liệt ông đứng đầu trong các vị Bồ tát 10 phương đang kinh lễ. *Phân biệt công đức luận*, quyển 2 ghi: Khi Thích Ca thuyết giảng cho A Nan về sự khác nhau giữa Tiểu Thừa và Bồ tát, đã lấy Sàn Đề ra làm ví dụ, sau đó lại tán dương rất cao: “Lòng từ bi của Tiểu Thừa giống như da thịt của bạc Đại phu từ bi, giống như xương tủy, lấy gì sánh tở?”. Qua đó dù biết Sàn Đề có lòng từ bi cao cả, lại có thể nhận nhận tất thấy khổ nạn để giáo hóa, dẫn dụ chúng sinh. Khi bị người hại cắt tay chân, máu chảy không phải máu mà là sữa Cam lộ.

TÔN GIẢ NGỘ ĐẠT

Cao tăng đời mạt Đường, họ Trần, người đất My Châu, 5 tuổi đã biết làm thơ, sau xuất gia, ở núi Đan Cảnh, Bành Châu. 14 tuổi đã giảng *kinh Niết bàn*, người đương thời gọi là Trần Bồ tát. Lý Thương Ẩn viết thơ khen: “Sa Di 14 tuổi giảng kinh, như thầy có tuổi Kỳ hoặc Bình. Sa Di nói pháp Sa môn nghe, chẳng tại tuổi cao tại tính linh”. Về sau ông ở chùa An Quốc đất Trường An, được vua Đường Hiến Tông ban hiệu là Ngộ

Đạt quốc sư và trở thành lãnh tụ Phật giáo Trung Hoa. Tôn giả thường được mời vào cung giảng pháp cho vua nghe. Đến đời Đường Ý Tông ông được vua ban hiệu Trí Huyền Ngô Đạt quốc sư và cho một chiếc sập bấu để ngồi giảng kinh, lời giảng như hương hoa bay. Đời Đường Hy Tông, Hoàng Sào khởi nghĩa chiếm cứ Trường An, vua chạy về Thành Đô và mời Tôn giả về đất Thục giảng kinh. Năm sau, Tôn giả xin vua được về Lăng Tây và mất vào năm 883. Tôn giả là người thấu suốt Tam giáo, danh nổi một thời, sáng tác Phật học hơn 20 vạn lời. Đệ tử có Tăng Triệt, Tăng Triệt lại có đệ tử là Giác Huyền, đều được liệt vào hàng Tăng thống, là các cao tăng nổi tiếng.



Tôn giả Ngô Đạt

118

TÔN GIẢ PHÁP ĐĂNG



Tôn giả Pháp Đăng

Tức Bồ tát Pháp Đăng. Theo *Hoa Thủ kinh*, Thế giới Đức Xứ có một vị Phật trông coi kiếp quá khứ tên là Bà Ha Chủ. Pháp Đăng là hiện thân của vị Phật này. Phật giáo xác nhận, Tôn giả là người tinh thâm Phật pháp, muôn Pháp soi thấu muôn vật giống như ngọn đèn. Pháp Đăng là ngọn đèn trí tuệ lớn tỏa ánh sáng muôn nơi, biểu thị qua pháp lực thâm diệu, vì chúng sinh chiếu sáng dẫn đường về cõi Cực lạc.

TÔN GIẢ LY CẦU



Tôn giả Ly Cầu

Tôn giả là Thiên thần, là môn đệ đầu tiên của Thích Ca khi Ngài sắp thành Phật. Theo *Phật bản hạnh tập kinh*, Phật giáng sinh vào chốn hoàng cung Phạn Vương, đương thời gọi là thái tử Tất Đạt Đa. Sau mấy năm mưa thuận gió hòa, không có tuyết lạnh, mưa lớn, gió to khô hạn, nhà nhà được bội thu; trong vườn cây, theo mùa nở hoa kết quả; trên núi cỏ cây tốt tươi, tùy thời mà hái thuốc. Muôn dân đồng lòng hướng thiện, cùng hòa vui, các nước bốn bên thường qua lại, không có chiến tranh. Dân trong các thành được bình yên, trẻ không chết non, 4 mùa không bệnh tật. Muôn dân cả nước đều thấy oai đức của thái tử ban đến. Một hôm, được sự thỉnh mời của dân chúng, nhà vua và thái tử đi đến một vườn hoa đẹp để người dân chiêm ngưỡng, lễ bái và dâng cúng các bảo vật. Đúng lúc đó, thiên thần Ly Cầu từ trên trời bay xuống nói với mọi người rằng: “Khắp đó thành trên trái đất biến thành vàng bạc cũng không sánh nổi một sợi tóc của thái tử, những đồ vàng bạc dâng cúng đặt bên cạnh thái tử cũng không thể phát sáng, bởi vì thái tử sắp thành Phật, công đức thực là vô lượng, khó thể so sánh”. Ly Cầu nói xong, trở về cung điện ở Thiên cung.

120

TÔN GIẢ CẢNH GIỚI

Tức Bồ tát Cụ Cảnh Giới. Theo *Phấn Tấn vương bản kinh* ghi chép thì thời quá khứ có vị Phật gọi là Phổ Vô Cấu Tịnh Quang Minh Vương, Cụ Cảnh Giới mới đến xin học đạo, vị Phật bèn vì ông ta mà giáo hóa, từ đó chứng ngộ được yếu chỉ của pháp môn Phấn Tấn. Phật Thích Ca thời đó cũng chứng ngộ được pháp môn này. Phấn Tấn (nhanh chóng) tức là Sư Tử Phấn Tấn Tam Muội, ví như Sư Tử mở rộng các nghiệp căn khiến lông tóc đều dựng ngược, tướng mạo rất uy nghi và dữ tợn. Đức Phật mở rộng pháp môn Từ Bi ứng hóa cứu độ tất cả chúng sinh, cái tướng này giống như tướng Sư Tử cho nên gọi là Sư Tử Phấn Tấn Tam Muội. Tôn giả Cảnh Giới đã đắc được quả vị Đại Thừa, mở rộng lòng từ bi cứu độ chúng sinh, khiến mọi người được giải thoát.



Tôn giả Cảnh Giới

121

TÔN GIẢ MÃ THẮNG

Tiếng Phạn là A Thấp Phọc Phật Đa. Người họ Thích Ca, là một trong 5 vị Tỳ kheo đầu tiên. Khi Thích Ca rời bỏ hoàng cung, lập chí tìm đạo, vua cha ngăn trở không được đành sai Mã Thắng đi theo hộ vệ. Thoạt đầu thái tử tu khổ hạnh nhưng sau đó thì chuyển đổi phương pháp. Mã Thắng không



Tôn giả Mã Thắng

theo được phép tu khổ hạnh liền dời bỏ ngài, tự tìm cho mình phép tu khác. Nhưng, sau khi Phật chứng đạo đã thụ giới cho 5 vị Tỳ kheo đầu tiên tại vườn Lộc Uyển, trong đó có Mã Thắng. Mã Thắng là người có dung mạo trang nghiêm. Xá Lợi Phất lần đầu tiên gặp cũng phải khởi tâm kính ái, và tôn làm thầy. Vào một buổi sáng, Mã Thắng cùng mọi người vào thành khất thực, một vị trưởng giả giàu có trông thấy nghi dung của ông liền sinh lòng hoan hỷ, bèn cúng khu vườn và dựng 60 gian

buồng để cho thầy trò cư trú. Ông là một trong những Tỳ kheo đầu tiên theo đức Phật học đạo, thường thuyết pháp cho dân chúng, sau chứng quả vị A La hán.

122

TÔN GIẢ THIÊN VƯƠNG

Tức Thiên Vương Bồ tát. Theo *Phóng Quang Bát nhā kinh*, khi Thích Ca thuyết pháp ở núi Kỳ Xà Quật, La Duyệt Thị, Bồ tát Thiên Vương cùng được nghe pháp. Thiên Vương Bồ tát đạo hạnh rộng lớn, đã đắc 5 loại thần thông là: Thần túc thông, Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha Tâm thông, Túc mệnh thông. Người đạt được Tha tâm thông, có thể biết tâm niệm của người khác mà không có gì



Tôn giả Thiên Vương



trở ngại. Thiên Vương Bồ tát tùy theo ý hướng của chúng sinh mà cứu độ. Thời kì tuyên dương Phật pháp, Thiên Vương Bồ tát chẳng quên hòa ái, thái độ ôn nhu, không nói thô lậu. Thuyết giáo của ông như ảo mộng, như tiếng vang, như ánh sáng, như ảnh, như hóa, như bóng, như nước, như kính, như tượng, như lửa, như nóng, như nước trong trời, khiến chúng sinh chưa biết giác ngộ mà giác ngộ và được giải thoát.

123

TÔN GIẢ VÔ THẮNG

Tôn giả đã đạt quả vị Bồ tát. Theo *Phật thuyết Duy Ma Cát kinh*, quyển thượng, *Phật quốc phẩm đệ nhất*, khi Phật giảng kinh ở vườn Tỳ Da Ly Am La Thu, Vô Thắng Bồ tát cũng tại đó nghe kinh. Đương thời, Vô Thắng đã được Đại Bồ tát 10 phương nghe tiếng, ông tự thân thụ trì Phật pháp, mà đối với ngoại giáo thì như là thành trì kiên cố, không để tổn hại Phật pháp. Đức hạnh và trí tuệ của ông đã viên mãn, có thể khiến cho Phật pháp lưu truyền trong thế gian. Ông tự giải thoát, thanh tịnh yên trụ chẳng nhiễm bụi trần, rộng mở từ bi, dẫn dắt chúng sinh được giải thoát, cho chúng sinh thoát khổ hận và sợ hãi. Ông là bạn của chúng sinh trên thế gian, không cần nhờ cũng tới giúp đỡ, khiến cho mọi người đều được bình yên và hạnh phúc. Ân huệ của



Tôn giả Vô Thắng

ông với thế gian như nước ngọt tươi khắp. Vô Thắng thuyết pháp cho chúng sinh lời hay, ý đẹp, có thể cắt đứt tà niệm trong lòng, dẫn dắt họ vào con đường chính đạo; nhưng đối với ngoại giáo mà nói, ông giảng pháp thì tiếng như sấm dậy, âm tựa hổ gầm, khiến ngoại đạo sợ phục mà quy y Phật giáo. Vô Thắng Bồ tát đã có công khiến cho trăm họ trong nước an cư lạc nghiệp, phong tục thuần phác, không còn việc cờ bạc, rượu chè, trộm cướp, dâm tà.

124

TÔN GIẢ TỰ TỊNH



Tôn giả Tự Tịnh

Tức là Tịnh Tâm Bồ tát. *Phật Danh kinh* chép: Chúng sinh thân là phàm phu, chẳng kể có ý hay không có ý, có tâm hay không có tâm, nếu phạm nhiều tội, nếu phóng túng, không biết hối cải thì khi chết bị dày vào địa ngục A Tỳ, thân mang các loại hình tội, gọi trời chẳng được, vào đất chẳng hay, muốn sinh chẳng thể, muốn chết không thành. Chỉ cần chúng sinh biết tội của mình, thường tụng tên các Phật và các Bồ tát, thành tâm sám hối, thì diệt tội sinh phúc,

vãng sinh về thế giới Cực lạc. Có thể thấy Tịnh Tâm Bồ tát có đầy đủ lòng từ bi để phổ độ cho chúng sinh, giúp cho họ bỏ trần ai, để thanh tịnh tâm mà giác ngộ.



TÔN GIẢ BẤT ĐỘNG

Tôn giả là Bồ tát quá khứ ở phương Đông. *Thích Ca xuất thế từ xưa*, phương Đông có nước Diêu Hỷ. Như Lai Quảng Mục ở đó giáo hóa chúng sinh. Theo *Đại Bảo Tích kinh*, quyển 19, khi đó có vị Tỳ kheo mong đạt được quả vị Bồ tát, đã vạch áo bên vai, quỳ gối phải xuống đất, hai tay chấp lại hướng Như Lai Quảng Mục xin phát thệ nguyện, từ nay về sau tu hành không nói dèm, chê bai người khác, luôn nói lời chân thật, không nói lời ngoa ngôn; chịu theo giáo hối của Như Lai; tăng trưởng trí tuệ tự thân, lấy trí tuệ vô biên để giải thoát; cần tu luyện tâm tính tự thân, khiến tâm tính bình tĩnh, yên lành như nước, trong sạch không nhiễm bẩn, mãi không rối loạn bởi tham, sân, si...; lòng mang từ bi, lợi ích cho chúng sinh, kính ngưỡng các Phật, không được dao động. Sau khi Tỳ kheo phát thệ nguyện, chăm tu không lười, các Phật, Thiên vương,... đều hoan hỷ. Thế là Tỳ kheo này đạt được quả vị Bồ tát, gọi là Bồ tát Bất Động.



Tôn giả Bất Động

TÔN GIẢ HƯU TỨC

Tức Hiền giả Đa Thụy... Theo *Phật thuyết Vô lượng thanh tịnh bình đẳng giác kinh*, quyển 1, khi Thích Ca thuyết pháp



Tôn giả Hưu Tử.

trên núi Linh Thứu thuộc thành Xá Vệ, Tôn giả từng tới xin nghe giảng đạo. Hưu tức (nghỉ ngơi) không có nghĩa chỉ vì Tôn giả này lười biếng, ngủ nghề mà là nói Tôn giả rất giỏi phân bố điều hòa hơi thở, khắc khổ tu tập thiền định, tư duy tập trung không phân tán, hình trạng giống như người đang ngủ hoặc nghỉ ngơi, vì thế mà ngài có tên như vậy.

127

TÔN GIẢ ĐIỀU ĐẠT

Cùng gọi là Đề Bà Đạt, anh họ của Thích Ca. Từ nhỏ Tôn giả nhiễm phải thói quen xấu, thường phản đối Phật giáo, nhiều lần sát hại Thích Ca không thành. Theo *Đại bát Niết bàn kinh*, quyển 16, vua A Xà Thế khi chưa quy y, Phật tổ dẫn đệ tử đến thành Vương Xá khát thực, vua A Xà Thế thả voi dữ đập muôn dân xông về phía Phật tổ. Phật dương tay thì triển thần thông, năm ngón tay như năm sư tử, voi sợ, quỳ lễ rồi quy y Phật pháp. Về sau Tôn giả quy y Phật giáo, 12 năm liền ở trong rừng sâu tu hành, các kinh Phật đều tụng dở dang. Lại thường kết giao với tầng lớp quyền thế, biến thủ đồ cúng dàng thành của riêng, thường tỏ ra có trí tuệ so với các bạn đồng tu để biểu thị rằng mình tôn quý. Do nguyên



Tôn giả Điều Đạt



nhân đó, sau khi chết, Tôn giả xuống địa ngục A Tỳ, Phật cho Tôn giả Mục Kiều Liên xuống thăm và an ủi, khích lệ siêng năng giữ giới tu hành để sớm xa rời bể khổ. Tôn giả thường niệm “Nam mô” suốt ngày không mỏi. Cuối cùng ông đã được giải thoát, công đức tròn đầy, chuyển kiếp thành Phật, lấy hiệu là “Nam mô”.

128

TÔN GIẢ PHỔ QUANG

Tức Bồ tát Phổ Quang. Theo *Đại Bát Nhã Ba la mật đa kinh*: Có rất nhiều vị Phật ở thế giới phương Đông, trong đó có một thế giới gọi là Đa Bảo, chủ tể là Bảo Tính Như lai, Phổ Quang là một vị Bồ tát trong thế giới này. Đương thời, Thích Ca đang chuẩn bị thuyết pháp ở thành Vương Xá, trán tỏa ra ánh hào quang. Bồ tát Phổ Quang thấy ánh sáng Phật tới thế gian, không biết việc gì, nên thỉnh giáo Bảo Tính Như Lai, Bảo Tính Như Lai Phật nói với ông là Thích Ca đang thuyết giảng *Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa kinh*. Ông xin tới bên Thích Ca nghe giảng và được đồng ý, nên hoan hỷ tới. Bồ tát Phổ Quang tu được thần thông tự tại, giữ được phép tốt, bỏ phép xấu.



Tôn giả Phổ Quang

TÔN GIẢ TRÍ TÍCH



Tôn giả Trí Tích

3.000 kiếp xưa kia, vị Phật Đại Thông Trí Thắng Phật ra đời. Khi ngài chưa ra đời, đức vua và 16 con đều tin thờ Phật pháp. 16 người con được hun đúc từ cha đã quyết chí theo Phật, tìm đạo giải thoát. Theo phẩm *Hóa Thành dụ trong kinh Pháp Hoa*, Trí Tích đứng đầu 16 vị đó. Đại Thông Trí Thắng xuất gia chứng quả vị Phật, anh em của Trí Tích đã xuất gia làm Sa di, theo Đại Thông Trí Thắng nghe giảng Tam Thừa, sau phát lòng từ bi, mới Phật thuyết giảng Đại Thừa diệu pháp, lại được Phật giảng *kinh Pháp Hoa*. Sau khi nghe *kinh Pháp Hoa*, Đại Thông Trí Thắng nhập định trong nhà tinh, tu được 8 vạn 4 nghìn kiếp. Khi Phật tu thiền định, 16 anh em Trí Tích thay nhau giảng Pháp và *Pháp Hoa kinh* cho Tứ bộ chúng. Hiện tại, anh em Trí Tích đã thành Phật, với 16 vị trụ ở 8 phương để giáo hóa chúng sinh.

TÔN GIẢ BẢO TRÀNG

Tức Bảo Tràng Bồ tát. Theo *Thắng Thiên Vương Bát nhã Ba La Mật Đa kinh*, khi Thích Ca ở thế giới Sa Bà,

cách 10 hằng hà sa thế giới, tên gọi là Bát Kiếp, Phật gọi là Tướng Kim cương. Bảo Tràng vốn là Bồ tát của Tướng Kim cương Phật. Khi Thích Ca thuyết pháp ở thành Vương Xá, Bảo Tràng đã đạt được quả vị Tướng Kim cương, vẫn đến nghe thuyết giáo. Bảo Tràng Bồ tát đã thông đạt pháp tính, tới cảnh giới Như Lai, tuy hiện ở thế gian mà pháp tính không nhiễm. Lại theo *Phật thuyết quán tướng Phật mẫu Bát nhã Ba La Mật Đa kinh*, Bồ tát dạy người niệm chân ngôn, lấy tay rưới nước lên đầu, làm đẹp toàn thân, sau bỏ các niệm, một lòng nhớ Phật mẫu và các Bồ tát, trong số đó có Bảo Tràng Bồ tát.



Tôn giả Bảo Tràng

131

TÔN GIẢ THIỆN TUỆ



Tôn giả Thiệu Tuệ

Là cư sĩ nổi tiếng thời Nam Bắc Triều, là người hương Song Lâm, Nam Tê, họ Trần, tên Hấp, tự hiệu là Thiệu Tuệ đại sĩ, sinh vào thời Minh đế Kiến Vũ thứ 4 (497). Ông dẫn cả nhà theo Phật, vợ hiệu Diệu Quang, hai con trai là Phổ Kiến, Phổ Thành. Thiệu Tuệ ngày cày cấy ngoài đồng, đêm về nhà tụng kinh Phật, tu thiền, cùng đọc chú từ Nho Đạo. Sau 7 năm khổ hạnh, ông hiểu kinh *Thủ Lăng Nghiêm*. Đệ tử 4

phương tìm đến ông theo học, cho nên tiếng vang xa gần. Lương Vũ Đế năm Đại Đồng thứ 1 (535), ông vâng mệnh vua đến giảng kinh ở điện Trùng Vân. Vũ Đế cũng đến nghe kinh, quan dân cung nghênh, chỉ thấy Thiện Tuệ an nhiên bất động, chúng dân hỏi ông sao không dậy đón giá? Ông đáp: “Đất pháp nếu động, tất cả không yên”. Sau ông rời kinh về quê. Không lâu sau, chiến loạn nổi lên, Lương triều bị diệt, Trần triều lên ngôi. Tuệ Thiện tự hội học trò, giảng kinh không mỏi, thường dạy đệ tử đốt tay, cắt thịt để cúng Phật. Tháng 4 đời Trần Tuyên đế năm Thái Kiến nguyên niên (569), ông tập hợp các đệ tử, khuyến cáo mọi người chuyên tâm tu hành. Sau đó nhập diệt, thọ 73 tuổi.

132

TÔN GIẢ THIỆN NHÂN



Tôn giả Thiện Nhân

Tức Thiện Nhân Bồ tát, thường nghe Thích Ca thuyết pháp. Theo *Đại Bảo Tích kinh*, quyển 90: Thích Ca ở vườn Cấp Cô Độc thuyết pháp cho các Tỳ kheo và Bồ tát, khi đó Thích Ca như Long Tượng vương quan sát và nói với các vị Bồ tát: “Các người, ai trong các người là người hộ pháp trong thời mạt thế sau này, nhiếp Như Lai trăm nghìn vạn ức do tha A tạng Kiếp để tập pháp A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ đề, an trú các phương tiện bí mật cho chúng sinh”. Thiện Nhân

Bồ tát trả lời: “Tôi có thể nhận đem an lạc cho chúng sinh”.

Phật giáo cho rằng, các pháp tự có sự không biến cải, gọi là Tự Tính. Người ta có cái tâm, tự tính thanh tịnh, cho nên gọi là Tự tính thanh tịnh tâm, còn gọi là Như Lai tạng tâm, Chân tâm, Bồ đề tâm. Bồ đề tâm có khi bị vật dục che khuất, như kính vướng bụi, không thể chiếu sáng. Thiện Nhân giỏi ở việc dẫn dắt chúng sinh thoát khỏi ma chướng ràng buộc mà sáng lòng thấy tính, vắng sinh tịnh độ.

133

TÔN GIẢ DŨNG BẢO

Còn gọi là Bảo Dũng. Ông coi Phật tính, Phật đức là báu vật, mà dũng mãnh nhận được Phật đức, Phật tính nên gọi là Dũng Bảo. Tôn giả đã đạt được quả vị Bồ tát. Theo *Phật thuyết Duy Ma Cật kinh*, quyển thượng, phẩm Phật quốc thứ nhất: Bồ tát Dũng Bảo lấy trí tuệ của Phật để tu dưỡng tâm tính, thoát ly chuyển sinh luân hồi thế tục, an trụ thanh tịnh, mãi thoát triền căn, dùng giáo nghĩa Phật pháp vững bền như kim cương không chuyển để tuyên giảng lời vi diệu, cắt đứt các tà kiến của chúng sinh, diễn ý Phật pháp như sư tử gầm, các ngoại đạo không gì không phá. Bồ tát Dũng Bảo ban ân huệ cho thế gian như trời mưa nước ngọt tươi khắp vạn vật, như ánh mặt trời tỏa chiếu để muôn vật tốt tươi. Dũng Bảo như vị vua về y thuật, trị hết thống khổ cho chúng sinh.



Tôn giả Dũng Bảo

TÔN GIẢ BẢO KIẾN



Tôn giả Bảo Kiến

Tức Bồ tát Bảo Kiến. Ngài thường tham gia nghe Phật thuyết pháp ở vườn Tỳ Da Ly Am La Thụ. *Duy Ma Cật* số thuyết kinh cho hay: Bồ tát Bảo Kiến thần thông quảng đại, hàng phục được ma oán, chế ngự được ngoại đạo. Ông bỏ hết cảm dỗ của thế gian chỉ lấy công đức, trí tuệ để tu dưỡng thân tâm; ông thấu hiểu tâm ý của chúng sinh, biết nghĩa thâm diệu của các pháp, như người thầy dẫn dụ, giúp người ta được giải thoát. Niềm tin của ông vững như Kim cương, giáo hóa của ông như nước ngọt tươi khắp, âm thanh như âm nhạc êm dịu. Vì để tuyên truyền giáo nghĩa Phật giáo, âm thanh của ông như tiếng sư tử gầm, như sấm dậy mà chấn động thân tâm, khiến người ngộ đạo. Ông trị bệnh cho người thống khổ bằng thuốc trị tâm.

TÔN GIẢ TUỆ TÍCH

Tôn giả đã chứng quả vị Bồ tát. Khi Phật tổ tại thế, Tuệ Tích thường nghe Phật tổ giảng kinh. Theo *Hải ý Bồ tát số vấn Tịnh ẩn pháp môn kinh*, quyển 13: Bồ tát Tuệ Tích giảng cho đại chúng, Chân đế trong Phật lý, được Phật tổ



khen. Ông đức hạnh đầy đủ, có thể khiến cho Phật pháp lưu truyền trong thế gian, đã tự mình đạt giải thoát, thanh tịnh an trụ, cùng mở rộng từ bi, thệ nguyện dẫn chúng sinh giải thoát. Muốn rộng cứu chúng sinh, chẳng bằng dùng lực thần thông, mà ông thần thông đã định, độ giải chúng sinh bằng nhiều phương kế. Tôn giả tiếng vang 10 phương thế giới, dự vào Tu Di, là bạn tốt của chúng sinh, không mời mà đến giúp, dẫn dắt chúng sinh tiến vào Đại



Tôn giả Tuệ Tích

Thừa Phật giáo, không ngại gian khổ đạt được Phật bảo Chân đế; dẫn dắt chúng sinh thoát khỏi tiền căn, trừ bỏ phiền não, như đem mưa ngọt tươi khắp thế gian. Tuệ Tích nhờ trí tuệ mà nổi tiếng.

136

TÔN GIẢ TUỆ TRÌ

Là vị tăng thời Đông Tấn, họ Giả, người Lô Phiền - Nhạn Môn, là học trò có tiếng của Tuệ Viễn, có trí thông minh trời ban, học rộng nhiều tài. 18 tuổi, ông cùng anh là Tuệ Viễn lên núi Thái Hành Hằng quy y Đạo An, xem khắp kinh điển Phật giáo. Sau lại cùng anh từ biệt Đạo An, đến ở chùa Thượng Minh ở Kinh Châu, rồi về Lô Sơn truyền pháp ở chùa Đông Lâm. Khi Tuệ Trì hộ tống Cô Đạo Nghi tới kinh, ở chùa Đông An, được sự coi trọng của Lang Nha vương Tư Mã Tuấn, được mời đọc duyệt lại *Trung A hàm kinh* do sư Ca La Xoa người Tây Vực dịch. Sau ông lại trở



Tôn giả Tuệ Trì

về Lô Sơn. Giảng *Pháp Hoa kinh* cho Thái thú Dự Chương là Phạm Trữ mà bốn phương về cùng theo học. Cưu Ma La Thập cũng rất tôn kính, kết làm bạn tốt. Ông nghe nói Thành Đô dân no ấm, quyết đến đó truyền giáo, Tuệ Viên lưu mãi không được, than rằng: “Người sinh ra thích tụ họp lại, người lại vui vì chia xa, thế là sao?”. Ông trả lời: “Nếu thích mọi người tụ lại, vốn chẳng hợp xuất gia, nay cắt đứt mong muốn mà cầu đạo, chính là lấy bốn phương vậy”. Đến thời Tấn, năm

Long An thứ 3 ông vào nước Thục, ở chùa Long Uyên, mở rộng Phật pháp. Người Thục giết thứ sử Mao Cừ, cát cứ, Tuệ Trì lánh nạn ở chùa trong huyện. Sau khi yên bình lại trở ra chùa Long Uyên, giảng thuyết kinh nghĩa, hành trì trai giới, càng già càng gắng sức. Năm Nghĩa Hy thứ 8 viên tịch, thọ 76 tuổi.

137

TÔN GIẢ BẢO THẮNG

Đã đạt được quả vị Bồ tát, có đủ công đức của Bồ tát Phổ Hiền. Theo *Dại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh*, quyển 60: Bồ tát Bảo Thắng theo lòng muốn tới tất cả các nơi, lại biến hóa được vô số hóa thân, mà xuất hiện cùng lúc trên nhiều địa điểm. Pháp nhãn của ông thanh tịnh mà không chướng ngại, có thể xem xét hết chuyện thế gian. ông làm lợi cho chúng sinh, phổ độ cho giống có tình, lòng từ bi như ánh sáng không gì che được, nơi chiếu đến thì thanh

tịnh. Ông nhờ trí tuệ mà đạt được thần thông vô cùng, tùy lúc mà làm thỏa mãn nguyện ước của chúng sinh, biến hóa thân để cứu giả khổ nạn. Ông đạt được Chân đế Phật giáo, pháp tính tự thân thuần hậu, mãi thoát ly thế tục; dựa vào công đức Phật, lòng trong như trời lặng không vương bụi. Bỏ tất cả ràng buộc các Phật qua thế gian, thế nguyện hộ trì Phật pháp, khiến cho Phật pháp lưu truyền mãi không dứt trong quốc độ Phật giáo, cầu tìm tất cả trí tuệ vô lượng.



Tôn giả Bảo Thống

138

TÔN GIẢ ĐẠO TIÊN



Tôn giả Đạo Tiên

Còn có tên là Tăng Tiên, người nước Khang Cư, vốn là thượng nhân, tính tham lam, chứa của chỉ sợ chưa nhiều. Sau nghe Thiền sư thuyết pháp mà tâm ông khai ngộ, bèn đem hai thuyền tài sản bỏ xuống biển, đến chùa Trúc Lâm ở Quán Khẩu xuất gia, phát thệ rằng: “Không đạt đạo không rời núi”. Ông chọn nơi ít người qua lại, xung quanh chỉ có người học thiền làm bạn. Ông học thiền ngồi liền 4 - 5 ngày, nhưng có ai đến cửa lập tức

tình dậy cùng nói chuyện. Nam Lương Thủy Hưng vương là Tiêu Tuấn trấn thủ Tứ Xuyên rất kính trọng Đạo Tiên, năm Thiên Giám 16, đón ông tới núi Thanh Khê, Đạo Tiên an lạc tuổi già ở đây. Sau 28 năm ở núi, ông xuống núi mở rộng đạo pháp và có ảnh hưởng rất lớn. Lại nói, Thục vương là Dương Tú mấy lần mời ông, ông đều không đến. Dương Tú giận, đem quân đi bắt. Đạo Tiên nghe thế, chẳng sợ, ngồi ngay niệm Phật. Dương Tú tới chân núi bỗng trời mưa to, tuyết rơi nhiều, nước ngập sông. Dương Tú và quân sĩ đành lễ bái lên núi, biểu thị sám hối. Thế là trời tạnh, đường xá mới đi được. Đạo Tiên thuyết pháp cho Dương Tú rồi đến chùa Tĩnh Chứng ở Thành Đô. Khoảng năm Khai Hoàng, ông trở về núi Thanh Khê, hơn trăm tuổi mới ngồi ngay nhập diệt.

139

TÔN GIẢ ĐẾ VÔNG



Tôn giả Đế Vông

Đã đạt được quả vị Bồ tát. Theo *Phật thuyết Duy Ma Cật kinh*, quyển thượng và *Phật Quốc phẩm*: Đế Vông từng nghe Phật thuyết pháp ở vườn Tỳ Da Ly Am La Thụ. Đế Vông Bồ tát thụ trì Phật pháp, trí tuệ và đức hạnh viên mãn, có năng lực lưu truyền Phật pháp mãi mãi. Ông đức cao vọng trọng, tiếng vang muôn nơi. Ông rộng mở lòng từ bi khắp thế gian, dẫn dắt chúng sinh thoát khỏi khổ đau sợ hãi của cõi luân hồi sinh tử, đóng lại con



đường ác, chuyển thế giới Cực lạc. ông như người thầy thuốc giỏi trị hết khổ não cho chúng sinh, giúp họ giải thoát. Ông thuyết pháp vi diệu, như con thuyền đưa chúng sinh qua biển. Đối với ngoại đạo, ông diễn xuất Phật pháp dưng mãnh, khiến ngoại đạo sợ mà quy y Phật pháp. Đế Võng Bồ tát thần thông quảng đại, biến hóa trên không, tùy gió theo mây, thật là vô lường.

140

TÔN GIẢ MINH LA

Còn gọi là Minh Võng, tức là Minh Võng Bồ tát. Tham gia hội thuyết pháp của Thích Ca, *Phật thuyết Như Lai bát tư nghì bí mật Đại Thừa* ghi tức là ông. Minh Võng Bồ tát có thể hàng phục ma, chế dị luận, lại khéo giải tam ý của chúng sinh, lấy trí tuệ của mình mà giáo hóa nhân tài giải nhập họ vào pháp môn giáo lý Ba La Mật Đa, khéo dụ phương tiện, đến bờ cứu cánh tối thượng. Tâm ông bình đẳng như đất, như nước, như lửa, như gió vô biên. Ông đã tu thân thành Kim cương vững bền không hoại, có ánh sáng lớn, che cả nhật nguyệt. Ông khéo thuyết giảng kinh siêu độ cho thế nhân.



Tôn giả Minh La

TÔN GIẢ BẢO QUANG



Tôn giả Bảo Quang

Đã đạt được quả vị Bồ tát, có đủ công đức và phẩm hạnh của Bồ tát Phổ Hiền. Theo *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh*, quyển 60: Bồ tát Bảo Quang đã đạt được Chân Đế của Phật pháp, lĩnh hội hết các lý luận Phật giáo. Ông pháp tính vững bền, không vướng phiền não và ưu sầu, mãi thoát ly thế giới trần ai. Bảo Quang thần thông hơn người, theo ý muốn mà tới muôn phương; pháp nhãn của ông thanh tịnh mà không chướng ngại, có thể xem xét mọi chuyện thế gian, có

thể biến hóa nhiều thân, xuất hiện nhiều nơi, là bạn tốt của chúng sinh, không mời mà đến giúp, cho họ an lành. Trí Tuệ của ông vô cùng, lấy trí tuệ đem lợi ích cho chúng sinh, trừ tai, diệt nạn, công quả vô biên, như mặt trời chiếu khắp. Ông tin theo Phật, từng cúng dàng Phật Đà trong quá khứ, phát nguyện bảo hộ Phật pháp, mãi lưu truyền thế gian.

TÔN GIẢ THIÊN ĐIỀU

Tức Nhật Tạng Bồ tát. Theo *Pháp Uyển Châu Lâm*, quyển 59: Trong kiếp quá khứ có 500 tăng cúng dàng các Phật,

học Bồ tát thừa, nhưng vì căn sâu tri thức hủ lậu, làm nhiều nghiệp ác nên chuyển kiếp luân hồi bị đọa vào đường súc sinh làm ngựa, được một Bà La Môn nuôi. Nhật Tạng Bồ tát vì cứu thoát mọi người cũng hiện thân sinh làm ngựa để làm sáng tâm 500 con ngựa. Khi Thích Ca đi du hóa ở đó, Bà La Môn cúng dàng Phật tổ, Phật vì siêu độ cho 500 con ngựa nên đến nhận. Bà La Môn không chịu cho Phật ăn, Nhật Tạng lấy tiếng ngựa mách cho 500 ngựa cúng dàng chư tăng và Phật



Tôn giả Thiên Điều

Đà. Như thế 3 tháng sau, 500 con ngựa đều chết, vãng sinh lên trời Đâu Suất làm Thiên tử. Họ lại đến nghe Phật Đà thuyết pháp, đều thành A Nậu Bồ tát. Phật nói, dưới thời mạt thế, 500 vị này đều đạt Bích Chi Phật, Nhật Tạng Bồ tát cũng thành Phật, được gọi là Điều Thiện Như Lai.

143

TÔN GIẢ PHẤN TẤN

Đã đạt được quả vị Bồ tát, còn gọi là Phấn Tấn Vương Bồ tát. Phấn Tấn được ví như tượng hình tượng oai nghiêm của sư tử khi phẫn nộ, lại chỉ sự dũng mãnh. Khi Tôn giả phẫn nộ, mặt đất phát ra sáu loại chấn động, tùy theo chấn động mà chúng sinh trong ngục, ngoại đạo đều được giải thoát. Theo *Phấn Tấn vương bản kinh*: Ông từng thỉnh giáo Phật tổ Thích Ca, làm thế nào để hiểu hết chân lý trí tuệ vô thượng, nắm được Chân đế của Phật pháp. Phật bảo cho ông có 4 loại Phấn



Tôn giáo Phấn Tấn

Tấn: Giới Phấn Tấn, tức là tuân theo giới luật; Thông Phấn Tấn tức là thông qua thiên định mà đạt được thần thông, không còn trở ngại; Tri Phấn Tấn tức phán đoán được sự lý, biết rõ sai đúng; Tuệ Phấn Tấn tức tâm tính không ám muội, thông đạt sự biến hóa của quy luật. Những ai kính trọng ông thì được bình yên, rời xa tai nạn, tiêu trừ ác nghiệp, đạt được chính đẳng chính giác. Người phạm tội ác tắm sạch thân, mặc quần áo gọn gàng quỳ trước Bồ tát đọc tên hiệu thì được giải trừ.

144

TÔN GIÁO TU ĐẠO

Tên ông được gọi theo đức hạnh. Phật giáo cho rằng, tu tập Bồ tát thừa gồm 10 phép, gọi là *Thập trụ*, tức là: Phát tâm trụ, Trì địa trụ, Tu hành trụ, Sinh quý trụ,... Thứ tự từ 1 đến 4 là thuộc “nhân thánh thai”, từ 5 đến 8 là “trường dưỡng thánh thai”, đến 9 Pháp vương tử trụ thì hình đủ mà xuất thai, sinh làm Bồ tát, khéo làm việc Phật, thì Phật tuổi nước lên đầu (10 - quán đỉnh trụ). Từ 1 đến 10 là quá trình tu đạo. Tu đạo tức là tiệm tiến mà thành Bồ tát.



Tôn giáo Tu Đạo



TÔN GIẢ ĐẠI TƯỚNG

Đại Tướng là tên Tôn giả thời quá khứ, đạt được quả vị Bồ tát. Theo *Bồ tát hạnh phương tiện cảnh giới thần thông biến hóa kinh*: Trong quá khứ, khi Thích Ca chưa đạt được quả vị Phật, Phật Thế tôn thụ ký cho tín chúng, dự báo họ thành Phật trong tương lai. Trong đó, có vị Đại Bồ tát, vốn là một cậu bé ngoại đạo, thông minh và trí tuệ hơn mọi trẻ con khác, tên gọi là Hoan Hỷ, sau quy y Phật giáo thì công đức viên mãn, phẩm tính đầy đủ, đạt được quả vị Bồ tát, gọi là Đại Tướng. Đại Tướng theo Phật xuống thế gian gọi là Văn Thù Bồ tát. Sau khi Thích Ca nhập Niết bàn, Văn Thù Bồ tát đạt được quả vị Phật, gọi là Đại Trang Nghiêm Như Lai.



Tôn giả Đại Tướng

TÔN GIẢ THIÊN TRỤ

Tức Thiên Trụ Thiên Tứ, vốn là một vị vua ở trời Đao Lợi trong 6 tầng trời. Ông biết mình làm việc xấu, sẽ chết sau 7 ngày và chuyển sinh làm súc sinh, bị đẩy dọa vào trong ngục chịu khổ nạn, ông vô cùng đau khổ, vội đến xin



Tôn giả Thiện Trụ

Đế Thích Thiên cứu. Đế Thích Thiên đến tinh xá ở vườn Kỳ cầu Phật. Phật vì ông ta giảng *Phật đĩnh tôn thắng đà la ni kinh* để Thiện Trụ nhớ tụng, nhằm kéo dài tuổi thọ. Thiện Trụ thành tâm theo Phật, tu thành chính quả, thành A La hán. Tạc tượng chân dung ông biểu thị sự chăm chú, thần thái đang niệm đọc kinh.

147

TÔN GIẢ TRÌ THẾ

Tôn giả chứng quả vị Bồ tát. Theo *Trì Thế* ghi thì Bồ tát Trì Thế kinh đã cùng với 500 Tỷ kheo và các Bồ tát nghe Phật giảng kinh ở vườn trúc Ca Lan Đà thành Xá Vệ. Tôn giả tính nhu hòa, có đức nhẫn nhục, giữ giới luật rất nghiêm, lại tinh thông thiền định. Tôn giả thường lấy lòng từ bi thương xót tất cả chúng sinh trong thế gian, mong muốn đoạn trừ tất thảy khổ não của chúng sinh, khiến họ tin nghe Phật pháp, xa rời bến khổ lên bờ giác.



Tôn giả Trì Thế



TÔN GIẢ QUANG ANH

Tức Bồ tát Quang Anh, thường tham gia nghe Thích Ca giảng pháp. Theo *Đại Bảo Tích kinh*: Tâm tính Tôn giả vững như Kim cương, không gì lay chuyển, lại bình đẳng như đất, nước, gió, lửa, đã không có gì để yêu nên không có gì để ghét, duy chỉ giữ lòng từ bi cứu độ chúng sinh. Tôn giả học tất cả các phép của chư Phật để tùy duyên giáo hóa, lại rất giỏi y thuật, thường chữa trị tật khổ cho chúng sinh.



Tôn giả Quang Anh

TÔN GIẢ QUYỀN GIÁO



Tôn giả Quyền Giáo

Tôn giả đã chứng quả vị Bồ tát. Chúng sinh trong thế gian thường tham luyến phúc lộc, phú quý vì thế sa lầy vào vòng phiền não khổ ải, có những người biểu thị niềm tin với Phật giáo chưa từng vi phạm giới luật, phản bội giáo lý, nhưng tâm tính còn chưa kiên định. Bồ tát Quyền Giáo có tâm tính từ bi, thương xót chúng sinh bị nổi khổ vây quanh, cho nên thường dùng các phép biến hóa để cứu nổi

khổ nhất thời của chúng sinh. Ngài cứu chúng sinh như nhà gặp lửa cháy, cả nhà bị lửa vây may có Quyền Giáo cứu, khiến người có lòng ngưỡng mộ. Chúng sinh cảm thấy khả năng giải thoát của Bồ tát, lấy lòng từ bi làm phương pháp dẫn dụ chúng sinh, giúp chúng sinh thoát ly khổ nạn.

150

TÔN GIẢ THIÊN TƯ



Tôn giả Thiên Tư

Tức là Thiên Tư Bồ tát. Thường tham gia nghe Thích Ca giảng pháp. Theo Đại Bảo Tích kinh, quyển 100: Ông cùng các Phật và Bồ tát nghe Phật thuyết pháp ở thành Xá Vệ. Theo Đại Bát nhã Ba La Mật Đa kinh, quyển 576: Thiên Tư Bồ tát và Long Cát Tường Bồ tát cùng nhau thiền định, Long Cát Tường nhập định, Thiên Tư để ông xuất định, làm cho Tam thiên Đại thiên thế giới chấn động, trời mưa hương hoa. Thiên Tư hướng Long Cát Tường hỏi cái lý bất động, Long

Cát Tường nói: “Ông nên biết, nếu thân tâm có chuyển động thì trái đất khuynh đảo. Các Phật, Bát thoái Bồ tát và các Đại A La hán thân tâm an định, xa rời dao động, trong các Pháp không gặp sự khuynh động”. Thiên Tư mới ngộ nhập diệu pháp.



TÔN GIẢ PHÁP NHÂN

Tôn giả họ Quách, tên là Văn Ích, người Từ Hàng thời Ngũ Đại (nay là Bắc Phổ, Hàng Châu, tỉnh Triết Giang), 7 tuổi xuất gia, theo Hy Giác Hòa thượng học Phật luật. Ông giỏi đường văn chương, biện luận sắc sảo, Hy Giác có cách nhìn rất riêng đối với ông. Sau, ông tìm nhiều cao tăng học Phật pháp, hết sức nỗ lực nhưng lâu mà không lĩnh ngộ được đạo, lại đi khắp các chùa nổi tiếng để hỏi Phật lý. Tại Chương Châu, ông gặp La Hán Sâm, được vị này điểm hóa, Văn



Tôn giả Pháp Nhân

Ích khai ngộ, từ đó theo La Hán Sâm học pháp. Sau khi La Hán Sâm viên tịch, ông kế thừa y bát. Ông siêng học tinh tiến, trở thành cao tăng có tiếng phương nam, tự dựng chùa thu thập đệ tử, học giả đến học rất đông. Văn Ích truyền đạo, tùy căn từng người mà điểm hóa, theo cách “với bệnh cần thuốc, giữ người cần may áo”, được đệ tử và đại chúng khen ngợi. Lý Cảnh nhà Nam Đường mời ông đến Kim Lăng, ở chùa Báo Ân, lấy lễ làm thầy đối đãi, ban hiệu Tịnh Tuệ Đại sư, lại xây cho ông chùa Thanh Lương. Văn Ích thụ giới cho Lý Cảnh, giảng giải Phật pháp cho ông. Niên hiệu Hiến Đức năm thứ 5 (958) ông thị tịch, thọ 74 tuổi, thụy hiệu là Đại Pháp Nhân, giáo phái ông sáng lập gọi là Pháp Nhân Tông.

TÔN GIẢ PHẠM THẮNG



Tôn giả Phạm Thắng

Tên của tôn giả được gọi theo đức hạnh, nghĩa tiếng Phạn là Thanh Tịnh. Theo Trí *Độ luận*, quyển 10: Phạn nghĩa là rời mong muốn, thanh tịnh". Theo *Huyền ứng Âm nghĩa*, quyển 6: "Phạn tức Phạn Ma, dịch là tịch tĩnh, hoặc thanh tịnh, hoặc tịnh khiết". Tôn giả xuất gia từ nhỏ, chăm chỉ tu tập Phạn Hạnh. Theo *Pháp Hoa Gia Tường* số, quyển 7: "Thông hết các giới gọi là Phạn Hạnh, biện biệt cắt đứt dâm tà gọi là Phạn Hạnh".

Như vậy, có thể thấy, Tôn giả đã đoạn tuyệt đường dâm, theo giới luật, thành tướng thanh bạch, chứng quả La hán.

TÔN GIẢ QUANG DIỆU

Tôn giả đã chứng quả vị Bồ tát, còn có tên khác là Quang Diệu Vông Bồ tát, tức Bồ tát đã rời xa thế giới âm u ở cõi Phật độ phương Bắc. Ông từng nêu nhận thức về thế giới rằng: Vạn vật trên thế gian sinh sinh diệt diệt, đều là thuật huyền ảo, trong tay pháp sư huyền ảo biến hóa, chúng sinh thấy thế gian thiên biến vạn hóa thì nảy sinh nhiều cảm tình phức tạp, vị thầy này dùng sự huyền ảo,



thì thế gian nhìn thấy sự tỉnh lặng, chúng sinh không có 7 tình, 6 dục. Mà, đời người như giấc mộng lớn, trong mộng nhìn thấy cảnh tượng như thế, sau khi tỉnh tất cả không còn. Phật tổ vì chúng sinh đưa ra cách thoát mộng ảo: Giải thoát hết thấy hữu tình lưu luyến, không bị hữu tình lôi cuốn thì đạt chính quả. Theo *Đại Ai kinh*, quyển 1: Bồ tát Quang Diệu rời thế giới âm u cùng các Bồ tát thuyết Pháp luận Đạo, bỗng biến mất giữa mọi người, bay đến bên Phật tổ, dâng Phật tổ từng chuỗi châu báu, gập đầu kính lễ, sau lại tán tụng công đức Phật.



Tôn giả Quang Diệu

154

TÔN GIẢ TRỰC Ý



Tôn giả Trục Ý

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Tôn giả tính tình cương trực, sau khi xuất gia, việc gì cũng xử lý bằng lòng ngay thẳng. Cái gọi là lòng ngay tức là lòng chính trực không thiên kiến, đây chính là căn bản của tu tập Phật pháp. Theo *Duy Ma Cật kinh*, *Phẩm Phật quốc*: “Trực Tâm là Bồ tát Tịnh độ”. Phẩm Bồ tát sách này nói: “Trực tâm là chốn đạo (đạo tràng)”. *Lăng Nghiêm Kinh*, quyển 1 ghi: Như Lai ở 10 phương cùng Đạo, xa rời sinh tử,

gọi là Trục tâm". Tôn giả Trục Ý lấy lòng ngay thẳng không tà khúc đối đãi với người, sau chứng quả vị A La hán.

155

TÔN GIẢ MA ĐẾ



Tôn giả Ma Đế

Tôn giả đã chứng quả vị Bồ tát, còn gọi là Ma Địa. Ma Đế nghĩa là Tuệ. Theo *Lăng Già Bát Đa La Bảo kinh*, quyển 1: Bồ tát Ma Đế từng cùng Bồ tát Đại Tuệ thăm hỏi các Phật thế gian. Khi đó, Thích Ca cùng các Phật tại đỉnh núi Lăng Già ở Nam Hải. Hai vị tới núi, Thích Ca và chư Phật vì hai ông mà giảng Phật pháp. Tôn giả Ma Đế khéo tu tập, ngưng tâm ngưng nghĩ, thân tâm thanh tịnh, tăng trưởng thần thông trí tuệ và phương pháp. Các Phật đối với thế gian có công đức vô lượng, mà cách phổ độ chúng sinh

lại khác nhau. Ma Đế xem cách hộ trì chúng sinh của chư Phật ghi nhớ mãi. Thế gian hữu tình giàu nghèo khác nhau, sang hèn không cùng, già trẻ cũng khác, Ma Đế bình đẳng giữa mọi người, khắp thế gian bảo hộ cho người gặp nạn.

156

TÔN GIẢ TUỆ KHOAN

Tức Huệ Khoan, là cao tăng thời Đường Trung Quốc,



người Trúc Bạch, Tứ Xuyên, họ Dương. Có thuyết cho rằng, Huệ Khoan từ nhỏ đã khác người, thần kì quái dị. Khi ở cùng chị tọa thiền luận đạo, ông nói người khác nghe không hiểu, người ta đem lời ông nói nói với thiền sư, thiền sư khen ngợi cho là Phật lý uyên áo. Sau ông đi tu, bái Dận Pháp sư làm thầy, ở trên núi 30 năm. Năm Vĩnh Huy thứ 4, tại chùa Tĩnh Tuệ (ở Thành Đô), ông viên tịch, thọ 70 tuổi.



Tôn giả Tuệ Khoan

157

TÔN GIẢ VÔ THẮNG



Tôn giả Vô Thắng

Là tiền thân của Phật tổ Thích Ca. Theo *Đại Thừa Bi Phân Đà Lợi kinh*, quyển 7: ở thế giới xa xưa, có nước Diêm Phù Đề, vua Vô Thắng là tiền thân của Phật tổ, ông có 1000 con. Ông và trăm họ đều tin phụng Phật pháp, ông khuyên dụ 1.000 con xuất gia, chỉ 6 con ở thế tục. Ông chia nước làm 6 phần, cho 6 con quản lý, còn ông cũng xuất gia. Nhưng, 6 con không hòa thuận, đánh nhau, làm Thiên thần oán hận, lâu không mưa, lúa gạo không thu được, bệnh dịch hoành hành, cỏ cây héo úa, chim thú chết nhiều. Khi chúng sinh nguy nan,

Vô Thắng lên núi Chương Thủy, thề nguyện bỏ thân làm núi thịt, lấy máu thịt để cứu chúng sinh. Sau đó đại địa chấn động, núi Tu Di nghiêng đổ, nước biển cuộn dâng. Vô Thắng xuống núi biến thành núi thịt, rộng dài 1.000 do tuần, cao 1.000 do tuần, dâng cho chúng sinh ở nước Diêm Phù Đề. Núi thịt ăn đâu đầy đó, cung cấp cho chúng sinh một vạn năm. Trăm họ ăn núi thịt, sinh lòng kính ngưỡng chư Phật mà trở thành tín đồ Phật giáo.

158

TÔN GIẢ ĐÀM MA



Tôn giả Đàm Ma

Tức Bồ tát Đàm Ma, thường tham gia hội Thích Ca thuyết pháp. Theo *Vô Cực Bảo Tam Muội kinh*, quyển thượng: Thích Ca cử hành pháp hội ở vườn La Duyệt Kỳ Trúc, khi đó trên mặt đất sinh ra hoa Văn Đà Bát, mỗi hoa có trăm vạn cánh, mỗi cánh có một vị Phật ngồi, trước Phật có một Bồ tát, hướng Phật hỏi Phật lý. Bồ tát Đàm Ma nói với Phật: Bồ tát đã đạt được Bảo như Tam muội, tự tại như muốn, trí tuệ đã đủ, đã được ba báu: Một là, như ảnh trong nước, ảnh không ở trong

nước cũng không ngoài nước, Bồ tát ở trong đó, thân biến khắp 10 phương, mà không ở 10 phương; hai là, Bồ tát ở trong đó, phân thân hiện ở trước Phật 10 phương, mà cũng không trước Phật 10 phương; ba là, âm vang trên núi, âm thanh vọng lại, âm hưởng cũng không ở trong, cũng không ở



ngoài, Bồ tát ở trong đó, biết việc Bồ tát ở 10 phương Phật, Bồ tát 10 phương các Phật cũng không đến đó, cũng không ai như vậy cả. Thích Ca nói với Đàm Ma: “Đã đạt được Đà La Ni môn (tức “tổng trì” là giữ thiện pháp không tán, giữ ác pháp không khởi dậy), ví như giữ tên và cung nỏ, muốn bắn, không nơi nào không đến; Bồ tát giữ trí tuệ muốn ức, chẳng nơi nào không đến”. Đàm Ma nghe Phật Đà nói Phật pháp lại càng thâm hiểu.

159

TÔN GIẢ HOAN HỖ

Chính là A Nan, tổ thứ 2 Phật giáo, người thành Vương Xá, họ Sát Đế Lợi, cha là vua Học Phạn. A Nan là đệ tử theo Thích Ca, trong đêm Phật thành đạo A Nan giảng sinh nên gọi là Hoan Hỷ. Ông nghe rộng nhớ nhiều, trí tuệ vô cùng, theo Phật tổ học Phật pháp, giỏi giữ việc trong giáo, rõ các giới luật Phật pháp, được Thích Ca gọi là “Tổng trì đệ nhất”. Khi Phật tổ còn tại thế, ông là thị giả của Phật tổ, Phật tổ nhập Niết bàn, ông chủ trì mọi việc trở thành tổ thứ hai. Khi về già, ông chỉ cho Sa Di đọc kinh, Sa Di nghe đầy đủ lại cười A Nan già rồi. Ông mới hiểu là Chúng sinh nhiễm nhiều tội nạn, khó lấy ngôn ngữ dạy dỗ, ông ở mãi thế gian cũng không có ý nghĩa, nên vội mặc tịch, lên Cực lạc thế giới. Thế là ông rời nước Ma Kiệt Đà, đến thành



Tôn giả Hoan Hỷ

Phệ Xá Ly. Theo *Đại Đường Tây Vực kí*, quyển 7, thì khi A Nan đi trên thuyền, vua Ma Kiệt Đà nghe ông sắp đi, thâm tình khó rời, nên đem quân tới bờ Nam. Vua Phệ Xá Ly nghe A Nan sắp đến, lòng đã trộm mến thì đến đón, đóng quân bờ Bắc, hai nước tranh giành. A Nan sợ chiến tranh bèn cho thuyền bay lên hư không, hóa lửa tự cháy, xương bay chia đôi, phần về phía Nam, phần về phía Bắc, hai vua xây tháp cúng dàng.

160

TÔN GIẢ DU HÝ



Tôn giả Du Hý

Tức là Bồ tát Đại Du Hý. Theo *Hoa Nghiêm nhập Như Lai đức tri bất tư nghĩ cảnh giới kinh* ghi: Bồ tát từng đến nghe Phật thuyết pháp ở nhà Phổ Quang đạo tràng Bồ Đề xứ Pháp A Lan Ná nước Ma Kiệt Đà. Ông có đủ tâm bình đẳng và tâm từ bi, hy vọng tất cả chúng sinh đều chứng tâm Bồ đề. Ông đã thần thông tự tại, khéo có cách vào và ra thế gian, giúp chúng sinh được giải thoát.

161

TÔN GIẢ ĐẠO THẾ

Là cao tăng đời Đường, người Kinh Triệu (nay là Tây An), họ Hàn, tự Huyền Uẩn, sinh năm Khai Hoàng thứ 12 (602),



mất năm Tống Chương nguyên niên (668). Vì tránh huy vua Đường Thái Tông (Thế Dân) nên thường được gọi tên tự, mà không gọi tên hiệu. Ông thông minh, nhớ nhiều, tinh thông Phật điển, rất giỏi trước thuật, hạ bút nghìn lời, nhưng hàm ý thì vô cùng, mà vạn chữ văn nhã. Khoảng năm Hiên Khánh (656 - 660), Hiên đế ban chiếu cho ông trụ trì chùa Tây Minh ở Trường An, trong chùa nghiêm giữ giới luật, ông ham viết sách, trước tác nổi tiếng còn lại đến



Tôn giả Đạo Thế

nay có: *Pháp Uyển Châu Lâm*, *Tín Phúc Luận*, *Đại Tiểu Thừa Thiền Môn Quán*,... Trước thuật của ông dễ hiểu, đem Phật lý uyên áo giới thiệu cho đại chúng. Như ông thấy, tín đồ phần nhiều tin thành, tiến thủ, nhưng cần dựa vào Phật pháp tu luyện, như tâm yên bình, thì đạt được tịnh độ. Ông lại nhận thấy, trong chùa có 18 vị bảo hộ, khiến cho tăng chúng tránh khỏi họa hại, nhưng tăng nhân cần tự lực cố gắng, nếu lười biếng hoặc không giữ giới, thì gặp hiện báo.

162

TÔN GIẢ MINH CHIẾU

Tức Bồ tát Minh Chiếu, là Bồ tát đã thoát khỏi chương ngại, đạt trí tuệ vô cùng, lòng như vầng trăng sáng, lấy ánh sáng trí tuệ chiếu cho chúng sinh, khiến cho chúng sinh được ngộ nhập vào trời thanh tịnh. Bồ tát nhập vào



Tôn giả Minh Chuẩn

cõi Tối thắng trí, trí tuệ biến khắp như hư không, chúng sinh không ai không nhận được lòng từ ái hộ trì. Theo *Phật Danh kinh*: Ai thường niệm danh hiệu chư Phật cùng Bồ tát, thành tâm quy y, thì tội ác được tiêu trừ, sinh tới cõi Cực lạc, hưởng quả vị vô cùng an lạc.

163

TÔN GIẢ PHỔ ĐẲNG

Là đệ tử của Phật, sở trường hơn các La hán tu Thiền định, khi ông tọa thiền thường soi xét tất thấy các Phật trên thế gian, thường nghe chư Phật thuyết pháp, cho nên thấu hiểu khổ ải bắt nguồn từ lòng ham muốn, chỉ có xa rời ham muốn mới có thể khiến cho thân tâm an lạc. Tôn giả có trí tuệ của các Phật, thường nghe chư Phật thuyết pháp, nên có lòng từ bi của chư Phật, thường cứu độ chúng sinh lên bến bờ giải thoát, ngăn ngừa tất cả những điều ác, không bị rơi vào cảnh luân hồi địa ngục, lại không ngại khó mà thuyết pháp cho chúng sinh, giống như thầy thuốc cần cù trị bệnh.



Tôn giả Phổ Đẳng



164

TÔN GIẢ TUỆ TÁC

Theo Phật thuyết Thành cụ quang minh định ý kinh: Một hôm Thích Ca ở tại tịnh xá của nước Ca Duy La Vệ, ngài biết trước sẽ có người đến thỉnh cầu Phật pháp, liền sai A Nan thỉnh mời Minh Sĩ, Trừ ác Chúng, Vô Trước, Phú Tịch cùng đến nghe pháp. Tuệ Tác là một trong những người thuộc nhóm của Minh Sĩ, gìn giữ giới luật, tâm tính thanh tịnh tựa mặt trăng, như hoa tỏa hương ngào ngạt. Tôn giả đã trừ được Tham, Sân, Si, cùng những phiền phức, sau chứng quả vị La hán.



Tôn giả Tuệ Tác

165

TÔN GIẢ TRỢ HOAN



Tôn giả Trợ Hoan

Tôn giả thệ nguyện, thân tâm luôn vui vẻ vì thế mà có tên gọi như vậy. Phật thân tức là pháp thân, pháp thân tức là tự thân. Tự thân này không phải tự thân thể tục mà là chỉ Phật tính của chính mình. Pháp thân của đệ tử Phật đều do công đức vô lượng tạo ra mà có, do tu tập thiền định mà có, đem lòng từ bi cứu độ chúng sinh mà có. Kể tu hành công đức ngày một tròn đầy.

Phật tính ngày một sáng. Pháp thân đó dần thay tự thân thể tục trở thành tự thân của Phật pháp. Công đức của Tôn giả đã tròn đầy, Phật tính đã sáng sủa mà vẫn không ngừng cứu độ chúng sinh, khiến cho mọi người đều hoan lạc, cho nên gọi là Phật thân Hoan Lạc. Đây chính là cách hoằng dương Phật pháp vì lợi ích của chúng sinh.

166

TÔN GIẢ NAN THẮNG



Tôn giả Nan Thắng

Tức Vô Năng Thắng, tiếng Phạn là A Dật Đa, người Ấn Độ, cuối thời Đường tới Trung Quốc phiên dịch kinh điển. Ông có học thức uyên bác, rất được mọi người tôn sùng. Tiếc là khi ông đến Trung Quốc thì nhà Đường chiến loạn, dân sống khổ sở, hoàn cảnh hỗn loạn khiến cho ông khó có nơi yên ổn để phiên dịch kinh điển. Sau không rõ ông mất thế nào.

167

TÔN GIẢ THIỆN ĐỨC

Là cư sĩ, ông chưa từng xuất gia nhưng giữ giới luật nghiêm cần, đoạn trừ hết phiền não, bỏ hết thế tục, bỏ hoan dục, coi vinh nhục như mây nổi, tiền tài như nước trôi.



Ông thích nghe Phật tổ giảng pháp Đại Thừa, nghe xong lại truyền bá cho người khác, đã đủ lòng mộ Phật lại muốn người khác cũng như vậy. Ông đạt được trí tuệ vô tận trong Phật pháp, chuyên tâm dốc chí học và hộ vệ Phật giáo Đại Thừa, tế độ người chưa độ, giải cứu người còn chưa giải thoát. Theo *Đại Niết bàn kinh*, quyển 1: Ngày 15 tháng 2, Phật tổ nhập Niết bàn tại rừng Long Thọ, mắt phóng muôn ánh hào quang, chiếu khắp 3.000 thế giới, chúng sinh biết Phật tổ diệt độ cùng phóng âm thanh từ bi, nâng tay ôm đầu, vỗ ngực kêu lớn, đau thương trùm cả vũ trụ, trời lay, đất động, sông biển nổi sóng. Khi đó, Cư sĩ Thiện Đức cùng các đệ tử vây quanh Phật, cúi đầu sát đất lễ bái, mong Phật lưu lại thế gian, không nhập Niết bàn. Nhưng Phật tổ đã biết Thiện Đức sau sẽ trở thành quả vị Phật, khiến cho Phật pháp lưu truyền. Phật tổ biết hậu thế không ít người kế thừa, nên cứ bình tĩnh mà nhập tịch.



Tôn giả Thiện Đức



Tôn giả Bảo Nhai

168

TÔN GIẢ BẢO NHAI

Tên của ngài được gọi theo đức hạnh. Bảo Nhai tức là biển báu, châu báu công đức nhiều vô cùng, không thể lường được, như nước biển vô bờ, cho nên ví với biển. *Kê Tịnh Độ luận* ghi: “Công đức đại bảo hải”. Bảo Nhai

dốc lòng hướng Phật, rộng làm việc thiện, tu sửa nhà cửa, cầu cống, đường xá, giúp người nghèo,... chẳng gì không làm, cả đời làm bao việc thiện, công đức như biển. Đồng thời, ông lại nghiên cứu tinh thâm Phật lý, tu tập thiền định, dùng mãnh tinh tiến, sau chứng quả vị A La hán.

169

TÔN GIÀ QUÁN THÂN



Tôn già Quán Thân

Tôn già là đệ tử của Phật, thông minh, đỉnh ngộ hơn người; văn chương bút mực nhìn qua là nhớ; các nghiệp thế gian, muốn học chẳng khó. Tôn già quy y Phật giáo, xuất gia đi tu, mà tính với thế tục chưa đoạn tuyệt, thường bị phiền não làm khổ, như cùng sống trong chốn rừng thâm u, thay trời che sáng, u u âm âm, tự thân có thiên tính thông tuệ trong Phật giáo không thể hiện, xuất gia rồi nhưng chưa lĩnh hội được yếu lĩnh của Phật giáo. Tôn già ở riêng tự lĩnh, tìm nguyên nhân của cách giải thoát, phát

hiện chẳng phải trí lực không đủ, cũng không là niềm tin không thành mà là chưa cắt đứt liên hệ với thế gian vô minh, tự thân ở trong cõi luân hồi sinh tử. Tôn già sau khi tự mình quán xét, tìm được Chân đế Phật giáo trong chốn thanh tịnh, bài trừ Chân lý thế gian, sau thấy được thiên tịnh, địa tịnh, tự thân 6 căn thanh tịnh, cuối cùng thoát ly thế tục, đạt quả vị A La hán.

TÔN GIẢ HOA VƯƠNG

Tức Hoa Vương Bồ tát. Theo *Phật Danh kinh*, quyển 21: Tỳ kheo phạm tội ác cũng như chúng sinh bị dày vào địa ngục chịu khổ. Trong đó, âm thanh hô hoán vang dậy, “lửa cháy ngùn ngụt, khói đen bay đầy, tội nhân vào trong chịu nhiều khổ nạn... Mã Đầu la sát cầm gậy trông đầu mà đánh, tội nhân kêu to mà chạy, ngục tốt Dạ Xoa lại đánh, không đất chạy trốn, ra cửa Đông thì bị đóng, Nam, Tây, Bắc cũng đều đóng, một ngày, một đêm thống khổ, muốn sống cũng khó, muốn chết không đành. Vì rửa tội, thoát khỏi địa ngục, chúng sinh quy mệnh Phật, lễ bái Bồ tát các phương, thành lòng sám hối, Hoa Vương Bồ tát mà chúng ta đang lễ bái là một vị Bồ tát quan trọng.



Tôn giả Hoa Vương

TÔN GIẢ ĐỨC THỦ

Tôn giả chúng qua vị Bồ tát, là một trong Bồ tát mười phương. Theo *Phật thuyết Bồ tát bản nghiệp kinh*: “Phương Đông vô cực, có chùa Thanh Liên, Phật tên là Bi Tinh Tiến, Bồ tát tự là Thủ Đức”. Bồ tát Thủ Đức thần thông quảng đại, tiếng truyền tới 10 phương, tinh thông kinh điển Đại, Tiểu



Tôn giả Đức Thủ

Thừa, dẫn dắt đại chúng quy y Phật giáo, mà tuân tự tiệm tiến. Truyền thuyết Lý Bạch - thi nhân thời Đường giáng sinh nhân thế là đứa trẻ tham ngoan, một ngày đến bên khe nước, Đức Thủ dạy dỗ Lý Bạch, hóa thành một bà ở bên khe nước mài cây gậy sắt, Lý Bạch thấy lạ hỏi mài làm gì? Bà lão trả lời, muốn mài thành cây kim. Lý Bạch nhận thấy gậy sắt mài thành kim thì không thể, bà lão nói với Lý Bạch: “Chỉ cần bỏ công sức, cây sắt cũng thành kim”. Lý Bạch hiểu ra lẽ: Muốn thành công, cần công phu khổ luyện lâu dài. Bỏ tất Đức Thủ công đức cái thế, sau khi Phật diệt độ, ông cũng thành Phật, ở ngôi vị Phật.

172

TÔN GIẢ HY KIẾN

Tức Hy Kiến Bồ tát. Thường tham gia nghe Thích Ca thuyết pháp. Theo *Phật thuyết nguyệt thượng nữ kinh*: Khi Phật cử hành pháp hội ở tinh xá Thảo Nha, trong rừng cây lớn nước Tỳ Da Ly, ông cũng ở đấy. Bồ tát Hy Kiến đã trải qua vô số kiếp, tu thành uy lực lớn, đại thần thông, khéo giữ thiện pháp khiến cho không có tai ương, giữ ác pháp khiến cho nó không khởi dậy. Ông vốn biết Tam thế như huyền hóa,



Tôn giả Hy Kiến



như trăng trong nước, như âm hưởng trong hang, lại có đủ lòng từ bi, phổ độ chúng sinh, vì đại chúng mà giảng thuyết giải thoát, thật là dạy người không mỏi, mà sắc mặt luôn vui, không sinh oán giận. Ông có trí tuệ “Biết việc làm của chúng sinh, tùy nơi mà nói pháp”, lời nói rất khéo “dùng lời hay, lòng không biến cải, biện thuyết vô cùng”, độ cho vô lượng chúng sinh đến bờ giác ngộ.

173

TÔN GIẢ THIÊN TÚC

Tôn giả đã chứng quả vị Bồ tát, *Phật Danh kinh* quyển 22 liệt ông là một trong Bồ tát mười phương. Thiên Túc thấy thế gian khổ vô tận nên khuyên họ quy y Tam bảo. Người thế gian đều chưa giải thoát khỏi sinh tử luân hồi, họ chuyển sinh tử vô số lần, xương cốt mỗi người như núi cao Tỳ Phú La ở thành Vương Xá; mỗi người uống bao nhiêu sữa mẹ, tụ hội như nước bốn biển; thân thể như nước biển chảy, so với nước bốn biển còn nhiều hơn; thân thuộc gần chết thống khổ khóc, nước mắt tụ lại thì biển cũng khó chứa hết. Chúng sinh trong luân hồi như trong ngục không được giải thoát, cũng như trôi trong biển không thể cứu. Nguyên nhân nào khiến cho chúng sinh không thoát ly khổ não? Tôn giả Thiên Túc khuyên chúng sinh quy y Phật giáo, chứng quả vị mãi thoát biển khổ.



Tôn giả Thiên Túc

TÔN GIẢ THIỆN Ý



Tôn giả Thiện Ý

Tên Phạn là Di Lặc Đẩu Chi La Na, là thần vương thứ 18 trong 26 bộ thần. Theo Phật thuyết quán đảnh Thần chú kinh: Phạm người thụ tam quy (quy y Phật, quy y giới Pháp, quy y Tăng), viết tên Thiện ý cũng như 36 thần bộ vương mang theo trên người, như thế thì lúc nào cũng được các vị hộ trợ. Nói cụ thể là, thần vương Thiện ý chủ chức trị độc, mang theo tên ông trên người có thể tránh các loại dịch độc và bệnh truyền nhiễm xâm phạm.

TÔN GIẢ ÁI QUANG

Tôn giả là con Phật, tên là ái Kinh, bà tên là ý Lạc, ở thành Lưu Ly, cha di tu, công đức vô lượng, dốc lòng tu hành, đạt đạo thành Phật, hiệu là Quang Minh Như Lai, thần thông quảng đại, pháp lực vô biên, toàn thân tỏa ánh sáng, chiếu khắp 3320 dặm, nơi Quang Minh chiếu ánh sáng tới thì chúng sinh bình yên, cây cỏ tươi tốt. Quang Minh mở đàn giảng kinh, lần đầu thu nạp 82



Tôn giả Ái Quang

ức đệ tử, lần 2 thu nạp 86 ức đệ tử, lần 3 thu nạp 87 ức đệ tử. Theo *Hiền Kiếp kinh*, quyển 8: Đệ tử của Quang Minh Phật đều đạt chính quả, chúng sinh an lạc vô cùng, dân đều thọ hơn trăm tuổi. Ái Quang chịu ảnh hưởng của cha, cũng đi tu, tôn phụng Tam bảo, tích chứa công đức, sau đạt được quả vị A La hán.

176

TÔN GIẢ HOA QUANG

Tức Bồ tát Hoa Quang Tràng.
Theo *Vô Lượng Nghĩa kinh*, phẩm Đức hạnh đệ nhất: Ông từng tham gia nghe Thích Ca thuyết pháp. Bồ tát Hoa Quang Tràng diễm đảm an lành, vô vi, vô dục, tâm thường lặng tại Tam muội, trí tuệ thường thông ở các pháp, mở cửa Niết bàn hàng gió lạnh giải thoát. Ông là thầy giỏi, bạn tốt của chúng sinh, luôn giữ lòng từ bi, cứu khổ, cứu nạn, khéo dẫn dụ chúng sinh bằng từ thiện, cho họ kết quả. Ông như con thuyền từ bi lớn, chở chúng sinh qua sông chết, đến bờ giác ngộ. Ông như người thầy thuốc giỏi biết hết được tính mà trừ các bệnh, có thể khiến cho người mù sáng lại, điếc nghe thông, tật mũi đã thông, câm thì đã nói, tật lỗi thân thể đều trở lại tốt đẹp.



Tôn giả Hoa Quang

TÔN GIẢ THIÊN KIẾN



Tôn giả Thiên Kiến

Tôn giả tên A Xà Đa, nghĩa là Thiên Kiến (khéo nhìn), là vua nước Ma Kiệt Đà - cổ Ấn Độ. Theo *Niết bàn kinh*: Trước khi Thiên Kiến giảng sinh, vua cha bói cho ông, thầy bói nói đứa trẻ lớn lên sẽ hại cha mẹ. Thiên Kiến sinh rồi, cha mẹ ông ném ông qua cửa sổ lầu, nhưng ông không chết mà chỉ bị thương ngón tay. Năm tháng trôi qua, ông kết giao với thiếu niên tà ác, dẫu ác dã nhiều. Sau ông cầm tù cha mẹ, kế thừa ngôi vua, xuất binh chinh phạt nước bên cạnh, chúng

sinh khổ sở. Tội ác chồng chất tất bị trời trừng phạt, khắp người phát bệnh, trị lâu không khỏi, đau đớn vô cùng, mời danh y Phộc Già nhưng ông này đành giới thiệu tới Thích Ca. Thích Ca giảng kinh cho ông. Thiên Kiến sám hối tội ác, quy y Phật pháp, đề xướng Phật giáo trong nước, khiến cho Phật giáo phát triển. Sau khi Thích Ca diệt độ, Thiên Kiến thành vua hộ pháp, giúp Ca Diếp hoàn thành kiệt tập kinh điển lần một. Sau khi Thiên Kiến mất, vì tội ác ngày trước bị truy nhập vào địa ngục; lại do công đức về sau, một Sát Na cũng thoát lên thượng phương Phật độ. Trước khi Phật Di Lặc tương lai xuất thế, Thiên Kiến trở lại thế gian, tên là Bất Động Bồ tát. Cuối cùng Thiên Kiến chứng quả vị Phật, hiệu là Tịnh Giới Như Lai.



TÔN GIẢ THIÊN CĂN

Tên của ngài được gọi theo đức hạnh. Phật giáo nhận thấy Thân, Khẩu, ý là ba cái “thiện” (tốt) của ba nghiệp, giữ kín mà không phát ra, gọi là “căn” (gốc); lại khéo sinh quả tốt, sinh nhiều điều tốt, cho nên gọi là “căn”. Phẩm Bồ tát hạnh, *Duy Ma Cát kinh* ghi: “K hông tiếc thân mệnh, gieo nhiều giống tốt (thiện căn)”. Chú dẫn của Cựu Ma La Thập như sau: “Thiện tâm bền vững, sâu không thể lường, nên gọi là Căn”. Cụ thể có ba thiện căn *Thập Trụ Tỳ bà Sa luận*, quyển 1



Tôn giả Thiên Căn

ghi: “Thiện căn là không tham, không khuể, không ngu si, tất cả thiện pháp từ ba cái đó mà sinh”. *Trí độ luận*, quyển 30 cũng ghi: “Tất cả các pháp đều từ ba thiện pháp mà sinh trưởng”. Tôn giả Thiên Căn khắc khổ tu hành từ các thiện căn mà dậy lên, dùng mãnh tinh tiến, sau chứng quả A La hán.

TÔN GIẢ ĐỨC ĐỈNH

Tôn giả đã chứng quả vị Bồ tát, *Phật Danh kinh*, quyển 22 liệt ông là một trong số Bồ tát mười phương. Ông giáo hội



Tôn gọi Đức Định

chúng sinh, thoát ly thế tục, quy y Phật pháp. Chúng sinh thường qua lại cửa luân hồi vô cùng thống khổ, sinh ra đã khổ, chết cũng khổ. Chết rồi nhập vào địa ngục, chịu khổ rừng đao bằm chém; chết chuyển sinh làm quỷ đói, chịu khổ đói rét; chết vào cửa súc sinh, hóa sinh làm hổ báo sài lang, chịu cảnh khổ giết lẫn nhau. Muốn thoát ly các khổ, nên quy y Phật pháp, sau khi đạt chính quả, thoát khỏi sinh tử luân hồi, lên thế giới cực lạc Phật độ.

180

TÔN GIẢ DIỆU TÝ

Tức là Bồ tát Tô Bà Hồ, cũng gọi là Tô Ba Hồ, dịch ý là Diệu Tý. Vị Bồ tát Hư Không Tạng thứ 2 ở Thai tạng giới Mạn Đà La thuộc Viện Hư Không tạng, chủ đức Hư Không tạng tốt lành. Cái gọi Hư Không tạng là chỉ trí tuệ hư không ở kho tàng chứa hư không, cũng như chứa tất cả công đức như hư không. *Đại Tập kinh*, quyển 14 ghi Phật tổ giải thích Hư Không tạng hàm nghĩa: “Như người giàu có nhiều chúng dân, vô lượng kho báu của cải, lại hay bố thí, lòng không



Tôn gọi Diệu Tý

quái đản gian lận. Khi hành thi, kẻ bần cùng qua tuý ý mà tu, mở cửa kho tàng cho họ mà đều được thỏa ý. Bồ thí rồi tâm không hối hận mà vui mừng hoan hỷ”. Diệu Tỳ là vị Bồ tát giúp cho Hư Không tạng “Trong hư không, tùy chúng sinh mà ban, như thí pháp, nếu lấy tài sản hết lòng mà ban thì hết sức hoan hỷ”.

181

TÔN GIẢ LONG MÃNH

Long Mãnh còn gọi là Long Thọ, Long Thắng. Là người nước Nam Thiên Trúc - Ấn Độ xưa, thừa nhỏ đã nổi tiếng kì ngộ trong nước, lớn lên chu du các nước, chịu học hỏi các danh nhân mà tinh thông thiên văn địa lý,... lại theo thuật sĩ học được phép ẩn thân. Sau ông ngộ ra, ái dục của thế gian đều là nguồn gốc của đau khổ, nên xuất gia đi tu, để cầu tinh thần giải thoát, xin vào chùa thọ giới. Ông đọc thông kinh điển, ra chùa học hỏi các danh tăng, đại đức, cuối cùng thành người uyên



Tôn giả Long Mãnh

bác về Phật học. Sau, ông được tổ 13 Ca Tỳ Ma La phó pháp tạng, thành tổ 14 của Phật giáo. Khi đó vua Nam Thiên Trúc tin phụng Phật giáo, Long Nhân vào cung thuyết pháp cho Quốc vương, khiến vua và quý tộc đều quy y Phật giáo. Ông lấy tài biện luận sắc sảo đánh bại bọn dị giáo khiêu khích, lại khiến họ tin theo Phật giáo. Long Mãnh đứng đầu trong 10 vị luận sư của Ấn Độ xưa, trước tác của ông để lại

rất nhiều như: *Ưu Ba Đề Xá, Trang Nghiêm Phật đạo luận, Đại từ phương tiện luận,...*

182

TÔN GIẢ PHẬT SA



Tôn giả Phật Sa

Tức Phật Sa Bồ tát. Theo *Hoa Thủ kinh*, quyển 4: Ngoài cõi Thế giới Sa Bà nơi Thích Ca ở, lại có vô lượng hàng hà sa thế giới, trong đó “có thế giới tên là Chúng Hương, tại đó có vị Phật tên là Liên Hoa Tượng, nay là Phật Sa Bồ tát Ma ha tát”. Phật Sa biết Phật tổ chuẩn bị thuyết vi diệu pháp, bèn đến Thế giới Sa Bà nghe Phật thuyết pháp. Bồ tát Phật Sa có đại uy lực, đại thần thông, cho nên trong *Phật Danh kinh*, Thích Ca coi ông là một trong những vị

đại Bồ tát. Những ai chí tâm quy mệnh, lễ kính đối với ông thì tránh được tai ương họa hoạn, không bị rơi vào ngục khổ. Lại theo *Duy Ma Cật sở thuyết kinh*: Duy Ma Cật nói với Bồ tát: “Những người nhân, thế nào là Bồ tát chẳng nhị môn, tùy theo điều vui mà mừng?”. Bồ tát Phật Sa trả lời: “Thiện chẳng thiện là hai, nếu không khởi dậy thiện không thiện, người ta không có tướng thông đạt gọi là người không có hai pháp môn”.



TÔN GIẢ ĐỨC QUANG

Trước quá khứ vô số kiếp, trong cương vực lưu hành của Phật giáo, có vị vua tên gọi là át Chân Vô, chủ tể địa vực Diêm Phù Đề. Thái tử của vua là Đức Quang, tướng mạo đoan chính, uy nghi tuyệt diệu. Theo *Phật thuyết Đức Quang Thái tử kinh* ghi: Thái tử sinh được 7 ngày thì trí tuệ uyên thâm, trí thức Phật giáo và thế tục đều nắm hết, vua cha vui mừng thả hết tù phạm để tạ ơn trời Phật. Một ngày vào giờ Ngọ, Cát Nghĩa Như Lai đến nơi Thái tử Đức Quang,



Tôn giả Đức Quang

nói với Đức Quang tuân theo giới Phật, không ngủ nhiều, không quá vui, không nhảy múa, không nghe âm nhạc,... tất cả vật chất trên thế gian không được lưu luyến. Thế là Đức Quang ở riêng một mình, không dám tự mình phóng dăng, tránh xa ái dục. Khi trưởng thành, các Phật vì ông đến thuyết pháp, lại được vua cha đồng ý, rộng mở lợi ích chúng sinh, khiến cho dân an cư lạc nghiệp, như sống trong nước Cực lạc. Do ông tin theo giới Phật, làm lợi ích cho muôn dân nên được công đức vô lượng báo đáp, sau chứng quả vị Bồ tát.

TÔN GIẢ TẤN KẾT



Tôn giả Tấn Kết

Theo Phật thuyết thành cụ quang minh định ý kinh: Khi Phật tổ Thích Ca ở tịnh xá nước Ca Duy La Vệ, một buổi sáng, ông biết có người đến hỏi yếu chỉ của Phật pháp, bèn bảo A Nan mời bốn nhóm người là Minh Sỹ, Trừ ác Chúng, Vô Trước và Phú Tích đến, Tấn Kết là người trong nhóm Minh Sỹ đến nghe giảng, giữ giới luật nghiêm cẩn, phá trừ được Tham, Sân, Si và Ngũ uẩn, bỏ được các phiền não, thân tâm thanh tịnh, sau chứng ngộ quả vị A La hán.

TÔN GIẢ TỊNH CHÍNH

Là cao tăng đời Đường, người Phúc Châu, họ Vương, sinh vào niên hiệu Khai Nguyên đời Đường Huyền Tông 11 (758), tuổi nhỏ xuất gia, lấy hiệu là Hoài Hải, tinh thông giới luật và Tam học. Đến tuổi trưởng thành thì ngưỡng mộ Thiền học và làm đệ tử của Mã Tổ, hiểu được yếu chỉ và được trao truyền tâm ấn. Để báo đáp ơn thầy, Tôn giả theo hầu thầy trong nhiều năm. Sau về núi Bách Trượng tỉnh Giang Tây mở chùa viện riêng, trao truyền Phật pháp

cho rất nhiều môn đồ. Trên cơ sở giới luật của Mã Tổ đã đặt ra, ông soạn, sửa lại cho thống nhất và cùng đệ tử tuân theo, thi hành. Ông xưng: Một ngày không làm thì một ngày cũng đừng ăn. Đời sau gọi là thanh quy của Bách Trượng, chùa viện trong thiên hạ không nơi nào là không tuân theo và trở thành chính pháp thanh tịnh. Tôn giả viên tịch vào năm thứ 9 niên hiệu Nguyên Hòa đời vua Đường Hiến Tông (818).



Tôn giả Tịnh Chính

186

TÔN GIẢ THIÊN QUÁN



Tôn giả Thiên Quán

Tức Bồ tát Thiên Quán. Thường tham gia nghe Thích Ca thuyết pháp. Theo *Tối Thắng Văn Bồ tát thập trụ trí câu đoạn kết kinh*: Khi Thích Ca thuyết pháp ở thành Tỳ Xá Ly, Tôn giả thường trong hội nghe pháp và giác ngộ các phép Tam muội. Tôn giả không những giải thoát được tự thân mà còn cứu độ được chúng sinh. Cũng trong pháp hội này, Tôn giả từng giải thích được trí tuệ của hàng Bồ tát, tức là: "Tất cả những vọng tưởng, phải hiểu là không có

vọng tưởng, trong đó thân thể, miệng nói và ý thức phải trong sạch mới gọi là trí tuệ của hàng Bồ tát".

TÔN GIẢ ĐẠI LỰC



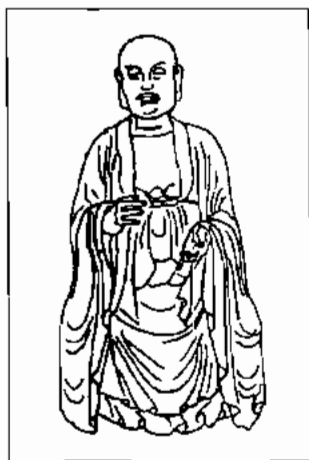
Tôn giả Đại Lực

Tôn giả là một trong tám vị Thiên thần, cũng gọi là Đại Lực vương, Đại Lực kim cương. Theo *Phật bản hạnh tập kinh*: Tất Đạt thái tử nhập định dưới cây Bồ đề, đạt được ngũ nhập triệt để, quỷ thần kinh hãi, sợ thái tử một sớm chứng được quả vị nên ngăn trở mà vây quanh thái tử. Ma quỷ nhe lưỡi dài, trũng hai mắt, lắc ngực ra oai; La Sát thân đen tay cầm đầu lâu, dùng thuật huyền hóa mong mê hoặc thái tử; ma ác hai mắt phun lửa thiêu thái tử; quỷ dữ hóa hồ báo sói lang gầm rú ra oai; ma vương Ba Tuần tay cầm kiếm sắc dọa thái tử. Khi đó, thái tử đã đạt được thần thông lớn, các ác ma bức bách nhưng không lại gần được; tám đại thiên thần sợ thái tử không thành đạo nên mỗi người biến làm 16 hóa thân bảo vệ thái tử, đuổi tà ma. Sau khi Tất Đạt Đa chứng đạo, Đại Lực thiên vương thành Kim cương bảo hộ Phật pháp.

TÔN GIẢ ĐIỆN QUANG

Tức Bồ tát Điện Quang, từng tham gia nghe Thích Ca thuyết pháp, lĩnh được diệu chỉ Phật lý. Theo *Đại phương*

đăng đại tập kinh, quyển 9: Khi Thích Ca nói về “chính pháp”, Bồ tát trên tòa nói với Phật rằng: “Thế tôn! Chúng tôi bảo hộ chính pháp, nghe theo lời nói của ngài”. Thích Ca tiến một bước nói: “Các người! Thế nào bằng pháp mà bảo hộ được chính pháp?”. Bồ tát Điện Quang nói: “Thế tôn! Nếu theo tâm khác mà không bảo hộ được, ta tùy ý mà bảo hộ được”. Qua đó có thể thấy, Bồ tát Điện Quang đã sáng lòng thấy tính, tâm không là nô dịch cho ngoại vật, đạt được tự tại, cũng tức rời được bó buộc của phiền não, thông đạt không trở ngại, tự thể mà làm nên cái dụng, hóa độ cho chúng sinh.



Tôn giả Điện Quang

189

TÔN GIẢ BẢO TRƯỞNG



Tôn giả Bảo Trượng

Tôn giả đã chứng quả vị Bồ tát. Theo *Phật Thuyết Duy Ma Cật kinh*, phẩm Phật quốc quyển Thượng: Bồ tát Bảo Trượng từng nghe Phật thuyết pháp ở vườn Tỳ Da Ly Am La Thụ. Trí tuệ và đức hạnh của ông đều đầy đủ, có thể theo sau các vị Bồ tát, khiến cho bánh xe pháp luân quay mãi không ngừng, để Phật pháp mãi lưu chuyển trong thế gian. Bảo Trượng thệ nguyện đem lòng từ bi đến với chúng sinh và cứu giúp họ

vượt qua bến khổ, ngăn ngừa con đường tội lỗi, đưa chúng sinh đến cảnh giới Cực lạc. Chúng sinh trong thế gian thì nhiều và mỗi người đều có dục vọng riêng, Bảo Trượng khéo dùng các phép phương tiện để dẫn dắt họ. Công đức đó thực vô tận, tựa như ánh sáng soi rọi đêm đen, tựa mưa ngọt tưới ruộng khô hạn. Tôn giả dựa vào quyền uy của Phật pháp mà phù trì Phật pháp, diệt trừ ngoại đạo, khiến cho tất thảy đều quy y đạo Phật.

190

TÔN GIẢ THIÊN TINH



Tôn giả Thiên Tinh

Theo *Đại Phương quảng Tam giới kinh*: Tỳ kheo Thiên Tinh từng theo hầu Thích Ca 20 năm, xem hết 12 bộ kinh. Về sau, do không hiểu thấu đáo, nảy sinh tà kiến, mất hết những gì đã chứng ngộ. Tôn giả theo Phật bốn tẩu khắp nơi, đích thân chứng kiến các phép thần thông khi Phật thi triển uy lực hàng phục trăm ngoại đạo, mà pháp lực của Phật tổ vẫn còn chất chứa. Một lần, Phật ở thành Vương Xá, đầu tối giảng yếu nghĩa Phật pháp cho Thiên Đế Thích nghe. Theo tập tục

bấy giờ, đệ tử đợi thầy ngủ rồi mới nghỉ ngơi. Thiên Tinh thấy thầy nói mãi không mệt, lòng không vui. Ông đến thành Vương Xá, có trẻ con đêm khóc không ngừng, cha mẹ quát rằng: “Còn khóc sẽ đem con cho quỷ Bạc Câu La”. Lúc đó, Thiên Tinh nói lớn với Phật: “Mau đến chùa, quỷ Bạc



Câu La đến rồi”, hành vi của ông bị Phật tổ trách. Sau, Phật tổ thuyết pháp cho Thiện Tinh, nhưng ông không nói nên nghĩa một câu kệ, một chữ, lòng ác chưa lành, thường hướng đại chúng theo thuyết chẳng nhân chẳng quả, nên nhập vào địa ngục A Tỳ. Trải qua khổ nạn của địa ngục, ông giác ngộ, chuyên cần tu hành, sau chứng quả vị A La hán.

191

TÔN GIẢ LA TUẦN

Tức La Tuần Dụ, xuất gia làm Tỳ kheo, là đệ tử Thanh văn của Phật tổ. Ông sinh ra mệnh bạc, tục gọi là Bạc Mệnh Tỳ kheo, không những bản thân không có khí phúc mà còn liên lụy đến người xung quanh, khiến họ thường gặp tai ương, chịu khổ đói khát. Phật tổ điều tra biết nguyên do, bèn sai đệ tử chia bọn họ ra hai đội cùng họ cho ăn uống, một bọn biết ăn uống sau đó chộp mất đã mất, bèn chia bọn chưa ăn uống làm hai, cũng cho ăn uống, lại thấy một nhóm có thể ăn uống, một nhóm không; chuyển vẫn như thế, còn lại hai người, một biết ăn, một không biết ăn, người không biết ăn là La Tuần, cứ bỏ đồ ăn vào bát là mất. Phật tổ thương ông gặp vận nạn, nên tự tay bỏ thức ăn vào bát ông, vì Phật tổ cho phúc lộc nên đồ ăn không mất nữa, La Tuần do vậy đã trừ được ách mà hưởng phúc. Vua Ba Tư Nặc nghe chuyện, cho sứ giả đem một túi gạo cho La Tuần, trên đường bị chim



Tôn giả La Tuần

bay ăn mất một số, sứ giả kêu rằng: “Đây là gạo vua Ba Tư Nặc cho La Tuấn, sao người dám lấy đi?”, chim nghe như vậy, trả gạo lại. Sau khi La Tuấn được Phật tổ ban phúc, chim thú không dám xâm phạm, mọi việc như ý, sau chứng quả vị A La hán.

192

TÔN GIẢ TỪ ĐỊA



Tôn giả Từ Địa

Theo *Tứ Phần luật*, *Ma Ha Tăng Kỳ luật*: ... Từ Địa Tỳ kheo không theo giới luật, hay phỉ báng mọi người. Đáp Bà La Tử là một trong số đệ tử của Thích Ca, Thích Ca tán dương ông ta rằng: “Đệ tử của ta, đồ nằm ngủ của Đáp Bà La Tử là đệ nhất”. Khi đó, cách chia đồ nằm ngủ cho tăng nhân là “tùy theo ngôi cao thấp, tùy sở chứng”, tức là địa vị cao được đồ tốt. Một ngày, Từ Địa Tỳ kheo đến thành La Duyệt, vì địa vị ông thấp, nên đồ dùng rất kém, ông sinh lòng ghen tị với Đáp

Bà La Tử liền vu cáo Đáp Bà La Tử gian dâm với Muội Từ Tỳ kheo ni trên pháp hội của Thích Ca, bị Thích Ca phát hiện. Sau, ông lại dùng bùa bẻ vu cáo Đáp Bà La Tử cướp vợ con họ, lại bị Thích Ca phá vỡ âm mưu. Thích Ca trách Từ Địa sai trái, nên kiên nhẫn giáo dục ông, sau ông được cảm hóa, thành tám tu hành, theo giới luật, chứng quả vị A La hán.



TÔN GIẢ KHÁNH HỮU

Tên là Nan Đề Mật Đa La, dịch là Khánh Hữu. Sau khi Phật nhập diệt 800 năm, Tôn giả giảng thế làm vua nước Sư Tử, tức Tư Lý Lan Ca (Srilanka), là cao tăng nổi tiếng đương thời. Trước khi mất, ông đã kể tên và nơi ở của 16 vị đại A La hán nói với đệ tử, đệ tử đó theo lời ông chép lại thành sách, tức là cuốn *Đại A La hán Nan Đề Mật Đa La sở thuyết pháp trụ ký*, gọi tắt là *Pháp trụ ký*. Thời Đường, cao tăng Huyền Trang dịch *Pháp trụ ký* ra Hán văn, từ đó mà tên 16 vị La hán được lưu hành ở Trung Quốc. Thời Đường về sau, địa vực Phật giới vô cùng tán dương công đức của Khánh Hữu, cho ông là La hán thứ 17 và liệt người dịch *Pháp trụ ký* (Huyền Trang) là La hán thứ 18.



Tôn giả Khánh Hữu

TÔN GIẢ THẾ HỮU

Tiếng Phạn là Phật Tô Mật Đát La, hay Bà Tu Mật Đa,... là tăng nhân của Nhất Thiết Hữu bộ Kiêu Đà La - Ấn Độ xưa, sống vào khoảng thế kỷ I - II Công nguyên. Khi vua Quý Sương là Ca Nhị Sắc Ca kết tập kinh điển lần 4, Thế



Tôn giả Thế Hữu

Hữu được cho là “thượng tọa”, chủ trì biên tập *A Tỳ Đạt Ma Tỳ Bà Sa luận*, tổng kết lý luận của tất cả các bộ kinh. Ông cùng với Pháp Cưu, Diêu Âm, Giác Thiên là bốn vị đại luận sư của tất cả các bộ kinh. Sau ông viết sách *Nhất Thiết Hữu bộ tông luận luận*, nổi 20 bộ Tiểu Thừa, được tán xưng là Thế Hữu Bồ tát.

195

TÔN GIẢ MÃN TÚC

Ông vốn là tín đồ ngoại đạo, đệ tử của Thiệt Đặc Già (tức Mục Kiền Liên), theo thầy quy y Phật giáo. Khi mới vào cửa Phật, thường làm trái giáo lý của Phật tổ, làm tổn hai danh dự của Phật giáo, cùng Ma Sư, Ca Lưu Đà,... 6 vị kết thành nhóm, được gọi là 6 vị Tỳ kheo, giới luật của Phật tổ đều được họ chế định. Theo *Tăng Nhất A Hàm kinh*: Một ngày đêm các Tỳ kheo tụ tập quanh Phật tổ nghe giảng kinh, Phật tổ trầm ngâm không nói, mọi người không hiểu, Mục Liên nhập vào định Tam muội quán xét nguyên do sự việc, thấy hai người Mãn Túc, Mã Sư làm trái giới luật, Mục Kiền Liên đem hai người rời giảng đường. Sau được mọi người khuyên nhủ, Mãn Túc cải tà quy thiện, mà vô cùng tôn quý Mục



Tôn giả Mãn Túc

Kiên Liên. Trước khi Phật nhập Niết bàn, Mục Kiên Liên bị ngoại đạo đánh chết, Mãn Túc, Mã Sư rất căm giận, tóc bạc mấy phần, vận dụng lực thần thông giết hết các ngoại đạo. Do sai trái này, Mãn Túc chuyển sinh súc sinh làm con rồng lớn. Rồng Mãn Túc chăm chỉ tu hành, làm nhiều việc thiện, sau chứng quả vị A La hán.

196

TÔN GIẢ XIỂN ĐÀ

Còn gọi là Xa Nặc, Xiển Đạc Ca, dịch ý là Lạc Dục. Khi Thích Ca ra thành tu hành, ông là người đánh xe cho Phật, sau xuất gia làm Tỷ kheo. Lại nói, sau khi Xiển Đà xuất gia, lời ác không đổi, cho nên còn gọi là Xiển Đà ác Khẩu hoặc ác Tính Xiển Đà. Cái gọi là “ác khẩu” chỉ miệng nói ra lời nguyên rủa người ta là một trong mười ác. Khi Phật sắp nhập Niết bàn đã lệnh cho A Nan lấy cách đánh yên lặng mà trừng trị (tức là người mắc tội đứng im trên đàn, người khác không được nói chuyện). Xiển Đà hối cải, được thụ *Na Đà Ca Chiên Diên kinh*, sau chứng quả vị A La hán.



Tôn giả Xiển Đà

TÔN GIẢ NGUYỆT TỊNH

*Tôn giả Nguyệt Tịnh*

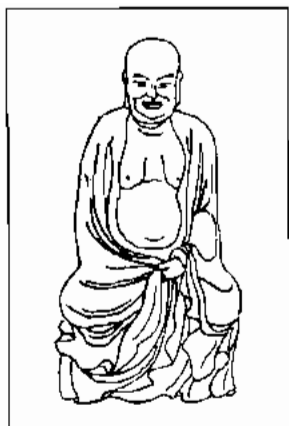
Là con dẫu của vua Hương Chí nước Nam Thiên Trúc, tên là Nguyệt Tịnh Đa La, em thứ 3 là Bồ Đề Đa La. Hương Chí sùng phụng Phật giáo, thường mời tổ thứ 27 Phật giáo là Bát Nhã Đa La vào cung giảng Phật pháp và cúng một viên bảo châu vô giá. Nguyệt Tịnh tôn sùng Phật giáo tuy chưa đi tu, nhưng ở nhà giữ giới, tụng kinh tu thiền, không hề gián đoạn. Một ngày, Bát Nhã thử trí tuệ ba anh em Nguyệt Tịnh, đem bảo châu cho họ xem, Nguyệt Tịnh vốn không biết vua cha cho ngọc châu, nên lấy tuệ nhãn soi xét, lập tức biết lai lịch bảo châu, ông nói: Đây là bảo châu vô giá, thế gian không gì quý bằng, ngoài vua cha, không ai có được, đây là vua cha cúng ngài. Sau đó ba anh em Nguyệt Tịnh đều đi tu, em Bồ Đề Đa La là tổ Phật giáo thứ 28, Nguyệt Tịnh chứng quả vị A La hán.

TÔN GIẢ ĐẠI THIÊN

Tiếng Phạn là Ma Ha Đề Bà, nghĩa là Đại Thiên. Người nước Mạt Độ La - Trung Ấn, xuất thế sau khi Đức Phật



nhập diệt khoảng 100 năm. Tương truyền, khi ông lớn không kính cha mẹ, biết tội nghiệp mình nhiều nên đến Kê Viên Già Lam xuất gia. Ông thông minh, thích học, khéo suy xét, đề xuất 5 kiến giải mới trong giáo nghĩa, bị phản đối của các trưởng lão Tỳ kheo Thượng tọa bộ. Nhưng vua A Dục lại theo cách Đại Thiên, dẫn các tăng Thượng tọa bộ đến bên sông, chuẩn bị ném xuống sông. Chúng tăng trong lúc sắp chết, đều thi triển thần thông, trốn chạy đến nước Ca Thập Di La. Học thuyết của Đại Thiên gặp người tôn sùng, và được gọi là Đại Chúng bộ, Đại Thiên được tôn là thủy tổ của Đại Chúng bộ.



Tôn giả Đại Thiên

199

TÔN GIẢ TỊNH TẠNG



Tôn giả Tịnh Tạng

Trong khoảng thời gian nào không rõ, có nước Quang Minh Trang Nghiêm, vua là Diệu Trang Nghiêm, vợ là Tịnh Đức. Vua cùng vợ ngài tín phụng ngoại đạo, bài bác Phật giáo. Khi đó, Phật Lôi Âm Túc Vương Hoa Trí muốn dẫn dắt vợ chồng vua Diệu Trang Nghiêm quy y Phật giáo, khiến cho Dục Vương Bồ tát và Dục Thượng Bồ tát chuyển sinh tới nhà Diệu Trang Nghiêm làm hai con, con

trưởng tên Tịnh Tạng, con thứ tên Tịnh Nhân. Hai Bồ tát thông đạt 37 phẩm trợ đạo, cùng tu luyện Bồ tát tịnh Tam muội, Nhật tinh tức Tam muội, Tịnh quang Tam muội, Tịnh sắc Tam muội, vì thế có lực thần thông. Tịnh Tạng và Tịnh Nhân đầu tiên khuyên mẹ quy y Phật giáo, mẹ nói: Cha các con tin Bà La Môn giáo, nếu ông tin theo Phật giáo, thì mọi việc giải quyết rồi. Tịnh Tạng đến trước vua cha Diệu Trang Nghiêm khuyên cha quy y Phật giáo, sau bay lên hư không biểu diễn thần thông, thân cao mấy chục trượng, trên thân chảy nước, dưới thân cháy lửa. Vua thấy vậy vui mừng quy y Phật giáo. Tịnh Đức phu nhân cùng quần thần, dân chúng đều quy y Phật giáo.

200

TÔN GIẢ TỊNH NHÂN



Tôn giả Tịnh Nhân

Theo *Pháp Hoa kinh* ghi thì nước Quang Minh Trang Nghiêm thời quá khứ có vua Diệu Trang Nghiêm tin sùng tà đạo, không tin Phật pháp. Tịnh Nhân là con vua Diệu Trang Nghiêm. Ông cùng anh là Tịnh Tạng (tức Tôn giả thứ 199) đều tin theo Phật giáo, đạt được thần lực. Họ lo lắng vì tà kiến mê tâm của vua cha. Nên dựa vào thần lực mà biểu diễn thần thông, khiến vua cha quy y Phật pháp. Tượng ông thể hiện khi đang biểu diễn pháp thuật, con hổ bị oai nghi của

Phật pháp mà như con mèo hiền lành thuần thục.



TÔN GIẢ BA LA MẬT

Còn gọi là Ba La Mật Đa La, Ba Phá,... ý dịch là trí thức sáng, quang trí, người Nam Thiên Trúc, họ Sát Lợi Đế, 10 tuổi xuất gia, theo thầy học Đại Thừa Phật giáo, lại học luật tạng, rộng thông giới luật, tâm vui, tu thiền, 12 năm công khổ đọc, tay không rời sách. Sau khi học thành thì chu du khắp các chùa Ấn Độ tìm, học hỏi thầy hay. Ông tinh thâm Phật học, dốc chí truyền giáo, nên dẫn 10 người đến Trung Quốc. Trên đường gặp Đột Quyết Khả Hãn, được Khả Hãn



Tôn giả Ba La Mật

sùng kính tiếp đãi, lưu lại bên phương Bắc. Năm Vũ Đức thứ 9 (626) nhà Đường, Cao Bình vương sai sứ đi Đột Quyết đón Ba Phá về Trường An, Đường Cao tông tiếp kiến. Cao Tông năm đó bị bệnh chết, Thái tử kế vị, mệnh cho ông ở chùa Hưng Thiện, phiên dịch kinh điển, mệnh bọn Tả Thừa tướng là Phòng Huyền Linh tham gia xem xét, dịch ra *Đại Trang Nghiêm kinh* (35 quyển). Năm Trinh Quán thứ 6 (632), Đường Thái tông đóng phần kinh đã dịch làm 10 bộ, ban cho các chùa cả nước, khiến cho lưu truyền mãi trong bốn biển. Năm Trinh Quán thứ 7, Ba La Mật viên tịch tại chùa Thắng Quang, chúng đệ tử thu xá li dựng tháp ở chùa cùng phụng.

202

TÔN GIẢ CÂU NA XÁ



Tôn giả Câu Na Xá

Tức Câu Na Hàm, nghĩa là Kim tích, người tiên vàng. Là Phật thứ hai trong thời Hiền kiếp, là Phật quá khứ thứ 7 trong 5 Phật, thọ 3 vạn tuổi, từng đầu thai sinh ở thành Thanh Tịnh. Theo *Trường A Hàm kinh*, quyển 1, ông từng một lần cử hành hội tập thuyết pháp, có 3 vạn đệ tử tham gia.

203

TÔN GIẢ TAM MUỘI THANH

Tôn giả là hóa thân của Đại Phạm Thiên. Đại Phạm Thiên còn có tên là Thi Khí, là bề tôi giúp việc gọi là Phạm Phụ, dân gọi là Phạm Chúng, nhờ tu Thiền mà đắc đạo. Đại Phạm Thiên là chủ tế trong 3.000 Đại thiên thế giới, là thần sáng tạo ra chúng sinh trong thế gian, ông thành tâm, thành ý tu phụng Phật pháp, mỗi vị Phật mới xuất thế, ông đến trước xin Phật chuyển pháp luân. Sau khi Thích Ca xuất thế gian, truyền giáo khắp nơi,



Tôn giả Tam Muội Thanh



các đệ tử được tâm truyền hoặc miệng trao, mà chưa có văn tự nào ghi lại lời Thế tôn, thế là Đại Phạm Thiên biến hóa thân tướng, giảng lâm thế gian, sáng tạo ra chữ Phạn cổ, ghi chép lại lời Phật tổ, lưu truyền hậu thế. Tín đồ hậu thế xem các kinh quyền, cũng như thấy Phật, đọc kinh quyền cũng như nghe Phật giảng giải.

204

TÔN GIẢ BỒ TÁT THANH

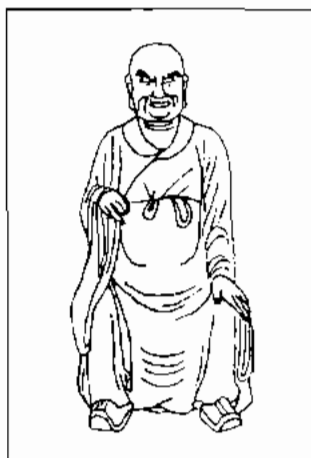
Tên của ngài được gọi theo đức hạnh. Bồ Tát là cách gọi tắt của Bồ Đề Tát Đỏa trong chữ Phạn, ý nghĩa là Giác hữu tình, đạo chúng sinh; cũng dịch là Tác khai sĩ, thủy sĩ, cao sĩ,... tức là người tu hành Đại Thừa cầu thành tựu quả Phật. *Phiên dịch văn nghĩa tập*, quyển 1, dẫn lời Tăng Triệu viết: “Bồ Đề là tên đạo Phật, Tát Đỏa là có muôn lòng chúng sinh. Có muôn lòng chúng sinh vào đạo Phật, nên gọi là Bồ Đề Tát Đỏa”, lại dẫn lời chú của Pháp Tạng:

“Bồ Đề là giác (trí tuệ - hiểu biết), Tát Đỏa đó gọi là chúng sinh. Lấy Trí trên cứu Bồ Đề, lấy Bi dưới độ chúng sinh”. Tôn giả Bồ Tát Thanh tu “Lục độ” trong Đại Thừa, tinh tiến dũng mãnh mà cầu Đại Bồ Đề, dùng các Phật đạo mà thành tựu chúng sinh.



Tôn giả Bồ Tát Thanh

TÔN GIẢ CÁT TƯỜNG CHÚ



Tôn giả Cát Tường Chú

Tôn giả là đệ tử nhà Phật, lấy việc cứu chúng sinh thoát ly khổ nạn làm thế nguyện. Mỗi đêm, các quỷ Dạ Xoa, La Sát, Cuồng điên,... thường đến làm hại, nếu chúng sinh bị các quỷ trên cầm cổ bức bách, Tôn giả đến để đuổi quỷ ác, bảo hộ chúng sinh. Người đi đường, gặp kẻ cướp giết hoặc cầm thú ác độc trong núi tán công, hoặc gặp gian hiểm, đói rét, gặp sông lớn, nước to, thuyền khó qua, Cát Tường Chú đều đến cứu. Những khi chúng sinh gặp hại, mưa to gió lớn, sấm

chớp rền trời, sao rơi rụng, mặt trời, mặt trăng biến mất, người sinh bệnh tật, Cát Tường Chú đều đến cứu. Tôn giả Cát Tường Chú có thể bảo vệ hết thầy chúng sinh, khiến cho thiện nam, tín nữ thông minh, trí tuệ hơn người.

TÔN GIẢ BÁT ĐA LA

Tức Bát Đạt La, Ba Đa La,... là nhà sư Ấn Độ. Giai đoạn 10 nước thời Ngũ đại, trước năm Quang Thiên thứ nhất nhà Thục (tức Trinh Minh nhà Hậu Lương năm thứ 4, năm 918)

ông từ Ma Già Đà, Ấn Độ đến Tứ Xuyên, tự tin đi qua 99380 dặm, khi đó đã 270 tuổi. Tăng nhân Ấn Độ phần nhiều đi theo tuyến Tây Bắc, tức từ Trường An đi về Tây, qua Đôn Hoàng, qua Tân Cương (ngày nay) đến Trung Á vào Trung Quốc. Bát Đa La lại đi từ Tây Nam, tức là nhà sư đầu tiên từ Ấn Độ qua bao núi cao nước Việt cổ đến Trung Quốc



Tôn giả Bát Đa La

207

TÔN GIẢ VÔ BIÊN THÂN



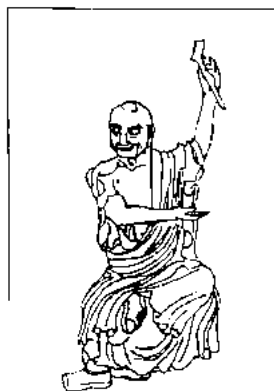
Tôn giả Vô Biên Thân

Tôn giả đã chứng quả vị Bồ tát. Theo *Đại Bát Niết bàn kinh*, quyển 1: Nơi rất xa xôi, vùng phương Đông Ấn Độ, có thế giới âm thanh tốt đẹp, Bồ tát Vô Biên Thân ở đó. Thân Bồ tát cao lớn khôn cùng, mỗi lỗ lông sinh ra một bông hoa sen to, trên mỗi bông sen mang 88.000 tòa thành lớn, tường thành trang sức 7 loại bảo vật, đường trong thành rộng rãi, hai bên trồng 7 hàng cây báu Đa La, cây báu hoa quả xum xuê, gió nhẹ thổi tới như tiên trời tấu nhạc. Nước sông bên thành luôn đầy mà thanh tịnh hương lành, trong nước có 7 thuyền báu, chúng sinh trên sông cưỡi thuyền vui đùa, tắm tấp. Nhà cửa, hoa viên trong thành vô cùng đẹp đẽ, hương hoa thanh tịnh. Trong mỗi tòa thành ở 84.000 vị vua, mỗi vị vua có vô số cư dân, dân no ấm, an lạc cát tường. Bồ tát Vô Biên Thân oai

đức vô lượng, mỗi khi ông bước ra, đại địa xuất hiện 6 loại chấn động lớn; khi ông cùng Bồ tát khác ở trong nhà, họ không có ánh hào quang mà thần thông cũng mất hết.

208

TÔN GIẢ HIỀN KIẾP THỦ



Tôn giả Hiền Kiếp Thủ

Tức Hiền Kiếp Bồ tát. Theo kinh điển Phật giáo: Thích Ca trên hội lần lượt niệm chú tụng qua quá khứ vô số chư Phật, lại mệnh cho Bồ tát Hiền Kiếp và Bồ tát Di Lặc trong tương lai có trách nhiệm dùng lời chú đó giảng giải chúng sinh. Có thuyết cho rằng, lời chú là: “Khéo trị 72 loại phiền não Đà la ni”. Lại gọi là “Bạt 5 loại âm không rõ căn bản Đà la ni” có thể khiến cho chúng sinh mãi không phạm điều ác, trừ hết phiền não. Toàn văn lời chú như sau: “Nam mô Phật Đà, Nam mô. Đạt Ma, Nam vô Tăng Già, Nam mô Ma Ha Lê Sư Tỷ Xà La Xà....”.

209

TÔN GIẢ KIM CƯƠNG MUỘI

Tôn giả đã chứng quả vị Bồ tát, tức Kim Cương Oai Đức Bồ tát, là một trong những Kim Cương uy lực mạnh mẽ, được xem như là Tội thắng thượng vị. Nơi ở của ngài là đỉnh núi Diệu



Cao Sơn có lầu các, cung 33 tầng trời Đế Thích. Ông đã có đầy đủ trí tuệ của Phật. Theo *Phật thuyết cảnh giới nhiếp chân ngôn kinh*: Bồ tát đó chứng nhập tất cả trí đại Du Già của Như Lai, mà đạt được vô lượng thần thông, có thể tùy lòng mà muốn, biến hóa như ý. Bồ tát tâm tính từ bi, lạc thú của chúng sinh thế gian không đồng, cầu đạt được chính quả Phật và chứng Tịnh độ cũng không tương đồng. Kim Cương Oai Đức Bồ tát tùy nguyện của chúng sinh mà thị triển thần thông để chúng sinh đạt được quả vị tương ứng. Bồ tát coi ác tật như thù, ông lấy thần thông vô lượng của mình mà hàng phục hết thầy ma quỷ, ngoại đạo trên thế gian, kẻ không phục không thể để làm ác. Do đó, ông là thần bảo hộ của Phật giáo, vì bảo hộ mà được công đức vô lượng.



Tôn giả Kim Cương Muối

210

TÔN GIẢ THỪA VỊ

Tức Thừa Ngô Thiền sư, là cao tăng thời Đường - Trung Quốc, người Kinh Châu, học rộng, nghe nhiều, am tường kinh Phật, đức hạnh cao khiết, hiểu sâu chân đế. Sư cùng với Thiền sư Pháp Chấn (người cùng quê), Thiền sư Thừa Như (người Lương Châu) theo đường biển đi sang Ấn Độ cũng tìm Phật đạo. Trên đường về, ông viên tịch ở Chiêm Ba. Tuy chỉ thời trẻ chưa thỏa nhưng tinh thần đã đáng để về sau.



Tôn giả Thừa Vị

TÔN GIẢ BÀ TƯ TRA



Tôn giả Bà Tư Tra

Tôn giả vốn thuộc dòng Bà La Môn, là đệ tử Thanh văn của Phật tổ Thích Ca. Phật tổ đặc đạo, học thuyết của Ngài được đại chúng hết sức hứng thú, nhiều người xuất gia theo học Phật pháp. Bà Tư Tra và nhiều người cùng họ Bà La Môn cũng cắt tóc, cạo râu, thân mặc áo Cà sa, bỏ nhà đi tu. Nhưng việc làm của Bà Tư Tra bị nhiều người Bà La Môn phản đối, dùng nhiều từ trách móc ông rằng: Họ Bà La Môn là quý giá nhất thế gian, họ khác đều là người

đẳng cấp thấp; họ Bà La Môn là thanh tịnh trong trắng, họ khác là đen dứa ô trọc; họ Bà La Môn sinh ra từ miệng thiên thần, do đó cao quý, họ khác không bằng họ Bà La Môn. Các người nay bỏ quý theo hèn, lại xa rời vợ con, là tội ác lớn nhất. Bà Tư Tra đến trước Phật tổ, Thích Ca vì họ giảng Phật pháp vô cùng thâm diệu và chỉ ra Phật pháp không phân biệt các họ, tất cả bình đẳng, không ngạo mạn, cũng không đau khổ vì người khác ngạo mạn. Phật pháp truy cầu bất sinh, bất diệt, vì vô sinh, vô diệt cho nên không có khổ sinh, diệt. Bà Tư Tra hiểu rõ yếu nghĩa tuyệt diệu của Phật pháp, có lòng tin kiên định đối với Phật giáo, cuối cùng chứng được quả vị A La hán.



212

TÔN GIẢ TÂM BÌNH ĐẲNG

Tên của Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Phật giáo đề xuất, người ta khi sám hối dấy lên 7 loại tâm: Một, tâm thẹn thùng; hai, tâm sợ hãi; ba, tâm chán chường; bốn, phát tâm Bồ đề; năm, oan thân bình đẳng tâm; sáu, tâm niệm báo ơn Phật; bảy, tâm tính không xét tội. Cái gọi là oan thân bình đẳng tâm là đối với tất cả chúng sinh không oán, không thân, lấy tướng từ bi vô hạn bình đẳng mà cứu độ. Tôn giả Tâm Bình Đẳng tu đến cảnh giới rất cao, đối với kẻ thù xưa cũng như thân thích, đối đãi như nhau, phát tâm từ bi, phổ độ chúng sinh.



Tôn giả Tâm Bình Đẳng

213

TÔN GIẢ BÁT KHẢ TÌ

Tôn giả đi khắp thế gian, truyền Phật pháp, khuyên chúng sinh bỏ ác, theo thiện. Ông khuyên thế gian không nên rời xa bạn tốt, không nên xa chừa Phật và Bồ tát; thế lực tà ác như mũi dao trên lưỡi câu, muôn phần không được như tằm vào lửa. Người ta trên đời nên làm nhiều việc thiện, chuyển sinh đời sau sẽ được báo ứng tốt, nếu không thì sẽ trụy vào biển khổ vô cùng, bị đói mà cảm giận, quý



Tôn giả Bất Khả Ti

La Sát ăn thịt. Người mà trời sinh ra thông minh cần cần thận, hành vi không tốt sẽ dẫn đến phiền não; nếu một lòng tìm lợi ích cho bản thân, tâm linh thông tuệ sẽ bị che lấp. Chúng sinh cần có tâm tính từ bi như Phật, tự thân đã có đầy đủ các đức hạnh, có thể giải thoát, mà còn cần cứu khổ nạn cho chúng sinh nơi khác, cứu cho người khác không biết rõ. Không sao kể hết việc giáo hóa chúng sinh trên thế gian khiến cho bao người được giải thoát, mà tạo ra công đức vô lượng.

Theo Phật thuyết Phật danh kinh: Tôn giả Bất Khả Ti chứng được quả vị Phật.

214

TÔN GIẢ LẠC PHÚC TẠNG

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Phật giáo nhận thấy, người tu hành Phật pháp, nhập vào thiền định, thì một lòng thanh tịnh, những ưu phiền đều dứt, thân tâm có thể vui vẻ. Nói cụ thể, có 5 điều vui: Một, vui xuất gia, người thế gian phần nhiều mê hoặc phiền não, xuất gia đạt đạo, mãi đoạn trừ khổ ách; hai, vui xa cách, là vui sắc giới sơ thiền thiên, sơ thiền có thể rời xa phiền não ái nhiễm của dục giới, sinh ra hỷ lạc của



Tôn giả Lạc Phúc Tạng



thiền định; ba, vui tịch tĩnh, là cái vui nhị thiên thiên, nhị thiên là tìm cái tán rộng của sơ thiền, trừng tâm tịch lặng, tạo ra niềm vui sâu xa; bốn, vui Bồ đề thành vô thượng đạo, ở pháp giới được vui tự tại; năm, vui ở Niết bàn, thoát khỏi khổ của sinh tử, rơi vào Vô dư Niết bàn, là cái vui cứu cánh tịch tĩnh. Tôn giả Lạc Phúc Tạng xuất gia tu thiền, kinh qua từ sơ thiền tới nhập vào Niết bàn, thể nghiệm niềm vui trong mỗi giai đoạn thiền định.

215

TÔN GIẢ HÓA DIỆM THÂN

Tức Bất Động Minh Vương, đã chứng quả vị Bồ tát, mật hiệu là Thường trụ Kim Cương, thân xuất ra lửa mạnh, hàng phục dị đoan, là vua đầu trong 5 đại minh vương của Phật giáo. Trong Mật tông, Đại Nhật Như Lai là tổng thể của tất cả các Phật, Bất Động Minh Vương là thủ lĩnh của tất cả các Phật. Ông phụng hành giáo lĩnh Đại Nhật Như Lai, biểu thị hình tượng phần nộ, ông có thể niệm chân ngôn, thi triển lực thần thông, hiển hiện các loại biến hóa, hàng phục các



Tôn giả Hóa Diễm Thân

loại ác ma, thu phục ngoại đạo trên thế gian. Ông được Mật Tông vô cùng tôn trọng, hưởng vô số tế tự, ai cầu viện ông sẽ được giải thoát tội ác, cứu được vong hồn. Ông bảo hộ Phật giáo, công đức vô cùng, sớm đã thành Phật trước Đại Nhật Như Lai trong Liên Hoa Tạng, do ông không thay đổi thệ nguyện lúc trẻ, nên phải làm trẻ hầu cho Đại Nhật Như Lai, cung phụng Như Lai, được gọi là Bất Động sứ giả.

TÔN GIẢ PHẢ LA ĐOẠ



Tôn giả Phả La Đọa

Thường được gọi là Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Tân Đầu,... Tân Đầu Lô là tên, nghĩa là không động, Phả La Đọa là họ, là chế ngự nhanh, là lợi cho gốc rễ. Tôn giả vốn là đại thần của vua Vuơng Diên thành Câu Xá, vua Vuơng Diên biết ông là người thông minh, chuyên cần, nên để ông xuất gia. Ông khắc khổ tu hành, chứng quả vị A La hán. Có một lần, trước người chưa thụ giới, ông thể hiện thần thông, bị Phật trách móc, không cho ở Nam Thiệm Bộ châu, chuyển ông tới Tây Cù Da Ni châu hoàng dương Phật pháp. Sau này, 4 bộ đệ tử ở Nam Thiệm Bộ châu nhớ mong ông nên xin Phật, Phật đồng ý cho ông về quê cũ, nhưng không cho ông vào Niết bàn, mệnh cho ông mãi ở Ma Lê phương trời Nam, thường trụ ở thế gian, gieo ruộng phúc cho chúng sinh. Phả La Đọa có tướng tóc trắng mi dài.

TÔN GIẢ ĐOẠN PHIÊN NẢO

Khổ của chúng sinh trong thế gian, gốc rễ từ phiền não. Do phiền não mà sinh ra nghiệp ác, cái nhân ác nghiệp đời trước, báo ứng cái khổ hôm nay, đời đời chuyển sinh, đời đời

có khổ. Tôn giả Đoạn Phiền Nã giới ở chỗ đoạn trừ phiền não giúp chúng sinh, ông thuyết giảng về giới luật cho đại chúng: phiền não là nguồn oán của chúng sinh, phiền não lại cắt đứt hết thấy trí tuệ của chúng sinh, người đời ngu, si, tham, muội, làm nhiều việc không có lợi cho mình và người, sau cùng trôi trên sông mà chảy ra biển, sinh tử không thể cứu vãn được, bị dọa vào ngục sinh tử không thể giải thoát.



Tôn giả Đoạn Phiền Nã

Tôn giả Đoạn Phiền Nã khuyên chúng sinh quy y Phật pháp, tăng lợi ích cho Phật tính, tâm tính thanh tịnh khiến phiền não không sinh ra, tâm tính thanh tịnh tẩy trừ phiền não, ác nghiệp vô lượng của đời trước, khiến tăng lòng thiện, thoát ly sáu việc thích thú, mãi đạt được giải thoát. Đối với phiền não của chúng sinh trong thế gian, nếu cầu viện Tôn giả thì có thể trừ được. Ông có tấm lòng trong sáng, tình lặng, xem danh dự, tiền tài như mây trôi, cả đời được yên vui.

218

TÔN GIẢ BẠC CÂU LA

Còn gọi là Bạc Câu La, Bạc La Bà Câu La,... nghĩa chỉ khuôn mặt đẹp, hình dáng kỳ vĩ. Lại nói ông nhờ việc đem một quả thuốc Kha Lê Lạc bố thí mà 91 kiếp không rơi vào đường ác, được niềm vui hạnh phúc của người, trời, tu hành hơn 80 năm, nhưng có bệnh luôn đau đầu mà không trị được, chưa từng uống qua một viên thuốc, tuổi thọ lâu được gọi là “trường thọ



Tôn giả Bạc Câu La

đệ nhất”. Bạc Câu La thích yên lặng, tu 80 năm, chưa từng một lần thuyết pháp cho người khác nghe. A Nan hỏi ông: “Ông vì sao không thuyết pháp cho người, hay là không có tài biện luận, trí tuệ thấp kém?”. Ông trả lời: “Ta đã không kém biện tài, cũng không kém trí tuệ, chỉ là thích yên lặng, không thích ồn ào, mới không nói pháp”. Cho nên lại được gọi là “Tĩnh sư đệ nhất” - đứng đầu ít việc. Ông thân thể cao to, tướng mạo đoan trang, sau khi tự mình xuất gia tu đạo, theo việc không nằm mà ngủ,

sau ngồi phu tòa kiết già, chưa từng dựa cây, dựa tường. Tượng ông thể hiện một vị cao tăng có đạo ngồi ngay ngắn.

219

TÔN GIẢ LỢI BÀ ĐA

Còn gọi là Ly Bà Đa, Giả Hợp Hòa. Theo *Trí Độ luận*: Có người thường rong ruổi trên đường, đêm không trọ mà ngủ tạm ở một miếu thần ngoại giáo. Quỷ giả mang theo một xác chết tới miếu, mong ăn cho hết đói, theo sau có con quỷ trẻ, định cướp xác chết để ăn, hai bên tranh chấp không thôi, chúng mời người qua đường làm chứng. Người này nghi thâm, nói thật cũng chết, nói dối cũng chết, thà nói thật để chết chứ không nói dối để chết, thế là anh nói là thi thể do ông lão mang đến. Quỷ trẻ giận dữ, lập tức ăn thịt anh ta, để lại đầu và chân tay. Quỷ giả thấy anh ta vì già mà chết, lòng hối tiếc, bèn lấy tay chân và đầu của



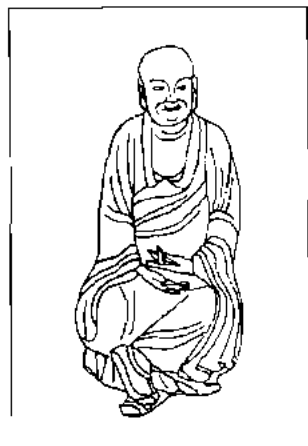
người bị quỷ trẻ ăn mà đổi thân mình sang. Trời sáng, Lão quỷ tới trước một ngôi chùa Phật, hỏi sư rằng: Đầu và chân tay này là của ta hay là của người khác? Ông sư hỏi hết sự tình, nói với quỷ: Trên đời muôn vật đều được cấu thành từ tứ đại: thủy, thổ, phong, hỏa, đầu và tay chân và thân thể có gì khác biệt đâu? Lão quỷ hiểu Phật lý cao sâu, không gì không bao trùm, bèn vào chùa tu, phát thệ thiện nguyện, lợi ích cho vạn vật chúng sinh, sau chứng quả vị A La hán.



Tôn giả Lohan Bala

220

TÔN GIẢ HỘ DIỆU PHÁP



Tôn giả Hộ Diệu Pháp

Vốn tên Tuệ Viễn, là tăng thời Bắc Chu, sơ Tùy. Ông họ Lý, người Đôn Hoàng, sau chuyển đến ở Thượng Giác, Cao Đô (nay là Phổ Thành, Sơn Tây). 13 tuổi xuất gia, 16 tuổi theo Trạng Pháp sư ở Phó Nghiệp (nay là Lâm Chương - Hà Nam), rộng đọc kinh điển Đại Tiểu thừa. 20 tuổi thụ Cụ túc giới, sau theo Đại ẩn luật sư học Tứ Phần luật, học xong trở về chùa Thanh Hóa ở Cao Đô. Chu Vũ Đế diệt Tề, lệnh cho bỏ chùa chiến kinh kệ, bắt Sa Môn hoàn tục, 500

tăng nhân sợ mà không nói được, chỉ Tuệ Viễn to tiếng phản đối: “Bệ hạ nay dựa vào quyền vua mà ra oai, phá hoại Tam bảo, là người tà kiến, A Ty địa ngục không chia người sang hèn, bệ hạ không sợ ư?”. Sau ông ẩn ở Cấp Quận (nay là vùng Tây Nam huyện Cấp - Hà Nam), 3 năm tụng kinh Pháp Hoa, kinh Duy Ma,... Đại Tượng năm thứ 2, Bắc Chu Tĩnh Đế khôi phục Phật pháp, cho ông giảng ở chùa Thiếu Lâm. Tuỳ Khai Hoàng năm thứ 7 sắc cho chữ “Đại Đức”, trụ trì chùa Hưng Thiện, sau riêng lập chùa Tịnh ảnh để thường ở thuyết Pháp, người theo học bốn phương hơn 700 người, năm Khai Hoàng thứ 12 sắc cho dịch kinh điển, san định từ chương. Năm đó, ông viên tịch tại chùa Tịnh ảnh, thọ 70 tuổi. Để lại có sách Đại thừa nghĩa chương, Đại Niết bàn kinh nghĩa ký,... tổng cộng 20 bộ hơn 100 quyển, là ngôi đầu trong việc chú sớ kinh Phật.

221

TÔN GIẢ TỐI THẮNG Ý



Tôn giả Tối Thắng Ý

Tôn giả đã chứng quả vị Bồ tát, thế nguyện của ông là rất thù thắng, rất lành, rất vui, rất cao diệu, cho nên gọi là Tối Thắng Ý. Tôn giả thân tâm tịch tĩnh, trừ bỏ hết phiền não của thế gian hữu tình, ông đã tiếp cận được công đức thành Phật, có thể không sinh diệt mà thường trụ trong thế gian. Tâm ông chất chứa từ bi, giúp cho chúng sinh thoát ly khổ nạn, khuyên giải chúng sinh diệt trừ tội ác, dẫn giải chúng sinh trừ bỏ chướng ngại trên con đường tu hành.



Ông khuyên hóa cho các đế vương trên thế gian và các bậc quyền quý tu hành theo việc thiện, vì họ còn chưa thoát khỏi luân hồi sinh tử, cuối cùng có được phúc quả. Nếu đời này làm nhiều việc ác thì đời sau chuyển sinh thành một mối; nếu khi trị nước lười biếng không có công đức thì như bò đả to xuống biển cầu được xuất đầu như mặt trời thật khó khăn. Ông khuyên thế gian chúng sinh chăm làm việc thiện, các tội ác trong luân hồi sẽ bị báo ứng, sau khi chết không thoát được báo ứng, chuyển thế ba lần sẽ bị nghiệp ác trói buộc.

222

TÔN GIẢ TU DI ĐĂNG

Tên của ngài được gọi theo đức hạnh. Theo *A Di Đà kinh*: “Tu Di Đăng ấy, Tu Di là rất cao diệu, diệu là tam trí tròn đầy, cao là vượt qua ngôi vị, đăng là chiếu sáng dẫn dụ cho Tam trí”. Cái gọi là “Tam trí” tức: Nhất thiết trí (trí của Thanh Văn duyên giác); Đạo chủng trí (trí của Bồ tát); Nhất thiết chủng trí là trí của Phật. Tuy chia ra làm ba, nhưng Nhất thiết chủng trí bao gồm cả, nó là “Tam trí viên minh”, chiếu rọi sự tốt lành cho chúng sinh. Theo *A Di Đà kinh* sơ nghĩa:

Tu Di Đăng tức là dẫn dụ Pháp, báo hai thân, vô cùng tinh tiến, theo đức hạnh mà có tên, là phương tiện độ cho chúng sinh, chưa từng lười biếng”. Cái gọi là “Pháp thân”, cũng gọi là “Phật thân” chỉ lấy Phật pháp làm thân, hoặc thân



Tôn giả Tu Di Đăng

có đủ tất cả Phật pháp; cái gọi là “Bảo thân” chỉ làm công đức mà hiển thực trí Phật. Tôn giả ngày trước có đủ tạng Như Lai, lại khắc khổ tu hành, chứng quả vị A La hán, cùng lấy pháp lực của bản thân cứu độ chúng sinh, chuyên cần không mỏi.

223

TÔN GIẢ MỘT ĐẶC GIÀ



Tôn giả Một Đặc Già

Tức Một Đặc Già La Tử, Đại Mục Kiền Liên, Mục Liên, là một trong 10 đệ tử của Phật tổ, ông có thần thông, chân nhẹ bay tới 10 phương, được mọi người cho là đệ nhất thần thông. Ông và Xá Lợi Phất là anh em làm thầy ngoại đạo, là một trong 6 thầy ngoại đạo, đều có đệ tử hàng trăm người, mà đối với niềm tin tín ngưỡng thường còn nghi hoặc, hai người ước định ai đạt giải thoát trước, thì báo cho người kia. Một hôm, Xá Lợi Phất gặp Tỳ kheo Mã Thắng, được nghe nói kệ mà đột nhiên khai ngộ, thế là quy y Phật pháp. Xá Lợi Phất không phụ lời ước, không lâu, Một Đặc Già cũng cho đệ tử xuất gia quy y, thành đệ tử đặc lực của Phật tổ, thường ở bên trái Phật, Xá Lợi Phất ở bên phải. Mục Liên lấy trí tuệ quan sát thế gian nói các cảnh tượng ở cõi trời, người, ngựa quỳ, súc sinh, địa ngục,... cho chúng sinh. Mục Liên biết rời nhân thế trước Phật tổ, ông ăn xin ở thành La Duyệt trước khi Phật tổ nhập Niết Bàn, bị ngoại đạo cầm gậy đánh thương, vua A Xà Thế nghe vậy giận, quyết tâm bắt mà xử tử kẻ ngoại đạo đó. Mục Liên khuyên



rằng: “Ta bị đánh thương, là do nghiệp đời trước mang đến, người khác không chịu quả báo này, cũng không cần phật kể ngoại đạo”. Không lâu ông viên tịch.

224

TÔN GIẢ DI SA TẮC

Tức Di Sa Dục, nghĩa là hóa đất, không có hữu vô. Tương truyền, ông là một trong 5 đệ tử của Ưu Bà Cúc Đa, sáng lập ra *Hóa Địa bộ* (còn gọi là *Di Sa Tắc bộ*). Theo *Huyền ứng âm nghĩa*, quyển 23: Nguyên do Hóa Địa bộ có tên như vậy là “La hán đó ở đời là thấy vua, rộng hóa độ cảnh, cho nên gọi là Hóa địa; nay nhập Phật, Phật pháp như đất, lại rộng hóa nó, cho nên mang tên như vậy”. Lại theo *Thập tỷ ni nghĩa* sao: Toàn thân ông mặc áo Cà sa màu xanh tình thông, lý giải thâm diệu, yếu nghĩa Phật giáo, “nhập thiên vi diệu, cứu cánh huyền chỉ”.



Tôn giả Di Sa Tắc

225

TÔN GIẢ THIÊN VIÊN MÃN

Nước Thâu Ba La Ca có vị trưởng giả giàu có tên là Tụ Tại, làm nghề buôn bán. Tụ Tại có 4 người con, con



Tôn giả Thiên Viên Mãn

út tên là Viên Mãn, tuy tuổi nhỏ nhưng thấy 3 anh vượt biển đi buôn, cũng mong vượt biển. Người cha thấy Viên Mãn còn nhỏ nên để trong thành cho buôn bán. Viên Mãn kinh doanh rất phát đạt, hết năm kết lại đã thu lợi hơn ba người anh. Không lâu, Tự Tại bị bệnh mà chết, Viên Mãn vì chị dâu cả mà không được chia tài sản, sống khó khăn qua ngày. Một hôm, ông gặp được một cây *Ngưu đầu chiên đàn hương*, đúng khi đó vua nước Thấu Ba La Ca có bệnh, mong lấy 4 ức

lạng vàng mua gỗ Chiên đàn hương trị bệnh, Viên Mãn vì thế được 4 ức lạng vàng, lấy 3 phần mua tài vật, chuyển buôn mà được lợi gấp 3; lại 6 lần đi biển, đều an toàn trở về, của cải vô lượng, là người thương nhân giàu nhất nước. Một hôm, nghe tin vương tử Kiều Đáp Ma bỏ ngôi vị vua mà đi tu, nên ông tự đến vườn Cấp Cô Độc nghe Phật thuyết pháp, được khai thị bởi Phật pháp thâm sâu, bèn bỏ gia sản cắt tóc làm Tăng, làm nhiều công đức, là đệ tử Thanh văn nổi tiếng của Phật tổ, sự tích của ông chép trong *Căn Bản thuyết nhất thiết hữu bộ*, *Tỳ nại da* được sự kính, quyển 4.

226

TÔN GIẢ BA ĐẦU MA

Tức là Bồ tát Ba Đầu Ma. Theo *Đại Phương quảng Phật Hoa Nghiêm kinh* số, quyển 17: “Ba Đầu Ma, còn gọi là Xích Liên hoa (hoa sen đỏ), thân tâm như hoa sen, không

có bụi bần”. Như vậy có thể thấy, trong vô số kiếp ông đã cúng dàng vô số Phật, chăm tu không trễ, thân tâm đều thanh tịnh, đã thành chính quả. Ông lại có lòng đại từ đại bi, mong cho chúng sinh được giải thoát. Theo *Bồ Tát Anh lạc kinh*, quyển 14: Trước khi Thích Ca thành Phật, giảng pháp tại giảng đường Pháp Lạc, Ba Đầu Ma từng đến đây thỉnh cầu Phật tổ thuyết pháp cứu độ cho chúng sinh, lời nói như sau: “Trăm luân sinh tử, lưu chuyển vào 5 đạo, mong Thế tôn mở cửa Cam lộ, người đời lâu cũng được cứu vớt”.



Tôn giả Ba Đầu Ma

227

TÔN GIẢ TRÍ TUỆ ĐĂNG



Tôn giả Trí Tuệ Đăng

Trước khi Thích Ca đắc đạo, từng kinh qua bao lần chuyển sinh, mỗi lần chuyển sinh đều tích công đức, sau thành công đức vô lượng, mới ngộ được chính quả. Tiền thân của Thích Ca từng chuyển sinh vào thế giới Thiện Hóa tràng đăng. Theo *Đại Phương quảng Phật Hoa Nghiêm kinh*, quyển 52: Thế giới Thiện Hóa tràng đăng có 6 nghìn vạn ức chúng sinh, chư Phật tại đó kế tục xuất thế, giáo hóa muôn dân.

Khi đó, tiền thân của Thích Ca cung kính cúng dàng các Phật, Phật Trí Tuệ Đẳng là vị Phật thứ 10 trong các Phật đó. Trí Tuệ Đẳng cùng các Phật khác vì nhận được cúng dàng của tiền thân Thích Ca nên đối với vị này có quan tâm đặc biệt. Thích Ca tiền thân nhờ trí tuệ thâm nghiêm và sức lực, trên con đường tu Phật đã có thành tựu.

228

TÔN GIẢ CHIÊN ĐÀN TẠNG



Tôn giả Chiên Đàn Tạng

Tức là Bồ tát Chiên Đàn Tạng. Chiên Đàn là một loại cây, tỏa hương rất thơm. Chiên Đàn Tạng thân tỏa mùi thơm lạ, ông đã có đức hạnh rất sâu. Theo *Bồ tát Anh lạc kinh*, quyển 14: Trước khi Thích Ca nhập Niết bàn 90 ngày từng nói với đại chúng, khi ngài mới thành Phật, tại giảng đường Pháp Lạc nhiều Bồ tát đã đến muốn ngài thuyết pháp để cho chúng sinh thoát ly khổ ách. Khi đó, Chiên Đàn Tạng Bồ tát cũng nói: “Đỉnh chứa năm thứ bản đồ xuống thế gian, không biết pháp chân chính, mặt trời trí tuệ đã xuống, xin mong trừ u tối”. Qua đó có thể thấy, Bồ tát đối với sự ô trọc, ác độc của người thế gian sớm đã mang lòng lo lắng, ông hy vọng dựa vào uy lực của Phật pháp mà quét sạch, như mặt trời lên thì bóng đen mất, thế gian chan hòa ánh sáng lành.



TÔN GIẢ CA NAN LƯU

Ca dịch nghĩa là tác nghiệp, chỉ việc chúng sinh trồng trọt thu hoạch được nhiều, mãi không ngớt ở thế gian. Tôn giả Ca Nan Lưu khi mới xuất gia, tu công khổ luyện, lòng tục ngày càng cách xa, Phật tâm thêm tinh tiến, đã lĩnh ngộ được thanh tịnh không tịch, lấy đó làm thú vui, không ưu sầu, không phiền não. Chợt ông ngoảnh lại thế gian, thấy chúng sinh còn cái khổ của nghèo khó và bệnh tật, lo lắng sự xa cách, mà chuyện



Tôn giả Ca Nan Lưu

xóm làng còn có sự giao tiếp qua lại của tình người, trong gia đình vợ con không tránh khỏi mong tưởng về trần ai, chón tục. Ông lấy mất thanh tịnh mà rõ nhìn Tam thiên Đại thiên thế giới, thấy chúng sinh không có phương pháp thoát khỏi sinh tử luân hồi, nhân duyên báo quả. Thế nhân tuy có muôn vàn lạc thú, nhưng kẻ phàm phu tục tử làm gì cũng chẳng tránh được tội, khó tránh chuyển sinh kiếp Súc sinh, Ngạ quỷ, hoặc nhập vào Địa ngục, chịu khổ vô cùng. Mong đạt được giải thoát vĩnh viễn, chỉ có tu tập Phật pháp, để lên cõi Tịnh độ. Từ đó về sau, Tôn giả Ca Nan Lưu hết lòng tu đạo, sau chứng quả vị A La hán. Tôn giả nhờ có đức hạnh mà được gọi là “Ca Nan Lưu”.

TÔN GIẢ HƯƠNG DIỆM TRĂNG



Tôn giả Hương Diệm Trăng

Tên của ngài được gọi theo đức hạnh. *Tối thắng vương kinh*, quyển 6: “Thấy hương khói đó, trong một sát na, biến hương bao trùm”. Hương Diệm Trăng cũng như vậy, do hương khói cúng Phật mà kết thành hình trăng. Trăng là vật làm bằng các loại tơ lụa trang sức, thường đặt trước điện Phật, để chúng sinh suy xét, chế phục các ma. Tâm sùng Phật của Tôn giả vững bền thành thật, mỗi ngày sám hối trước Phật, thiêu hương rất kính, thành tâm được cảm, mà kết tụ tướng, thành một trăng khói.

TÔN GIẢ A THẤP TỖ

Tôn giả là đệ tử Thanh văn của Phật tổ Thích Ca. Theo *Đại Bảo Tích kinh*, quyển 99: A Thấp Tỳ theo Phật tu hành ở núi Thi La Quật, bên ngoài thành Vương Xá. Một buổi sáng, Tôn giả A Thấp Tỳ, Tôn giả Ca Diếp cùng các Thanh văn đệ tử vào thành hóa duyên, khi họ đến vương cung, vua A Xà Thế ra đón, hành lễ rồi mời ngồi. Con gái vua là công chúa Vô Úy Đức không ra tiếp, không hành lễ, không mời ngồi, tự nhiên ngồi xuống đất, mà bị vua cha chất vấn. Công



chúa Vô Úy Đức nói: Đại vương đối với chư hầu nước nhỏ có đón không? Vua sư tử thấy một bảy sư tử bé thì có đón không? Long vương biển lớn thấy long vương ở sông hồ thì có đón không? Vua cha tuy bất bình nhưng không biết nói thế nào. Khi đó, A Thập Tỳ, Xá Lợi Phất biết Vô Úy Đức thông tuệ mà có tài biện luận, nên muốn thu nhập công chúa vào cửa Phật, bèn vì công chúa mà giảng Phật pháp, công chúa bỗng nhiên khai ngộ, đồng thời, Thích Ca và Di Lặc Bồ tát đã biết việc đó liền thi triển thần thông lực để giúp, khiến cho công chúa đạt được quả vị Bồ tát, lại từ thân nữ biến thành nam, được gọi là Vô Úy Đức Bồ tát. A Thập Tỳ vì thuyết pháp cho công chúa, nên là người khai ngộ đầu tiên cho Vô Úy Đức Bồ tát.



Tôn giả A Thập Tỳ

232

TÔN GIẢ MA NI BẢO

Tức Ma Ni Bảo Anh Lạc Bồ tát, còn tên khác là Kim Cương Huệ Bồ tát. Theo *Thành Duy Thức luận liễu nghĩa đăng*, quyển 7: Bồ tát này là “Đẳng giác trung nhất nhân”, cái gọi là “Đẳng giác”, là chỉ thứ 51 trong 52 vị Bồ tát của Đại thừa Phật giáo, đây là ngôi vị Bồ tát rất cao, mà đắc quả Phật diệu giác, công đức trí tuệ và Phật tướng. Theo Phan văn, Ma Ni ý nghĩa là châu báu, rời bắn, như ý. Rời bắn, theo *Tuệ Uyển âm nghĩa*, quyển thượng: là



Tôn giả Ma Ni Bảo

“Bảo quang tịnh - không bị bụi bặm nhiễm bẩn”, cũng như Phật tính thanh tịnh của Ma Ni Bảo Tôn giả. Như ý, theo *Nhân vương kinh lượng bí sở*, quyển hạ: là “Bảo châu như ý - tùy ý mong muốn mà được thỏa mãn”, như công đức viên mãn của Tôn giả, đã đạt đến cảnh giới tùy tâm sở dục. Ngoài ra, *Niết Bàn kinh*, quyển 9, viết: “Ma Ni châu, thả vào nước đục, thì nước tự trong”. Có thể thấy Tôn giả lấy việc trừ ô trọc, khổ ách cho chúng sinh làm trách nhiệm.

233

TÔN GIẢ PHÚC ĐỨC THỦ

Ông là tiền kiếp của Phật Thích Ca, tự mình đạt được quả vị Phật, chẳng phải cả đời đức hạnh mà đạt được, mà do nhiều kiếp tu hành, tích tụ thiện đức, ban phúc cho chúng sinh thế gian, sau đó đạt được quả vị Phật. Theo *Đại Bảo tích kinh*: Phật tổ từng nói về các đời chuyển sinh của ông cho đệ tử nghe, ý muốn kích động đệ tử chuyên tâm tu tập, hết sức nỗ lực. Theo kể lại của Phật tổ, ông từng là quốc vương tên là Phúc Đức. Khi



Tôn giả Phức Đức Thủ

tại vị, vua Phúc Đức hết lòng cai trị, đất nước hưng thịnh, mà cảm động trời đất, mưa thuận gió hòa, thu hoạch được mùa, muôn dân an cư lạc nghiệp, trong nước không có người đói rét. Nhưng Vua này vẫn lo muôn dân bị khổ đói, bệnh tật. Trên đường lớn của thôn, trấn, hương, thành người cai quản có bỏ nhiều đồ ăn và thuốc men, nếu có người lo lắng vì bệnh và đói thì thu dụng những thứ đó. Phúc Đức vương tác pháp, sau bị Nguyên Thế tổ Hốt Tất Liệt lưu giữ. Tại đại đô nhà Nguyên, ông rộng làm từ bi, từ hoàng cung, mỗi ngày đều cho người nghèo lương thực, *Mã Khả Ba La du ký* ghi chép rất rõ việc này.

234

TÔN GIẢ LỢI BÀ DI

Tức Lê Bà Đề, là đệ tử của Mục Kiền Liên - một trong 10 đại đệ tử của Phật tổ. Theo *Ma Ha Tăng chỉ luật*, quyển 32: Sau khi Thích Ca nhập Niết bàn, chúng tăng chuẩn bị kết tập Pháp tạng, Đại Ca Diếp phái Lê Bà Đề tới 32 tầng trời để mời Tỳ kheo Thúc Đề Na đến tham gia pháp hội. Kết quả là, Thúc Đề Na vừa nghe tin Thích Ca nhập Niết bàn cũng nhập Niết bàn. Lê Bà Đề trở về tham gia kết tập lần thứ nhất.



Tôn giả Lợi Bà Di

TÔN GIẢ XÁ GIÁ ĐỘC



Tôn giả Xá Giá Độc

Tôn giả sinh thời không có Phật, tuy không được nghe giáo hối của Phật, nhưng ông rất thích cảnh tịch mặc thanh tịnh, chán ghét phiền não thế tục, nên ra ở riêng chốn vắng vẻ, để tự ngộ Phật tính. Tu tập rất lâu, tâm tính ông bỗng nhiên như mặt trời sáng chiếu, ngộ được cứu cánh Phật pháp. Cuối cùng, ông tu đạt trí tuệ viên mãn, công đức tròn đầy, thông hiểu được yếu nghĩa của Phật pháp, mãi mãi thoát ly luân hồi sinh tử.

TÔN GIẢ ĐOẠN NGHIỆP

Tên của ngài được gọi theo đức hạnh. Nghiệp có nghĩa là Tạo tác, phiếm chỉ tất cả hoạt động của thân tâm. Các tông phái Phật giáo đối với Nghiệp phân ra nhiều loại, tựu trung gồm 3 loại: Thân nghiệp (hành nghiệp), Ngữ nghiệp (cũng gọi là khẩu nghiệp, ngôn ngữ), Ý nghiệp (tư tưởng hoạt động). Theo *Đại Tỳ Bà Sa luận*, quyển 13: “Tự tính ứng với một nghiệp gọi là ngữ nghiệp, ngữ tức nghiệp; nếu dựa vào chỗ nương nấu, thì các nghiệp đều gọi là thân nghiệp, 3 nghiệp đều nương nấu trong thân; khi khởi dậy, thì các nghiệp đều là ý nghiệp, 3 nghiệp

đều do ý khởi dậy". Do nguyên nhân thiện ác của 3 nghiệp khác nhau nên có quả báo không đồng. *Thành Thực luận*, quyển 7, ghi: "Nghiệp báo có ba loại; Thiện, bất thiện, vô kí; Từ Thiện, bất thiện sinh ra báo, vô kí không sinh". Lại cho rằng: "Thiện tất được báo ứng tốt, không thiện không được như thế, vô kí không báo". Tôn giả Đoạn Nghiệp quy y Phật pháp, khắc khổ tu hành, đã thoát khỏi nhân quả báo ứng, không vướng vào luân hồi.



Tôn giả Đoạn Nghiệp

237

TÔN GIẢ HOAN HỖ TRÍ



Tôn giả Hoan Hỷ Trí

A Nan có nghĩa là Hoan Hỷ. Bậc hiền triết của Phật giáo có 3 vị Tôn giả A Nan Đà, tức A Nan Đà, A Nan Bạt Đà và A Nan Bà Già, ba ngài chia nhau giữ gìn kinh và lý luận Phật giáo. Tôn giả này là A Nan Bà Già, thông hiểu giáo nghĩa Phật giáo Đại thừa, tuân theo lý luận Đại thừa giáo mà tu tập Phật tính, hóa độ cho chúng sinh. Lý luận Phật học của ông uyên bác, trí tuệ và thần thông vô cùng, có đầy đủ tâm tính từ bi của

Đại Thừa Phật giáo, thường hướng đại chúng tuyên giảng giáo nghĩa, rộng cứu chúng sinh, đưa họ vượt qua bể khổ đến bờ giác ngộ.

238

TÔN GIẢ CÀN ĐÀ LẠC



Tôn giả Càn Đà Lạc

Tức Kiền Đà Lạc, Càn Đà La, người Tây vực, không ngại ngàn vạn dặm xa xôi tới Lạc Dương (Trung Quốc), phong thái rất uy nghi. Theo truyền thuyết, ông giỏi pháp thuật, một lần ông nói với các tăng cùng tu tập rằng: “Phía Đông - Nam Lạc Dương có núi Bàn, trong núi có chùa cổ, nay nền cũ vẫn còn, có thể dựng chùa Phật. Các tăng không tin, nhưng khi theo ông vào núi, tìm được dấu đá nền chùa xưa và lập chùa, mời Kiền Đà Lạc trụ trì. Chùa mới cách Lạc Dương hơn

trăm dặm, ông mỗi sớm dậy đi đến Lạc Dương, chiều lại quay về. Có vị tăng tự cho là đi nhanh muốn đi theo Đề Đà Lạc, bèn bỏ ngựa tốt mà đi theo ông. Kiền Đà Lạc để anh ta cỡi nếp áo, tai nghe gió thổi vù vù, đi rất nhanh tới chùa, cảm giác không còn bệnh tật.



TÔN GIÀ SA GIÀ ĐÀ

Là đệ tử Thanh văn của Phật tổ, ông ở đời tương lai được làm Phật, Phật gọi là “Phổ minh”. Theo *Diệu Pháp Liên Hoa kinh*, quyển 4 thì Phật thụ ký cho các La hán như Sa Già Đà, nói rõ tu hành như thế nào để đạt được quả vị. Mọi người nghe Phật nói đều khởi phát, nhận thấy trí tuệ còn thấp kém, qua giáo hóa của Phật đã tăng tiến rất nhiều, nhưng bản thân chưa giác ngộ được. Ông khi đó nói tỷ dụ: Một trưởng giả đi thăm bạn bè, gặp bạn say không tỉnh, của báu trên áo bạn mà trưởng giả cho nay đã không còn; bạn tỉnh sau say trong bụng không có gì, nên đi tìm cái ăn, được một chút cũng cảm thấy no. Khi người bạn gặp lại trưởng giả mới biết mình là phú ông giàu có. Sa Già Đà cảm tạ Phật tổ cho ông trí tuệ, trí tuệ đó đủ để ông tự thoát ly phiền não, đạt được chính giác, đạt được phương pháp cho mọi cầu xin giải thoát.



Tôn giả Sa Già Đà

TÔN GIÀ TU DI VỌNG

Dựa vào đức hạnh mà có tên, tức trông núi Tu Di vậy. Tu Di là núi thần tiên danh tiếng, dịch là Diệu Cao. Truyền



Tôn gia Tu Di Vong

thuyết Phật giáo cho rằng: Tu Di là trung tâm của cuộc sống nhân loại thế giới, mặt trời mặt trăng luân chuyển xung quanh. Núi cao 8 vạn 4 nghìn Do tuần, trên đỉnh núi là trời Đế Thích, bốn phía ngang chừng núi là tứ thiên vương thiên, xung quanh có biển hương thơm, bảy tầng núi vàng. Ngoài bảy tầng núi vàng là núi Thiết vi vây quanh biển mặn, bốn phía biển mặn là bốn bộ châu lớn. Đế biểu thị ngôi vị chí tôn của Phật đà, Phật giáo tạo ra chốn Phật thành hình tượng

núi Tu Di, tên là Tòa Tu Di, cũng gọi là Tu Di đàn. Tôn gia Tu Di Vong là đệ tử thành tâm của Phật gia, nỗ lực tu hành, lòng nghĩ tới núi Tu Di, mắt trông núi, sau đạt quả vị A La hán.

241

TÔN GIẢ TRÌ THIỀN PHÁP

Tên của Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Thiền pháp là đại pháp của việc tu hành trong Phật giáo, chia làm Ngũ giới, Thập thiện và Tam học, Lục độ. Ngũ giới là: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu; Thập thiện là: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không hai lời, không ác khẩu, không ý ngữ (lời nói thù ghét), không tham dục, không sân khuê (quát mắng, tức giận), không tà kiến, không phạm vào 10 điều ác gọi là 10 điều thiện. Các pháp



ở trên là thiện pháp cho người tại gia tu hành. Tam học là: Giới học, Định học, Tuệ học. Giới học để phòng người ta sinh tội ác; Định học khiến người tĩnh lặng; Tuệ học khiến cho người ta hiểu rõ chân lý, thị phi. Lục độ là: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ. Độ tức là đưa qua sông, Lục độ là khiến cho người phạm tục vượt qua biển khổ sinh tử, tới cõi tịnh độ thanh tịnh. Tam học, Lục độ là thiện pháp của tăng ni xuất gia. Tôn giả Thiện Pháp ở tục thụ trì ngũ giới, thập thiện, xuất gia thụ Tam học, Lục độ, tuần tự mà tiến, kiên trì không ngừng, cuối cùng thoát khỏi bụi trần, chứng ngộ chính quả.



Tôn giả Trì Thiện Pháp

242

TÔN GIẢ ĐỀ ĐA CA

Tức Đề Đa Già, là vua nước Ma Kiệt Đà ở Trung Ấn, tên gọi ban đầu là Hương Chúng. Ông được Thiên tôn Tây Thiên xếp là tổ thứ 5 trong 28 tổ. Theo *Cảnh Đức truyền đăng lục*: Khi ông mới sinh ra, cha ông mộng gặp mặt trời sắc vàng từ đỉnh núi bay lên, chiếu sáng trời đất, phía trước có một tòa núi lớn dát vàng, trên đỉnh núi nước trong lành vọt lên, chảy ra bốn biển. Tổ thứ 4 là Ưu Bà Cúc Đa đi tới đó, xuống tóc cho ông và truyền cho chính pháp. Sau đó, ông đi du hóa ở Trung Ấn, thu nạp tám nghìn vị đại tiên do Di Thứ Gia đứng đầu, tất thấy đều lễ kính ông. Ông biết Di



Tôn giả Bồ Đề Đạt Ma

Thứ Gia có đủ trí tuệ nên xuống tóc cho và thụ cụ túc giới. Các vị tiên khác lòng với Phật, không trọn đạo nên ông hiển hiện phép đại thần thông, thế là các tiên hát Bồ đề tâm, xuất gia đi tu. Sau này, ông giao phó pháp tạng cho Di Thứ Gia và nói kệ: "Thông đạt tâm trong pháp, không pháp cũng không phải không pháp. Ngộ giải được cũng như chưa ngộ giải, không tâm cũng không pháp". Nói xong bài kệ, ông bay lên hư không, biến hóa 18 phép rồi nhập vào lửa Tam muội tự thiêu thân. Di Thứ Gia cùng tám nghìn Tỷ kheo thu xá lợi, dựng tháp ở núi Bàn Trà.

243

TÔN GIẢ THỦY TRIỀU THANH

Tôn giả đã chứng quả vị Bồ tát, còn có tên gọi khác là Bồ tát Nhất Thiết Hai Triều Thanh. Sông, hồ, biển trên thế gian tuy tên khác nhau mà âm thanh nước triều lên xuống như nhau. Tên chư Phật thế gian không đồng, cách giảng kinh cũng khác nhưng đều vì đại chúng mà giải thoát. Tôn giả học cách tu thân, dưỡng tính của chư Phật thế gian, nghe chư Phật giảng kinh, tự thân nghe giáo hội của chư Phật. Do Tôn giả học rộng các Pháp



Tôn giả Thủy Triều Thanh



của chư Phật mà thoát ly khỏi chướng ngại của thế tục, tâm tính thanh tịnh như trăng sáng, thông đạt mọi yếu nghĩa của Phật pháp.

244

TÔN GIẢ TRÍ TUỆ HẢI

Tức Trí Tuệ Bồ tát. Trí Tuệ Hải là một cách so sánh trí tuệ Bồ tát như biển lớn, mênh mang không bờ, bao hàm tất cả. Cái gọi là trí tuệ tức là trạng thái tinh thần “xem tỏ các pháp”, “không nơi nào không chiếu sáng”. Theo *Tân Hoa Nghiêm kinh luận*, quyển 17: Bồ tát Trí Tuệ “lấy trí tuệ đủ đầy, mà tuý vào cõi sinh tử”, cũng nói, ông không chỉ dùng trí tuệ của mình đắc đạo mà có lòng từ bi, “nhập vào nơi sinh tử của tất cả chúng sinh, cùng lợi với họ mà giáo hóa, khiến cho họ tin mà nhập vào chính pháp”. Lại theo *Đại phương quảng Phật Hoa nghiêm kinh nguyên hành quán môn cốt mục*, quyển thượng: Thích Ca Phật, thân phóng ánh sáng, chiếu khắp 10 phương, 10 đại Bồ tát đều giảng nghĩa kệ, Bồ tát Trí Tuệ nói: “Người đó không mất tuệ, không thể thấy được Phật, nói về sự sống chết, không nói được Niết bàn, sống chết và Niết bàn, cả hai đều không được”.



Tôn giả Trí Tuệ Hải

TÔN GIẢ CHÚNG CỤ ĐỨC



Tôn giả Chúng Cụ Đức

Là danh tăng thời Tùy, người quận Ngụy (nay là An Dương - Hà Nam), họ Vương, sinh năm Hưng Hòa thứ 2 (540) nhà Đông Ngụy, 4 tuổi xuất gia, pháp hiệu là Tín Hành. 8 tuổi bắt đầu tụng kinh, sau ở chùa Pháp Tạng, Tương Châu (Hà Bắc) thụ Cụ túc giới. Tín Hành nhận thấy căn khí tối lợi và thượng lợi của chúng sinh có thể chia hai, người trí tuệ sắc bén thì đạt được Phật giáo chính giác. Căn trí

chúng sinh có ba loại, tâm tính mê muội, không tinh nhanh, thường tạo 5 nghịch, 10 ác, không thể đạt được chính giác. Tín Hành đề xướng phổ chân chính pháp, giáo hóa cho chúng sinh ba giới, không chia Đại Tiểu thừa, không chia hiền, thánh, phàm phu, không cần thụ trì giới hạnh mà chỉ cần cầu người theo, không ghét, không yêu, không nói khoắc, không phỉ báng, lâu dài mà chứng quả giải thoát, gọi là Tam giới giáo. Thời sơ Tùy, ông được triệu vào Trường An, ở chùa Chân Tích, tự làm đồ ăn, khát thực qua ngày mà Phật giáo thịnh hành trong nước, học đồ ngày thêm đông, kẻ hiền bốn biển đều đến bái thăm, được tán xưng là Tứ Y Bồ tát. Năm Khai Hoàng thứ 10 (594) ông viên tịch.

TÔN GIẢ BẤT TƯ NGHÌ

Tức Bồ tát Bất Tư Nghì. Thường tham gia hội thuyết pháp của Thích Ca. Theo *Tối thắng vấn Bồ tát thập trụ trừ cấu đoạn cát kinh*: khi Thích Ca ở vườn Cấm Kỳ Thọ, thành Tỳ Xá Ly cử hành pháp hội, Bồ tát Bất Tư Nghì từng lý giải tri tuệ Bồ tát: “Vô vi không rời hữu vi, hữu vi không xa vô vi, giải biết được vô vi, hữu vi thì hiểu tất cả, trong đó giữ sạch thân khẩu ý, gọi là Bồ tát Tuệ”. Lại theo *Đại Bảo tích kinh, Phật thuyết quyết định Tỳ ni kinh, Đại Phương tiện bảo*



Tôn giả Bất Tư Nghì

ân kinh: Khi Thích Ca hỏi mọi người “Ai có thể hộ trì chính pháp ở thời mạt pháp cho chúng sinh”, Bồ tát Bất Tư Nghì nói: “Tôi có thể thành khẩn mà nhận, đem thành tựu cho quý đối, chúng sinh, khiến cho giải thoát”. Bồ tát Bất Tư Nghì còn hướng Phật tổ phát thệ, sau khi Phật tổ nhập Niết bàn sẽ “hộ trì chính pháp, mở rộng pháp giới trong 10 phương, khiến cho chính pháp không bị đoạn tuyệt”. Thích Ca nói với đại chúng, lấy Bồ tát Bất Tư Nghì đứng đầu 70 đại Bồ tát. Ông đã trải qua vô số kiếp, cúng dường vô số Phật, thường tu Phạn hạnh, lòng không mỏi mệt, hộ trì cho chính pháp. Mọi người lấy từ bi tu thân, không rời đại bi, chúng sinh khi sắp chết nếu tán xưng danh Bồ tát Bất Tư Nghì, thành tâm quy y thì sau khi chết sẽ về trời Tịnh độ.

TÔN GIẢ DI GIÁ TIÊN



Tôn giả Di Giá Tiên

Là tổ thứ 6 của Phật giáo Di Giá Ca, vì đời trước ông là tiên, cho nên gọi là Di Giá Tiên. Ông là người Trung Ấn, nghe rộng, biện biệt giỏi. Theo kinh điển Phật giáo, thời quá khứ ông từng là tiên trên trời, nhờ được A Tư Đà truyền thụ phép tiên, mà ông có phép thuật hơn người, đứng đầu 8 nghìn đại tiên. Đương thời, A Tư Đà nói với ông rằng: Sau 6 kiếp, người vẫn nhìn thấy hôm nay và sẽ cùng bạn học pháp như bây giờ, khi đó bạn học người đã đạt được

chính đạo thánh quả, người nên kế thừa sự nghiệp của ông ta. Chuyển sinh đời nay, Di Giá Ca gặp Phật giáo ngũ tổ Đề Giá Ca, thấy Đề Giá Ca tri thức uyên bác, vì người làm việc tử bi, lương thiện, bèn nhận định ông ta là bạn cùng học thời tiền kiếp nên cầu xuất gia. Sau khi Di Giá Ca xuất gia, được ngũ tổ điểm hóa, nên nhập được chính quả. Trước khi diệt tịch, ngũ tổ phó pháp tạng cho Di Giá Ca, bảo ông truyền thụ rộng chính pháp, dẫn dụ chúng sinh thoát ly lục đạo luân hồi. Một ngày, sau khi hoàn thành việc hóa duyên ở bên ngoài, ông liền nhập tịch, tín đồ thu xá li, dựng tháp cúng dàng.



248

TÔN GIẢ NI ĐÀ GIÀ

Tức Ni Đà, Ni Đề. Theo *Hiền Ngụ kinh*, phẩm *Ni Đề Độ Duyên*: Ni Đề vốn là người quét dọn, họ Đà La, đứng đầu về đề tiện của Ấn Độ xưa. Phật tổ không chia sang hèn, lấy tâm bình đẳng mà đối đãi chúng sinh, đem họ giải thoát. Ni Đề thành tâm quy tín, tuân theo giới luật, tinh cần tu hành, chứng quả vị A La hán.



Tôn giả Ni Đà Già

249

TÔN GIẢ THỦ CHÍNH NIỆM



Tôn giả Thủ Chính Niệm

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Ông quy y Phật giáo trừ bỏ tà vọng, trụ ở Phật pháp, truy cầu tư duy của cảnh giới thanh tịnh. Tâm tính tán rộng khắp như Phật pháp, tức giữ tâm, thu lòng, trở về pháp tính. Về sau, ông đem thân tâm và pháp tính đồng nhất thể, khiến cho Pháp tính thành tính thiên nhiên của tự thân, bất kể nơi đâu của thế gian hữu tính, cũng là thân ở chùa viện thanh tịnh, Phật tính không

cải, không biến, không biến, không tạp nhiễm, các khổ không phiền, ngoại đạo không khinh, mài mà không mòn, tất cả như mây trôi, Phật tính tự thân như trắng sáng. Tôn giả đem ánh sáng trí tuệ ban ân huệ cho hết thấy chúng sinh trong thiên hạ.

250

TÔN GIẢ TỊNH BỒ ĐỀ



Tôn giả Tịnh Bồ Đề

Tức Tuệ Giác, còn có tên khác là Lô Xá Na, Tịnh Mãn. Tịnh Mãn, có nghĩa là “Các ác đều hết cho nên nói Tịnh, các đức đều đầy nên gọi là Mãn”; Lô Xá Na có nghĩa là “Ánh sáng chiếu khắp, chiếu 2 ngh; một ở trong là ánh sáng trí tuệ, chiếu chân pháp giới, tự mình thụ dụng nghĩa; hai là, ngoài lấy thân sáng, chiếu khắp mọi nơi, thế gọi là thụ nghĩa khác”. Tự mình thụ dụng có nghĩa chỉ Tịnh Bồ Đề Tôn giả ở trong vô số kiếp tu tập tích được vô số phúc đức, thường tự thụ được pháp lạc rộng lớn; thụ dụng khác có nghĩa chỉ Tôn giả Tịnh Đề do có bình đẳng trí, thị hiện công đức thân linh diệu, ở chốn tịnh độ, hiện đại thân thông, chuyển pháp luân, phá vòng vây phiền não, nghi hoặc trói buộc chúng sinh, khiến đại chúng đều thấu hiểu các pháp.



TÔN GIẢ PHẠM ÂM THIÊN

Phạm Âm Thiên tức Đại Phạm Thiên. Đại Phạm Thiên là thần sáng tạo của Ấn Độ, sinh ra từ trứng Kim Thai Phạm, trứng chứa hai phần, một phần là trời, phần còn lại là đất. Ông sáng tạo Tam thiên Đại thiên thế giới, sáng tạo ra chúng sinh, ma quỷ và tai nạn. Khi Thích Ca giáng sinh từ Đâu Suất thiên xuống thế gian, tay ông cầm phát trắng đi trước dẫn dụ. Sau khi Thích Ca thành Phật, Đại Phạm Thiên thành đệ tử của Phật tổ, bỏ cung điện đi mời Phật đến cung điện giảng pháp cho các thần, ông trở thành thần hộ pháp của Phật giáo. Đại Phạm Thiên có thể phát ra 5 loại âm thanh khúc chiết vi diệu, thanh tịnh êm tai, lấy âm thanh đó tụng kinh, tuyên dương vô thượng chính pháp, khiến cho người nghe hoan hỷ, hiểu được đạo lý ảo diệu của Phật giáo. Lại nói, khi pháp hội Phật giáo mở ra, chúng tăng ca ngợi Như Lai diệu sắc kim cương, tán dương đại đức Phật tổ, chúng sinh nghe xong tâm thần tịch tĩnh, bội phần kính trọng Phật pháp. Nghi thức này là do Đại Phạm Thiên đặt ra.



Tôn giả Phạm Âm Thiên

TÔN GIẢ NHÂN ĐỊA QUẢ



Tôn giả Nhân Địa Quả

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Nhân địa nghĩa chỉ quả vị tu hành Phật đạo, quả địa tức chỉ dựa vào tu hành nhân vị mà chứng ngộ quả vị Phật, hai cái đó là khái niệm đối lập nhau. Theo *Lăng nghiêm kinh*, quyển 5: “Ta vốn nhân địa, lấy tâm niệm Phật mà không còn nhân nại”. Quyển 4 sách này còn cho biết: “Nhân địa phát từ tâm và quả địa giác ngộ, vừa đồng vừa dị”. Tôn giả Nhân Địa Quả vốn đủ tuệ căn, thành tâm tu tập theo hạnh Đại thừa,

trải qua các nghiệp, đến khi chứng quả vị Bồ tát thì cũng như Phật.

TÔN GIẢ GIÁC TÍNH GIẢI

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. “Giác” là năng lực cực cao trong tư duy và nhận thức Phật giáo. Theo *Đại thừa nghĩa chương*, quyển 20: “Giác có hai hàm nghĩa, một là, Giác trong giác ngộ, chúng sinh chịu tình cảm của thế tục chướng ngại, trí tuệ ẩn tui vào chôn có trạng thái âm u tịch lặng, rồi đến một ngày, thánh tuệ mạnh động, thì thành đại ngộ, như mộng chợt



tỉnh, mới hiểu chân lý của thế gian; hai là, Giác sát, tình cảm thế tục khiến người dễ sinh ra vô cùng phiền não, các phiền não như giấc cướp hại chúng sinh, chỉ có bậc thánh hiền minh đạt mới giác sát tới sự nguy hại của phiền não cùng cách tránh. Thích Ca ngộ đại đạo thế gian thuyết pháp rõ ràng, liễu giải cho chúng sinh, cho nên gọi là “vua giác”, “giác hoàng”. Tôn giả Giác Tinh Giải căn tính thanh tịnh, thông hiểu Phật pháp, lại lý giải được đạo lý trong đó, mở mang chân trí, đạt ngộ giải cũng như khéo tinh tiến hành trì, xa rời tất cả mê vọng, từ đầu tới cuối, kiên trì không lười, đạt khả năng tự giác, lại giác ngộ cho người đạt cảnh giới tinh thần, sau chứng quả vị A La hán.



Tôn giả Giác Tinh Giải

254

TÔN GIẢ TỈNH TIẾN SƠN



Tôn giả Tỉnh Tiến Sơn

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Tỉnh Tiến chỉ sự dũng mãnh, tu trì thiện pháp không hề lười biếng mà đoạn tuyệt ác pháp. Theo *Tứ ân thượng sinh kinh* số, quyển hạ: “Tỉnh, là tỉnh thuần không nhiễm ác”. Tỉnh Tiến trong Phật giáo có nhiều nghĩa: *Thành Duy Thức luận*, quyển 9 cho biết: Có 3 loại tỉnh tiến: Một, Bị giáp tỉnh tiến, tức là Giáp của Bị Bồ tát Đại thể tâm, chẳng sợ các nạn hành;

hai, Nhiếp Thiện tinh tiến, tức là chăm tu thiện pháp không mệt mỏi; ba, Lợi lạc tinh tiến, tức chăm giáo hóa chúng sinh không mệt mỏi. Tôn giả Tinh Tiến Sơn chính là một vị đệ tử của Phật luôn luôn cố gắng, gian khổ tu tập Phật pháp, như là người núi, mà cảnh giới không ngừng cao, sau chứng quả vị A La hán.

255

TÔN GIẢ VÔ LƯỢNG QUANG



Tôn giả Vô Lượng Quang

Tôn giả đã chứng quả vị Bồ tát, còn có tên gọi khác là Bồ tát Cam Lộ Quang, mật hiệu là Đại Minh Kim Cương, Ly Nhiễm Kim Cương là một trong 16 hiền kiếp của ngài. Tôn giả tinh thông giáo nghĩa của Hiền giáo, thuộc các loại giới luật; đồng thời thông tỏ các giáo pháp Mật tông, có thể giải thích hàm ý của bí mật chân ngôn, tùy tâm nhập vào các cảnh giới của thiền định, cũng có thể hiện ở nhiều nơi sự vi diệu của Thiền định. Tôn giả Vô Lượng Quang lòng chứa từ bi,

tốt lành, thường đem giáo nghĩa của Hiền - Mật hai giáo mà truyền cho đệ tử, thương xót chúng sinh khổ nạn, lấy thần thông của mình mà cứu vớt hữu tình, khiến cho họ đạt được hạnh phúc viên mãn. Ông trình hiện thân Kim Cương, đui phá hết thầy ngoại đạo, trừ diệt hết thầy tà kiến, tiêu diệt hết thầy hung ma, ác quỷ của thế gian. Thời gian trên thế giới là vô cùng vô tận, vật chất trên thế giới từ hư vô biến



thành thực hữu, từ thực hữu biến thành hư vô, không kể sự biến hóa bao lần. Tôn giả Vô Lượng Quang thế nguyện đem chính pháp truyền mãi, không thay đổi, không dao động.

256

TÔN GIẢ BẤT ĐỘNG Ý

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. *Ma Ha chỉ quán*, quyển 2 ghi: “Đối cảnh hiểu biết, lạ thay gỗ đá, tên là lòng; lòng tiếp khôn lường, tên là ý”. Qua đó có thể thấy, ý là suy nghĩ trên cơ sở trực quan của tâm. Tôn giả Bất Động Ý, là không động tâm, tức nhập vào thiền định, tâm ý tràm nhiên như nước lặng. Tại đó ý lại chỉ ý lực, tức cầu ý chỉ khôn cùng mà gắng sức. *Vô lượng thọ kinh tịnh ảnh sớ*, ghi: “Tâm cầu Phật, gọi là ý lực”. Tôn giả, tâm cầu Phật vững bền không động, mà lấy thiền định làm con đường tất tu hành, thường lấy ý trí định vào một nơi, như thế thì sự vật nào lại không bất động.



Tôn giả Bất Động Ý

257

TÔN GIẢ TU THIÊN NGHIỆP

Tức Thiện Sư, là tiền thân của Thích Ca. Theo *Hiền Ngụ kinh*, quyển 9: Đời xa xưa có vua Bảo Kính, ngài có hai con,



Tôn giáo Tu Thiện Nghiệp

con trưởng tên Thiện Sự, con thứ tên Ác Sự. Hai con theo mệnh cha xuống biển tìm của báu, trên đường về, Ác Sự mưu tham tài vật nên dâm mù hai mắt Thiện Sự, để đoạt báu vật, bỏ rơi Thiện Sự, một mình về nước. Thiện Sự do tích được công đức, làm việc thiện nhiều đời mà hai mắt không cần thuốc chữa cũng tự sáng, tay không trở về nước, vua Bảo Kính nghe việc đó quá giận, quyết ý trị tội ác Sự. Thiện Sự nhiều đời làm việc thiện, không những ban bố thiện cảm

cho người lương thiện mà còn cho cả người có tội ác, ông khẩn cầu mấy lần, vua cha đồng ý miễn tội cho Ác Sự. Thiện Sự sau này chuyển sinh là Thích Ca Mâu Ni, Ác Sự sau chuyển sinh là Đề Bà Đạt Đa. Sau khi Thích Ca diệt độ, lên trời Đạo Lợi, Đề Bà Đạt Đa không chăm tu bị dầy vào địa ngục.

258

TÔN GIÁO A DẬT ĐA

Theo *Vị Tăng hữu nhân duyên kinh*, quyển thượng: Đời quá khứ A Dật Đa là đứa trẻ con nhà nghèo ở thành Ba La Nại Ba Đầu Ma, họ Sát Đế Lợi. 12 tuổi vào núi tu đạo, thông minh hiếu học, 50 năm như một ngày, mà tài cao đức rộng, tiếng vang 4 phương. Ông muốn bán thân để trả ơn giáo dưỡng của Sư phụ, bị sư phụ cấm. Không lâu, vua nước đó chết, ông tranh biện với mọi người trong hội chọn vị vua mới. Ông thắng lợi, được lập làm vua, lập tức mời sư phụ vào cung cúng dàng và kiên trì tu đạo. Hai nước nhỏ láng giềng là An Đà La và Ma



La Bà Da đánh nhau, vua An Đà La đánh mãi mà không thắng được vua Ma La Bà Da, bèn lấy 100 mỹ nữ và của cải châu báu làm lễ vật cầu A Dật Đa phát binh trợ chiến. A Dật Đa bị sắc đẹp, của cải mê lầm, bèn phát đại binh, dẫn đến thương vong rất nhiều, sau lại ngày đêm đắm lạc, trong nước loạn lớn, nước láng giềng xâm lấn rồi bị mất nước, bị giết, chịu khổ trong địa ngục. Vì đã tu đạo nhiều và hiểu mệnh nên đã cải ác theo thiện, trong phút chốc, chuyển sinh thành quý dõi, lại nhanh chóng chuyển sinh thành thú hoang. Sau đó lại chuyên cần tu thiện, được Thiên đế thuyết pháp, tâm niệm 10 điều thiện mà quên ăn, sau 7 ngày được chuyển sinh lên trời Đâu Suất làm con Thiên vương, tiếp tục tu trì thiện pháp, cuối cùng chứng quả vị A La hán.



Tôn giả A Dật Đa

259

TÔN GIẢ TÔN ĐÀ LA

Tôn giả còn có tên gọi khác là Tôn Đà Lợi, sinh tại một thôn ngoại thành Vệ Xá. Khi Tôn giả giáng sinh, trong nhà chợt có suối nước chảy vọt lên, nước ngọt thơm, trong như có châu báu theo nước chảy ra. Ông tướng mạo khôi ngô, trông như tiên trời mà đầy vẻ uy nghiêm, tiếng lành vang xa bốn biển. Vua Ba Tư Nặc thấy ông lạ kỳ nên đem ông đến rừng trúc Già Lan Đà bái kiến Phật tổ. Ông thấy Phật tổ hào quang như mặt trời, cúi thân bái kính, nghe Phật tổ thuyết về Tứ đế liền ngộ tâm mà xuất gia đi tu,



Tôn giả Tôn Đà La

thành đệ tử của Phật tổ, chuyên cần học hành và chứng quả vị A La hán rất sớm. Phật tổ nói với vua Ba Tư Nặc: Thời quá khứ có 1 vạn 8 nghìn Tỷ kheo tu hành trong rừng, một trưởng giả mời chúng tăng đến nhà cúng nước thơm cho họ tắm, sau đó bày tiệc mời, lại đem của báu đầy chậu ra cho chúng tăng. Trưởng giả ngày nay chuyển sinh là Tôn Đà La, tiền duyên đời trước nay được báo tốt, khi sinh ra nước suối chảy lên giữa nhà toàn là châu báu mà ông

dùng mạo đoan trang, tâm tính thông tuệ, nên đắc đạo rất sớm.

260

TÔN GIẢ THÁNH PHONG TUỆ

Dựa vào đức hạnh mà có tên, Thánh Phong Tuệ, hoặc là Thánh Định Tuệ, *Niết bàn kinh*, quyển 1 nói: “Có bậc thánh về Định Tuệ, cho nên tên là thánh nhân”. Có thể thấy Tôn giả Thánh Phong Tuệ do tu trì “Định” mà được “Tuệ”. Định tức là thiên định, đó là tâm chuyên chú vào một cảnh không tác loạn, do đó mà đạt được trí tuệ. *Đại thừa Bách pháp minh môn luận* trung sơ viết: “Quán



Tôn giả Thánh Phong Tuệ

cảnh khiến cho tâm chuyên chú không tán loạn gọi là Tính, trí y vào đó mà sinh gọi là Nghiệp. Cái gọi là quán được, mất đều không trong cảnh, do định khiến tâm không tán loạn, dựa vào đó mà trí tuệ sinh”.

261

TÔN GIẢ MẠN THÙ HẠNH

Mạn Thù Hạnh tức Vạn Thù Bán Hạnh, là danh hiệu đương thế của Vạn Thù Bồ tát, còn gọi là Văn Thù Sư Lợi, Vạn Thù Thi Lợi. Theo *Hoa Nghiêm kinh*, phẩm Bồ tát trụ xứ: Tọa phương Đông - Bắc nước Chấn Đán (Trung Quốc) có một nơi Bồ tát ở gọi là núi Thanh Lương, các Bồ tát quá khứ từng ở đây, hiện tại có Văn Thù Sư Lợi và một vạn chúng Bồ tát ở núi này. Núi Thanh Lương tức là núi Ngũ Đài, tỉnh Sơn Tây ngày nay. Phật giáo cho rằng tất cả Bồ tát đều là con trai của



Tôn giả Vạn Thù Hạnh

Như Lai Pháp vương, Văn Thù đứng đầu các Bồ tát, cho nên gọi là Văn Thù Bồ tát, Văn Thù Sư Lợi Pháp vương tử. *Phóng bát kinh* cho rằng: Bồ tát Văn Thù công trùm tam thế, quá khứ chư Phật đều là đệ tử của Văn Thù Sư Lợi, các Phật bây giờ cũng vì được Văn Thù điểm hóa mà thành Phật, vị lai các Phật cũng được ân đức của Văn Thù Sư Lợi, trẻ nhỏ thế gian đều có cha mẹ, Văn Thù là cha mẹ của tất cả chúng trong Phật giáo. Nơi Phật đường đặt tượng Văn Thù ở vị trí chúa tôn, tóc kết năm búi, biểu thị có trí tuệ của Đại

Nhật Như Lai; tay cầm hoa sen biểu thị thế giới thanh tịnh, cắt đứt phiền não chúng sinh; thân ngồi trên sư tử, biểu thị trí tuệ dũng mãnh, hàng phục ác ma, thu phục ngoại đạo.

262

TÔN GIẢ A LỢI ĐA



Tôn giả A Lôi Đa

Còn có tên khác là A Lợi Tra, A Lật Tra. Theo *Thập tụng luật*, quyển 15: Khi Thích Ca dẫn dắt chúng đồ ở vườn Xá Vệ, A Lợi Tra lòng sinh ác tà, ông nói: “Ta biết nghĩa Phật pháp như thế, làm chứng đạo pháp không thể chứng đạo”. Sau khi Phật hay tin đó, liền tập hợp các Tỷ kheo, để họ đi dạy cho A Lợi Tra không được phỉ báng Phật, kết quả dạy mãi không được. Phật lệnh cho Yết Ma trưng trị A Lợi Đa. Ông ta mới hồi tâm hướng thiện, Phật lệnh hoãn trưng trị

ông. Từ đó, ông tinh cần tu hành, giữ giới nghiêm cẩn. *Ma Ha Tăng kỳ luật*, quyển 21 ghi: Phật từng nói giới luật: “Từ nay về sau không nghe bọn áo trắng, chẳng phải thân Tỷ kheo ni tự tay lấy đồ ăn”, A Lợi Tra nghiêm cách tuân thủ, thế rồi thân ông phát bệnh, người thân không giúp, cũng không cho ăn, ông cũng không đến ni Tỷ kheo ni khát thực mà chịu đói. Phật đối với hành vi của ông rất tán thưởng, nên đổi giới luật, cho phép người bệnh tật, người nhà nói chung không được tiếp đãi Tỷ kheo đến, tự mình không được đến nơi Tỷ kheo ni khát thực.

TÔN GIẢ PHÁP LUÂN SƠN

Tôn giả đã chứng quả vị Bồ tát, tên là Pháp Luân Bồ tát, thuộc Bồ tát 10 phương. Tôn giả có công đức vòi vọi như núi cao, trí tuệ uyên thâm như biển lớn, có đủ uy lực vô lượng, thị hiện được các loại thần thông biến hóa. Ân đức của ông chiếu khắp 10 phương vô lượng trăm nghìn chư Phật thế giới, tất cả thần uy đức, rồng trời, Dạ xoa, Càn Đát Bà, A Tu La, con người tới không phải con người đều được hưởng ân trạch. Theo *Đại Bảo Tích kinh*, quyển 103, phẩm Bồ tát thân hành thứ 5: Tôn giả Ca Diếp nói

với Thích Ca rằng: Các Bồ tát 10 phương công đức vô lượng, các đệ tử đều muốn nhìn thấy dung nhan Bồ tát, mà họ ở các phương rất khó gặp, xin Phật cho trọn mong ước của chúng đệ tử. Thế là Thích Ca truyền cho Phổ Hiền Bồ tát triệu tập Bồ tát 10 phương đến, hiển hiện thân tướng. Đầu tiên, Pháp Luân Bồ tát đến trước Phật, tiến tu Tam muội định, hiện thị pháp thân, thân cao như núi Tu Di, phóng ánh sáng chiếu khắp thế giới, Ca Diếp và mọi người hết sức khen ngợi.



Tôn giả Pháp Luân Sơn

TÔN GIẢ CHÚNG HÒA HỢP

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Chúng Hòa Hợp



Tôn giả Chứng Hòa Hợp

tức là hòa hợp mọi người, còn gọi là hòa hợp tăng, có nghĩa là vị Tỷ kheo này luôn có thể tập hợp từ ba người trở lên, cùng giữ và hành đạo. Phật giáo xem trọng cấp độ này, giống người nghĩ cách phân ly, nếu lấy thủ đoạn mà phân ly tức là phá sự hòa hợp và bị liệt vào một trong năm nghịch tội. Cụ thể nói, hòa hợp chia làm “lý hợp” và “sự hòa”, sự hòa có thể chia làm 6 loại, gọi là “lục hòa kính”: Một, thân hòa kính, cũng như lễ bái nghiệp thân; hai, khẩu hòa kính, cũng như tán vịnh khẩu nghiệp; ba, ý hòa kính, tức tin vào ý nghiệp; bốn, giới hòa kính, cũng như giới pháp; năm, kiến hòa kính, cũng như kiến giải hư không; sáu, Lợi hòa kính, cũng như lợi ăn mặc vậy. Tôn giả Chứng Hòa Hợp khéo khiến chúng tăng tụ hội tu Phật pháp, cùng nhau tinh tiến, cùng đạt quả vị.

265

TÔN GIẢ PHÁP VÔ TRỤ

Ông là cao tăng đời Đường, họ Vương, sinh thời Đại Tông Kiến Trung năm thứ 3 (782). Thừa nhờ xuất gia (nay ở huyện Thạch Môn tỉnh Hồ Nam) lễ Thiền sư Bách Trượng làm thầy, được hiệu là Đàm Thịnh, theo thầy 20 năm tham thiền, mà không thể ngộ được thiền lý. Sau khi Bách Trượng viên tịch, ông lại thờ Dược Sơn. Dược Sơn hỏi Đàm Thịnh: “Bách Trượng Đại sư giảng pháp

gi?” Đàm Thịnh trả lời: “Một ngày các đệ tử ở nhà giảng kinh thiên đứng, Bách Trượng cầm gậy chống đất, một lời không nói, đứng một tiếng, thì cho các chúng di tán. Khi các đệ tử chuẩn bị ra cửa, Bách Trượng gọi mọi người quay vào, hỏi thế nào là Thiên? Các đệ tử không hiểu hàm ý ở trong”. Dược Sơn nghe vậy vui mà nói: “Hôm nay qua người mà hiểu Thiên pháp của Bách Trượng”. Đàm Thịnh nghe xong lời Dược Sơn bỗng đón ngộ Thiên cơ, phục thân lễ bái cảm tạ sự chỉ điểm của ân sư. Dược Sơn viên tịch, Đàm Thịnh kế thừa y bát, ở chùa Vân Nham, Đàm Châu (nay là thành phố Trường Sa), chiêu tập đệ tử, tuyên giảng thiên cơ. Năm đầu Hội Xương đời Đường Vũ Tông (841), Đàm Thịnh viên tịch, sau khi thiêu, thu được hơn nghìn viên xá lị, Đường Vũ Tông ban thụy hiệu là “Vô Trú Đại Sư”, tên đề tháp là “Tịnh Thắng”. Đàm Thịnh truyền cho Động Sơn Lương Giới, lại truyền cho Tào Sơn Bản Tịch, thế là hình thành Tào Động tông. Đàm Thịnh là tổ đầu tiên của Tào Động tông.



Tôn giả Pháp Vô Tự

266

TÔN GIẢ THIÊN CỔ THANH

Theo Đại phương quảng Phật Hoa nghiêm kinh sơ diễn nghĩa sao, quyển 51: “Thiên Cổ Thanh (tiếng trống trời) phá ma tà”. Lại nói: Trên trời Đạo Lợi có một tòa Thiện pháp



Tôn giả Thiên Cổ Thanh

đường, trong đó có trống trời, không đánh mà tự phát ra âm thanh vi diệu. Khi các trời còn mãi du chơi, tiếng trống gióng lên, nó hiển bày 5 cảnh vô thường là sắc, thanh, hương, vị, xúc, giống như bọt gợn trong nước, như huyền ảo trong mộng, như mây trôi trên trời, như ánh trăng hiện trên sông, đều là không chân thực. 33 tầng trời nghe tiếng trống đều tụ tập lại trong pháp đường, để nghe Đế Thích diễn thuyết diệu pháp, mà lòng trở nên thanh tịnh. Ngoài ra, trống trời cũng tượng trưng cho Phật

pháp, “giặc Dục đến trống gióng lên, giặc Dục đi rồi trống gióng lên, khi trống kêu các trời tâm đều mạnh mẽ, trống kêu côi Tu La sợ hãi; phiền não đến với chúng sinh, Phật liền thuyết pháp, phiền não chúng sinh tiêu tan, Phật vì vậy thuyết pháp, khi Phật thuyết pháp tâm các đệ tử trở nên mạnh mẽ, lúc đó các ma sợ hãi”. Tôn giả đã có đủ đức hạnh pháp lực, ông giáo hóa hết thầy chúng sinh, thuyết giảng đạo pháp. Mỗi khi ông diễn thuyết pháp, chúng sinh như nghe được tiếng trống trời kỳ diệu, các phiền não trong tâm, các ma chướng đều mất hết, bản tính thanh tịnh bỗng nhiên hiện bày, như bụi hiện trên gương sáng mà tận trừ hết.

267

TÔN GIẢ NHƯ Ý LUÂN

Tức Như Ý Luân Bồ tát, còn có tên gọi khác là Như Ý Luân Quan âm, còn có tên gọi khác là một trong 6 Quan



Âm. Thiên Thai Tông cho rằng, thế gian hữu tình chia làm sáu đường, các Bồ tát giải cứu khổ nạn phương họ mà Như Ý Luân Bồ tát chuyên phá Thiên đạo hoặc nghiệp, giải trừ thống khổ của chúng sinh Thiên đạo. Trông Phật dường thờ ông, tượng ông đắp 6 cánh tay Quan Âm để biểu thị công đức và thệ nguyện. Bên phải: Tay thứ nhất để trên mặt, biểu thị Tư duy, biểu thị thương xót khổ nạn của chúng sinh hữu tình; tay thứ 2 cầm ngọc như ý, biểu thị ý nghĩa thỏa



Tôn giả Như Ý Luân

nguyện được ước vọng của chúng sinh; tay thứ 3 cầm châu báu, biểu thị ý nghĩa độ cho chúng sinh qua biển khổ. Bên trái: Tay thứ nhất để trên trán, biểu thị công đức Bồ tát viên mãn, tâm tính yên ổn vững như núi; tay thứ 2 cầm hoa sen trắng, biểu thị ý nghĩa trừ bỏ tà ác thế gian, khiến cho thế giới trong sạch như hoa sen trắng; tay thứ 3 cầm bánh xe luân hồi, biểu thị ý nghĩa có thể vào ra Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh,... trong lục đạo, để giải cứu khổ nạn cho chúng sinh trong lục đạo.

268

TÔN GIẢ THỦ HỎA DIỆM

Tức Quang Diệm Tràng Bồ tát. Thường tham gia hội Thích Ca thuyết pháp. Theo *Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm kinh*, quyển 60: Khi Phật thuyết pháp tại gác Đại Trang Nghiêm vườn Thệ Đa Lâm Cấp Cô Độc nước Thất



Tôn giả Thủ Hù Diêm

La Phiệt, các Bồ tát ngồi nghe. Bồ tát Quang Diệm Tràng đạo hạnh vô ngại, hỏi khắp các Phật thế giới, cúng dàng các Phật, thoát ly phiền não chướng ngại, đạt được đại trí tuệ. Đức hạnh của ông như muôn trượng ánh sáng chiếu khắp lòng chúng sinh, khiến cho họ được giải thoát.

269

TÔN GIẢ VÔ TỶ HIỆU

Tôn giả đã chứng được quả vị Bồ tát, người tại nước Diêm Chân Châu thuộc Ấn Độ xưa. *Phật thuyết xưng tán Như lai công đức thần chú kinh* cho biết: Hiện Tại thế Phật Chính Biến tri Như Lai ở nước Diêm Chân Châu đã thụ ký cho Bồ tát Vô Tỷ, sau khi Chính Biến Tri diệt độ, Vô Tỷ Bồ tát chứng quả vị Phật, gọi là Hào Vô Thủ Thắng... Chính Biến tri Như Lai". Nếu có thiện nam tín nữ tụng niệm danh hiệu của Phật, hành lễ tham bái, ý kính tâm thành, ở trong 10 trời mà phần tỉnh sai trái và tội ác của chính mình, phát thệ nguyện thay đổi thì sẽ được miễn trừ tội nặng, kiếp sau chuyển sinh, họ tộc tôn quý, lục căn viên mãn, phẩm hạnh đoan chính, được mọi người kính trọng. Nếu có người mong



Tôn giả Vô Tỷ Hiếu

kết giao bạn tốt, không làm điều ác mà có nhiều của cải, giàu có và danh vọng, niệm danh hiệu vị Phật này, đều được báo đáp như lòng mong muốn.

270

TÔN GIẢ ĐA GIÀ LÂU

Tức Đa Yết La, Đa Già La,... Tiếng Phạn chỉ một loại hương thơm. *Tối Thắng vương kinh*, quyển 7: “Linh lã hương đa yết la”. Theo *Huyền tòa âm nghĩa*, quyển 1: “Hương Đa Già La là gốc của hương”. Quyển 20 trong kinh này còn ghi: “Hương Đa Già Lâu còn gọi là Đa Già Lầu, nghĩa là tướng mộc hương, lại gọi là hương vĩnh cửu”. Đa Già Lầu là tên gọi theo đức hạnh. Ông thành tâm hướng Phật, chuyên cần tu tập không mệt mỏi, đạt được cảnh giới rất cao, nhờ đó mà thân phóng ra hương thơm lạ.



Tôn giả Đa Già Lầu

271

TÔN GIẢ LỢI BÀ ĐA

Tức Ly Bà Đa, Ly Việt, là đệ tử Thanh văn của Phật. Ly Bà Đa nghĩa là “thất tinh”, là ngôi sao ở phương Bắc. Cha



Tôn giả Lợi Bà Đa

mẹ cầu sao “thất tinh” mà được con, cho nên đặt tên là Lợi Bà Đa. Một đêm, ông thấy hai con quỷ tranh nhau ăn một thi thể, thi thể bị nát bươm, thế là ông cảm thấy toàn thể sự vật thế gian đều là sự kết hợp tạm thời, là giả tượng, thực chất của vật chất là sự phân chia vô số nguyên tố, người ta không thể tham muốn sống nhất thời tồn tại, mà muốn truy cầu chân lý vĩnh hằng. Thế là ông xuất gia, theo Thích Ca tu tập Phật pháp, trong các đệ tử, ông tọa thiền nhập định, tâm

không tán loạn, nên được xưng là “tọa thiền đệ nhất”. Theo *Phật thuyết quảng bác nghiêm tinh bát thoái chuyển kinh*, quyển 4: Lợi Bà Đa giỏi hàng phục ma quỷ, thu phục ngoại đạo, phá tan tất cả định oán Phật giáo, bảo hộ Phật pháp.

272

TÔN GIẢ PHỔ HIỀN HẠNH

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh, là người tu Phổ Hiền Tam muội. Bồ tát Phổ Hiền và Bồ tát Văn Thù là hai vị Bồ tát hầu cạnh Thích Ca, Phổ Hiền chủ tất cả Tam muội, Văn Thù chủ tất cả Bát nhã. Phổ Hiền làm nhiều điều tốt lành, *Pháp Hoa nghĩa疏*, quyển 12 ghi: “Khắp mọi nơi gọi là Phổ, tốt lành là Hiền vậy.... hóa không chỗ nào không cùng gọi là Phổ, gần bậc á thánh gọi là Hiền”. *Thám huyền ký*, quyển 2 ghi: “Đức khắp pháp giới gọi là Phổ, đến thuận theo điều thiện gọi là Hiền”. *Đại nhật kinh疏*, quyển 1 ghi: “Phổ là



khắp các nơi, Hiền nghĩa là rất tốt đẹp”. Bồ tát Phổ Hiền lấy từ bi tế độ khắp chúng sinh, nguyện thứ 9 trong “10 nguyện Phổ Hiền” là “mãi thuận theo chúng sinh”, nguyện thứ 10 là “phổ khắp hồi hướng”. Tôn giả Phổ Hiền Hạnh lấy hạnh nguyện quảng đại của Bồ tát Phổ Hiền làm hạnh nguyện của mình, mong chúng sinh đều được giải thoát, khiến cho mọi nơi đều được hiện thần diệu, như *Quảng Đại phát nguyện tụng* nói: “Phổ Hiền thức tỉnh chúng sinh, nguyện này so với Bồ tát Phổ Hiền tôn không khác”.



Tôn giả Phổ Hiền Hạnh

273

TÔN GIẢ TRÌ TAM MUỘI



Tôn giả Trì Tam Muội

Tức Tam Muội Tạng Bồ tát, Tam Muội là cách Phật giáo tu luyện tâm cốt, là cách tổng xưng tất cả thiền định. Tu hành Tam Muội có thể đạt được thần thông và trí tuệ vô cùng. Theo *Thủ Hộ quốc giới chú đà la ni kinh*, quyển 1 ghi: Bồ tát Tam Muội Tạng kiên trì tu luyện *Thủ Lăng nghiêm chú Tam muội môn*, thông hiểu không phạm vương Đà la ni chân ngôn, do đó mà giác ngộ Chân đế Phật giáo. Ông trí tuệ sâu xa, thường tìm đến căn nguyên phát sinh của sự

vật, thấy được kết quả tương lai. Ông thoát ly thế tục, mãi mãi không bị quấy nhiễu bởi phiền não, ưu sầu. Ông tu theo Tam Muội môn mà đạt được thần thông, có thể tùy ý đến được 10 phương thế giới, nhập vào cảnh giới pháp giới vô biên, lấy đại từ đại bi làm lợi ích cho chúng sinh, phổ độ cho tất cả hữu tình thoát ly biển khổ. Ông trí tuệ rộng lớn như hư không, không bờ không bến, ngộ được tính sâu xa như biển lớn khôn lường, tâm tính yên ổn không động như núi Tu Di, thanh khiết không nhiễm như hoa sen trắng, trong ngoài thanh tịnh như ngọc Ma ni, quang minh rực rỡ như vàng không tạp.

274

TÔN GIẢ OAI ĐỨC THANH



Tôn giả Oai Đức Thanh

Tức Bồ tát Đại Oai Đức vương. Theo *Thập vãng sinh kinh*: Nếu chúng sinh một lòng nhớ tới A Di Đà Phật mà cầu vãng sinh về thế giới Cực lạc, Phật liền phái 25 người Đại Oai Đức vương đi bảo hộ, khiến cho thân không chịu thân ác, tâm rời phiền não, ngày đêm thường được yên bình, chuyên tâm tu trì thiền định sẽ phát tâm Bồ đề

275

TÔN GIẢ LỢI BÀ ĐA

Ông là trưởng lão của thành Ba Bà nước Câu Thi Na Yết La ở Ấn Độ xưa, là danh tăng sau khi Phật diệt độ 100

năm. Ông trì giới nghiêm cẩn, đức cao vọng trọng, tuân theo lời dạy của Phật tổ mà tiếng nổi ở đời. Đương thời, Tỳ khuê Bạt Kỳ ở nước Tỳ Da Ly làm trái giới luật của Phật, đề ra “Thập sự chứng ngôn”, 10 điều ấy cho rằng: Phạm hành vi quen thuộc không cần làm trái giới luật, có thể tùy ý ăn muối, có thể tùy ý tiếp nhận cúng dàng của thí chủ, vì trị bệnh có thể uống rượu, có thể tiếp nhận của bố thí như vàng bạc, châu báu,... Có người xuất gia tay cầm bát vàng, đi trên đường lớn mà xin tiền, nhiều ít không có giới hạn. Lợi Bà Đa quyết tâm phản đối việc phá hoại giới luật, nên cùng thượng tọa trưởng lão Da Xá Đà, Tam Bồ Ca,... tại thành Phệ Xá Ly tổ chức lần kết tập thứ hai của lịch sử Phật giáo. Hội có 700 người, và nhận định là 10 điều của Bạt Kỳ là sai trái, chỉ ứng hợp giới luật mà Phật tổ chế định khi ngài tại thế mà thôi.



Tôn giả Lan Bà Đa

276

TÔN GIẢ DANH VÔ TẬN

Tôn giả là người có đức hạnh nổi danh. Theo *Đại thừa nghĩa chương*, quyển 2: “Giải thích rõ ràng các pháp, nói về nó gọi là Danh”. “Vô Tận” tức là vô tướng (không hình tướng). Theo *Đại Nhật kinh sơ*, quyển 14: “Vô tận, tức là tên khác của Vô tướng”. Cho nên Danh Vô Tận nghĩa là dựa tất cả vào danh mà nghĩ về hình trạng đều



Tôn giả Danh Vô Tận

là vô tướng, tức là “Các pháp đều không, tên là vô tướng”. Theo *Đại Thừa nghĩa chương*: “Các pháp ở Niết Bàn thoát li 10 tướng”. Theo Niết bàn kinh, quyển 30: Cái gọi là 10 tướng tức “Cái gọi là sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng,... tất cả đều là Vô danh tướng”. Tôn giả Danh Vô Tận là một vị Đại A La hán đã đạt đến cảnh giới vô tướng.

277

TÔN GIẢ A NA TẤT

Tôn giả là đệ tử tại gia của Phật, do tu luyện lâu mà chứng ngộ. Ông nhận thấy, hô hấp là cơ sở của phương pháp tu luyện. Một sinh mệnh mới giáng sinh trên thế giới, trước tiên cần thở, người ta không lúc nào là không thở, không thở coi như chết, nếu có thể điều khiển được hơi thở của mình thì cũng làm chủ được sinh mệnh, mới có công pháp trong sự tiến bộ. Tôn giả hiểu được điều hòa hơi thở khi nhẹ khi mạnh, khi nóng khi lạnh, khiến cho lỗ chân lông toàn thân thông thoáng, có



Tôn giả A Na Tất

thể ngưng thở một thời gian nhất định, khi điều hòa hơi thở khiến cho thân thể thanh tịnh, diệt trừ phiền não, thân tâm thanh bình, không đứt đoạn điều hòa hơi thở, mà từ từ hít hơi vào, khiến cho tinh thần khoan khoái, bỏ hết tham dục, tăng trưởng trí tuệ, sức khỏe dồi dào.

278

TÔN GIẢ PHỔ THẮNG SƠN

Theo *Tổng Cao Tăng truyện*, quyển 28: Phổ Thắng pháp sư họ Trương, người Lục Trạch - Thâm Châu. Tuổi nhỏ không nói cười, sống tình cảnh đạm bạc trong thế tục. Năm 20 tuổi, vượt đường xa đến chùa Hoa Nghiêm ở núi Ngũ Đài xuất gia, bái Siêu Hóa Đại sư làm thầy. Khi đó có người hỏi ông vì sao không xuất gia ở gần nhà mà lại vượt ngàn dặm đến núi Ngũ Đài, ông cười nói: “Ngựa phụ thần ngày đi nghìn dặm đấy”. Câu nói này thể hiện tâm tình truy cầu Phật pháp cao sâu của ông. Sau, ông nghe Sùng Pháp đại sư giảng *Duy Thức luận* ở Lạc Dương, bèn đến theo học. Ông có đầy đủ tuệ căn. Các kinh sơ nhìn qua thì hiểu, thể hội quán thông. Tống Thái Tổ từng ban cho ông pháp hiệu “Tuyên giáo” và áo gấm. Năm 63 tuổi, ông viên tịch tại viện Tịnh Độ, học trò và tín đồ thu xá lợi táng trên gò ở phía tây chùa Bảo ứng núi Long Môn và dựng tháp thờ.



Tôn giả Phổ Thắng Sơn

TÔN GIẢ BIÊN TÀI VƯƠNG



Tôn giả Biên Tài Vương

Tức Lạc Âm Căn Đất Bà vương - một trong 4 Căn Đất Bà vương, là thần chủ quản về âm nhạc, giỏi tấu nhạc khí, tiếng ca rất hay. Thuộc hạ của ông hơn nghìn người, cũng khéo tấu diễn ca nhạc. Ông cùng thuộc hạ ở tại núi Thập Báu, thường vào núi thể hiện huyền thuật, biến hóa khôn lường. Khi các thần trời ở Đạo Lợi cần tấu nhạc, ông đưa các thuộc hạ lên trời tấu nhạc, diễn tấu xong, lại về núi Thập Báu. Sau khi Phật tổ đắc đạo, ông lấy âm nhạc tấu tụng công đức của Phật.

Theo *Trí Độ luận*, quyển 10 thì ông đàn cầm trước Phật, âm thanh đó đẹp đẽ mà chấn động vũ trụ, khiến cho Tam Thiên Đại thiên thể giới chấn động. Ca Diếp đại đệ tử của Phật trên tòa cũng chấn động.

TÔN GIẢ HÀNH HÓA QUỐC

Lấy đức hạnh để lập danh. Ấn Độ xưa chia thành nhiều nước nhỏ, tại thời Phật giáo thịnh hành, tông giáo tín ngưỡng các nước này cũng không thống nhất, có nước

sùng phụng Phật pháp, có nước sùng phụng ngoại đạo, có nước lại bài trừ Phật giáo. Tôn giả không ngại nguy hiểm, không sợ gian khổ, đem theo đệ tử đi các nước nỗ lực mở rộng Phật pháp không mỏi. Ông tuyên truyền khiến nhiều vị vua bỏ ngoại đạo mà quy y Phật pháp.



Tôn giả Hành Hôn Quốc

281

TÔN GIẢ THANH LONG CHỪNG



Tôn giả Thanh Long Chừng

Tôn giả là thân quá khứ của Văn Thù Sư Lợi Pháp vương tử. Theo *Thủ Lăng Nghiêm tam muội kinh*, quyển hạ: Trong quá khứ xa xưa, phương Nam có cõi Phật là Bình Đăng Quốc, Phật ở đó tên là Long Chừng Thượng Như Lai, còn có tên gọi khác là Đại Thân Phật, đây là Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi. Long Chừng Thượng Như Lai thọ 440 vạn tuổi, dùng âm thanh thuyết giáo, tức thông qua giảng giải kinh Phật giáo hóa chúng sinh. Mỗi thời có bao nhiêu thần tiên muốn dẫn

được ông thuyết pháp mà thoát ly bể khổ, được lên thế giới Cực lạc. Dựa vào thanh âm giáo hóa chúng sinh cho nên gọi là Thanh Long Chừng.

TÔN GIẢ THỆ NAM SƠN



Tôn giả Thệ Nam Sơn

Là cao tăng Đạo Tuyên nổi tiếng đời Đường. Ông họ Tiền, người Đan Đồ, Nhuận Châu. Thụ nghiệp năm 15 tuổi với thầy Y Trí, 16 tuổi cắt tóc, vào đạo tràng Nhật Nghiêm. Ông từng làm thượng tọa chùa Tây Minh ở Trường An, lại tham gia dịch thuật kinh điển với Huyền Trang, phụ trách tu sửa văn chương đã dịch. Năm thứ 16 niên hiệu Trinh Quán, ông vào chùa Phong Đức ở núi Chung Nam, rồi ở mãi đây. Ông chủ yếu nghiên cứu mở rộng giới luật và là thủy tổ của phái

Nam Sơn tông - một trong 3 phái của Luật tông, được gọi là Nam Sơn luật sư. Cả đời ông thu nạp có hơn nghìn đệ tử, viết sách rất nhiều, trước tác chủ yếu về luật (*Tứ Phần luật*) như: *Tứ Phần luật san hệ bổ khuyết hành sự sao* (3 quyển), *Tứ Phần luật Tỳ ni nghĩa sao*,...

TÔN GIẢ PHÚ GIÀ NA

Là đệ tử Phật gia, tùy theo sự hứng thú không giống nhau của mỗi người mà thuyết giảng Phật pháp, giáo hóa chúng sinh, để họ đạt được giải thoát. Người trên thế gian vô cùng mà mỗi người thì có tính thú và ý hướng khác nhau, nếu lấy



một phương pháp mà giáo hóa thì rất khó phổ quát hiệu quả cho chúng sinh. Tùy theo vui thú của chúng sinh mà có phương pháp thích hợp, như tùy nước mà khơi dòng. Ví như đối với người giảng cái tốt của bố thí cho người, tán thưởng hành vi bố thí, khi người đó chủ động bố thí lại không muốn bố thí cho mình, chỉ bố thí cái không cần bố thí, mục đích của bố thí là trừ bỏ tâm chướng ngại mà làm lợi ích cho người khác. Giữ giới cũng như vậy, mới giữ giới cần tự hứa với mình, dần dần thể hiện bằng sự nuôi dưỡng tâm tính để, thoát ly cấu nhiễm, thanh trừ phiền não trong lòng, từ thanh tịnh đến ngộ được chính đạo, được giải thoát.



Tôn giả Phú Già Nu

284

TÔN GIẢ HÀNH TRUYỀN PHÁP



Tôn giả Hành Truyền Pháp

Là người lấy đức hạnh để lập danh. Sau khi Thích Ca sáng lập Phật giáo, người Ấn Độ xưa tin phụng Bà La Môn giáo liền lập tức thay đổi đến nghe Phật tổ thuyết pháp. Tăng lữ Phật giáo mở rộng sự ảnh hưởng, hoằng dương Phật pháp, đi lại khắp nơi, gọi là “hành hóa”. Hành Truyền Pháp là ý nghĩa khái quát của tinh thần đó. Tôn giả hết qua Đông lại sang Tây để giáo hóa, sớm chiều miệt mài, gian

khô không dứt, đến mọi nơi đều truyền giáo cho đại chúng. Dưới sự giáo hóa của ông đã có bao tín đồ sùng đạo.

285

TÔN GIẢ HƯƠNG KIM THỦ



Tôn giả Hương Kim Thủ

Tức Bảo Thủ Bồ tát. Một tay ông hương thơm tỏa bay, khiến cho mọi người thanh trừ sạch phiền não, lòng thêm khoan khoái; tay còn lại có thể sinh vô số châu báu tiền của, để cứu độ người nghèo khổ, giúp họ có cơm ăn áo mặc, cho nên ông được gọi là Hương Kim Thủ Bồ tát. Theo *Phật thuyết Duy Ma Cát kinh*, quyển thượng: Bảo Thủ Bồ tát rộng mở lòng từ bi trong thế gian, ông là bạn tốt của chúng sinh, chẳng cần mời ông cũng đến giúp cho chúng sinh có được hạnh phúc và niềm vui. Ông lại như thầy thuốc giỏi, biết bệnh mà trị, cho thuốc bệnh hết. Tôn giả thuyết giảng Phật pháp, dẫn dắt chúng sinh thoát ly luân hồi lục đạo, không còn sợ sự ràng buộc của phiền não. Bảo Thủ Bồ tát ban ân đức cho thế gian như trời mưa móc ngọt, lòng thanh tịnh không hề kiêu ngạo.

286

TÔN GIẢ MA NÔ LA

Ông là con thứ của vua Thường Tự Tại nước Na Đề - Ấn Độ.

Được Thiên tông coi là tổ 22 trong 28 tổ Tây Thiên. Theo Cảnh Đức truyền đăng lục, Truyền pháp chính tông ký: Ma Nô La khi 30 tuổi, gặp được cao tăng có tiếng là Bà Tô Bàn Đâu bèn xuất gia và được phó pháp nhân tạng. Ông hành hóa, truyền pháp đến Tây Ấn, vua ở đó tên Đắc Độ tin phụng Phật giáo. Một ngày, trên đường lớn xuất hiện một tòa tháp nhỏ, cao 1 thước 4 tấc, màu sắc xanh đen, bốn mặt đều là hình vẽ tượng; trước tháp tượng vẽ Thi Tỳ vương cắt cánh tay cứu chim cầu, sau tháp vẽ Từ Lực vương xéo thịt đốt đèn, phía trái tháp vẽ Tát Đọa Thái tử vào hang nuôi hổ, phía phải tháp là Nguyệt Quang vương bỏ châu báu. Quốc vương muốn mang tháp báu vào cung cúng dàng, nhưng nhiều người đời không được, thế là trong nước cử hành Phạn hội, thiên quán, chúc thuật ba loại, kết quả đều không biết. Khi đó Ma Nô La cũng đến, ông biết đây là một trong những tháp mà A Dục vương cho xây dựng, bèn nói cho vua nguồn gốc của tháp. Vua bèn truyền lập Thái tử, xuất gia tu hành. Sau Ma Nô La cũng đến nước Nguyệt Thị phó pháp tạng cho Hạc Lạc Na, kệ rằng:



Tôn giả Ma Nô La

“Tâm tùy theo muôn cảnh mà lưu chuyển, lưu chuyển tới các xứ thật là âm u, tùy theo mà nhận ra chân tính, không lo cũng không mừng”. Nói xong, Tôn giả ngồi mà nhập Niết bàn, Hạc Lạc Đa cùng vua nước Nguyệt Thị xây tháp cúng dàng.

287

TÔN GIẢ TẠNG LUẬT HÀNH

Tức Hoài Tố, là cao tăng đời Đường, người Nam Dương - Hà Nam, họ Phạm. Ông sinh năm Vũ Đức thứ 7 (624)



Tôn giả Tạng Luật Hành

đời vua Đường Cao Tổ, 10 tuổi xuất gia, bài cao tăng nổi tiếng đời Đường là Huyền Trang làm thầy. Theo ghi chép lại thì Hoài Tổ “chỉ thích Tỳ ni (dịch là Luật), cũng giỏi Câu xá (Câu xá dịch là Tạng)”. Hoài Tổ từng theo học thuyết của đại sư luật học đương thời là Pháp Lê đại sư, sau tự đi hướng riêng theo ý mình. Trên cơ sở đó, ông viết thành sách *Tứ Phần luật ký*, (10 quyển), người đương thời gọi là “Tân sở”. Từ đó, học thuyết của ông được truyền

bá rộng khắp trong thiên hạ, rất thịnh hành ở Thục (Tứ Xuyên), Lũng địa khu (Cam Túc). Đường Cao Tông năm Thượng Nguyên thứ 3 (676), ông được triệu đến chùa Thái Nguyên ở, mở tòa giảng kinh, hoằng dương luật tạng Phật giáo, tăng tục bốn phương đến học chật nhà, nghe giảng từ xa. Võ Tắc Thiên năm Thánh Lịch nguyên niên (698), Hoài Tổ viên tịch, thọ 74 tuổi. Đời Đường còn có một cao tăng, cũng tên là Hoài Tổ, giỏi thảo thư, người Thần Sa, họ Tiền, sinh sau Hoài Tổ Tạng Luật khoảng 100 năm.

288

TÔN GIẢ TUỆ Y VƯƠNG

Túc Tuệ Vương Bồ tát. Theo *Hiển Kiếp kinh*, quyển 1: Thích Ca ở vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ 3 năm

thì ra ngoài du hóa, đến Duy Da Ly. Khi đó, Bồ tát Tuệ Vương đang một mình ở đó, khắc khổ tu hành. Ông nghe tin Phật đã đến, liền ra nghênh đón, rồi sắp xếp nơi ở cho Phật và người đi theo. Bồ tát Tuệ Vương đã có đủ ngũ thông, thành tựu Tam muội. Ông dũng mãnh, không sợ hãi, phá trừ các ma, có lòng từ bi, rộng ban Phật pháp, đưa chúng sinh đến bờ giác ngộ.



Tôn giả Tuệ Vương

289

TÔN GIẢ HÀNG MA QUÂN



Tôn giả Hàng Ma Quân

Tức Đại Lạc Kim Cương, Đại Lạc Bất Không Bồ tát. Vì ông có công hàng phục được hết tà ma nên còn có tên gọi khác là Hàng Ma Quân Tôn giả. Ông ngồi thiền rất lâu, trong thiền định, ngộ nhập được Chân đế Phật học mà được an lạc; được an lạc rồi thì có thể được trí tuệ tối thượng của các Phật; có được trí tuệ của các Phật thì hàng phục được tất cả tà ma có thần thông. Ông hàng phục được hết thấy tà ma, được thành tựu tối cao ở Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, giúp ích cho chúng sinh hữu tình. Bồ tát Đại Lạc Bất Không tự chứng ngộ mà được an lạc, vì lợi ích cho chúng sinh không gián đoạn mà có tên gọi là Bất Không.

TÔN GIẢ THỦ DIỆM QUANG



Tôn giả Thủ Diệm Quang

Tức Đại Diệm Quang Bồ tát. Theo *Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm kinh*, quyển 1: Đại Diệm Quang Bồ tát thuộc hàng “thượng thủ Bồ tát”, thường thân cận Thích Ca, tham gia hội thuyết pháp của Phật đà, nghe diệu pháp mà Phật diễn thuyết. Ông đã qua vô số kiếp, tâm tính thanh tịnh, thường nói với đại chúng về công đức của chư Phật. Ông không cầu nệ mà có thể theo cái vui nơi tâm chúng sinh, trình hiện sắc thân tương ứng, giúp chúng sinh thoát ly khổ chướng. Ông đã được vô lượng ánh sáng, tạo thành ánh hào quang, chiếu khắp pháp giới. Chúng sinh dưới ánh sáng trí tuệ của ông thì tâm thể rời xa ác chướng, sáng trong như ánh trăng tròn.

TÔN GIẢ TRÌ ĐẠI Y

Tức Phọc Già, còn có tên gọi khác là Kì Bà; dịch là Thọ mệnh đồng tử, thời trẻ hoạt bát. Ông là con vua Tân Tỳ Sa La nước Ma Kiệt Đà - Ấn Độ, là thầy thuốc có tiếng ở thành Vương Xá, cùng thời với Thích Ca. Phọc Già đã sớm quy y Phật giáo, ông cho dựng chùa trong vườn Am Bà La

ở góc Đông Bắc thành Vương Xá và mời Phật cùng 1250 đệ tử của Phật tổ đến ở, cung ứng đầy đủ mọi sinh hoạt hàng ngày. Khi đó, vua A Xá Thế nước Ma Kiệt Đà không tin Phật pháp, đã cầm tù cha mẹ, coi thường nước nhỏ láng giềng, vì tội ác rất nặng nên ông bị phát bệnh, vô cùng đau khổ. Vua A Xá Thế mời danh y Phọc Già trị bệnh. Phọc Già nói bệnh của vua không thuốc thang nào có thể trị khỏi, ắt cần thánh nhân chỉ điểm giáo hóa. Trong đêm 15 tháng 7, Phọc Già đưa vua đến gặp Phật tổ, sau khi nghe Phật tổ giảng đạo mà khai ngộ, sám hối tội ác ngày trước, quy y Phật giáo, cùng bảo hộ cho Phật giáo, làm nhiều việc công đức. Phật giáo coi việc cứu chúng sinh trong khổ nạn là vị thuốc hay. Phọc Già đã trị bệnh cho người lại còn trị bệnh trong tâm cho họ. Có thể nói ông xứng danh là bậc đại y trong nghề y.



Tôn giả Trì Đại Y

292

TÔN GIẢ TẠNG LUẬT HÀNH

Tức Tuân Hành Luật Tạng, nhờ có đức hạnh mà nổi danh. Luật Tạng là một trong ba tạng, trong lần kết tập Phật giáo, Tạng có nghĩa là dựa vào cái lý, pháp ngôn trong giới luật bao hàm tất cả mà không hề rơi rớt. Luật là nghĩa dịch từ chữ Tỷ Nại Da trong Phạn văn, cũng dịch là Điều phục. Điều phục tức là điều phục thân, khẩu, ý, tam muội mà chế phục cái ác. *Thám huyền ký*, quyển 4 ghi:



Tón giả Tạng Luật Hành

“Điều là điều hòa, phục là chế phục, là điều hòa, khống chế ba nghiệp: Thân, khẩu, ý, chế phục trừ các tai ương. *Duy Ma Cát kinh*, *Tịnh ảnh* sơ ghi: Trừ mọi nghiệp ác, thuận theo chính pháp, cho nên gọi là điều phục”. Tóm lại, Luật Tạng nhìn rộng bao la, quy định nghiêm cẩn, không nơi nào không khuyên người bỏ ác theo thiện, phòng các ác nghiệp dấy lên. Luật Tạng Tôn giả đối với bản thân biết giữ gìn giới luật, tinh cần tu hành, sau chứng quả vị A La hán.

293

TÔN GIẢ ĐỨC TỰ TẠI

Tức Đại Tự Tại Thiên, là người sáng tạo thế giới. Ông ở tầng cao nhất của trời sắc giới, tất cả chúng sinh đều do ông tạo ra. Khi ông an lạc thì chúng sinh yên vui, ông không an lạc thì chúng sinh phiền não. Ông là thần hộ pháp của Phật giáo, mỗi khi có Phật, Bồ tát đời trước của Phật mới ra đời Đại Tự Tại Thiên lại bảo hộ. Phật mới ra đời ngồi trên tòa sen, các Phật mười phương chiếu ánh sáng đến Phật để rửa sạch ngôi cao, sau khi



Tón giả Đức Tự Tại



chính thức chứng quả vị Phật, chức trách của Đại Tự Tại Thiên hoàn thành. Khi Thích Ca giảng thuyết, chính ông dẫn dắt; Thích Ca còn là thái tử, qua miếu bái tượng ông, tượng thần hoang mang rời tòa xuống hạ giới cung kính hành lễ trước thái tử. Sau khi Thích Ca đắc đạo, Đại Tự Tại Thiên dâng cung điện của mình, để Thích Ca và các thần trời thuyết pháp.

294

TÔN GIẢ PHỤC LONG VƯƠNG

Tức Hàng Phục đại sư, họ Lý, tên là Thành Huệ, người huyện Linh Khưu (Uất Châu). Theo truyền thuyết, cha mẹ của Hàng Long Đại sư mãi không có con, bèn đến núi Ngũ Đài thỉnh cầu Văn Thủ Bồ tát, quả nhiên có thai mà sinh ra ông. Đại sư từ nhỏ đã có phong cốt khác người, thông minh mẫn tiệp, rồi đến núi Ngũ Hành bái Pháp Thuận làm thầy, năm 20 tuổi chính thức xuất gia. Cách Đông Nam núi hơn trăm dặm có một Long Cung, đại sư đến ở đó dựng lều tu đạo, và nuôi một con



Tôn giả Phục Long Vương

rồng trong bình. Một lần rồng ra khỏi bình, nhập vào sông trong, ẩn trong hang đá. Sáng dậy, Đại sư phóng ánh mắt nhìn khắp, thấy khí trắng từ nước bay lên, biết rồng ẩn dưới đó, bèn hô lớn, rồng chỉ còn biết quay về bình. Đường Trang Tông ngưỡng vọng sự cao đạo của Đại sư, nên ban cho áo gấm và hiệu “Truyền Pháp Đại sư”. Trong sắc ghi chép: “Cưỡi

thuyền từ mà cứu trăm luân, giữ đèn từ mà dẫn dắt mê lầm. 500 long thần, đều được đức tốt đẹp; một vạn thánh chúng đều kế thừa theo dấu vết tốt đẹp đó”. Đồng Quang năm thứ ba, Đại sư viên tịch, thọ 50 tuổi. Triều đình ban pháp hiệu “Pháp Vũ Đại sư”, tên tháp là “Từ Vân”.

295

TÔN GIẢ XÀ DẠ ĐA



Tôn giả Xà Dạ Đa

Người phía Bắc nước Thiên Trúc - Ấn Độ xưa, là tổ thứ 20 của Phật giáo. Cha mẹ ông tin phụng Phật pháp nhưng người nhà thường bị tật bệnh khổ não, làm nhiều việc cũng không như ý; hàng xóm tin phụng tà giáo, thì thân thể khỏe mạnh mà mọi việc như ý. Xà Dạ Đa trước sự việc đó không biết lý giải ra sao, nên hỏi tổ thứ 19 Phật giáo Cưu Ma Đa Đa. Tôn giả giải thích, báo ứng Phật giáo xuất hiện bất thường, người thường chỉ thấy người nhân chết sớm

mà kẻ tà sống lâu, ác gặp may mà hiền gặp xấu, do đó nhận ra là họa phúc và nhân quả của người ta không liên quan. Kỳ thực không như thế, báo ứng là thể hiện ra bóng vật chất, nghìn năm sau cũng không mất. Xà Dạ Đa nghe xong tỉnh ngộ, liền xuất gia. Cưu Ma La Đa giảng giải Phật pháp cho ông ta, rồi phó pháp nhân tạng. Sau khi truyền pháp, Cưu Ma La Đa phóng ánh sáng quang minh rồi diệt tịch. Xà Dạ Đa thành tổ 20 của Phật giáo. Lúc ông truyền giáo thì giáo hóa rộng ban muôn nơi, khiến mọi người quy y Phật giáo. Trước khi ông tịch đã phó pháp cho Ba Tu Bàn Đầu.



TÔN GIẢ TẦN MA LỢI

Cư Ma Lợi trong kinh điển Phật giáo có lẽ là người này. Theo *Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm kinh*, *Tùy sở diễn nghĩa* sao, quyển 15: Cư Ma Lợi là người nước Ca Dục La Vệ, là hậu duệ của Cam Lộ Phạn vương, chú của Thích Ca. Cháu ông là Giác Hiền 3 tuổi cha mất, 8 tuổi mẹ mất, được họ ngoại nuôi. Cư Ma Lợi nghe Giác Hiền thông minh mẫn tiệp, nên cho cháu xuất gia. Giác Hiền khắc khổ tu hành, học rộng nghe nhiều, tu thiền, sau vượt qua mấy trăm dặm đến Trung Quốc truyền giáo.



Tôn giả Tần Ma Lợi

TÔN GIẢ NGHĨA PHÁP THẮNG

Tức Đàm Kha Ca La, là cao tăng của Ấn Độ thời kì Bắc Ngụy, người trung Thiên Trúc. Tôn giả vốn là học giả nổi tiếng, thiên tính thông minh hơn người, đọc sách chỉ lướt qua một lần thì không quên nghĩa của văn sách. Ông giỏi học *Tứ Vi Đà luận*, lại khéo quan sát mây, gió, sao trời mà hiểu được thiên biến, luận ra sự việc. Ông tự cho văn chương trong thiên hạ đều trong bụng, xem qua một lần thì trong mắt không có ai. Theo *A Tỳ Đàm Tâm luận*: Năm 25 tuổi ông



Tôn giả Nghĩa Pháp Thắng

từng tham bái qua các chùa, trong một lần xem *Thắng Pháp luận* của Tôn giả Ưu Bà Cúc Đa, đọc qua một lần, ông hoảng hồn vì không hiểu hết nghĩa, đọc một lần nữa, càng thêm mờ mịt không hiểu nói gì. Ông mang sách đó hỏi một tăng nhân, nhờ được tăng nhân giải thích ngắn gọn mới hiểu sơ qua sự thâm sâu của giáo nghĩa. Ông hiểu ra rằng: Phật giáo uyên áo, tục thế và ngoại đạo không theo kịp nên bỏ phú quý mà đi tu quy y, thành bậc danh tăng đương thời. Do ngộ đạo từ *Thắng Pháp luận* nên đối với kinh này ông đặc biệt tôn sùng.

298

TÔN GIẢ THÍ BÀ LA

Còn có tên gọi khác là Thi Bà La, Thí Bạt La, là em họ của Thích Ca. Tổ phụ Thích Ca là Sư Tử vương sinh được 4 người con trai và một cô con gái, 4 người trai tức là vua Tịnh Phạn, vua Bạch Phạn, vua Hộc Phạn, vua Cam Lộ Phạn, người con gái là Cam Lộ muội, Thích Ca là con vua Tịnh Phạn. Thí Bà La là con Cam Lộ muội. Khi trưởng thành, ông xuất gia, làm đệ tử của Thích Ca. Theo *Đại Trí Độ luận*, quyển 24: Đệ tử của



Tôn giả Thí Bà La

Phật có nhiều điều tốt, “hay bố thí như Thí Bạt La”. Tôn giả bản tính khảng khái, hết lòng bố thí, cúng dường Phật và chúng tăng.

299

TÔN GIẢ HỘ DIỆU PHÁP

Là Cao tăng đời Đường, tổ tiên quê ở Bột Hải (Dương Tín - Sơn Đông), họ Cao, sinh thời Huyền Tông, niên hiệu Khai Nguyên năm thứ 10 (722). Ông cư ngụ ở Đông Đố (Lạc Dương), thông hiểu sách kinh điển, giỏi thi thư, có tiếng trong văn đàn. Năm 28 tuổi xuất gia ở chùa Đồng Đức - Lạc Dương, bắt đầu nghiên cứu giới luật Phật học. Ông ngưỡng mộ Thiền học của tổ thứ bảy Tào Động tông là Thần Hội, nên đến chùa Hà Trạch cầu học, được truyền tâm mà thông đạt yếu nghĩa thiền học của Thần Hội, nối y bát, thành tổ thứ 8 của Tào Động tông, pháp hiệu là “Vô Danh”. Thời Đường Đức Tông, bọn trọng thần là Tiên Vu Thúc Minh, Lệnh Cô Hằng tấu với hoàng đế, lệnh đuổi tăng ni hoàn tục. Đức Tông đồng ý, cho thi hành. Vô Danh nghe việc đó, dâng biểu tâu xin cho bỏ việc đuổi tăng, phá chùa, Đức Tông nghe khuyên nên dừng việc đó lại. Trinh Nguyên năm thứ 9 (793), Vô Danh đến núi Ngũ Đài bái Văn Thù đại sĩ, rồi viên tịch ở chùa Phật Quang núi Ngũ Đài.



Tôn giả Hộ Diệu Pháp

TÔN GIẢ VƯƠNG TRỤ ĐẠO



Tôn giả Vương Trụ Đạo

Tức là Đắc Độ. Vốn là vua nước Tây Ấn Độ, quy y Phật thừa khi còn tại ngôi vị, chăm chỉ tu hành. Một ngày, trên đường ông hay đi qua xuất hiện một tòa tháp, màu xanh, cao 1 thước 4 tấc, 4 mặt đều có vẽ tranh tượng, là Thi tỷ vương Cát Cô Cứu Cấp, Từ Lực vương Uyển Thân Nhiên Đăng, Tát đóa Thái tử Đầu Nhai Tự Hồ, Nguyệt quang vương Quyên Xá Bảo Thủ. Vua muốn đem tháp vào cung cúng dàng, mọi người dờ không được, bèn họp ba loại người tu hành là Phạn hành, Thiền Quán, Chú thuật lại để ai có thể nói rõ lai lịch của tháp. Vừa khi Danh tăng Ma Na La hành hóa tới đây, ông biết đây là một tháp trong 8 vạn 4 nghìn tháp do vua A Dục trước đây xây dựng, bèn nói cho vua rõ: “Tháp nay xuất hiện, đây là phúc lực của vua vậy”. Vua Đắc Độ nghe xong, bèn nói: “Chí thánh khó gặp, đời vui không lâu”. Nền truyền ngôi cho thái tử mà xuất gia, sau 7 ngày chứng quả A La hán, Ma Na La để ông ở trong nước độ chúng sinh.

TÔN GIẢ VÔ CẤU HÀNH

Vì Tôn giả hay thi hành Phật pháp ở thế gian nên có tên gọi là Vô Cấu Hành. Theo *Đại Bảo tích kinh*, quyển

90: Khi Phật giảng kinh ở vườn Kỳ Thụ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ, giảng xong, nói với các Bồ tát: “Ta đã qua nghìn trăm vạn ức lần chuyển thế và nguy nạn, mới chứng được quả vị chính giác, sau khi ta nhập Niết hân, ai hộ trì Phật pháp, an trú ở bí mật Du già chân ngôn, giáo hóa, lợi ích cho chúng sinh”. Vô Cấu đến trước Phật thì lễ nói: “Con có thể nhận việc đó, hộ trì Phật pháp, lợi ích chúng sinh, đem đầy đủ cho chúng sinh chí nguyện và niềm vui”. Ông thường nhập vào Trí tuệ Tam muội, thị hiện các thần thông biến hóa, đem đến cho chúng sinh tất cả niềm vui mà pháp tính tự thân không hề dao động. Ông thể hiện các biến hóa thân, dẫn dắt chúng sinh vun bồi Phật tính, khiến cho chúng sinh được giải thoát. Ví như: Nếu có cư sĩ ngạo mạn phóng dật, ông liền thuyết pháp tiền thân cảm đức; nếu có người cậy oai khinh người thì lại thể hiện thân thần thông đại lực mà thuyết pháp.



Tôn giả Vô Cấu Hành

302

TÔN GIẢ A BÀ LA

Tức A Ba La. Theo *Đại Oai Đức Đà La ni kinh*, quyển 8: Khi Phật giảng kinh ở vườn Kỳ Thụ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ, chuẩn bị giảng *Đà La ni pháp*, Phật nói với A Nan: “Có pháp bản Đà La ni, quá khứ các Phật từng hiển thị giải thích. Nay vì các thị giả được an vui. Thương thế gian mà



Tôn gọi A Bà La

rộng ban ích lợi, nên ta muốn nói Đà La ni". Đức Phật vừa dứt lời, Tỳ kheo A Bà La từ trên tòa đứng dậy không tán thành lời Phật, nói: "Thế tôn! Không nói như vậy, lời thầy là không thấy vậy". Khi nói, lưỡi A Bà La rơi vào Địa ngục, thân thể cũng nhập vào ngục A Tỳ. A Bà La sám hối mà không mong thân vượt qua kiếp nạn. Sau đó ông toàn tâm hướng thiện, cuối cùng thoát khỏi biển khổ, chứng quả vị La hán.

303

TÔN GIẢ THANH QUY Y

Tôn giả nghe Phật thuyết Pháp mà chứng ngộ được giải thoát, cho nên có tên là Thanh Quy Y. Theo *Hoa Nghiêm Kinh*: Phật tổ trong Tam thiên thế giới có mười thân: Một là thân Chúng sinh; hai là thân Quốc thổ; ba là thân Tịnh phạn; bốn là thân Thanh văn; năm là thân Độc giác; sáu là thân Bồ tát; bảy là thân Như lai; tám là thân Trí; chín là thân Pháp; mười là thân Hư không. Chúng sinh trong thế gian, Phật tính nông sâu không giống nhau,



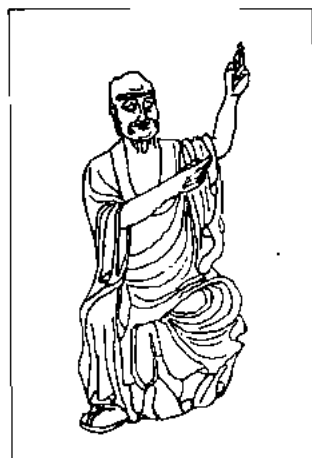
Tôn giả Thanh Quy Y

nhân duyên thiện ác bất đồng, tình cảnh cầu đạo cũng bất đồng. Phật tổ căn cứ vào vô vàn sự bất đồng đó mà hiện hóa thân tướng, dẫn dắt, giáo hóa chúng sinh linh ngộ Phật pháp. Tôn giả Thanh Quy Y tại thỉnh, mất thỉnh, nghe Phật giảng kinh mà linh ngộ được yếu nghĩa, được tôn là Thích Tôn Kim Khẩu Từ Bi, ông thường diễn thuyết Phật pháp, cung kính quán chú, nhanh chóng linh ngộ được chân đế của Phật giáo, thoát ly thế tục, sau nhập cõi Niết bàn.

304

TÔN GIẢ THIỀN ĐỊNH QUẢ

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Thiền Định tức là khiến tâm chuyên chú vào một nơi mà không tán loạn. *Đốn ngộ nhập đạo yếu ngôn luận*, quyển hạ chép: Bất sinh vọng niệm là Thiền, ngồi mà thấy được bản tính gọi là Định. Bản tính là gốc của Tâm; Định là đối cảnh mà tâm không, Bát Phong không động. Bát Phong là: Lợi, Ai, Niết, Dục, Xung, Kỷ, Khổ, Lạc. Nếu đạt được “Định”, tuy là kẻ phàm phu cũng được nhập cõi Phật”. *Nguyệt đăng Tam muội kinh*, quyển 7 cũng ghi: Tu tập được Thiền Định thì muôn



Tôn giả Thiền Định Quả

duyên được đầy đủ, định tính hiện ra, có thể làm lợi cho 10 giống, nghi thức được yên chú, hành từ cảnh giới không tạp nhiễm, giữ được căn gốc, không ăn mà vui vẻ, tránh xa

được ái dục, tu Thiền có thể giải thoát Ma Ni, yên trú nơi đất Phật, thành tựu giải thoát. Tôn giả Thiền Định Quả tức là tuần tự tiệm tiến, thông qua sự kiên trì tu tập Thiền định mà thành được chính quả, là nhân vật tiêu biểu có tính cách kiên định.

305

TÔN GIẢ BẤT THOÁI PHÁP



Tôn giả Bất Thoái Pháp

Tăng nhân đạt được quả vị A La hán, do Phật tính nông sâu không cùng, mà chia ra là các bậc không đều. Sơ đẳng là Thoái pháp La hán, một sớm đạt La hán, lại gặp duyên ác bèn mất quả vị. Thứ hai là Tư pháp La hán, lo lắng mất quả vị đã đạt được mà cẩn thận, rồi nhập vô dư Niết bàn. Thứ 3 là Hộ pháp La hán phòng thủ sự mất mát của quả vị, nên tự thân bảo vệ được. Thứ 4 là An Trụ pháp La hán, có thể không thoái không tiến, an cư ở đó. Thứ năm là Kham Đạt pháp

La hán, căn tính kiên cố, gặp ác duyên gì cũng không ảnh hưởng tới quả vị. Thứ 6 là Bất Thoái Pháp La hán, bản tính vững bền, không thể thoái chuyển, dùng Phật tính tự thân và trí tuệ hàng phục được ngoại đạo, hoằng dương Phật pháp. Tôn giả Bất Thoái Pháp đã có đầy đủ bản tính kiên cố. Ông thường trụ thanh tịnh, cứu hộ chúng sinh, công đức rõ ràng.



TÔN GIẢ TĂNG GIÀ DA

Tức Tăng Già Đà, còn được gọi Già Phật Đà, Tăng Đà, người Ấn Độ, hiểu rõ Tam tạng, tinh thông Phật lý. Thời Bắc Ngụy ông sang Trung Quốc, ở trong chùa tại Lạc Dương. Truyền thuyết nói, ông giỏi hội họa, qua thời Bắc Ngụy, Bắc Chu, Tùy, các vua đối với ông đều kính trọng ông. Ông từng vẽ ở cửa chùa Thiếu Lâm núi Tung Sơn và trên tường vườn Phất Lâm, người xem rất kinh ngạc. Ông viên tịch vào thời Đường Cao Tổ năm Vũ Đức thứ 7, thọ hơn 100 tuổi.



Tôn giả Tăng Già Đà

TÔN GIẢ ĐẠT MA CHÂN

Đạt Ma dịch là Pháp. Cao tăng Pháp Chân thời ngũ đại, tổ quê ở Tử Châu (nay là Tam Thai - Tứ Xuyên), họ Vương. Từ nhỏ ông đã rất thông minh, sau xuất gia đi tu, khi trưởng thành bãi Linh Hựu Thiền sư ở chùa Đồng Khánh núi Đại Ngụy làm thầy học pháp. Ông giới hạnh tinh khiết, chuyên tâm kính lễ tên Phật và Phật điển, cần mẫn nghiên cứu tinh nghĩa Phật điển, đạt được chân thể của Phật pháp, được Linh Hựu khen ngợi. Sau khi tu học



Tôn giả Đạt Ma Chân

đắc đạo, ông trở về Thục, ở am Mộc Thiền, viện Đại Tùy, vì chứng sinh thuyết pháp, tiếng vang bốn phương, hơn 10 năm nhà học pháp không ngớt người qua lại. Sau vua Thục nhiều lần mời ông giữ chức giáo vụ, đều bị ông chối từ. Đầu thời Bắc Tống, năm Càn Đức nguyên niên (963) ông viên tịch, thọ 86 tuổi.

308

TÔN GIẢ TRÌ THIỆN PHÁP

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Phật giáo Thiền Pháp chia làm Thế gian thiện pháp và Xuất thế gian thiện pháp. Thế gian thiện pháp là chỉ “ngũ giới” (giới sát sinh, giới trộm cắp, giới tà dâm, giới vọng ngôn, giới uống rượu) và “10 điều thiện” (không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không...,); Xuất thế gian thiện pháp có “tam học” (giới, định, tuệ học) và “lục độ” (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ). Tôn giả Trì Thiện Pháp thâm nhập đạo từ nông đến sâu, kiên trì không ngừng, tu cả thiện pháp xuất thế và thế gian, sau chứng quả vị A La hán.



Tôn giả Trì Thiện Pháp



TÔN GIẢ THỤ THẮNG QUẢ

Cao tăng đời Tống, tổ quê ở huyện Bành, họ Lạc, sinh ra trong nhà có dòng dõi văn chương, nên thông sách vở. Sau khi xuất gia, ông bái ngũ tổ Tịnh Độ tông là Pháp Diễn thiền sư làm thầy, lĩnh ngộ được yếu nghĩa huyền ảo của Phật pháp, sau khi chứng ngộ, giảng pháp ở chùa Chiêu Giác - Thành Đô, rồi chu du sang Thục, ở thiền viện Linh Tuyền Giáp Sơn, chùa Đạo Lâm - Trường Sa. Ban đầu ông đến Biện Kinh (Khai Phong), được ban hiệu “Phật Quả đại sư”, mặc áo pháp màu đỏ, cùng kết

giao với Cao Tông nhà Tống. Rời Biện Kinh, ông nhận trú lại chùa Tường Sơn ở Kim Lăng (Nam Kinh), sau lại ở chùa Thiền Ninh - Vạn Vạn Thọ tại Biện Kinh, nhiều lần được Tống Huy Tông triệu gặp, được sùng kính hơn các tăng nhân. Nhà Kim đánh Biện Kinh, Tống dời đô sang Nam, Cao Tông lên ngôi ở Kim Lăng. Tôn giả có công đối với vận mệnh của đất nước, được vua phong hiệu Viên Ngộ Đại sư, cùng tướng soái qua lại thân mật, đi khắp vùng Giang Hoài, khuyên các nhà giàu giúp cho nạn nước. Cao Tông bán độ điệp cho sư, thế nước lay động, phong hóa ngày càng đi xuống, nên ông xa dân thành thị, vào ở trong núi Lô Sơn. Cuối đời, ông trở về chùa Chiêu Giác (Thành Đô), năm Thiệu Hưng thứ 5 (1135) viên tịch, thọ 73 tuổi, thụy hiệu là Chân Ngộ. Ông viết sách *Bích Nham tập* (100 quyển), đây là bộ sách đệ nhất chốn Thiền lâm.



Tôn giả Thụ Thắng Quả

TÔN GIẢ TÂM THẮNG TU



Tôn giả Tâm Thắng Tu

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Tâm Thắng Tu tức là Tu Thắng Tâm, cũng là lòng tu hành đạt thù thắng vậy. *Vô Lượng Thọ kinh*, ghi: “Đẳng tâm, thắng tâm, thâm tâm”, *Tịnh ảnh sớ*, ghi: “Làm việc ở trên là thắng tâm”. Qua đó có thể thấy, Tôn giả là cao tăng có chí hướng cao xa, lấy cảnh giới rất cao xa tịnh diệu của nhà Phật làm mục tiêu truy cầu của mình, gian khổ tu hành, nghiêm cẩn giữ giới, không đến đích không thoái chuyển, cuối cùng chứng quả vị A La hán.

TÔN GIẢ HỘI PHÁP TẠNG

Tức Đàm Ma Ca Lưu, nghĩa chỉ Pháp Bảo Tạng, gọi tắt là Pháp Tạng, là tiền thân của Phật A Di Đà. Khi xưa, có một vị vua nghe Tự Tại vương Phật thuyết pháp, tâm rất vui mừng mà bỏ ngôi vua đi tu, pháp hiệu là Pháp Tạng, nói với Tự Tại vương Phật rằng: “Tôi phát nguyện cao thượng vì đại chúng rộng nói Phật pháp. Nếu tôi nhanh thành chính quả, nguyện bỏ hết căn nguyên khổ sinh tử của chúng sinh”. Tự Tại vương Phật vì ông mà giảng về các chuyện 210 ức



quốc độ Phật cùng thi triển thần thông của các chư thần. Pháp Tạng chọn Tây phương An lạc quốc độ rồi phát thệ 48 nguyện thành Phật, thệ nguyện của ông chấn động trời đất, muôn hoa bay rơi. Do ông tích tụ vô vàn công đức thời xưa, phát thệ nguyện mà thành chính giác, chứng quả vị Phật, hiệu là A Di Đà Phật, giáo hóa thế giới An lạc Tây phương, ở đó không ưu sầu, không khổ phiền não, thanh tịnh an lạc, đúng thệ nguyện của Pháp Tạng.



Tôn giả Hối Pháp Tạng

312

TÔN GIẢ THƯỜNG HOAN HỖ



Tôn giả Thường Hoan Hỷ

Tức Thường Hoan Hỷ Bồ tát, thường nghe Thích Ca thuyết pháp. Theo *Đại Phương Quảng Như Lai tạng kinh*: Bồ tát thường nghe Phật thuyết pháp, từng cung phụng vô số chư Phật, đạt được lực thần thông, không còn sợ hãi, có thể chuyển pháp luân bất thoái, chủ trì không pháp tạng môn, không bỏ chí ý, làm không dứt ý tưởng. Bồ tát chuyên tế độ chúng sinh, chúng sinh lễ kính xưng tên ngài thì phát A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, đạt bất thoái chuyển.

TÔN GIẢ UY NGHI ĐA



Tôn giả Uy Nghi Đa

Các Phật, Bồ tát cùng các Tỳ kheo tăng chúng hành tọa đều có quy mô, chế độ gọi là Nghi. Tọa, tác, tiến, thoái, dung mạo thấy được gọi là Uy. Cần thận giữ pháp độ oai nghi để trừ Tham, Sân, Si, (tam độc) khiến cho thân tâm thanh tịnh, không còn phiền não. Tôn giả quy độ đủ đầy, cần thận thực hành không lảm lẩn. Ông thường ngày đi, đứng, nằm, ngồi đều kiên nhẫn thi hành, chẳng phải lúc không nằm không giữ giới. Bất kể ngồi trên giường hay dưới đất, hay trên cỏ khô,... tâm thường niệm cúng dàng Tam bảo, điều hòa tâm ý, bãi bỏ ác nghiệp phiền quấy, an trú trong Phật tính. Ngoài ra, Tôn giả còn thi hành theo ba nghìn uy nghi, thân, tứ chi, trăm xương, không đâu không giới nghi. Ngoài ba nghìn uy nghi, ông còn theo đủ 8 vạn 4 nghìn oai nghi Bồ tát, cử động chân tay không gì không hợp với quy độ, toàn thân trên dưới, thân tâm trong ngoài không gì không hợp Phật tính.

TÔN GIẢ ĐÀU ĐÀ TĂNG

Theo *Tống Cao tăng truyện*, quyển 30: Đầu Đà sinh ra

trong một gia đình nghèo khổ, cha mẹ làm nghề xay lúa khó nhọc. Đầu Đà từ nhỏ đã thâm trầm, có lòng thương xót chúng sinh. Cha mẹ ông để ông làm việc đến nửa đêm, thấy trâu đã quá mệt liền thả trâu đi. Trâu đi ăn cỏ, uống nước, ông tự thân thay trâu mà làm. Cha mẹ biết việc đó, nên bỏ nghề. Ông xin đi tu, được cha mẹ đồng ý. Ông tu tập 12 hạnh Đầu đà, chịu nhiều gian khổ, áo chân 30 năm không hề thay, trên thân áo rách nhiều, được dân kính trọng Phật đạo, nhưng ông không nhận cúng dường của dân, nên được gọi là “Đầu Tẩu thượng nhân”.



Tôn giả Đầu Đà Tăng

315

TÔN GIẢ NGHỊ TẮY TRÀNG



Tôn giả Nghị Tẩy Tràng

Tôn giả này tẩy dịch trong ruột nên có tên như vậy, lại có công giáo hối cho chúng sinh sám hối tội ác, thanh tịnh tâm tính mà được yên vui. Nhân quả báo ứng đối với mỗi người mà nói là sự điên đảo vô cùng, quả ác cũng từ nhân duyên mà sinh, mà diệt. Kết giao bạn với ác nghiệp gì mà không làm, chịu ác báo, rồi sám hối, tẩy rửa lòng cho thanh tịnh, thể thay mới, vì người nhọc mình, ác quả tự nhiên mất.

Quả ác vốn không có trong mình, mà ở ngoài là không (vô), do hành vi của tự thân mà sinh ra quả ác. Tôn giả Nghị Tấy Tràng thành thật nói với chúng sinh cần quán tưởng tới sự nghiệp, lợi ích chúng sinh của thánh hiền mười phương, đối với thánh hiền mà tự thân sám hối, rửa sạch gan ruột, thì tội nào cũng diệt, chướng nào cũng mất. Người ta một đời như ngọn đèn rồi cũng tắt, sau khi tắt chuyển sinh đời tương lai, đời này làm nhiều điều ác, đời sau chịu nhiều khổ quả, khi đó, giàu có, nhiều của cải cũng chẳng cầu gì được.

316

TÔN GIẢ ĐỨC TỊNH NGỘ



Tôn giả Đức Tịnh Ngộ

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Ông căn tuệ hơn người, sùng tín Phật pháp, rộng làm việc thiện, bồi dày đức hạnh, sau khi xuất gia, tu tập thiền định, được giác ngộ thanh tịnh, mở tri kiến thanh tịnh, chứng quả Bồ đề. Ông thương chúng sinh mê lầm khổ não mà không biết đường về, tâm tính họ bị che lấp bởi cấu bụi, nên đã đi chu du khắp nơi thuyết pháp cho chúng sinh, khiến cho chúng sinh biết tự tính thanh tịnh, ngộ giải được diệu đế của Phật pháp, để thoát biến khổ mà được tự tại vắng sinh tịnh độ.



TÔN GIẢ VÔ CẦU TẠNG

Tôn giả là hóa thân của Hư Không Tạng Bồ tát. Đức của Hư Không Tạng rộng ban khắp nơi, mỗi phương một hóa thân. Hóa thân ông ở phương Bắc là Vô Cầu Hư Không Tạng Bồ tát, có đủ cùng công đức và trí tuệ của Hư Không Tạng. Tôn giả tâm tính như hư không, chứa hết công đức. Trong các đại Bồ tát, Quan Âm Bồ tát ứng với mặt trời, Đại Thế Chí ứng với mặt trăng, Hư Không Bồ tát ứng với Minh tinh (Thái Bạch Kim tinh, Tôn giả là hóa thân của Minh tinh). Theo *Đại tập kinh*, quyển 14, phẩm Hư Không Tạng: Hư Không Tạng Bồ tát như trưởng giả giàu lòng từ thiện, trong kho tàng có vô số tài sản, cho người không hề tính toán, người nghèo đến xin, tùy ý nghĩ gì thì đều đạt nguyện vọng, trưởng giả vô cùng hoan hỷ với chính mình. Bồ tát Hư Không Tạng đạt được lực thần thông của Phật, “trong hư không tùy nhu yếu của mọi người, nếu thí pháp, nếu thí tài của thì đều cho hết, đều được hoan hỷ”. Mỗi buổi tối, khi sao trời xuất hiện, nếu ai cầu Bồ tát Hư Không Tạng hoặc tụng niệm trước 5 tượng của ngài hoặc niệm 5 chữ Chân ngôn muôn nghìn vạn biến sẽ đạt thành tựu phú quý.



Tôn giả Vô Cầu Tạng

TÔN GIẢ HÀNG PHỤC MA



Tôn giả Hàng Phục Ma

Tức Bồ tát Hàng Phục Ma. Theo *Phật Danh kinh*, quyển 9: Thích Ca hướng đại đệ tử là Xá Lợi Phất liệt ra các Phật trên thế giới đang cùng kính quy mệnh, sau đó đưa ra “Nam Vô Kiến ái Thế giới Quán thế âm vương Như Lai quốc độ, Hàng Phục Ma Bồ tát, Sơn vương Bồ tát đứng đầu chư Phật”. Bồ tát Hàng Phục Ma vì có đủ pháp lực mà có tên gọi như vậy, ông có thể “lệnh được các thần phát Bồ đề tâm mà kế thừa công việc”. Trong Phật giáo, ý nghĩa của Ma rất nhiều, như *Bà Sa*

lược, quyển 42 ghi: “Cắt đứt tuệ mệnh gọi là Ma, thường hại tự thân gọi là Ma”. Ý nghĩa đặc biệt của Ma là chỉ đại lực, chuyên phá hoại người làm việc thiện, thậm chí đoạt mệnh người. Bồ tát Hàng Phục Ma chính là khắc tinh của các ma, không những tà ma khó xâm phạm mà còn có thể khiến các ma bỏ ác theo thiện.

TÔN GIẢ A TĂNG GIÀ

A Tăng Già tức Vô Trước, người nước Kiện Đà La, xuất thế vào thế kỷ IV-V nước Ấn Độ xưa, là nhà lý luận Phật



học nổi tiếng. Theo *Đại Đường Tây Vực ký*: Ông được trời ban cho tính thông tuệ, “thông tuệ kiến giải, theo gió mà ngộ đạo”. Sau khi xuất gia theo Sa di Tắc Bộ học tập Tiểu thừa Phật giáo, về sau chuyển học Đại thừa. Em ông là Thế Thân Bồ tát cũng là danh tăng nổi tiếng đương thời; đệ tử của ông là Tôn giả Sư Tử Giác đạo hạnh khó lường, Thế Thân và Sư Tử Giác biểu thị được giáo pháp. Nghe danh Di Lặc Bồ tát, thế là ông đang đêm bay lên trời, nghe Bồ tát Từ Thị (Di Lặc)



Tôn giả A Tỳ Đạt Ma

thuyết kinh, ban ngày lại về nhân gian, truyền thuật lại kinh nghĩa của Từ Thị Bồ tát cho Thế Thân và Sư Tử Giác. Ông lại đem kinh nghĩa Di Lặc viết thành sách *Du Già thập địa luận*, *Đại thừa A Tỳ Đạt Ma tập luận*, *Nhiếp Đại thừa luận*, sau sáng lập ra hệ phái Du Già. Đời Đường, Huyền Trang lấy kinh, mục đích là lấy *Du Già thập địa luận*, rồi dịch sang Hán văn, truyền bá Du Già vào Trung Quốc.

320

TÔN GIẢ KIM PHÚ LẠC

Dựa vào đức hạnh mà có tên. Kim Phú Lạc còn gọi Xá Phú Lạc. Người ta lấy giàu làm vui, trọn mệnh truy cầu giàu có, điều đó trong Phật giáo thật đáng cười, “tài dục” tham cầu giàu có được cho là một trong “ngũ dục”. *Trí độ luận*, quyển 17 ghi: “Buồn thay chúng sinh! Thường bị ngũ dục làm buồn mà cầu cũng không thôi. Năm thứ mong muốn đó, được thì



Tôn giả Kim Phú Lạc

chuyển, như lửa châm bệnh. Năm cái đó vô ích, như chó cắn đèn. Ngũ dục tăng tịnh như chim thêm thịt. Ngũ dục thiêu người như gió ngược cầm đèn lớn. Ngũ dục hại người như theo dấu rắn ác. Ngũ dục vô thực như gặp được mộng. Ngũ dục bất cứu như mượn trong chốc lát. Người đời ngu si tham vào ngũ dục, đến chết không thôi, đời sau sẽ chịu khổ vô lượng". Tôn giả tuy gia tài muôn quý giá mà bỏ hết xuất gia tu tập thiền định, cắt hết phiền não đạt được niềm vui an lạc.

321

TÔN GIẢ ĐỐN NGÔ

Danh tăng thời Nam Bắc triều, người Cự Lộc, Hà Bắc, họ Ngụy, sinh thời Đông Tấn năm Vĩnh Hòa 11 (355), xuất gia từ nhỏ, bái Trúc Pháp Thái làm thầy, pháp hiệu là Đạo Sinh. Đạo Sinh từng đi chơi ở núi Nam Lô, cầu học với danh tăng Tuệ Viên; học pháp 7 năm ở Nam Lô, ông lên phía Bắc Trường An vẫn đạo với Cưu Ma La. Sau đó ông lại cư trú ở chùa Thanh Viên - Kiến Nghiệp (Nam Kinh), viết *Nhị đề luận*, *Phật tính thường hữu luận*,...



Tôn giả Đốn Ngô



Ông lý luận rằng tu hành đến một thành quả nhất định thì trong tâm phát ra Đạo tâm Kim cương, vững bền sắc nhọn, loại trừ sạch những nghi hoặc trong người và chứng quả chính giác, thế gọi là đốn ngộ. Nhiều tăng nhân chú ý dấu mực kinh nghĩa nhận thấy, lý luận của Đạo Sinh là tà thuyết ngoại đạo, nên chẳng tin theo. Đạo Sinh tay không đi vào núi Hồ Khâu ở Bình Giang, lấy đá cứng làm học trò tuyển giảng học thuyết của mình. Khi nói đến chỗ uyên áo của đạo, Đạo Sinh hỏi đá: “Như ta nói, hợp với tâm ta quá”. Những hòn đá nghe ông thuyết pháp xong thì rất hoan hỉ. Năm Nguyên Gia thứ 11, triều Nam Tống, ông thị tịch.

322

TÔN GIẢ CHU ĐÀ BÀ

Tức Chu Đà, là tăng nước Ấn Độ xưa. Theo *Gia tàng Pháp hoa sớ nghĩa*, quyển 9: “Chu Đà nghĩa là Lạc, còn có nghĩa chỉ một con đường nhỏ”. *Pháp Hoa huyền tân*, quyển 8 ghi: “Chu Đà còn gọi Đà Noa”. Ý chỉ hàm nghĩa của tên ông. Chu Đà xuất sinh trong một gia đình họ Đề Tặc, sau quy y Phật pháp, khắc khổ tu hành, trở thành người nhân khí đáng trọng.



Tôn giả Chu Đà Bà

TÔN GIẢ TRỤ THẾ GIAN



Tôn giả Tru Thế Gian

Tôn giả đã tu hành vô lượng số kiếp, có đầy đủ phẩm hạnh và công đức để trở thành Phật, từng lên cõi Phật độ thiên giới nhưng lại nguyện thương trụ ở thế gian để giáo hóa chúng sinh, khiến cho thập phương thế giới quy y Tam bảo. Ông đủ bốn trí tâm phẩm, tức trí phẩm tính tròn đầy, bình đẳng, thành sự rồi quan sát trí phẩm. Trí phẩm quan sát hiểu sự hiển thị. Trí phẩm viên kính hiển hiện pháp thân của Tôn giả, để sáng tỏ 10 giới chúng sinh. Bình đẳng trí phẩm thể hiện báo thân của Tôn giả,

thể hiện ích lợi của đệ tử tu hành trong thế gian. Thành sự, Trí giả hóa thân để cứu hộ quá khứ, hiện tại, vị lai, ba địa ngục Ngạ quỷ, Súc sinh, A tu la,... khiến cho thoát ly khổ ải, chuyển sinh tịnh độ. Quan sát trí luận mà thuyết pháp, căn cứ theo cảnh ngộ về các ngu tình thú các thánh hiền không giống nhau mà mở ra nhiều cách giáo hóa, dẫn dụ không giống nhau.

TÔN GIẢ ĐĂNG ĐẠO THỦ

Tức Bồ tát Đạo Thủ. Theo *Phật Danh kinh*: Thích Ca liệt ngài vào một trong Bồ tát 10 phương đang lễ kính

quy mệnh. Phật giáo cho rằng, người ta đã sinh ra ở cõi phàm phu, duyên cơ vô vàn không thể tránh được, cuối cùng phạm vô số tội lỗi, nếu không sám hối thì chết rồi sẽ vào Địa ngục chịu vô vàn hình phạt, muốn sống không được, mong chết không xong, khổ vô cùng. Đang sống nên thành tâm quy y Phật pháp, lễ kính các thần Phật cùng các Bồ tát, sám hối tội lỗi của mình trước các vị thì tiêu tai tăng phúc, vãng sinh Cực lạc.



Tôn giả Đổng Đạo Thủ

325

TÔN GIẢ CAM LỘ PHÁP



Tôn giả Cam Lộ Pháp

Tôn giả vì muốn cầu được giải thoát đã vào núi sâu hái nhiều loại thuốc, qua bốn biển lấy vô kể nước thơm, rồi ngâm 1000 năm tạo thành nước Cam lộ, uống vào thì thân nhẹ, không già, sức khỏe tăng mà thân thể phóng ra ánh sáng, người ta gọi nước Cam lộ đó là thuốc không chết (bất tử). Tôn giả tuy đã bất tử nhưng vì thế gian bị vây khốn bởi phiền não và ưu sầu, do đó mà đối với thành tựu của mình ông chưa vừa ý, tiếp tục tìm cầu phương cách giải thoát tinh thần. Tôn giả quy y

Phật giáo, chuyên cần tu hành ngộ được chính quả, nhận thấy Phật pháp có thể khiến cho người ta thoát ly khổ não, cắt đứt buồn lo, bất sinh, bất diệt, thanh tịnh nhập vào Niết bàn, vượt qua mọi thuyết của ngoại đạo. Phật pháp phổ độ chúng sinh, trừ muôn khổ não, không tiền được nào có thể so bì. Do đó, Tôn giả gọi Phật pháp là pháp Cam lộ, giáng mưa Cam lộ cứu khắp chúng sinh, người được Cam lộ pháp thì thành đạo. Tôn giả nhờ có công tìm ra nước Cam lộ, nên được mang tên “Cam Lộ Pháp Tôn giả”.

326

TÔN GIẢ TỰ TẠI VƯƠNG



Tôn giả Tự Tại Vương

Tức Tự Tại Vương Bồ tát, thường nghe tinh diệu pháp giáo của Thích Ca. Theo *Duy Ma Cát sơ thuyết kinh*, *Tự Tại Vương Bồ tát kinh*: Phật cử hành hội thuyết pháp ở vườn Kỳ Thụ Cấp Cô Độc,... ông ở đó lắng nghe. Sau pháp hội, ông đề xuất với Phật đà: “Thế nào là Bồ tát Ma ha tát, trong Đại thừa pháp có hạnh Tự Tại mà vì người diễn thuyết pháp đó, lấy lực tự tại hàng phục ma quỷ, tăng thượng mạn cùng các ngoại đạo tham trước, khiến ở Đại thừa, dù đại nguyện, thành tựu

giới hạnh, được A Nậu đa la Tam Miếu Tam Bồ đề?”. Phật thuyết giảng rất cận kề với ông và các Tỳ kheo, Bồ tát về lý của đạo giải thoát. Tự Tại Vương Bồ tát hoan hỷ thụ trì. Ông nhờ có trí tuệ mà đạt được thành tựu, hiểu được thâm

nghĩa vô cùng của các pháp, tiếng vang cao xa tới núi Tu Di, lòng tin vững bền như Kim Cương, pháp báu phổ khắp chúng sinh như mưa Cam lộ, là thầy thuốc khéo chữa các bệnh cứu độ chúng sinh.

327

TÔN GIẢ TU ĐẠT NA

Là tiền thân của Phật tổ Thích Ca, kiếp này chuyển sinh làm Thái tử vua nước Hiệp Ba, từ nhỏ đã làm việc thiện, tu tập theo bố thí hạnh của Phật giáo. Ông bố thí hết châu báu của nước nhà, lại lấy quốc bảo của vua cha (lấy từ nước Bạch Tượng) trả lại cho nước đó. Vua cha tức giận dầy ông ra nước ngoài để cho ông thấy cuộc sống khổ nhọc mà thay tâm đổi tính. Tu Đạt Na cùng vợ con đi trên xe ngựa. Trên đường ông đem xe và ngựa cho một vị tăng Bà La Môn, lại đem hai con gái cho người



Tôn giả Tu Đạt Na

khác. Cuối cùng gặp một tăng Bà La Môn vừa xấu vừa nghèo liền đem vợ cho, mà lòng không hối tiếc. Người đó đem vợ của ông đi được 7 bước thì quay lại trả vợ cho ông, vốn người đó là thiên thần hóa thành, để thử nghiệm ông xem có phải là người rộng lòng bố thí. Vua cha nghe vậy, phái người đón ông về nước, chuộc hai đứa con của thái tử về. Nước địch nghe việc Tu Đạt Na thì rất cảm động, đều hồi tâm hướng thiện, trả châu báu cho nước Bạch Tượng, hai nước hài hòa tin hảo, không còn chiến tranh, muôn dân yên lành.

TÔN GIẢ SIÊU PHÁP VŨ



Tôn giả Siêu Pháp Vũ

Tức Bồ tát Pháp Vũ. Nghe Phật thuyết giảng vô thượng diệu pháp. Theo *Phật thuyết quyết định tổng trì kinh*: Phật cử hành hội thuyết pháp ở núi Kỳ Xà Quật, ông cũng đến nghe. Bồ tát thông biến tuệ, nắm được pháp tạng, đối với thay đổi tâm ý của chúng sinh thì rất hiểu, giỏi dẫn dụ cho người đời thoát khỏi đường mê lầm, phá giải bó buộc trong lòng chúng sinh, như mưa thấm nhuần tâm điền chúng sinh. *Pháp Hoa kinh*, *Phổ Môn phẩm* ghi: “Mưa Cam lộ, diệt hết phiền não”. *Niết bàn kinh*, quyển 2 ghi: “Mưa pháp vô thượng tươi khắp ruộng thân khiến cho pháp mạnh sinh”.

TÔN GIẢ ĐỨC DIỆU PHÁP

Là danh tăng thời kì Tam quốc, pháp hiệu là Khang Tăng Hội, người nước Khang Cư (nay có lẽ là vùng Ba Nhĩ Các Thập Hồ và Hàm Hải). Tổ ở Ấn Độ, theo cha đi buôn, qua Giao Chỉ (Bắc Bộ - Việt Nam). Cha mẹ chết, ông theo học Phật giáo, cùng thông ba tạng sáu kinh Phật điển, các phép thiên văn, sấm vĩ, bói toán ông đều thông tỏ. Năm Xích Ô thứ 10 (247),

ông đến Kiến Nghiệp - kinh thành của Đông Ngô (Nam Kinh), hoàng dương Phật pháp. Vua Ngô là Tôn Quyền thích đạo thuật nên đã cùng ông đàm đạo về yếu nghĩa của Phật pháp thâm diệu, cho lập chùa Kiến Sơ, mệnh cho Tăng Hội ở đó giảng kinh truyền pháp. Khang Tăng Hội ở đó giảng *Lục Độ Tập kinh*, *Tập Thí Dụ kinh*, lại chú thích *An Ban Thủ ý kinh*, *Pháp Kinh kinh*, *Đạo Thụ kinh*,... dịch từ Phạn ngữ sang Hán ngữ để giới thiệu trên đất Hán. Niên hiệu Thái Khang nguyên niên đời Tấn, tức năm 280, ông thị tịch. Khang Tăng Hội là tăng nhân nổi tiếng truyền giáo khá sớm ở đất Hán.



Tôn giả Đức Diệu Pháp

330

TÔN GIẢ SĨ ƯNG CHÂN



Tôn giả Sĩ Ưng Chân

Tức La Ma A La hán. Ưng Chân là cách dịch cổ của từ A La hán, nghĩa chỉ sự ứng chịu cho chân nhân cõi người và cõi trời cùng dàng. *Xuất Tam Tạng ki*, quyển 1 ghi: “Kinh cũ không có quả, cũng ứng chân, cũng ứng nghị, kinh mới là A La hán”. Sĩ dịch từ chữ Phạn “La Ma” cũng dịch là vui vẻ, tốt lành. Theo *Bản hạnh tập kinh*, quyển 26 ghi: La Ma vốn là vị vua, sau quy y Phật giáo, rộng

trông ruộng phúc, cuối cùng chứng quả vị A La hán, cho nên gọi là La Ma A La hán, Hán ngữ dịch là Sĩ Ưng Chân, cũng dịch là Thiện A La hán.

331

TÔN GIẢ KIÊN CỐ TÂM



Tôn giả Kiên Cố Tâm

Tôn giả tâm không biến động nên có tên gọi là Kiên Cố Tâm. Theo *Đại tỳ lô Già na thành Phật thần biến kinh*, quyển 2: Ông này là Bồ tát thuộc hạ của Bắc phương Địa tạng Phật. Tôn giả tôn trọng chư Phật, sùng kính Phật pháp, thông hiểu kinh điển, toàn thân chuyên vào Phật pháp, phổ biến biến công đức cho chúng sinh, dẫn dắt chúng sinh đến con đường thanh tịnh, an lạc. Khi ông thấy người cô độc thì lòng từ bi sinh khởi, khi thấy tín đồ ngoại giáo thì vì họ mà thuyết pháp, khi thấy người hưởng vinh hoa thì vì họ tâm sinh hoan hỷ, khi chịu bức bách hổ nhục thì kiên cố tâm Bồ tát, không buồn không ngu si. Bất kể ở đâu, ông đều lấy trí tuệ của mình khai ngộ cho chúng sinh, trong tu hành vĩnh viễn không mỏi, mà tinh tiến.



TÔN GIẢ THANH HƯỜNG ỨNG

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Phật giáo khiến cho chúng sinh hiểu được các pháp đều Không, đề xuất “thập duyên sinh cú” để làm thí dụ, duyên thứ 6 gọi là “Hưởng”, tức là âm hưởng từ hang sâu trong núi vọng lại. Một người ở đáy hang kêu to, thì có bao nhiêu âm thanh từ bốn phía cộng hưởng, âm thanh phản hồi lại như thật, tất cả cứu cánh như ảnh trong gương, trắng trong nước, huyền mộng, nhà trên biển. Thanh Hưởng ứng Tôn giả nhận nghe được âm thanh từ động mà đốn ngộ, chứng thành chính quả, để thí dụ cho chúng sinh, hy vọng chúng sinh đều được giải thoát.



Tôn giả Thanh Hưởng Ứng

TÔN GIẢ ỨNG PHÓ CÚNG

Rộng chịu cúng dàng của trời, người, rộng ban ruộng phúc cho chúng sinh, gọi là Ứng cúng, người ứng cúng là Phật, tức thành Phật gọi là Ứng Phó Cúng. Tôn giả được coi như người thầy dẫn dắt của chúng sinh, người chưa độ thì độ, chưa giải thì giải, chưa yên được yên, chưa vào Niết bàn thì được vào Niết bàn. Ông thường đứng bất động, năng



Tôn giả Ứng Phó Cùng

chân thì chúng sinh được ích lợi. Đi về Nam 7 bước cho chúng sinh ruộng phúc tối thượng; đi về Tây 7 bước cho chúng sinh thọ không già; đi về Bắc 7 bước cho chúng sinh thoát khỏi vòng khổ; đi về Đông 7 bước dẫn dụ chúng sinh trên đường thành Phật, cắt đứt ma tính phiền não; lên trên 7 bước khiến cho thế gian không bị nhiễm bẩn; xuống 7 bước khiến mưa pháp dập tắt lửa mạnh dưới địa ngục đem lại cho chúng sinh sự yên ổn an lạc.

334

TÔN GIẢ TRẦN KIẾP KHÔNG

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Trần Kiếp tức Trần Điểm Kiếp. Theo *Phật kinh*: Trần Kiếp có hai loại: Một, tên là “Tam thiên trần điểm kiếp”, tức là 3000 đại thế giới như một điểm đều đen, mà tất cả thế giới đều vỡ tan ra thành muôn bụi trần, một bụi trần là một kiếp. Hai là “Ngũ bách trần điểm kiếp”, tức là mỗi 500 trần điểm kiếp trong Tam thiên thế giới thành hạt bụi, thế giới phá tan như hạt bụi gọi là một kiếp. Trần Kiếp biểu thị một khoảng thời gian rất



Tôn giả Trần Kiếp Không



chậm. Trong thời gian chậm đó, Tôn giả Trần Kiếp kiên tâm cúng phụng chư Phật, chuyên cần tu hành, liễu ngộ các pháp cứu cánh, tất cả đều Không, để đến giải thoát, được tự tại, không nơi nào không ở, ánh mắt chiếu khắp nơi.

335

TÔN GIẢ QUANG MINH ĐẰNG

Tức Quang Minh, đã chứng quả vị Bồ tát. Bồ tát lòng cùng Văn Thù Bồ tát cung kính lễ bái chư Phật thế gian, họ ở trong bảy tầng trời đi khắp thế giới 10 phương, chỉ thấy phân thân Phật của Thích Ca mà không thấy Phật khác, thế là trở về ngoài trời Như Lai thiên giới. Thích Ca nói với các Bồ tát: Phật quá khứ đã từng diệt độ, vị lai chưa sinh, hiện tại đã không trụ thế gian, nên chỉ còn dựa vào Bồ tát các người đi giáo hóa chúng sinh.

Thích Ca lại nói với mọi người: Các người nên tu hành Phật pháp, kiên cố Phật tâm không thoái chuyển, để tự mình đạt được trí tuệ vô thượng, rộng thuyết pháp cho chúng sinh. Thích Ca cảnh tỉnh các đại Bồ tát, hiện không có Phật trụ thế gian không vì thế mà khiến Phật pháp suy đồi, cần khuyên cho chúng sinh kiên cố Phật tâm, khiến chúng sinh coi trọng chùa chiền, tôn kính tăng nhân xuất gia, không phỉ báng hiền trí đại đức, mãi tôn trọng Phật pháp. Quang Minh lĩnh hội ý Phật, rộng nói Phật pháp như đèn trời chiếu khắp thế gian.



Tôn giả Quang Minh Đẳng

TÔN GIẢ CHẤP BẢO CỤ



Tôn giả Chấp Bảo Cụ

Tức Bồ tát Chấp Bảo Cụ. Theo *Chú Duy Ma Cật kinh*, quyển 1: “Bồ tát Chấp Bảo Cụ cầm đèn bấu lớn trừ u tối cho chúng sinh”. Như vậy, Bồ tát nhờ có đức hạnh mà được gọi tên như vậy, đèn bấu lớn chính là chỉ trí tuệ lớn, có thể chiếu thấu tâm trí chúng sinh, trừ đi phiền não, ưu sầu, hắc ám vây bủa trong lòng chúng sinh. Bồ tát lấy đại từ bi phổ cứu 10 phương thế giới, tâm trí như bầu trời rộng bao la, như biển lớn vô bờ, ông an trú bất động như núi Tu Di, không nhiễm như hoa sen, trong ngoài thanh tịnh như ngọc Ma ni, quang âm như ánh sáng vàng. Trí tuệ của ông như đèn sáng muôn nơi, vì chúng sinh chiếu sáng con đường cực lạc.

TÔN GIẢ CÔNG ĐỨC TƯỚNG

Tức Công Đức Tướng Nghiêm, nhờ lấy việc quán tâm tính, dù hết pháp thân trang nghiêm mà được gọi tên như vậy. Ông đã chứng quả vị A La hán, ở nước Phật A Di Đà. Theo *Thất Phật bát Bồ tát sở thuyết đại đà la nơi thân chủ kinh*, quyển 2: Công Đức Bồ tát từng giảng cho chúng sinh 10 đại diệu hạnh: 1 là, rộng ban phúc từ bi cho chúng sinh; 2 là, ôm ấp tất cả như

cha mẹ thương con; 3 là, tích đức hành thiện, không mệt; 4 là, chuyên cần tu hành, lấy tuệ hóa người; 5 là, hành thập thiện hạnh, chuyển giáo chúng sinh; 6 là, trì giới, như minh châu; 7 là, ba nghiệp thân, khẩu, ý lấy từ bi làm gốc; 8 là, làm việc lấy cứu độ làm đầu; 9 là nói pháp cho chúng, vì điều vui hòa, không trái ý; 10 là, thường đi khắp các nước làm đại quốc sư. Bồ tát Công Đức Tướng giảng thuyết 10 điều hạnh, sau trở thành mẫu mực cho tăng nhân tu theo hạnh Bồ tát.



Tôn giả Công Đức Tướng

338

TÔN GIẢ NHẪN SINH TÂM



Tôn giả Nhẫn Sinh Tâm

Là người có đức hạnh nổi tiếng. Trong đạo Phật, “nhẫn” có hai ý nghĩa: 1 là, nhẫn nại trước cảnh trái ngược mà không giận; 2 là, chỉ an trú ở đạo lý mà tâm không động. Nhẫn Sinh Tâm Tôn giả ở chốn Phật không thích, ông kiên trì một chữ “nhẫn”, mà đối với sự lăng mạ của chúng sinh không hề giận, đối với tín ngưỡng Phật pháp kiên trì giữ gìn, không dao động. Dưới cảm thụ của một nhân cách khác Phật giáo, ông từng bước nhận được sùng tín và tôn trọng của mọi người.

TÔN GIẢ A THỊ ĐA



Tôn giả A Thị Đa

Trước khi Phật tổ nhập Niết bàn, chúng sinh muốn lưu Phật ở lại thế gian, nếu không họ không được hộ trì, hết sức khổ sở. Phật thấy thế nên phái 16 đại A La hán mãi ở thế gian, diệt trừ khổ nạn. Sau khi sắp xếp Phật nhập Niết bàn. A Thị Đa là vị thứ 15 trong 16 vị La hán đó, thuộc 1.500 La hán ở núi Thấu Phong. Tất cả vua, quan, trưởng giả,... ở thế gian nếu gặp tai nạn thành tâm phát nguyện, bày đại hội bố thí ở bốn phương, trên hội bày đủ toạ cụ toạ ngoạn thượng

đăng, y phục, thuốc men, đồ uống ban cho các tăng ở thế gian. Khi đó, 16 vị A La hán cùng các tăng thụ cùng dâng hội khiến cho thí chủ được báo quả vô thượng, hộ trì Phật pháp, làm nhiều điều ích lợi cho chúng sinh sinh hữu tình.

TÔN GIẢ BẠCH HƯNG TƯỢNG

Tức là Bạch Hưng Tượng Bồ tát. *Duy Ma Cật* sở thuyết kinh chép người cùng nghe. Cái gọi là người cùng nghe là chỉ các bậc Tỳ kheo, Bồ tát đứng đầu trong kinh, là những người cùng nghe pháp. *Pháp Hoa văn cú*, quyển 1 chép: “Cùng



nghe có ba, Thanh văn, Bồ tát và tạp chúng”. Bồ tát thường trực tiếp nghe Phật Đà xiển dương diệu lý Phật pháp. Nguyên do được tên, theo *Duy Ma kinh* nghĩa sở, quyển 1 “Bạch Tượng Hưng, hưng bậc nhất, đại sĩ thân hưng cũng vậy”. *Thập trụ Tỳ Bà sa luận*, quyển 5 liệt kê người đời “đều nhớ niệm, cung kính lễ” các vị Bồ tát, trong đó có Bạch Hưng Tượng Bồ tát, ông hay hộ trì chúng sinh. Bồ tát thường tuyên giảng Phật pháp, tiếng như sấm rền, như hổ gầm, đi vào lòng người, trừ bỏ phiền muộn trong tâm; âm thanh lại như âm nhạc, như Cam lộ tưới khắp chúng sinh cho tâm thanh tịnh.



Tôn giả Bạch Hưng Tượng

341

TÔN GIẢ THỨC TỰ SINH



Tôn giả Thức Tự Sinh

Tức là Đại Bạch Quán Tự Tại Bồ tát. Người xuất gia cầu đạo Tôn giả có thể tự biết tiền trình sinh vào vị lai. Theo *Kim Cương đỉnh Du Già Thiên thủ thiên nhãn Quán tự tại Bồ tát tu hành nghi quy kinh*, quyển hạ: Tăng chúng tu luyện Du già chân ngôn, nếu nghĩ tới tu luyện thành tựu như thế nào, nếu lấy áo che mặt trước khi ngủ, tay phải xoa mặt, cùng tụng niệm *Đại Bạch chân ngôn* 21 biến,

nằm nghiêng, trừ bỏ tạp niệm, chỉ có quán tưởng Đại Bạch Quán Tự tại Bồ tát, sau khi ngủ càng nhập vào giấc mộng. Nếu mộng gặp người già, vua, thiếu nữ áo trắng, hoa, quả,... các điềm báo tốt lành thì dự báo tiền đồ cát tường. Nếu mộng gặp kẻ xấu, vật không lành,... thì tiền đồ gặp chướng ngại ngăn trở.

342

TÔN GIẢ TÁN THÁN NGUYỄN



Tôn giả Tán Thán Nguyễn

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Tán Thán tức là xưng tán đức tốt đẹp. *Văn Cú*, quyển 2: “Phát lời gọi tốt đẹp gọi là tán thán”. *Hành Sự* sao, quyển hạ thứ 3, ghi: “Đẹp đẽ công đức gọi là tán, nói lời không đủ gọi là thán”. Phật giáo cho rằng, tán thán các Phật là một pháp môn tu hành. Xưa, khi Thích Ca với Di Lặc cùng tu hạnh Bồ tát, cùng thấy Phát Sa Phật vào lửa mà phóng ánh sáng. Thích Ca bước lên làm kệ tán thán, 7 ngày 7 đêm, do đó Thích Ca vượt Di Lặc 7 kiếp mà

thành Phật, sau mới thấy trọng yếu của tán thán. Tôn giả Tán Thán Nguyễn phát thệ nguyện tu trì “Tán thán cúng dàng chính hạnh”, tức là tâm tán thán cúng dàng Di Đà Phật mà thành chính quả A La hán.



TÔN GIẢ ĐỊNH PHẬT LA

Tức Phật Nhà Đa La, người nước Kế Tân, xuất gia từ nhỏ, nhờ giữ giới nghiêm cẩn mà được tiếng ở đời. Ông thông hiểu các kinh điển Phật giáo, đặc biệt là *Thập tụng luận*, người đương thời đều nhận thấy, ông đã đạt được chính quả Bồ đề Niết bàn chân chính. Hậu Tần, Hoàng Thủy năm đầu, ông vượt đường dài tới Trung Quốc, Hậu Tần hoàng đế tiếp ông tại Trường An, lấy lễ thượng khách đãi ông. Quốc sư Diêu Hưng, tặng nhân Quy Tư là La Thăng hâm mộ



Tôn giả Định Phật La

giới hạnh của ông hết lòng sùng kính. Khi đó, kinh pháp Phật giáo tuy đã thâm nhập vào Trung Nguyên, nhưng phương diện nội dung luật tạng thì chưa được truyền bá, biết Phật La thông luật tạng, vua tòi Hậu Tần, tăng tục càng kính trọng ông. Tháng 10 năm Hoàng Thủy thứ 6 (404), vua cho tập tụ hơn trăm tăng nhân, dịch kinh ở chùa tại Trường An, xin *Phật Đa tụng Thập tụng luật* bằng văn Phạn, sai La Thập dịch thành Hán văn. Tiếc là kinh đó mới dịch được 2 phần 3 thì ông viên tịch, nghiệp lớn chưa thành mà thợ tốt chết, tăng tục, các chúng buồn đau khôn lường. Phật La đến phương Đông, khiến cho luật tạng Phật giáo lưu truyền ở Trung Nguyên.

TÔN GIẢ THANH DẪN CHÚNG



Ton giả Thanh Dẫn Chúng

Tên của ông được gọi theo đức hạnh. Theo *Thiên Thai Duy Ma kinh* số, quyển 2: “Bồ tát quan sát lục căn chúng sinh biết căn nào chủ lợi, nếu nhĩ căn chủ về lợi thì dùng âm thanh nói chuyện Phật”. Tôn giả chăm tu hành, tinh thông Phật pháp, có được thần thông, lại lấy Phật pháp cứu chúng sinh thoát khỏi bể khổ, dùng âm thanh diễn tấu pháp để tế độ chúng sinh. Âm thanh của ông cảm dẫn vô số chúng sinh quy y Phật giáo, sám hối nghiệp ác, tu thiện, vãng sinh tịnh độ.

TÔN GIẢ LY TỊNH NGŨ

Theo *Đại Tập kinh*, quyển 10: “Tu Di nói chán động, không nói Phật có hai lời, lời thực, chân ngôn cùng tịnh ngữ”. Lời của Phật là chân thực không sai, tức lời thanh tịnh. Tôn giả sinh ở đời không Phật, không có âm thanh của Phật, học pháp không thấy, nghi vấn không bận. Nhưng, tiền thân của Tôn giả sinh ở đời có Phật, thích nghe Phật pháp, cần mẫn tư duy, tuy nhiên chưa đạt quả

vị mà Phật tính đã đầy. Chuyển sinh không có Phật thân, Phật ngữ mà Tôn giả tâm tính tịch tĩnh, không nguyện ở cùng thế tục, quan sát trời đất chuyển vần, bốn mùa thay đổi, hoa rụng lá bay, nơi nơi có đạo, nơi nơi chân đế, rồi khoát nhiên liễu ngộ, đạt thánh quả, chứng quả A La hán.



Tôn giả Ly Tịnh Ngữ

346

TÔN GIẢ CƯU XÁ TÔN



Tôn giả Cưu Xá Tôn

Tức Cưu Xá Bồ tát. Theo *Thập trụ Tỳ Bà sa luận*, quyển 5: Chúng sinh muốn thành tựu A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề phải chuyên tâm niệm danh hiệu các vị đại Bồ tát, trong đó có cả Cưu Xá Bồ tát. *Phật Danh kinh*, quyển 16 cũng liệt Bồ tát này là một trong những Bồ tát được kính lễ. Theo kinh Phật, chúng sinh không quản giàu nghèo, sinh ở cõi phàm phu thì đều có muôn tội, hoặc nhân có nghiệp mà sinh tội, hoặc theo 6 căn mà phạm lỗi, hay trong lòng có tà kiến, tạp

nhiệm ngoại cảnh, tất cả đều nằm trong 10 điều ác. Nhân đó, chúng sinh hướng Cưu Xá Tôn Bồ tát thì lễ sám hối, thành tâm quy y, rộng trồng ruộng phúc sẽ diệt hết được các tội, sinh quả phúc vô lượng.

347

TÔN GIẢ ÚC ĐA LA



Tôn giả Úc Đa La

Tôn giả là tiền thân của Phật tổ. Tại thời vô pháp xa xưa, nước Ba La Nại có 500 vị tiên, Úc Đa La là thầy của các vị đó. Ông mong cầu pháp chân chính tu luyện nên phát thệ, nếu ai truyền thụ chính pháp cho ông thì sẽ làm tất cả yêu cầu của người đó. Có vị Bà La Môn nói với ông: Ta có tu hành chính pháp, có thể truyền thụ cho người. Để biểu thị được thành ý của người, chỉ cần cắt da người làm giấy, lấy máu làm mực. Ông thương chúng sinh đau khổ nhiều nạn, nghe xong điều kiện thì đồng ý, cắt da, róc xương, lấy máu làm mực. Vị Bà La Môn viết kệ cho ông: “Thường giữ thân tu hành, không trộm cắp, tà dâm. Không hai lưỡi ác miệng, nói sai cùng nói dối. Tâm không tham các dục, không tưởng sân, khước, độc. Bỏ hết các tà kiến, đây là Bồ tát hạnh”. Nghe kệ xong, ông truyền thụ lại cho quốc dân nước Ba La Nại, dạy họ tụng đọc, cùng tự tu hành. Trong nước do đó không còn ưu sầu, ngập tràn niềm vui.

348

TÔN GIẢ PHÚC NGHIỆP TRỪ

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Theo *Tăng Nhất A*



Hàm kinh: Phúc Nghiệp có ba: 1 là, Thí phúc nghiệp ban cho người cần cùng, do thí ban mà đạt được phúc lợi xuất thế; 2 là, Bình đẳng phúc nghiệp, lấy tâm từ bi yêu mến tất cả chúng sinh mà được phúc lợi; 3 là, Tư duy phúc nghiệp, lấy trí tuệ tư duy quán sát pháp xuất ly, tức nghiệp xuất thế phúc thiện. Chuyên cần tu phúc nghiệp được phúc báo, hưởng thụ lợi lạc trong cõi người, trời. Nhưng, phúc nghiệp lại thuộc thiện nghiệp của dục giới, trái với nó là không phúc nghiệp, tức không thiện nghiệp ở dục giới. Tôn giả bắt đầu tu phúc nghiệp, lại vượt lên trên phúc nghiệp, tức thiện nghiệp của sắc giới, vô sắc giới, cuối cùng tâm chú vào thiền định thâm diệu.



Tôn giả Phúc Nghiệp Trừ

349

TÔN GIẢ LA DƯ TẬP



Tôn giả La Dư Tập

Tôn giả này giỏi trừ bỏ bụi thừa của các cao tăng thế tục trong Phật giáo. Phật giáo xem Tham, Sân, Si là 3 độc của thế tục. Tham độc khiến người tích lũy không chán, Sân độc khiến người dễ phẫn nộ, Si độc khiến tâm tính ám muội. Các Phật tu hành đã lâu, tâm tính thanh tịnh, tam độc thế tục đã trừ hết. Một số cao tăng, La hán tuy đã dứt hết phiền não nhưng vẫn còn cấu nhiễm của thế tục, như

hương liệu trong khí huyết vẫn còn; lại như củi, củi trong bếp lửa cháy mà tro vẫn còn. Đệ tử của Phật tổ là Xá Lợi Phất có *Sân khuê dư tập*, Tất Lãng Già Sai có *Mạn dư tập*. Tôn giả La Dư Tập tâm chứa lửa trí tuệ, diệt trừ hết cấu nhiễm của Cao tăng, La hán, trừ hôi hám phiền não, làm sáng thêm trí tuệ, khiến cho tăng tục, đại chúng thân tâm thanh tịnh, tăng thêm Phật tính.

350

TÔN GIẢ ĐẠI DƯỢC TÔN



Tôn giả Đại Dược Tôn

Tức Đại Dược Bồ tát, còn có tên gọi khác là Đại Dược vương tử. Theo *Thập trụ Tỳ Bà sa luận*, quyển 5: Chúng sinh niệm danh hiệu các Bồ tát có thể thành tựu A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề. Lại theo *Đại Bảo Tích kinh*, quyển 110: Tôn giả Đại Dược Tôn là 1 vị Phật trong 7 vị Phật thời quá khứ. Tỳ Bà Thi Phật gieo nhiều thiện căn, sau 500 năm đầu thai vào một nhà ngoại đạo, thân là ngoại đạo, nhưng lòng ông hướng Phật pháp, thường niệm ý nghĩa “Thức”, tiếc là cuối cùng không hiểu “Thức” của tương lai. Ông ngưỡng vọng Phật pháp như đói tìm ăn khát tìm uống, thường sợ Phật nhập vào Niết bàn mà mình chưa được nghe chính pháp, ngu muội vô tri, không biết thiện ác, mê hoặc chuyển sinh vào cõi ác thú. Trong một pháp hội, ông thành tâm cầu giáo với Phật. Phật giảng giải tận kẽ cho ông, cho ông phá bỏ nghi hoặc, đạt được giải thoát.

TÔN GIẢ THẮNG GIẢI KHÔNG

Cao tăng đời Tống, tổ tiên quê ở Hoa Đình, họ Thích, pháp hiệu là Khả Quan, hiệu là Giải Không, tên tự là Nghi Ông. Ông học pháp cần khổ, 16 tuổi thụ Cụ túc giới. Đương thời, Thiên Thai tông có một cao tăng tên là Tri Lễ, ông này học thức uyên thâm, tiếng vang khắp vùng Giang Triết. Khả Quan Giải Không bèn đến làm người nối pháp cho Tri Lễ, học nghiệp rộng khắp rồi được truyền y bát, thành tổ truyền thừa đời thứ 4 của Tri Lễ.

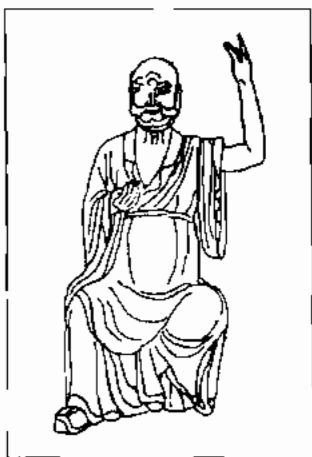
Ông từng qua Hồ Châu, cùng danh tăng Tuệ Giác nghiên cứu Thiền lý, tụng kinh không kể ngày đêm, trân trọng Phật điển, xem sách vở thân thiết. Năm đầu Kiến Viêm, ông trụ trì chùa Thọ Thánh trên núi Tứ Minh, năm Thiệu Hươg nguyên niên, ông trụ trì tại viện Hồ Đức, năm Càn Đức thứ 7, ông trụ trì tại chùa Thiên Thai. Năm Thuần Hy thứ 9 viên tịch, thọ 91 tuổi.



Tôn giả Thắng Giải Không

TÔN GIẢ TU VÔ ĐỨC

Tôn giả nhờ có đức hạnh mà được nổi danh. Vô Đức tức là không công đức. Theo *Ngũ Đẳng hội nguyên*, quyển 1:



Tôn giả Tu Vô Đức

“Đạt Ma gặp Lương Vũ Đế, Vũ Đế hỏi: “Trẫm dựng chùa độ tăng, có công đức gì không?” Đạt Ma nói: “Không công đức”. Tôn giả Tu Vô Đức sinh trong thời thịnh hành Phật pháp, ông thấy chúng sinh chỉ biết dựng chùa, đắp tượng độ tăng để cầu phúc lợi, mà không biết cầu độ giải thoát ở tinh nghĩa Chân đế của Phật pháp nên lòng sinh thương xót, bèn không cầu công đức mà vì chúng sinh dẫn dụ giải thoát, con đường Bồ đề trong lòng vậy.

353

TÔN GIẢ HỖ VÔ TRƯỚC

Pháp hiệu là Văn Hỷ, được ban hiệu là Vô Trước, là cao tăng cuối thời Đường, người Gia Hòa, họ Chu. 7 tuổi, ông xuất gia, học tứ phần luật, sau bài Tịch Không thiền sư ở núi Đại Từ làm thầy. Thiền sư khuyên ông đi thăm hỏi danh tăng khắp chùa chiền chốn danh sơn. Đường ý Tông, niên hiệu Hàm Thông năm thứ 3 (862), Văn Hỷ đến Quan Âm Viện Hồng Châu gặp Ngưỡng Sơn Đại sư, được Ngưỡng Sơn giảng pháp thu được nhiều ích lợi. Văn Hỷ được giao việc quản lý



Tôn giả Hổ Vô Trước



toàn bộ tăng chúng của cả chùa, một ngày nọ có tăng đến xin trai phạn (cơm chay), mà trai phạn đã chia hết, Văn Hỷ chia phần của mình cho. Ngưỡng Sơn nghe việc đó rất tán dương ông. Cuối đời Đường, quân Hoàng Sào đánh Giang Nam, Văn Hỷ tránh loạn đến chùa Nhân Vương ở Hồ Châu. Đường Hỷ Tông niên hiệu Quang Khải năm thứ 3 (887), vua Ngô Việt là Tiền Lưu mời ông trụ trì chùa Long Tuyền. Năm Đại Thuận nguyên niên (890), Đường Chiêu Tông ban cho ông cà sa màu tía. Năm Càn Ninh thứ 4 (897), Chiêu Tông ban hiệu cho ông là “Vô Trước”. Tháng 10 năm Quang Hóa thứ 3 (900), Văn Hỷ Vô Trước Đại sư thị tịch, trước khi viên tịch, ông có bài kệ rằng: “Tâm tam giới đều là Niết bàn”. Nói xong, ngồi ngay mà hóa, khi đó ánh sáng chiếu khắp chùa Long Tuyền.

354

TÔN GIẢ NGUYỆT CÁI TÔN

Người nước Tỳ Xá Ly - Ấn Độ.
Theo *Thỉnh Quan Thế Âm Bồ tát*
Tiêu phục độc hại Đà la ni chú
kinh: Có một năm, nước Tỳ Xá Ly
phát sinh bệnh dịch, nhân dân đều
bị chứng mất đồ như máu, hai tai
chảy mủ, mũi chảy máu, lưỡi không
nói nên lời, không ăn được gì, hỗn
loạn như người say. Đồng thời, còn
có 5 Dạ xoa, tên gọi là Ngạt Nát Ca
La, mặt đen như mực, có 5 con mắt
dài, răng đều cao lên, chuyên môn
hút tinh khí người ta. Nguyệt Cái



Tôn giả Nguyệt Cái Tôn

xem nỗi thống khổ của nhân dân như nỗi khổ của mình, để hiểu nạn cứu khổ, ông suất lĩnh 500 trưởng giả thành giáo Thích Ca, thỉnh cầu Phật từ bi cứu độ, cứu khổ nạn cho chúng sinh. Phật đã cho họ ngũ thể quỳ đất, lễ bái Tây phương Tam thánh, tức A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ tát, Đại Thế Chí Bồ tát. Các vị Bồ tát đều lễ kính, Tây phương Tam thánh bèn thị hiện thân ở nước Tỳ Xá Ly, phóng đại quang minh, mặt đất rạng sắc vàng. Người nước này đều chuẩn bị nước, ghé đầy đủ cho Quán Thế âm, Quán Thế âm rưới nước Cam lộ, ôn dịch được trừ, Dạ xoa đều hết. Phật Đà và Quán Thế âm lại truyền thụ cho đại chúng “ngũ chú” độ hết thầy khổ ách.

355

TÔN GIẢ CHIÊN ĐÀN LA



Tôn giả Chiên Đàn La

Thời xa xưa, một vị vua tên là Chiên Đàn La phát nguyện giết hết con trai con gái của chủng tộc Thích Ca. Theo *Nhân Vương kinh* số quyển, thượng: Khi đó ở trong núi có một vị tiên, ông ta có thể nhìn thấy mọi việc trong thiên hạ, thấy tộc Thích Ca sắp bị diệt, nên rất thương xót, bèn đem một bé trai giấu ở phủ tiên. Chiên Đàn La biết việc như thế, nhân lúc tiên nhân không ở phủ liền thả cho cậu bé trốn thoát, dùng năng đốt. Cậu bé họ Thích Ca khi sắp chết thì được

vị tiên cứu, dùng thần thông giấu cậu ta vào sừng trâu ở ruộng mía, do đó mà họ Thích Ca không tuyệt hậu. Vua



Chiên Đà La làm nhiều việc ác, đời sau ông bị đày vào ngục, thân mặc áo bẩn, mặt chịu nhơ nhớp,... không thanh tịnh. Sau khi Phật tổ thành Phật, truyền thế của Chiên Đà La vương quy y Phật pháp, cải đổi tội ác xưa, rộng làm việc thiện. Phật tổ thấy Chiên Đà La cải ác làm thiện, rất vui, không tính thù xưa, cho ông ta làm hộ pháp, cuối cùng chứng quả vị A La hán.

356

TÔN GIẢ TÂM ĐỊNH LUẬN

Tôn giả nhờ có đức hạnh mà được nổi danh. Trong thuật ngữ Phật giáo, Định chỉ “Dừng tâm ở một cảnh, không hề tán động”. Phật giáo đề xướng tu tập theo thiền hành để tránh xa loạn ý, thì được tâm định. Theo *Trí Độ luận*, quyển 26: “Định tâm, định là tâm không loạn, trong loạn tâm không thể thấy việc thực thể, như sóng nước lớn, không thể có chỗ dừng”. Tôn giả cần mẫn tu hành thiền định mà được định tâm, định tâm trập nhiên, như nước dừng chảy.

Vãng sinh thập nhân ghi: Tâm định “Như nước ngưng chảy, tự thấy trắng dầy, như duyên nước trong, thấy trắng trong, trời cao”.



Tôn giả Tâm Định Luận

TÔN GIẢ AM LA MÃN



Tôn giả Am La Mãn

Am La là tên một loại quả ở Ấn Độ, còn được gọi là Âm Ma La, âm Ma Lạc Già. Tôn giả vốn là con gái của cây Am La. Theo truyền thuyết thì cô gái sinh ra trong hoa rơi của cây Ma La, sau được gả cho vua Tần Bà Sa La nước Ma Kiệt Đà, sinh con trai tên là Kì Bà. Kì Bà lớn lên thành danh y nổi tiếng ở thành Vương Xá, quy y Phật pháp, không những y thuật cao minh mà Phật lý cũng thâm diệu, khi trị bệnh thường khuyên người theo chính pháp. Cô gái Am La đem quả

và vườn Am La cúng Phật, mời Phật và đệ tử trú ở dưới cây, giảng pháp, truyền đạo. Sau đó vườn này trở thành một trường quan trọng trong thời Phật giáo sơ kì, vua Tần Bà Sa cũng quy y Phật giáo. Chư Phật nhận thấy, cô gái có công đức viên mãn nên chuyển hóa thành con trai. Bà tin Phật cúng vườn, con bà quy y Phật, chồng bà tin phụng Phật, công đức vô cùng, nên được chuyển thân thành thân nam giới.

TÔN GIẢ ĐỈNH SINH TÔN

Tức Đỉnh Sinh Tôn Bồ tát. *Phật Danh kinh*, quyển 16 xác nhận ông là một trong những Bồ tát lễ Phật quy mệnh.



Chúng sinh ở đất phàm, không kể sang hèn, người còn người mất, đều có nhiều tội, ứng vào ngày, đêm, chia làm sáu thời kính lễ sám hối, lễ quý chân phải mà để áo phải lộ bên vai, hợp hai tay, hướng lòng niệm tên Bồ tát. Nếu làm như vậy, có thể rộng trồng ruộng phúc, diệt vô lượng tội, sinh vô lượng phúc, rời sinh tử, được giải thoát.



Tôn giả Định Sinh Tôn

359

TÔN GIẢ TÁT HÒA ĐÀN



Tôn giả Tát Hòa Đàn

Tôn giả đã đạt được quả vị Bồ tát, được liệt vào trong 10 phương Bồ tát. Kính lễ Bồ tát Tát Hòa Đàn thì miễn hết tội mà được thêm phúc quả. Chúng sinh trên thế gian, nếu phạm vào vô lượng tội ác, đời sau truy nhập vào địa ngục, bị lửa trong ngục thiêu đốt, nếu chuyển sinh làm súc sinh thì máu mủ ăn thịt lẫn nhau, đời sau làm quỷ đói thì chịu bao nhiêu khổ đói khát. Nếu người phạm tội lỗi kính lễ với Bồ tát Tát Hòa Đàn, thành tâm sám hối, phát thệ nguyện thay cũ đổi mới thì muôn tội tiêu tan. Bồ tát lại là bạn lương thiện và ruộng phúc cho tất cả chúng sinh, nếu quy y Tam bảo, cầu đo với Bồ tát thì có thể tăng trưởng phúc phận vô cùng, trừ bỏ hết khổ nạn, trọn đời vui vẻ, khi khó khăn được Bồ tát giúp cứu.

TÔN GIẢ TRỰC PHÚC ĐỨC



Tôn giả Trực Phúc Đức

Nhân đức hạnh mà nổi tiếng. Trực tức là Trực Tâm, cũng chính là tâm chính trực không tà vạy. *Chú Duy Ma Cật kinh* dẫn lời Tăng Triệu: “Trực tâm, là ngay thẳng không nói siểm, tâm đó là gốc của muôn đức hạnh”. Phúc Đức có hai nghĩa, một là tất cả việc thiện, hai là dựa vào làm thiện mà được phúc lợi. Tôn giả lấy “trực” làm cái mở lòng đầu tiên, mà thành tựu được tất cả việc thiện, dựa vào đó mà được báo đáp phúc lợi, hưởng thụ lợi lạc cõi trời, người.

TÔN GIẢ TU NA SÁT

Tôn giả là đệ tử Thanh văn của Phật tổ Thích Ca, khi mới vào cửa Phật thường không giữ giới luật. Theo *Đại Trí Độ luận*, quyển 100: “Phật có đệ tử ác là Tu Na Sát Đa La”. Một ngày, ông hướng Phật thỉnh giáo cách bán cung. Phật nhận thấy, cung tên hại tới sinh mệnh chúng sinh. Tu Na Sát Phật tính chưa sâu, nên cự tuyệt yêu cầu của ông ta. Tu Na Sát rất bất mãn, nói rằng: “Tôi không phải đệ tử của Phật”. Phật ở núi Bạch Thiện, nửa đêm ngồi dậy tụng

kinh, Tu Na Sát bỏ áo cà sa, hai tay nâng lên dọa Thích Ca mà nói: “Ta là thần trong trời đất, nay xuống thế gian, ông mau mau tránh ra”. Phật tổ nói: “Khi Ta sắp thành Phật, 18 ức ác quỷ vây đánh mà không làm ta hư một sợi lông, ngươi cởi áo mà hô to, có thể hại được ta ư?” Tu Na Sát giận mà đi. Sau này, ông được Phật tổ cảm hóa, thành tâm quy y làm thị giả cho Phật. Phật tổ có một bát đá, sinh ra từ trong núi Tứ Thiên vương, là vật hiếm có trên đời, Tu Na Sát rất tôn kính Phật tổ, tay cầm bát đá, cả ngày hầu Phật mà chưa từng cảm thấy bát bằng đá là nặng. Cuối cùng Tu Na Sát chứng quả vị A La hán.



Tôn giả Tu Na Sát

362

TÔN GIẢ HÝ KIẾN TÔN

Tức Bồ tát Nhất thiết Chúng sinh hỷ kiến (tất cả chúng sinh thích gặp). Theo *Diệu Pháp Liên Hoa kinh*, quyển 6: Tại thời quá khứ có một vị Phật tên là Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai. Nhất thiết Chúng sinh hỷ kiến Bồ tát nghe Phật thuyết *Pháp Hoa kinh*, bèn tu tập khổ hạnh, sau khi đủ 3000 tuổi, thì hiện tất cả sắc thân Tam muội. Ông đổi với thành quả tu hành của mình rất vui, nên muốn báo đáp Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật. Ông vọt thân bay lên trời, mưa các loại hương hoa Mạn Đà La. Nhưng ông cảm thấy lấy pháp lực cúng dường không bằng lấy thân cúng dường, bèn ăn các loại hưng dầu, 2000 năm tuổi sau, lấy



Tôn giả Hỷ Kiến Tôn

hương dầu tắm thân, lại mặc áo báu trên trời, áo báu cũng tươi dầu, sau đó phát thần thông lực mà tự thiêu, rồi ánh sáng chiếu khắp 80 ức hằng hà sa thế giới, thân đốt cháy 1200 năm mới tắt. Nhất thiết Chúng sinh hỷ kiến Bồ tát nhập diệt, đầu thai vào nhà của vua Tịnh Đức. Vốn trước ông hiểu chưa tường, lại lên hư không gặp Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật. Vị Phật này nhập Niết bàn, nên đem Phật pháp giao phó cho ông. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, Nhất thiết Chúng sinh

hỷ kiến Bồ tát đem xá lỵ để vào 114000 bình báu, dựng tháp cúng dàng, ông lại tự thiêu hai tay trước các tháp mà cúng dàng. Ông nói với đại chúng: “Ta bỏ hai tay, tất được thành Phật sắc vàng. Nếu thực không hư, thì tay ta lại hiện ra như cũ”. Ông nói xong, hai tay mọc lại như cũ.

363

TÔN GIẢ VI LAM VƯƠNG

Tức Vi Lam Bồ tát. Theo *Phật Danh kinh*, quyển 17: Bồ tát thuộc vào Bồ tát 10 phương, có mắt trời thanh tịnh, có thể thấy khắp việc thế gian. Vi Lam Bồ tát dẫn dụ chúng sinh diệt ác hưng thiện. Người ta ở đời, ai không có sai trái, người tu dưỡng cao thượng cũng có lúc bị phiền não. Chúng sinh nếu thành tâm sám hối, không những diệt trừ được tội sai trái mà còn tăng trưởng công đức vô lượng, thậm chí còn gieo nên diệu quả Như Lai vô thượng. Bồ tát răn chúng



sinh giao du nên thận trọng, tự thân thanh tịnh, gặp bạn ác, thì tạo ra vô số ác nghiệp, sẽ nhập vào địa ngục. Người khéo tu thân dưỡng tính, không làm việc ác, không nói lời ác, tâm không nghĩ việc ác. Nếu người làm việc ác thì không thể yên, thần quỷ trên trời, dưới đất đem sự thiện ác mỗi người ghi chép hết vào sách, Diêm La vương không bỏ qua tội ác của bất cứ ai. Nhưng nếu thành tâm sám hối, mặc áo thanh khiết, phát nguyện nghiêm túc trước Vì Lam Bồ tát, bỏ cũ theo mới, một lòng lễ Phật, tội ác cũ sẽ được giải thoát.



Tôn giả Vì Lam Vương

364

TÔN GIẢ ĐỀ BÀ TRƯỞNG



Tôn giả Đề Bà Trưởng

Tức sư Già Đê Bà, dịch nghĩa là các trời. Ông họ Cù Đàm, người nước Kế Tân. Theo *Cao tăng truyện*, quyển 1 ghi: “Ông học thông Tam tạng, có lòng thiện (*A Tỳ Đàm tâm luận*), giỏi giảng, thường tụng *Tam Pháp độ luận*”. Đời Tần năm Kiến Nguyên, ông tới Trường An, sau tránh loạn tới Lạc Dương, cùng Trúc Phật Niệm dịch *A Tỳ Đàm Bát Kiển độ luận*. Sau qua sông đến Lô Sơn, cùng ở với Tuệ Viễn, nghiên cứu Phật lý, dịch

A Tỳ Đàm tâm luận và Tam pháp độ luận. Long An năm thứ 1, ông từ biệt Tuệ Viễn, đến Kiến Khang, được sự tôn sùng của vương công quý tộc, được Lang Nha vương Tư Mã Tuân sùng phụng đưa vào tỉnh xá. Khi đại hội các tăng, mời ông giảng về sở học A Tỳ Đàm. Thời đó, Đề Bà đã tinh thông Hán văn, miệng ông như sông biển, nói ra cái sở học của đời, được mọi người khâm phục. Ông lại được Tư Mã Tuân mời dịch các *Trung A Hàm kinh*. Tóm lại, khi ở Giang Bắc và Giang Nam, ông đã viết không ít sách (hơn trăm vạn từ).

365

TÔN GIẢ THÀNH ĐẠI LỢI



Tôn giả Thành Đại Lợi

Tôn giả đã chứng quả vị Bồ tát, tên là Thành Lợi, còn có tên gọi khác là Thành Đại Lợi, (xem thêm *Thập Trụ Tỳ Bà Sa luận*). Thành Lợi Bồ tát thời quá khứ từng hàng phục hết quỷ ma của thế gian, lấy trí tuệ vô biên đem lại lợi ích cho chúng sinh trong thiên hạ, thế gian đại chúng khi đó đều cúng dàng Thành Lợi Tôn giả, đối với ông vô cùng cung kính mà tán dương, cúi lễ sát đất. Hiện tại, Bồ tát thương xót chúng sinh thập phương, không ngừng nghỉ tuyên dương chính pháp,

thường chuyển pháp luân vô thượng. Thành Lợi Bồ tát công đức sớm đã viên mãn, chứng được quả vị Phật thân vàng, vì thương chúng sinh khổ nạn, nên trụ lại thế gian, cứu độ chúng sinh rời xa biển khổ, nhập vào trời Cực lạc tịnh độ.



TÔN GIẢ PHÁP THỦ

Tức Pháp Thủ Bồ tát, thường nghe Phật thuyết giáo. Theo *Phật thuyết chính cung kính kinh*: Tại pháp hội cử hành ở vườn Kỳ Thọ nước Xá Vệ, Pháp Thủ từ xa tới nghe giảng kinh. Theo *Bồ tát Anh lạc bản nghiệp kinh*, quyển thượng: Tại Tây Bắc thế giới Sa Bà vô cùng xa xôi có Kim Cương Phật Quốc thế giới, Phật trụ ở nước đó tên là Nhất Thừa Độ, Pháp Thủ là đệ tử đứng đầu. *Phật Danh kinh*, quyển 11 liệt Pháp Thủ là một trong những Bồ tát lễ kính. Theo kinh cho biết, chúng sinh thành tâm sám hối nghiệp chướng, nếu không sám hối sớm, khi nghiệp báo tới mệnh lớn sẽ hết, ác quỷ địa ngục hiện ra, lúc đó hối thì đã muộn. *Thập Trụ Ty Bà sa luận*, quyển 5 cũng nói: Chúng sinh lễ kính Đại Bồ tát Pháp Thủ thì sẽ chứng quả A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ đề.



Tôn giả Pháp Thủ

TÔN GIẢ TÔ TẦN ĐÀ

Phật tổ sắp nhập Niết bàn, chúng sinh buồn thương, lòng lo sợ, Phật tổ đi rồi không ai hộ trì, thế giới đang như nhập vào hiểm nạn khô ải. Phật tổ phái 16 đại A La hán trụ lại thế



Tôn giả Tô Tần Đà

gian, đuổi tà ma, bảo vệ chúng sinh. Tô Tần Đà là La hán thứ 4 trong 16 vị đó. Ông và chúng đệ tử (700 A La hán) ở phía bắc châu Câu Thi, cùng 16 Đại A La hán cứu khổ chúng sinh. Sau khi Phật tổ nhập Niết bàn, người Nam Thiệm Bộ Châu tuổi thọ rất ngắn, mới khoảng 10 tuổi đã chết, nạn binh đao nổi lên khắp nơi, chém giết lẫn nhau, Phật pháp cũng khó lưu hành. Tô Tần Đà cùng 16 vị La hán đến Nam Thiệm Bộ Châu hoằng dương Phật pháp, hưng

vượng đất nước, độ cho vô lượng chúng sinh xuất gia làm tăng, thuyết giảng Phật pháp để ngăn ngừa binh đao. Thế là chiến tranh dần ngưng, muôn dân an lạc, tuổi thọ dần tăng (6 vạn tuổi). Sau, Phật pháp thịnh hành, người nước đó thọ 7 vạn tuổi.

368

TÔN GIẢ CHÚNG ĐỨC THỦ

Tức Công Đức Thủ Bồ tát. Bồ tát lấy công đức trí tuệ tu luyện thân tâm, tên tuổi vượt xa tới núi Tu Di, vững chãi như Kim Cương, pháp bảo chiếu khắp mà mưa Cam lộ vào duyên khởi mà cắt đứt tà kiến. Bồ tát đối với Phật pháp thì tinh thông viên dung, biện biệt tài giỏi không có chướng ngại, hết lòng hướng chúng sinh tuyên giảng Phật pháp, tiếng giảng như sấm rền.



Tôn giả Chúng Đức Thủ

như sư tử gầm, chúng sinh nghe thì chấn động, các ma chướng trong lòng đều tan biến. Tâm Bồ tát khoáng nhiên như sương móc.

369

TÔN GIẢ KIM CƯƠNG TẠNG

Tôn giả Kim Cương Tạng Bồ tát còn có tên gọi khác là Kim Cương Tạng Vương - 1 trong 16 hiền kiếp. Tôn giả đã chứng quả vị giác giới, đứng hàng thứ 51 trong 52 vị Đại thừa giới, có ngôi vị cao trong các Bồ tát. Tôn giả trong 3 kì 100 kiếp đã tu hành viên mãn, thường chuyển pháp luân, làm lợi ích cho chúng sinh, tích tụ công đức như chư Phật. Tôn giả thân tâm thanh tịnh, Phật tính kiên cố như đá Kim Cương. Ông thăm khắp chư Phật, đạt được trí tuệ và từ bi như chư Phật. Trí tuệ của ông sắc bén, phân tích được hư không huyền ảo của điểm nghi ngờ, có thể phá bỏ chướng ngại cực nhỏ. Bất kể kiến lập công đức hay Phật tính tự thân, Bồ tát đều đầy đủ nhân duyên thành Phật. Ông chứng quả vị Phật, ở ngôi vị Phật. Kim Cương Tạng Bồ tát thường hiện thị phần nộ, hoặc hai tay cầm gậy Kim Cương, biểu thị uy lực hàng phục ác ma, bảo hộ Phật pháp.



Tôn giả Kim Cương Tạng

TÔN GIẢ CÙ GIÀ LÊ



Tôn giả Cù Già Lê

Còn có tên gọi khác là Câu Ca Câu, Cù Ba Ly,... nghĩa là, kẻ ác, giữ trâu, là đệ tử theo Thích Ca, đồng thời là đệ tử của Đề Bà Đạt Đa con vua Hộc Phạn. Theo truyền thuyết Phật giáo, một hôm Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên trên đường gặp mưa, ở trọ trong nhà người làm nghề đúc, không biết trong nhà có một cô gái trốn. Cô gái đó đêm mộng thấy hồn bay đi, sáng ngày tắm gội, bị Cù Già Lê nhìn thấy, ông này còn nói Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đức hạnh không

tốt. Phật thấy Cù Già Lê phỉ báng người tốt thì rất giận, ba lần răn bảo mà Cù Già Lê không thay đổi liên phạt tội. Cù Già Lê bị bệnh mà chết, truy nhập vào địa ngục A Tỳ. Sau này ông hối cải chuyển sinh trong thế gian, chuyên cần tu tập Phật pháp, chứng quả vị A La hán.

TÔN GIẢ NHẬT CHIẾU MINH

Là Cao Tăng người Thiên Trúc thời Đường, tên chữ Phạn là Địa Bà Ha La, dịch là Chiếu. Tôn giả thông hiểu Tam Tạng, giỏi về chú thuật, nghiêm giữ giới luật mà thần



thông vượt trội, ở chùa Ma Ha Bồ Đề và chùa Lạn Đà. Năm đầu niên hiệu Vĩnh Long, ông cùng pháp sư Huyền Trang qua bao dặm tới Trung Quốc, gặp khi Đường Cao Tông hoàng đế Phật pháp. Vua Đường đón ông vào ở chùa Ngụy Quốc Tây tại Trường An, lệnh cho các luật sư Đạo Thành, pháp sư Bạc Trần,... (10 vị danh tăng) cùng ông dịch kinh. Khi đó có Hiền Thủ pháp sư thường than kinh Phật thiếu mà không có, nghe nói Nhật Chiêu dịch kinh, xem là thiện đức lớn, nên thân hành tới giúp hiệu đính; dịch, hiệu đính, bổ khuyết được hơn 18 bộ. Võ Tắc Thiên năm Thủy Cung (685 - 688), ông viên tịch ở Đông đô (Lạc Dương), đệ tử dựng tháp cúng dường ở dưới núi Long Môn. Thời Lương Vũ Đế, các đệ tử ba lần xin mà được dựng chùa cạnh tháp, được vua ban tên “Hương Sơn tự”. Chùa viện phong cảnh rất đẹp: Trăng chiếu bóng khói trên điện, nước chứa ảnh lồng; phước ngọc bay qua lại, ảnh lồng vào mây bay. Hương sơn tự là một chùa lớn đương thời ở Lạc Dương.



Tôn giả Nhật Chiêu Minh

372

TÔN GIẢ VÔ CẦU TẠNG

Tức Vô Cầu Tạng Bồ tát. Theo *Đại Bảo Tích kinh*, quyển 29: Có một Phật quốc thế gian tên là Biển Thanh Tịnh Hành thế giới, Phật trụ ở đó tên là Phổ Hoa Như Lai, Vô Cầu Tạng là Bồ tát đứng đầu của Phổ Hoa Như Lai Phật.



Tôn giả Vô Cấu Tạng

Khi Thích Ca đang thuyết pháp ở núi Kỳ Xà Quật thành Vương Xá, ánh sáng chiếu khắp 10 phương vô lượng phật độ thế giới, Phổ Hoa Như Lai Phật sai Vô Cấu Tạng Bồ tát suất lĩnh 9 vạn 2 nghìn Bồ tát đến nghe pháp. Vô Cấu Tạng đến cúi đầu kính lễ Thích Ca, sau đem 7 báu và nghìn cành hoa sen của Phổ Hoa Như Lai gửi cho Phật đà, cùng chuyển đạt lời thăm hỏi của Phổ Hoa Như Lai đến Phật đà. Nói xong, bay lên hư không, kết tòa phu tọa, chuyên tâm nghe

giảng. Theo *Sinh Kinh*, quyển 3: Khi Thích Ca mới thành đạo dưới cây Bồ đề ở nước Ma Kiệt Đà, Vô Cấu Tạng Bồ tát từ Thanh Tịnh Hành thế giới đã đến bái yết.

373

TÔN GIẢ TRỪ NGHI VÔNG

Tức Bồ tát Trừ Nghi. Theo *Thập Trụ Tỳ Bà sa luận*, quyển 5: Tôn giả Trừ Nghi Vông đã chứng quả chính đẳng chính giác A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ đề, chuyển pháp luân,... rộng mở Phật pháp vào thế gian, tế độ cứu vớt chúng sinh, làm lợi cho các thân và thế gian muôn dân. Ông khuyên dân không nói lời ác hại người, không tranh đấu khinh người, không tà ác loạn người, không



Tôn giả Trừ Nghi Vông

trộm của cải mà cần hiếu thuận cha mẹ. Nếu dùng lời ác hại người, làm nhục người khác,... mà không sám hối, thì sẽ nhập vào địa ngục hoặc chuyển sinh làm quỷ đói. Ông dùng Phật pháp giải trừ nghi hoặc cho chúng sinh, thành tâm khuyên chúng sinh quy y Phật pháp, để được giải thoát vĩnh viễn.

374

TÔN GIẢ VÔ LƯỢNG MINH

Tức Vô Lượng Minh Bồ tát. Theo *Hoa Thủ kinh*, quyển 4: Trong khoảng thế giới Nghi hồi của Pháp Nghi Phật và thế giới Đức trú của Vô biên công đức thành tựu Phật, có một thế giới Phật độ, tên là Diệu Thiên, Vô tướng âm Phật trụ trì ở đó, Vô Lượng Minh là Bồ tát đứng đầu. Vô Lượng Minh ý là tỏa ánh sáng vô hạn, từ đức hạnh mà có tên. Bồ tát này có đại trí tuệ, ánh sáng che mặt trời mặt trăng, chiếu khắp thế gian, khiến cho chúng sinh thành tựu vô thượng, chính đẳng chính giác, được giải thoát khỏi kiếp luân hồi.



Tôn giả Vô Lượng Minh

TÔN GIẢ TRỪ CHỨNG ƯU



Tôn giả Trừ Chứng Ưu

Tức Trừ Nhất Thiết Ưu Minh Bồ tát (Bồ tát trừ tất cả phiền não), mật hiệu là Đại Cừu Kim Cương, trụ tại Viện Mạn Đà La Địa Tạng, Thái Tạng giới. Phật giáo nhận thấy, thế gian đầy khổ. Một là, khổ sinh lão bệnh tử, chúng sinh thế gian mỗi người đều không tránh được; hai là, khổ luyện tiếc chia ly, là chia tay vợ con, bạn bè, mà sản sinh thống khổ; ba là, khổ vì oán ghét, cùng ghét hận lẫn nhau mà khổ; bốn là, khổ vì cầu mà không được, cầu mong không được vật chất

và cảm tình như mong muốn thì khổ; năm là, ngũ âm rất khổ, người ta có ngũ âm, thân tâm nặng nề mà toàn thân chịu muôn khổ. Các khổ trên thế gian nhiều, các khổ sinh ra lo lắng, lo lắng nhiều như biển, hữu tình thế gian đều nhập vào biển lo lắng mà không tự cứu được mình. Bồ tát thương chúng sinh nên rộng ban Phật pháp, khiến cho chúng sinh sản sinh trí tuệ mà diệt khổ. Do đó, Bồ tát trừ hết ưu khổ và u ám của chúng sinh.

TÔN GIẢ VÔ CẦU ĐỨC

Tức Vô Cầu Đức Bồ tát. Theo *Thập trụ Ty Bà* sa luận, quyển 5: Chúng sinh nếu cung kính niệm danh hiệu các



Đại Bồ tát như Vô Cấu Đức, có thể đạt được A Nậu Đa La Tam miệu Tam Bồ đề. Bồ tát nhờ có nhân đức hạnh mà được gọi tên như vậy. Vô Cấu tức Vô Lậu, Lậu tức là các phiền não, tham, sân hiện ngày đêm do lục căn, mắt, tai rơi hường vọng bên ngoài mà không dừng, Vô tức là trừ hết phiền não khiến tâm thanh tịnh, trở lại bản tính thanh tịnh. Người ta tâm vốn thanh tịnh, nhưng nhiễm phiền não, như kính sáng bị bụi mờ che lấp. Những ai thường niệm danh hiệu Vô Cấu Bồ tát có thể trừ bỏ bụi trần, phản hồi bản thể không tỳ vết.



Tôn giả Vô Cấu Đức

377

TÔN GIẢ QUANG MINH CƯỜNG



Tôn giả Quang Minh Cường

Tức Bồ tát Quang Minh Vương, trí tuệ như mặt trời, mặt trăng, như vương giả, là 1 trong 25 vị Bồ tát Hộ niệm Hạnh Phật. Phật Di Lặc từng phát thệ nguyện phổ độ cho chúng sinh lên cõi Cực lạc. Nếu chúng sinh thế gian niệm tên hiệu Phật mà quán tưởng không loạn, tâm khẩu nhất quán, sẽ được hồi ứng của Đại từ bi Di Lặc. Người niệm Phật có cảm ứng với tâm ý đó mà tinh tiến Tam muội. Người có thiện căn trong thiên hạ tri

giữ pháp đó có thể vãng sinh tịnh độ. Bồ tát Quang Minh Vương chuyển hộ niệm cho chúng sinh Phật hạnh, ngăn không cho quỷ thần hại loạn sự chuyên tâm niệm Phật của chúng sinh, khiến họ ngày ngày giữ được sự yên ổn. Người đang tu luyện, công đức viên mãn, thì được Bồ tát cùng Di Lặc đến nghênh tiếp, tiếp dẫn họ chuyển sinh sang thế giới Cực lạc.

378

TÔN GIẢ THIỀN TU HÀNH



Tôn giả Thiền Tu Hành

Tức Tu Hành Bồ tát. Theo *Phật đi giáo kinh luận sơ tiết yếu*: “Tu Hành Bồ tát ở đất Nhẫn Chịu, có thể chịu các khổ não”. Đất Nhẫn Chịu là tên gọi khác của miền đất mà Bồ tát Thập Địa Trung an trụ buổi ban đầu. *Nam Bản Niết bàn kinh*, quyển 11 ghi: “Bồ tát Ma Ha Tát đã ở đất đó, có thể nhẫn chịu tham, dục, khuê, si, cũng chịu được nóng, lạnh, đói, khát, muỗi làm loạn, gió lớn nổi lên, nhiều tật bệnh, thân tâm khổ não, tất cả đều chịu đựng, cho nên gọi là đất Nhẫn Chịu”. Lại theo *Huyền Nghĩa*, quyển 4: “Trên giữ Phật pháp, dưới cứu chúng sinh, tên là Kham Nhẫn Địa”. Qua đây, có thể thấy rằng, Tu Hành Bồ tát qua quá trình tu tập Phật pháp gian khổ. Ông nhin chịu các khổ não, đều vì thương xót chúng sinh, gánh hết khổ nạn, để chúng sinh được giải thoát.



TÔN GIẢ TỌA THANH LƯƠNG

Tôn giả là danh tăng thời Đường, họ Hạ Hầu, tổ quê ở Sơn Âm, 11 tuổi đi tu, hiệu là Trừng Quán. Lớn lên ông đi khắp các chùa Nam Bắc, lễ học cao tăng, thông học thuyết các phái, lại học hết các phái tử, sử, kinh, truyện, nghe giảng kinh ở các chùa nổi tiếng, tiếng vang xa gần. Đường Đức Tông tháng 4 năm Trinh Nguyên thứ 8 (799), ngày Đức Tông lễ thọ, cho người đem xe đón Trừng Quán vào cung giảng Hoa Nghiêm Tông Chỉ. Giảng kinh xong, Đức Tông nói với quần thần: “Trừng Quán lời lẽ hòa nhã mà đơn giản, cổ mà phong phú, là thánh pháp trong lòng trăm”. Đức Tông ban hiệu cho ông “Thanh Lương Quốc sư”, năm Nguyên Hòa thứ 5 (810), sắc mệnh làm Tăng thống, lĩnh quân Phật giáo toàn quốc. Đường Văn Tông năm Khai Thành thứ 3 (838), quốc sư Thanh Lương viên tịch, thọ 102 tuổi, vua tâu để tang ba ngày, quan lớn mặc áo trắng, toàn quốc buồn đau, dựng tháp toàn thân cúng dàng ở núi Chung Nam. Sau mấy ngày, có vị tăng Ấn Độ đến Trường An, nói là tận mắt thấy, tại Bắc Ấn, hai sứ giả ở Văn Thù đường bay lên không đến Đông Độ, lấy răng của Hoa Nghiêm Bồ tát (tức Thanh Lương Quốc sư) về cúng dàng. Văn Tông cho mở tháp xem, quả nhiên Thanh Lương mất một răng. Thế là Văn Tông ban biên đề “Diệu Giác” cho tháp, mệnh cho tướng quốc Bùi Hưu soạn văn bia.



Tôn giả Tọa Thanh Lương

TÔN GIẢ VÔ ƯU NHÃN



Tôn giả Vô Ưu Nhãn

Tức là vua A Dục. Còn gọi là A Nộ Ca, A Thâu Ca, dịch là vua Vô Ưu, vua Thiên ái hỷ kiến. Là cháu của Chiên Đà La Cấp Đa, người sáng lập ra vương triều Khổng Tước nước Ma Kiệt Đà - Ấn Độ. Tính ông cuồng bạo, thường làm vua cha không vui. Sau khi cha chết, ông tàn sát anh em cướp ngôi vua, dùng vũ lực thống nhất Ấn Độ. Ngày mới lên ngôi, tính không đổi, giết nhiều đại thần và phụ nữ, xây một tòa địa ngục lớn, tàn sát nhân dân. Sau

đó ông bỗng hối cải quy theo Phật giáo, lập Phật giáo làm quốc giáo, xây chùa, và dựng 8 nghìn 4 vạn tòa tháp, tổ chức cuộc kết tập thứ 3, ban bố lệnh dung hòa tôn giáo, rồi khắc vào đá. Sau cuộc kết tập, A Dục vương đã làm cho Phật giáo lưu hành rộng, vận động truyền bá đạo Phật khắp Ấn Độ và các quốc gia lân cận. Ông phái sứ giả truyền giáo đến Tư Lợi Á, Ai Cập, Hy Lạp.

TÔN GIẢ KHỬ CÁI CHƯỞNG

Tức Bồ tát Trừ Nhất thiết Cái Chướng, còn có tên gọi khác là Bồ tát Trừ Cái Chướng,... ở viện thứ 8 trong 13 đại viện



của Thái tạng giới Mạn Đà La. Tôn giả ngày mới nhập môn, tu theo Pháp môn Bồ đề, nhưng không chịu được vì thời gian khổ hạnh quá lâu. Sau ông chứng ngộ được Trừ Nhất thiết Cái chương Tam muội, vì thế, không sợ gian khổ, kiên trì tu luyện, cuối cùng lĩnh hội được pháp, thông hiểu đạo, có đủ lực thần thông, chứng quả vị Bồ tát, cùng trụ với chư Phật. Tôn giả thường niệm chân ngôn, giác ngộ chúng sinh noi theo tính thiện, phát huy trí tuệ, chúng sinh tự dùng trí tuệ trừ hết 4 tạp nhiễm, cuối cùng đạt được nhân duyên thanh tịnh. Vì thế Bồ tát Khử Cái Chương có lòng đại từ bi, là cửa để chúng sinh tiêu trừ nghiệp chướng, thỏa mãn nguyện vọng, thân tâm yên ổn, không sợ hãi.



Tôn giả Khử Cái Chương

382

TÔN GIẢ TỰ MINH TÔN



Tôn giả Tự Minh Tôn

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Minh tức trí tuệ. Theo *Phật địa luận*, quyển 1: “Minh có nghĩa là sáng, lấy tuệ làm tính, tuệ phá được chướng ngại gọi là sáng (minh). Không trở ngại lấy thiện căn làm tính, gọi là Vô Minh”. Lại theo *Đại Thừa Nghĩa chương*, quyển 14: “Biết được pháp vi diệu gọi là Minh”. Tôn giả Tự Minh giải thoát cho chúng sinh bằng cách dùng trí tuệ tự thân chúng sinh, cho

họ sáng lòng thấy tính, biết thân mình có tâm, rũ bỏ tất cả tạp nhiễm để tự tính được thanh tịnh.

383

TÔN GIẢ HÒA LUÂN ĐIỀU



Tôn giả Hòa Luân Điều

chết, được đến Cực lạc quốc độ, chuyển sinh ở trọng nhụy hoa sen.

384

TÔN GIẢ TỊNH TRỪ CẦU

Tức Bồ tát Tịnh Tam Cầu. Theo *Văn Thù Chi Lợi Phổ Siêu Tam muội kinh*, quyển hạ: Bồ tát Tịnh Tam Cầu cùng các vị Bồ tát và Tỳ kheo cùng đến giảng đạo vua A Xà



Thế, khiến ông giác ngộ. Bồ tát Tịnh Tam Cầu nhờ lập được công đức này mà được gọi tên như vậy. Tam Cầu còn gọi là Tam Độc, Tam Căn, tức Tham, Sân, Si đó là căn nguyên sinh ra phiền não. Tham là lòng ham muốn trước mọi vật; Sân là lòng oán hận sẵn sinh khi tiếp vật; Si là tâm mê muội. Bồ tát Tịnh Tam Cầu qua tu hành mà trừ bỏ hết căn nguyên phiền não (Tham, Sân, Si), giúp chúng sinh đoạn tuyệt Tam Độc, xa rời khổ ải.

Theo *Vô Lượng Thọ kinh*, quyển hạ: “Ông có công đức trừ bỏ cái u tối của Tam Cầu, rộng cứu ách nạn chúng sinh”.



Tôn giả Tịnh Trụ Cầu

385

TÔN GIẢ KHỨ CHƯ NGHIỆP



Tôn giả Khứ Chư Nghiệp

Tức Bồ tát Trừ Nghiệp, Bồ tát Suy Toái,... là 1 trong 5 vị Phật kính lễ Thích Ca. Theo *Tôn Thánh Phật đảnh Tu Du Già pháp nghị quy*, quyển hạ: Đức Phật Thích Ca có lòng từ bi thương xót trước nỗi khổ của chúng sinh, bèn nhập thiền định trừ Tam ma địa, sau khi Phật nhập định, trên đầu hiển thị ra hình tượng Luân vương, vị Luân vương này tức Bồ tát Trừ Nghiệp, sau đầu tỏa ánh sáng tốt

lành, sắc tía chiếu khắp thế gian. Khi Bồ tát Trừ Nghiệp xuất hiện, thế giới 10 phương phát sinh 6 loại chấn động, hiển hiện chấn động khắp đại địa, tất cả 6 nẻo địa ngục hoặc cần nguyên đưa chúng sinh nhập vào đường ác, đều được diệt trừ, và được giải thoát, trong khoảnh khắc tất cả chúng sinh đều tới cõi tịnh độ. Bồ tát Trừ Nghiệp có thể giải trừ hết thấy đường ác, đưa chúng sinh thoát khỏi sinh tử phiền não. Những ai thường xuyên lễ kính Bồ tát này có thể trừ được ác nghiệp ở kiếp trước và kiếp này.

386

TÔN GIẢ TỪ NHÂN TÔN



Tôn giả Từ Nhân Tôn

Tức Bồ tát Từ Nhân. Theo *Bồ tát Anh Lạc kinh*, quyển 14: Sau khi Thích Ca thành Phật dưới gốc cây Bồ Đề bên sông Ni Liên Thiên nước Ma Kiệt Đà, Bồ tát 10 phương từ giảng đường Pháp Lạc cùng bay đến bên Phật đà, xin Phật vì chúng sinh mà thuyết Pháp, giải thoát mọi khổ não. Lúc này, Bồ tát Từ Nhân cũng đến và nói: “Các pháp đều sâu kín, như không có đầu mối, vốn không có các đạo, cho nên gọi là Nhân Trung Tôn”.



TÔN GIẢ VÔ TẬN TỪ

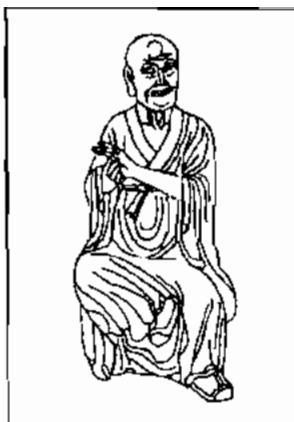
Tức A Dật Đa, dịch nghĩa là Từ thị, tức Bồ tát Di Lặc. Ông họ Bà La Môn sinh ở Nam Thiên Trúc, là đệ tử của Phật tổ, theo Phật học pháp nhiều năm để tìm cách giải thoát chúng sinh. Ông từng hỏi tại sao nhiều người thờ Phật mà chưa được giải thoát. Thích Ca giải thích: Có người thờ Phật nhưng lòng hoài nghi nên không hiểu trí tuệ Phật, họ tin họa phúc có chuyện báo ứng nhưng lại không lễ Phật, không nghe kinh Phật, không tham bái các vị Bồ tát, Thanh văn và các vị Thánh, vì thế mà không thể giải thoát. Nếu như tin theo phép Phật, hiểu trí tuệ Phật, lễ bái Bồ tát, kiếp sau được đầu thai vào tòa hoa sen 7 báu, thân sáng rực, xa rời khổ ách. Bồ tát Từ Thị khắc ghi lời Phật và hiểu được tâm nguyện chúng sinh. Sau khi diệt độ, ông trụ tại một viện trên trời Đâu Suất, 4000 năm sau lại giáng sinh, thành chính giác dưới gốc cây Lòng Hoa vườn Hoa Lâm, vì đại chúng 3 lần thuyết Pháp, lại có công đức giáo hóa tất cả người trời nên được gọi là Hội Long Hoa.



Tôn giả Vô Tận Từ

TÔN GIẢ TÁP ĐÀ NỘ

Tức Bạt Đà Hòa, dịch nghĩa là Hiền Thủ, là con của một nhà buôn giàu có ở thành Vương Xá nước Ma Kiệt Đà, là Bồ



Tôn giả Tập Đà Na

tát tại gia. Theo *Đại Bảo Tích kinh*, quyển 109: Bồ tát Bạt Đà Hòa vì kiếp trước tu nghiệp tại gia mà hưởng quả báo tốt. Chẳng cần biết đi đâu, ông cũng mang 6 vạn người theo, trong nhà có 6 vạn giường tốt, trên đầu đội khăn màu sắc rất đẹp, quanh ông có 6 vạn gái đẹp theo hầu, họ đều có hình dáng nhỏ nhắn. Khi ông ăn cơm trên bàn có 6 vạn món ngon. Tóm lại, Bồ tát Bạt Đà Hòa được hưởng nhiều khoái lạc, Đạo Lợi Thiên, Đế Thích Thiên cũng không sánh được.

389

TÔN GIẢ NA LA ĐẠT

Trước khi Phật tổ giảng sinh, ở Nam Thiên Trúc có vị thần tên là A Tư Đà tu luyện đạo tiên trong rừng già, pháp lực rất cao, có đủ 5 lực thần thông. A Tư Đà có đệ tử luôn theo hầu tên là Na La Đạt, thường đứng sau ông, cầm phát trần đuôi muối. Theo *Phật Bản Hạnh kinh*, quyển 9: Một ngày A Tư Đà nhìn thấy ánh sáng lạ chiếu từ cung vua Tịnh Phạn, liền dẫn Na La Đạt đến đó xem xét. Hai thầy trò đến cung vua, biết vua vừa sinh quý tử, vị tiên bèn xin vua cho thấy tướng đến xem



Tôn giả Na La Đạt

tướng cho Thái tử Tất Đạt Đa, mọi người cho là Thái Tử có tướng quý. A Tư Đà tự bốc quẻ tướng lai biết Thái tử sau thành chính quả và từ biệt vua Tịnh Phạn, dất Na La Đạt về rừng cũ. Vị tiên nói với Na La Đạt: Phật đang xuất thế, chính là Thái tử con vua Tịnh Phạn, người nên rời bỏ ta, xuất gia học Phật, khi Phật pháp hồng dương, người sẽ được giải thoát, được hưởng an vui trong thế giới Cực lạc. Thế là Na La Đạt xuất gia, sau chứng quả vị A La hán.

390

TÔN GIẢ HÀNH NGUYỄN TRÌ

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Hành Nguyễn tức là hành động và tâm nguyện. Hành động và tâm nguyện luôn tương trợ nhau mới thành việc lớn. Theo *Thanh Long sứ*, quyển hạ: “Hành động và tâm nguyện luôn tương hỗ nhau, hai phép tu này không rời nhau. *Bồ đề tâm luận* ghi: Con người làm thiện hay ác đều từ tâm, sau mới thành mục đích, thế cho nên tu Bồ đề thì phát tâm Bồ đề”. Theo *Thứ đệ thiền môn*, quyển 1: “Có tâm nguyện mà không hành động, giống như người muốn qua sông mà không chuẩn bị dồ, biết nếu ở mãi đấy thì không qua được”. Tôn giả phát tâm cầu chính giác, thường giữ cho tâm không rối loạn, dốc sức thi hành, khắc khổ tu đạo, cuối cùng phát tâm Bồ đề, chứng quả vị La hán, đạt tới cảnh giới giải thoát.



Tôn giả Hành Nguyễn Trì

TÔN GIẢ THIÊN NHÃN TÔN



Tôn giả Thiên Nhãn Tôn

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Vài kiếp trước, ông đã sùng bái Phật pháp, làm lợi cho chúng sinh, trong thiên định nắm được tinh hoa của 4 yếu tố trong thế giới (Tứ đại: đất, nước, lửa, gió) để tu luyện Nhân căn. Khi công đức đã lớn, trí tuệ viên mãn thì sẽ có đủ công năng thiên nhân. Mắt ông có thể quan sát xa gần, tất cả sự vật to nhỏ, thấy lòng thiện ác của chúng sinh, thấy nghiệp thiện ác từ kiếp trước, kiếp sau, biết sẽ siêu sinh

tới cõi nào. Tôn giả căn cứ lòng thiện ác mỗi người mà giúp họ giải trừ tội ác, tìm ra cách giải thoát. Theo *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh*, quyển 19: Tôn giả đã chứng được quả vị Phật, ông cứu độ cho chúng sinh, vì chúng sinh giảng Phật pháp, để tất cả giống hữu tình xa lìa tội ác, đến cõi Tịnh độ, mùa màng tươi tốt, muôn dân no đủ, trời đất quỷ thần đều cảm ân đức.

TÔN GIẢ VÔ TẬN TRÍ

Tức Bồ tát Vô Tận Trí. Theo *Phật Thuyết Đại bát nê hoàn kinh*, quyển 1: Khi Phật sắp nhập Niết bàn ở cây



Song Thọ trong rừng Kiên Cố bên sông Hy Liên thành Câu Thi Na Ca, muôn vị Bồ tát, người trời đứng bên. Bồ tát Vô Tận Trí cũng tới, lòng đau thống thiết. Phật an ủi ông và các vị, mọi người chớ bi ai và diễn thuyết diệu pháp vô thượng. Vô Tận Trí cung kính lắng nghe. Trong vô số kiếp tu tập, ông đã làm rạng ngời Tam bảo, chuyển Chính Pháp luân thành Đại Trang nghiêm, hành xử kiên cố, tất cả công đức đều thành tựu. Ông lòng chứa từ bi, thường đến tất cả thế gian an ủi chúng sinh, ai chưa độ thì độ, chưa giải thoát thì giải thoát.



Tôn giả Vô Tận Trí

393

TÔN GIẢ BIẾN CỤ TÚC



Tôn giả Biến Cụ Túc

Cụ Túc A La hán cứu độ chúng sinh khắp thế gian nên được gọi là Tôn giả Biến Cụ Túc. Theo *Phật Danh kinh*, quyển 14: Ông nguyện người mù được sáng mắt, người điếc thì nghe thông, câm thì nói được, nghèo đủ ăn mặc, kho tàng luôn đầy, không ai chịu cảnh đói rét. Ông lại nguyện cho chúng sinh đẹp đẽ trang nghiêm, được mọi người thích; nguyện người với người từ bi thương nhau, mắt Phật xét soi, để

cầu sung sướng tốt lành. Người lương thiện cầu Tôn giả thì nguyện vọng trở thành hiện thực. Ông còn khuyên chúng sinh không vì giàu có và quyền thế mà làm điều sai trái, đừng vì ngu si mà giao du với người xấu. Không nên quên ơn nuôi dưỡng của cha mẹ mà không tôn kính; không vì thêm một chén mà uống rượu say. Người nào phạm tội trên thì cầu Tôn giả, quyết tâm cải hối mà trừ tội ác cũ thì tránh được bị dày vào Địa ngục, trở thành người thiện.

394

TÔN GIẢ BẢO CÁI TÔN



Tôn giả Bảo Cái Tôn

Người thành Vương Xá nước Ma Kiệt Đà - Ấn Độ. Ông xuất thân Ưu Bà Tắc, tức là người quy y Tam Bảo, là cư sĩ, tiếp thu ngũ giới tại gia. Ma Kiệt Đà là đất chứng đạo của Thích Ca và trở thành trung tâm truyền bá Phật giáo. Đức Phật từng truyền giáo ở đây rất lâu, Tôn giả Bảo Cái tin theo Phật, thường nghe Phật giảng thuyết giáo. Theo *Phật Thuyết Nhân Vương Bát Nhã Ba La Mật*: Một lần, Phật thuyết pháp trong núi Kỳ Xà Quật, ông rời chiếu, vua Ba Tư Nặc nước Xá Vệ

từng thỉnh giáo ông. Ông nghiêm giữ giới luật, tu hành không ngừng, cuối cùng chứng quả vị A La hán.



TÔN GIẢ THẦN THÔNG HOÁ

Pháp hiệu Bát Tường, bởi ông khéo dùng thần thông truyền bá Phật pháp, giáo hóa chúng sinh nên được gọi là Thần Thông Hóa. Theo *Đại Đường Tây Vực ký*, quyển 12: vùng Diên quốc (nay là Hòa Diên - Tân Cương) không theo Phật giáo. Một La hán từ xa tới truyền đạo đã gửi thân ở rừng cây phía tây thành Diên. Đêm đêm, La hán dùng lực thần thông, toàn thân phát sáng, vua đứng trên gác thấy ánh sáng lạ, mới đến xem, biết La hán thể hiện thần thông, trong lòng ngưỡng mộ, liền rước La hán vào cung. La



Tôn giả Thần Thông Hóa

hán có ý ở lại trong rừng thanh tịnh, không muốn vào lầu son gác tía, liền từ chối lời mời của vua. Vị vua rất ngưỡng mộ, bỏ tiền xây chùa dựng tháp cho La hán. Khi chùa dựng xong, vua thu lượm vài trăm hạt xá lị và than rằng, chưa thể đem xá lị vào trong tháp. La hán lại dùng phép thần thông, dùng tay phải nâng tháp lên đặt vào lòng bàn tay, rồi nói với vua: Xin đem xá lị để vào tháp. Các thợ đào đất thành hang, an táng xá lị. Khi việc xong, La hán để tháp vào vị trí cũ, tháp đứng thẳng như xưa, vua và thần dân rất kinh ngạc, sau vận động mọi người quy y Phật giáo.

TÔN GIẢ TƯ THIÊN THỨC



Tôn giả Tư Thiên Thức

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Thiện Thức tức thiện tri thức. Tri thức ở đây không phải nói người có học thức uyên bác mà chỉ năng lực quan sát phẩm đức của người khác, Thiện là chỉ khéo đưa mình vượt lên chính đạo. *Pháp Hoa văn cú*, quyển 4 ghi: “Người thiện tri thức, thấy hình gọi là thức, là người ta tăng trưởng đạo Bồ đề, tên gọi là Thiện tri thức”. Lại phẩm *Diệu Trang nghiêm vương Pháp Hoa kinh*, viết: “Người Thiện tri thức là nhân duyên lớn, cái gọi là hóa đạo cho được

gặp Phật, đây là phát A Nậu Đa La Tam miệu Tam Bồ đề tâm”. Theo *Hữu bộ tỷ nại da ký sư*: Phật đã nói “Thiện tri thức là người giữ được Phạm hạnh, từ đó mà rời xa ác tri thức, không tạo các mầm ác, thường tu theo thiện, sống thanh bạch, thật là có tướng đầy đủ Phạm hạnh, bằng nhân duyên đó mà cùng bạn tốt chuyên niệm thì được bạn tốt giúp, rất nhanh chóng được quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác và quả vị A La hán.

TÔN GIẢ HỖ TÍN TĨNH

Tôn giả phụng thờ Phật, sùng hai chữ Tín, Tĩnh; lấy Tín, Tĩnh giáo hóa chúng sinh, cho nên được gọi là Hổ Tín

Tin. Tin phụng Phật pháp, là yêu cầu đầu tiên với người tu hành, có tin phụng Phật pháp mới hiểu chân chính Phật pháp, sau dựa vào pháp mà tu hành. Thành tâm với tín ngưỡng Phật pháp như bảo châu thủy tinh có thể trừ bỏ nước đục, trong lòng giữ “tín châu” có thể bỏ trừ tạp nhiễm, trừ bỏ ô trọc trong lòng. Tất cả những người mới vào Tam bảo, đều lấy tín làm gốc, tín là mẹ của tất cả công đức, tăng một chút tâm tín thì tăng thêm thiện pháp, mà diệt trừ được nghi hoặc. Nếu coi Phật pháp là núi báu thì tín tâm là tay vào núi lấy báu, người có tín tâm - lòng tin kiên định thì không báu gì không lấy được. Đã có lòng tin, lại cầu tĩnh tâm, tĩnh tâm để trừ loạn phiền không sinh phát bực bội, không báo oán, đối với nghịch cảnh không sinh lòng giận. An tĩnh không loạn thì trí tuệ sinh ra, an tĩnh sinh trí tuệ sẽ diệt trừ được ưu phiền trong lòng.



Tôn giả Hê Tín Tĩnh

398

TÔN GIẢ MA HA NAM

Tức Ma Ha Na Ma,... dịch nghĩa là Đại Danh - Nổi tiếng là con cả của chú Thích Ca (vua Hộ Phạn), lại xưng là Câu Lợi thái tử hoặc Ma Nam Câu Lợi. Tương truyền, ông là người nước Ca Tỳ La Vệ vùng Bắc Thiên Trúc. Ông là 1 trong 5 đệ tử được Thích Ca thu nạp đầu tiên. Theo truyền thuyết, khi Thích Ca là thái tử, một lòng muốn xuất gia, vua Tịnh Phạn



Tôn giả Ma Ha Nam

chỉ biết đồng ý, cho 5 người trong họ theo giúp thái tử, Ma Ha Nam được đi theo. Thích Ca khổ tu theo cách của các tông phái bấy giờ đã 6 năm nhưng không thu được kết quả, bèn bỏ tu khổ hạnh vô ích, đến bên sông tắm, lại được uống sữa bò do một cô gái cúng dâng. Bọn Ma Ha Nam thấy như thế, liền bỏ lòng tin với Thích Ca, đến nơi khác tu hành. Sau, Thích Ca chứng được Vô Thượng Đại giác dưới gốc cây Bồ đề, liền tìm bọn Ma Ha Nam thuyết pháp cho họ, bọn Ma Ha Nam quy y Phật giáo.

399

TÔN GIẢ VÔ LƯỢNG QUANG

Thời xa xưa, có vị vua nghe Thế Tự Tại Vương Phật giảng kinh, Phật pháp giác ngộ ông, thế là ông bỏ ngôi vua xuất gia quy y Phật giáo, pháp hiệu là Pháp Tạng. Ông muốn nhanh chóng thành Phật để trừ bỏ hết căn nguyên phiền não của chúng sinh. Ông phát 48 đại nguyện trước Phật, thệ nguyện cảm động trời đất, vô số hoa tươi từ trên không trung rơi xuống, đại địa cũng chấn động âm âm. Do Pháp Tạng kiếp trước tích tụ vô vàn công đức và thệ nguyện nên



Tôn giả Vô Lượng Quang



được thành Phật, hiệu là Vô Lượng Quang, lại xưng là Vô Lượng Thọ, Cam Lộ, tiếng Phạn là A Di Đà Phật. Nước Phật gọi là An Lạc, an trụ ngoài Tây phương 10 vạn dặm, ở đó không có người già bệnh, không đau khổ, sinh mệnh tùy ý vào Thiên giới Phật quốc, chúng sinh ở nước An Lạc thân hiện sắc vàng, dân có tướng mạo đoan trang, đẹp như tiên trời, mà bình đẳng, không oán hận, muốn gì được đó. Mỗi khi ăn, gió hương thổi tới thì trong bát món ngon tự nhiên đầy. Tai thường nghe âm thanh vui vẻ như chuông, nơi đó gió thổi cây lá phát ra âm nhạc; bên tai thường nghe trời tấu âm nhạc, suối phát âm thanh. Đó là thế giới Cực lạc.

400

TÔN GIẢ KIM QUANG TUỆ

Tức là Kim Quang Viêm Bồ tát. Trong Phật Danh kinh thì Kim Quang Viêm Bồ tát là một trong Đại Bồ tát 10 phương đang kính lễ quy mệnh. Theo kinh cho biết, chúng sinh ở đất phàm phu, hoặc vì Tam nghiệp mà sinh tội, hoặc 6 căn mà sai trái, hoặc tâm nghĩ tà kiến, hoặc bị ngoại cảnh nhiễm, không kẻ sang hèn, tội vô lượng. Đã làm việc ác thì có ác báo, thành tâm sám hối, tu phúc diệt tội. Không thế, khi nghiệp báo tới, tức thì thân bay lên hư không, tùy thân vào ẩn

biển, ẩn vào đá, cũng không tránh được báo ứng, địa ngục hiện ra trước mắt, khi đó sám hối thì đã muộn. Kim Quang



Tôn giả Kim Quang Tuệ

Viêm Bồ tát thân phóng ánh vàng, tượng trưng cho trí tuệ vô thượng của ông, chiếu khắp tâm điền của chúng sinh, chúng sinh kiên tâm thành thực quy y, thành tâm sám hối, hết sức hướng thiện, thì tội được trừ bỏ mà phúc tới.

401

TÔN GIÀ PHỤC LONG THỊ



Tôn già Phục Long Thị

Tức Ca Tỳ Ma La, người nước Hoa Thị - cô Ấn Độ. Ban đầu ông theo học ngoại đạo, sau bị Mã Minh đại sư thu phục quy y Phật giáo, thành tổ 13 của Tây Thiên. Ông dẫn đệ tử đến nước Tây Ấn, thái tử đương triều mời Tôn già vào cung cúng dàng. Tôn già lấy lý thân xuất gia không được thân cận vua, đại thần và nhà quyền thế để cự tuyệt. Ông lại dẫn đệ tử tạm trú ở một hang đá phía Bắc thành. Một con rắn to trong hang tuổi hơn 1000 năm, vòng quanh Tôn già, ngăn ông vào trong. Tôn già giảng Tam Quy Y kinh, măng xà được cảm hóa, biến thành một người già quy phục Tôn già. Trong động, về phương Bắc 10 dặm có cây to vạn năm, bóng cây có 500 rồng lớn ở, vua cây lớn gọi là “Long Thụ”, Long Thụ thường giảng kinh cho các rồng nghe. Ca Tỳ Ma La đến hỏi Long Thụ, Long Thụ nhận thấy Ca Tỳ Ma La là vị đức cao vọng trọng, trưởng giả Phật học uyên bác, bèn dẫn 500 rồng quy phục Ca Tỳ Ma La. Ca Tỳ Ma La truyền Cụ túc giới cho Long Thụ và các rồng, sử dụng thần thông lực khiến họ đều thoát khỏi kiếp súc sinh, đầu thai vào kiếp người, sau đó giao pháp tạng cho Long



Thụ, Long Thụ thành tổ 14 Tây Thiên. Sau khi truyền pháp, Ca Tỳ Ma La hóa lửa tự thiêu thân diệt độ, Long Thụ thu xá lợi dựng tháp cúng dàng.

402

TÔN GIẢ HUYỄN QUANG KHÔNG

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Huyền tức là Hóa, chỉ sự biến hóa làm huyền hoặc người ta. Theo *Diễn Mật sao*, quyển 4: “Huyền là hóa vậy, cái gọi là từ không mà bỗng có”. Chúng sinh sở dĩ không thể giải thoát, đều do nhìn giả mà cho là thực, thế là các Bồ tát như Huyền Hóa Không mượn huyền hóa không thực để điểm hóa chúng sinh, khiến họ khai ngộ, không vướng vào sự vật trong thế tục không thực như huyền của tự thân. *Viên Giác kinh* ghi: “Bồ tát lấy tịch tĩnh tuệ biến hóa muôn huyền lực để độ chúng sinh, sau đoạn phiền não, mà nhập tịch diệt”.



Tôn giả Huyền Quang Không

403

TÔN GIẢ KIM CƯƠNG MINH

Tôn giả là Phật đời vị lai. Theo *Bì Hoa kinh*, quyển 5: Phạn Chí Bà La Môn có 79 người con đều quy y Phật giáo,



Tôn giả Kim Cương Minh

xuất gia thành đệ tử Thanh văn của Thích Ca. 79 đệ tử khổ học cần tu mà công đức đủ đầy chứng quả vị Phật, Phật tổ nói cho họ khi nào thành Phật. Tại đời vị lai, qua vô số kiếp thứ nhất lại qua vô số kiếp lần hai, trong đó kiếp của kiếp thứ nhất gọi là “Ưu Bát La Hoa”, tại kiếp này có “Nguyễn ái Thế giới”, con của Bà La Môn Phạn Chi đang ở thế giới đó sắp thành Phật, vị thứ 71 thành Phật, Phật tên là Kim Cương Quang Minh, lại gọi là Kim Cương Minh Phật. Khi đó Kim Cương Minh có nhiều đệ tử, ông cùng đệ tử giảng pháp cho đại chúng, có vô số chúng sinh tin phụng Tam bảo, tuổi thọ mỗi người đều hơn 80 ức tuổi. Bốn phía của Nguyễn ái Thế giới không ngừng rơi rụng nhụy hoa Ưu Bát La, hương hoa vi diệu, tràn khắp muôn nơi, chúng sinh nghe mùi hương đó thì thân thanh tịnh, trong lòng tinh tịch, thân, tâm thoải mái hài hòa, tất cả bệnh đều khỏi, không bị phiền não và sợ hãi vậy khốn.

404

TÔN GIẢ LIÊN HOA TỊNH

Tức Liên Hoa Tịnh Bồ tát. Thường nghe Phật đà thuyết Vô thượng diệu pháp ở trên hội. *Đại Bảo Tích kinh*, quyển 117 ghi: Phật ở núi Linh Thử thành Vương Xá thuyết pháp, Liên Hoa Tịnh từ xa đến nghe giảng. Bồ tát ở trong vô số kiếp tu tập đạo nghiệp, bỏ của cải, xa rời ngoại đạo,

thành tựu các hạnh. Ông tướng mạo trang nghiêm, biện tài không vương, thường tuyên giảng Phật pháp cho chúng sinh, công đức to lớn, tiếng nổi 10 phương. Ông ý chí kiên định, thể lực kiên cường không hại lòng tử, thánh đức vô lượng mà lòng như hư không. Ông tâm tính thanh tịnh, khéo thấy tất cả khổ bệnh của chúng sinh, tùy bệnh mà trị đều được khỏi. Lại theo *Phật thuyết Vô ngôn đồng tử kinh*, quyển hạ: Liên Hoa Tịnh Bồ tát tại núi Xà Quạt thành Vương



Tôn giả Liên Hoa Tịnh

Xá thường cùng các Bồ tát thảo luận áo nghĩa của Phật giáo. Lại *Siêu nhật minh Tam muội kinh*, quyển hạ ghi: Bồ tát nói với Phật đà rằng: “Tại sao thành Bồ tát thù đặc chí tịnh hành?”. Phật đà nói: “Không bị ái dục làm nhiễm tất thanh tịnh; không bị diệt độ, không nhân sinh tử tức thanh tịnh; trong tam giới không nhiễm ngại tức thanh tịnh; bất kể cuối cùng xuất nhập như vô vi tức thanh tịnh; thương làm đại tử bị không xả buồn thì thanh tịnh; không đại đạo nào không cầu tức thanh tịnh”. Liên Hoa Tịnh Bồ tát thích giữ giáo hối của Phật đà.

405

TÔN GIẢ CÂU NA Ý

Tức Câu Na La, xem trọng ý kính Phật của thường dân nên được gọi là Câu Na Ý. Sau khi Phật nhập diệt 100 năm, dân thành Ba Liên Phất có 3 ức nhà, ban đầu vua A Dục ở đó



Tôn giả Câu Na Ý

không phụng thờ Phật mà dựng một tòa đại địa ngục, sát hại vô số dân chúng. Sau được cao tăng khuyên dụ, vua A Dục quy y Phật giáo, chiêu tập dân chúng tuyên bố bỏ 10 vạn lạng vàng cúng cho các tăng; lấy nghìn bình nước hương tưới gốc Bồ Đề, Phật tổ từng ở đó chứng nhập chính đạo. Con vua A Dục là Câu Na La giơ hai ngón tay cho mọi người xem, ý là sẽ cúng dàng của cải cho các tăng gấp hai vua cha. A Dục vương thấy thế, dâng vàng lên 30 vạn lạng, nước hương tăng lên 1000 bình. Câu Na La lại chỉ bốn ngón tay, ý là gấp bốn lần cha cúng thí các tăng. Vua A Dục rất không vui, hỏi con sao lại cạnh tranh. Quần thần cùng nói: “Đây là vương tử thông minh, biểu hiện thiện căn sâu”. Vua A Dục nghe vậy rất vui, nên tuyên bố đem hết của cải trong kho, phu nhân Diêm Phù Đề, cung nga mỹ nữ, các đại thần, cung nhân quyến thuộc và thái tử Câu Na La cúng dàng cho chúng tăng. Từ đó, Phật giáo được thịnh hành trên đất nước của vua A Dục, vương tử Câu Na La chứng quả vị A La hán.

406

TÔN GIẢ HIỂN THỦ TÔN

Tức Pháp Tạng, một vị cao tăng đời Đường - Trung Quốc, tổ tiên người nước Khang Cư - Tây Vực, sau chuyển đến Trường An. Năm 16 tuổi, ông đến tháp an táng vua A Dục vùng Tây Minh để tỏ lòng thành kính, sau đó nghiên cứu nghĩa lý *Hoa Nghiêm kinh*. Ông từng tham gia giảng kinh



trong trường do Huyền Trang chủ trì, nhưng kiến giải có nhiều khác biệt. Dưới thời Võ Hậu, ông chủ trì trường giảng kinh riêng, cùng mọi người chú dịch *Hoa Nghiêm kinh*, từng giảng giải kinh này trong cung của Võ Hậu. Võ Hậu ban cho ông tên “Hiền Thủ”, người đương thời gọi ông là Hiền Thủ Quốc sư. Tôn giả căn cứ theo lý luận của *Hoa Nghiêm kinh* phát triển tông phái này, được tôn làm tổ thứ 3 của Hoa Nghiêm Tông. Vì những đóng góp lớn của ông, mà tông Hoa Nghiêm được gọi là Hiền Thủ Tông. Ông từng là môn sư cho Vô Tắc Thiên, Đường Cao Tông, Trung Tông,... tiếng tăm lừng lẫy, Đường Trung Tông xây cúng ông 5 chùa Đại Hoa Nghiêm.



Tôn giả Hiền Thủ Tôn

407

TÔN GIẢ LỢI HOÀN LA



Tôn giả Lợi Hoàn La

Tôn giả sinh vào thời đạo Phật bị hủy hoại. Dưới thời đó, có vị ma vương tin theo ngoại đạo, hủy diệt chùa chiền, bỏ bảo tháp, bắt tăng hoàn tục, Phật giáo bị hủy hoại trầm trọng. Đạo tuy biến đổi, nhưng Tôn giả một lòng kính Phật, ông tin Phật pháp không tuyệt diệt, chính đạo sẽ thắng tà đạo, ngọn lửa trí tuệ Phật giáo sẽ bừng sáng. Ông là người chấn hưng được đạo, bảo

vệ ngôi Tam bảo, đem kinh và tượng giấu vào núi, hoặc chôn trong đất. Sau khi Hộ Pháp Thắng Vương của Phật giáo có mặt trên thế gian, chiến thắng ngoại đạo ma vương, trí tuệ Phật giáo lại tỏa ánh hào quang, chúng tăng đào đất lấy kinh lên lưu truyền rộng trong 10 phương thế giới. Khi đó, Tôn giả đã nhập tịch nhưng công đức của ông đối với Phật giáo luôn được mọi người sùng kính.

408

TÔN GIẢ ĐIỀU ĐỊNH TẠNG



Tôn giả Điều Định Tạng

Tức Bồ tát Điều Định Tạng. Theo kinh điển, Đức Phật cảm thấy khổ của người đời lẫn quẩn trong vòng sinh, lão, bệnh, tử liền rời xa thế tục xuất gia học đạo. Ông tu hành khắc khổ một mình trong 6 năm tại khu rừng bên sông Ni Liên Thiên nước Ma Kiệt Đà mà không chứng quả. Ông bỏ phép tu khổ hạnh, đến ngồi dưới gốc cây Bồ Đề, chứng được A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ đề. Theo *Sinh Kinh*, quyển 3: Sau khi Thích Ca chứng đạo, các vị Bồ tát 10 phương đều dời đất Phật

của mình đến bên Thích Ca nghe giảng giáo pháp, Bồ tát Điều Định Tạng cũng là một người trong số đó. Ông học theo đức hạnh của Phật, tất cả công đức đều viên mãn



TÔN GIẢ VÔ CẦU XÚNG

Tức Duy Ma La Cát. Duy Ma Cát, nghĩa là không bụi bấn. Kiếp trước của Tôn giả là Phật đà ở nước Diêu Hỷ, Phật hiệu là Vô Động. Khi Phật tổ giảng sinh xuống thế gian, Phật Vô Động cũng từ nước Diêu Hỷ chuyển sinh đến thành Tỳ Da Ly, thành một vị cư sĩ của Đại Thừa Phật giáo. Ông tinh thông lý luận Phật học, khéo dùng văn từ, giỏi trong biện luận, giúp Phật tổ tuyên truyền giáo pháp, dẫn dụ chúng sinh. Theo ghi chép: Một lần Phật tổ giảng kinh ở vườn cây Am



Tôn giả Vô Cầu Xung

Ma La, 500 vị nhân sĩ ở thành Tỳ Da Ly đến nghe giảng, Duy Ma Cát cư sĩ bị bệnh không đến. Ông nghĩ Thích Ca sẽ phái người đến thăm hỏi, đây là cơ hội nói giáo nghĩa Đại thừa Phật giáo với mọi người. Phật tổ đã biết ý đó, nên phái Bồ tát Văn Thù và Xá Lợi Phất tới, hai người đều nổi tiếng trí tuệ. Duy Ma Cát trên giường nói áo nghĩa sâu xa của Đại Thừa Phật giáo. Bồ tát Văn Thù và Xá Lợi Phất rất khâm phục. Những nội dung trong lần nói chuyện đó được ghi lại thành *Duy Ma kinh*, đây là trước tác quan trọng về lý luận của Đại thừa Phật giáo. Lại có thuyết cho rằng, tiền thân của ông là Kim Lật Như Lai chuyển sinh đến thành Tỳ Da Ly, ở trong ngôi nhà dài rộng một trượng, gọi là Phương trượng. Phương trượng tuy nhỏ, mà bất kể nhiều ít người đến nghe giảng kinh đều chứa hết.

TÔN GIÀ THIÊN ÂM THANH



Tôn giả Thiên Âm Thanh

Tức Bồ tát Thiên Âm Thanh, thường tham gia hội thuyết pháp cùng Thích Ca. Theo *Chư Pháp Vô Hành kinh*: Trong lần cử hành pháp hội tại núi Kỳ Xà Quật thành Vương Xá, Tôn giả cung kính lắng nghe. Sau khi nghe Phật đà khuyên nhủ, những kiến giải về Phật pháp của Tôn giả càng thêm sâu sắc, đạt đến mức thần thông quảng đại, trở thành người chấn hưng Phật giáo. Ông còn giảng giải nghĩa lý của Phật pháp cho chúng sinh, tiếng tăm lừng lẫy khắp nơi.

TÔN GIẢ ĐẠI UY QUANG

Thời xưa có vùng biển nước thơm trong sạch, trong biển có núi Đại Hoa Tu Di, trên núi có hoa Ma Ni nở trong rừng rậm, trong rừng có đạo tràng Phật giáo. Tại đó có vị Phật lên là Nhất Thiết công đức sơn Tu Di thắng hội Chư Phật tử đang giảng pháp cho chúng sinh, phía đông khu rừng có tòa thành lớn tên là Diệu Quang Minh, chu vi rộng 100 vạn ức tiểu thành. Trong thành có vị vua tên là Hỷ Kiến Thiện Tuệ, thống lĩnh 100 vạn thành nhỏ, ông có 500 con,



con trưởng tên là Đại Uy Quang, theo nghiệp tu lập nhiều công đức. Theo *Đại phương quảng Phật Hoa nghiêm kinh*, quyển 11: Một ngày từ khước mi Phật phóng ra ánh hào quang, danh từ “Quang” gọi là “phát khởi tất cả quang âm tốt”, người kiếp trước tu tập nhiều công đức được gặp ánh sáng này thì ngộ đạo, rũ bỏ mọi lo phiền, khổ nạn mà đạt được trí tuệ Phật. Thái tử Đại Uy Quang được tiếp xúc với ánh sáng này lập tức chứng được 10 loại pháp môn và quả vị Bồ tát, được trở về cõi Tu Di thanh tịnh và giữ chức Nhậm Ly Cấu Phúc Đức Tràng Đại Thiên Vương, thường xuyên cúng Phật những loại hoa quý và nghe giảng Phật pháp.



Tôn giả Đại Uy Quang

412

TÔN GIẢ TỰ TẠI CHỦ



Tôn giả Tự Tại Chủ

Theo *Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm kinh* số, quyển 57: “Tôn giả nghèo đói mà đức hạnh cao, thường truy tìm giáo lý trong kinh Phật. Người trong nước biết ông là người thanh tịnh đang hiện thế, người ở bên sông mà giữ được sự trong sạch, chuyện sống chết giống như sông không thể chìm, lại lập nhiều công đức. Đồng tử Tự Tại Chủ không sai 3 nghiệp, 6 căn không vương nên được

tự tại, chú trọng vào giới, giữ gìn sự trong sạch nên gọi là Đồng tử. Như vậy, có thể thấy rằng, tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh, ông kiên trì tu hành theo lời Phật tổ, khiến thân xác rời bỏ được trói buộc của phiền não, tiến thoái hợp lý, thông đạt mọi điều mà được tự tại.

413

TÔN GIẢ MINH THẾ GIỚI



Tôn giả Minh Thế Giới

Là cao tăng đời Đường, người Yến Su - Hà Nam, họ Trần, từ nhỏ theo anh xuất gia, pháp hiệu là Huyền Trang, thông hiểu kinh luận và kinh sách của Nho, Đạo, Bách gia. Giữa thời Tùy Đường, ông đi qua các nơi Lũng, Thục, Kinh, Triệu tham vấn các danh tăng, nghe họ giảng pháp, ông thấy rằng, đất Hán kinh điển Phật giáo còn nhiều khuyết thiếu liền lập chí về Tây thỉnh kinh. Thời Đường Thái Tông năm Trinh Quán thứ 2 (628), ông vượt ngàn dặm về Tây đến nước Thiên Trúc, từng học

Du Già tại chùa Già Lan Đà - thánh địa Phật giáo Ấn Độ, quyết tâm tìm cầu kinh Phật viết bằng tiếng Phạn. Vua Giới Nhật nghe danh tiếng Huyền Trang tổ chức tiếp đón long trọng. Trong khi trở về Đông Độ, vua Giới Nhật lễ tạ và tiễn đưa rất hậu, tặng cho 650 bộ kinh. Huyền Trang về nước được Đường Thái Tông và Cao Tông rất kính trọng, tặng pháp hiệu là Tam Tạng Pháp sư, được nhận lệnh phiên dịch kinh Phật, bao gồm 75 bộ, tổng cộng 1330 quyển. Năm Lân Đức nguyên



niên (664), Pháp sư Huyền Trang viên tịch, thụy hiệu là Đại Biến Chiêu, nghĩa là công đức của ngài sáng như mặt trời chiếu khắp thế gian. Đệ tử xây tháp ở Bắc thành Trường An, thu xá lị đem an táng và cúng dâng.

414

TÔN GIẢ TỐI THƯỢNG TÔN

Tức Bồ tát Tối Thượng. Theo *Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm kinh*, quyển 40 ghi: Khi đức Thích Ca chứng được vô thượng chính đẳng chính giác dưới gốc cây Bồ Đề bên sông Ni Thiễn Liên nước Ma Kiệt Đà, Bồ tát Tối Thượng đến bên Phật thành kính lễ bái. Ông nhận thấy sự thần thông trong bộ dạng Phật đà, tuy là người trần nhưng lòng thanh tịnh, có đủ trí tuệ và lòng từ bi, có thể hàng phục tà ma đem lại an bình cho chúng sinh.



Tôn giả Tối Thượng Tôn

415

TÔN GIẢ KIM CƯƠNG TÔN

Tức Tam Mạn Đa Bát Đà La, nghĩa chữ Hán là Phổ Hiền, hoặc Thông Cát, là đệ tử của Phật giáo Mật tông, nhưng lại quan hệ mật thiết với Bồ tát Văn Thù. Phổ Hiền đứng đầu



Tôn giả Kim Cương Tôn

trong giới Kim Cương nên Tôn giả Kim Cương là Bồ tát Phổ Hiền. Phổ Hiền và Văn Thù là hai thị giả của Phật tổ, Văn Thù cười sư tử, hầu bên trái Phật, Phổ Hiền cười voi trắng đứng bên phải Phật. Phổ Hiền chú trọng đến lý đức, định đức, hành đức của các Phật. Văn Thù chú trọng đến chí đức, chứng đức của Phật. Phổ Hiền nguyên thệ tu 10 nguyên hạnh kính lễ các Phật, tán tụng Như Lai, thường xuyên cúng dàng, trừ bỏ nghiệp chướng, vui vẻ công đức, đời chuyển Pháp luân, xin Phật xuất thế,... Bồ tát Phổ Hiền tâm tính từ bi, cứu độ chúng sinh, làm tăng tuổi thọ.

416

TÔN GIẢ XÚC MẠN Ý

Tức Bồ tát Xúc Mạn Ý. Theo *Bảo Nữ sơ vấn*: Khi Thích Ca đến gặp Như Lai tại cung Bồ tát tán tụng công đức, Tôn giả ngồi dưới nghe giảng pháp. Biết mình nếu tu nhiều pháp lực, trong giây lát có thể đi khắp đất Phật, cúng dàng 10 phương Như Lai Phật, ông thành tâm hướng Phật tham vấn ý nghĩa vi diệu của kinh Phật. Khi đạt được trí tuệ lớn, Tôn giả liền thi hành giáo hóa, đưa chúng sinh đến bờ giác ngộ và được giải thoát.



Tôn giả Xúc Mạn Ý

417

TÔN GIÁO VÔ LƯỢNG TỶ

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Tôn giả sinh ra trong đám chúng sinh bình thường, chịu muôn khổ não. Sau gặp cao tăng thuyết giảng mà quy y Tam bảo. Quy y Phật bảo, coi Phật là thầy; quy y Pháp bảo, dùng pháp làm vui; quy y Tăng bảo, lấy tăng làm bạn. Tôn giả giữ gìn ngũ giới: Giới sát sinh, giới trộm cắp, giới tà dâm, giới vọng ngôn, giới uống rượu, sau lại lĩnh hội được sự huyền diệu trong phép thanh tịnh, tìm về chân nguyên Phật pháp, tu hành đủ các giới, tức là: 4 Ba la di, 13 tăng tàn, 2 bất định, 3 thập xá đạo, 90 đàn đề, 4 đề xá ni, 100 chúng học, 7 diệt tịnh cùng 250 giới luật, sau khi trì giới đã lâu, tâm lặng như mặt nước, nhập vào thiền định, chứng ngộ được trí tuệ lớn, trừ bỏ được tất cả trở ngại mà giải thoát, chứng quả vị A La hán. Tôn giả coi giải thoát là thành tựu lớn và rất vui sướng. Trí tuệ của ông được biểu hiện qua lực thần thông, dùng lực này hàng phục ác ma, rũ bỏ phiền não, rộng ban từ bi khắp thế gian.



Tôn giáo Vô Lượng Tỷ

418

TÔN GIÁO SIÊU TUYỆT LUÂN

Tức Bồ tát Siêu Luân, đã từng tu hành vô số kiếp, đạt nhiều phép thần thông, trí tuệ rộng lớn. Ông vì thương



Tôn giả Tiểu Tuyết Luân

xót chúng sinh khổ ải mà không rời trần thế để đem lại an bình cho chúng sinh. Tuy ở thế gian nhưng lòng thanh tịnh, trụ ở quả vị Bồ tát mà không ở cõi giải thoát. Theo *Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm kinh*: Khi đức Thích Ca vừa thành chính giác tại đạo tràng Bồ Đề nước Ma Kiệt Đà, ông vượt qua muôn dặm đến thăm, để biểu thị lòng kính thành trước sự chứng đạo của Phật.

419

TÔN GIẢ NGUYỆT BỒ ĐỀ

Tức Bồ tát Nguyệt Bồ Đề. Theo *Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm kinh* quyển 80: “Khi Phật Thích Ca thành đạo, vạn vật trong thế gian bị kinh động, mặt đất xuất hiện 6 chấn động lớn, đất Phật 10 phương, núi rừng sông suối, thành thị cung điện đều chấn động, chúng sinh không hiểu chuyện gì, lo sợ không yên, khi đó Bồ tát Nguyệt Quang đến thăm các Bồ tát, ông vọt lên từ đất, an ủi chúng sinh không nên kinh sợ. Bồ tát Nguyệt Quang đem lòng từ bi giảng giải pháp Phật, nhiều người giàu



Tôn giả Nguyệt Bồ Đề

có bỏ của xuất gia học theo đạo, những người nghèo khó không tự ti gượng theo Phật tìm đường giải thoát. Vì thế, Bồ tát linh ngộ được Phật pháp, chỉ một lần niệm có thể giải Phật pháp của các Phật trong tam thế. Qua tu hành, Tôn giả Nguyệt Quang có được đức hạnh của Phổ Hiền, trí tuệ cao, giống như mặt trời chiếu sáng, dẫn dắt chúng sinh dần xa vọng tưởng, mọi khổ căn đều được đoạn trừ.

420

TÔN GIẢ TRÌ THẾ GIỚI

Tức Bồ tát Trì Thế Giới. Tên ngài được gọi theo đức hạnh. Qua vô số kiếp tu hành, miệt mài đối với các pháp không lười biếng, ông không cho giải thoát được bản thân là đủ nên phát nguyện mãi ở thế gian để cứu độ cho chúng sinh. Ông không quản xa xôi vì mọi người mà giảng pháp khiến mọi người thông hiểu, nhờ lực thần thông mà có trí tuệ lớn, tất cả đều tùy theo tâm nguyện chúng sinh mà ông đưa ra cách dẫn dụ hợp lý, để chúng sinh dù là ngu si cũng dần dần xa được tạp nhiễm, tìm về bản tâm thanh tịnh.



Tôn giả Trì Thế Giới

TÔN GIẢ ĐỊNH HOA TRÍ



Tôn giả Định Hoa Trí

Tức Cầu Na Bạt La, người nước Ma La Ba, xuất gia tại chùa A Lan Nhã, từng đến nước Sư Tử, chứng được đạo Tiểu thừa tại chùa Khiếp Ba Lợi. Thời Nam Tống, ông đến Trung Quốc, được vua Văn Đế hết lòng kính ngưỡng, sắc cho trụ trì chùa Diên Kì Hoàn. Mỗi khi ông giảng kinh tại chùa, chúng sinh vân tập lắng nghe lời giảng. Vị Tôn giả này có thần thông diệu lực. Một ngày mùa hạ trước ngày an cư, một tín đồ dâng hoa lên ông và cầu xin ông nhập thiền tu định. Mùa an cư kết thúc chỉ còn lại Tôn giả cầm bông hoa như xưa, hương thơm ngào

ngạt, chúng tăng rất khen ngợi. Ông biết trước thời gian viên tịch, tắm rồi thay áo, hai tay hợp thành chữ thập, ngồi ngay mà hóa. Theo *Lương Cao Tông truyền*: Khi ông hóa có rồng dài hơn một trượng từ trong nhà bay lên trên trời. Văn Đế nghe tin Cầu Na Bạt Ma viên tịch lòng rất thương xót, mệnh cho chúng tăng dựa theo Phật pháp mà thiêu, thu xá lợi dựng tháp cúng dàng.

TÔN GIẢ VÔ BIÊN THÂN

Tức Vô Biên Thân Bồ tát. Theo *Thập vạn sinh kinh*: Chúng sinh nếu quyết tâm tu hành, chuyên cần niệm tên

hiệu A Di Đà Phật, cầu vãng sinh cực lạc quốc độ, Phật A Di Đà sẽ cho Vô Biên Thân Bồ tát cùng 25 vị bảo hộ người thành tâm tu hành niệm Phật, khiến cho ác quỷ, ác thần không dám xâm loạn, ngày đêm được yên ổn. Lại trong *Từ Bi đạo tràng sám pháp* ghi: Vô Biên Thân Bồ tát và Quan Thế Âm Bồ tát là “Người cha đại từ bi của thế gian”, khuyến cáo chúng sinh thành lễ quy y, để được quả phúc. Bồ tát nhờ có đức hạnh mà có tên gọi như vậy. Vô Biên Thân chỉ thân rộng lớn vô cùng, đó chính là cách mệnh danh chỉ vị Bồ tát có trí tuệ, thần thông, pháp lực, lòng từ bi vô cùng.



Tôn giả Vô Biên Thân

423

TÔN GIẢ TỐI THẮNG TRÀNG



Tôn giả Tối Thắng Tràng

Phật thành đạo không lâu, tại điện Phổ Quang Minh thuyết pháp cho các Bồ tát. Theo *Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm kinh*, quyển 40: Các Bồ tát như Tối Thắng Tràng đều hướng Phật thỉnh giáo: Khi nào đạt được đức hạnh và trí tuệ của Phổ Hiền Bồ tát; khi nào mới tu thành các Đại tam muội, có thể tùy ý xuất nhập Tam muội, tự do biến hóa không ngừng, thi triển thần thông? Phật tổ nói với đại chúng: Phổ Hiền đúng là công đức

vô lương, nguyện hành của ông đối với Bồ tát quá khứ, hiện tại, vị lai đều có tác dụng, mà thần thông biến hóa của ông cao trên các Bồ tát, tùy lòng mà muốn, thần thông tự như, thật là bất khả tư nghị. Phổ Hiền Bồ tát hiện ở đây, đây là cơ hội khó gặp, xin mời ông vì mọi người thuyết pháp. Khi Phổ Hiền Bồ tát thuyết pháp cho chúng Bồ tát, Tối Thắng Tràng Bồ tát thu được ích lợi không nhỏ, thêm nguyện hạnh thanh tịnh, không thể thoái chuyển, có thể giải thoát trong Tam muội, biến hóa tự như, đạt được đạo Bồ đề, mà nguyện lực của bản thân thêm lợi ích cho chúng sinh, bất kể là hiện tại hay tương lai, vì sự nghiệp của Phật mà bảo vệ Tam bảo, bảo vệ đất nước, không hề mệt mỏi.

424

TÔN GIẢ KHÍ ÁC PHÁP



Tôn giả Khí Ác Pháp

Tức Khí Ác Pháp Bồ tát. Theo *Văn Thù Sư Lợi Phật độ nghiêm tịnh kinh*, quyển thượng: Khí Ác là người nước Ma Kiệt Đà, dòng họ cao quý. Khi Thích Ca đến Cai Thành nhận cúng thí, Khí Ác đến đón. Ông tận mắt thấy pháp lực của Phật, trong lòng cảm kích, cúi dưới chân Phật, đi quanh 3 vòng biểu thị tôn kính, sau đó xin Bồ tát hành pháp. Phật tổ giải thích tường tận cho ông. Khí Ác chứng ngộ, trong lòng vui vẻ, thân như bay lên không trung cách đất 7 nhận. Phật tổ nói, Bồ tát Khí Ác sau 620 vạn kiếp sẽ thành Phật, hiệu



là Tịch Hóa Âm Như Lai, cho thế giới yên ổn. Theo *Tri tâm Phạn Thiên sở vấn*, quyển 2: Bồ tát Khí Ác nói “Giả như Bồ tát có thể dời đất Phật thì có thể trừ mọi điều ác”, vì thế, ông có tên gọi là Khí Ác Bồ tát.

425

TÔN GIẢ VÔ NGẠI HÀNH

Sau khi Phật tổ thành đạo không lâu, ngài thuyết pháp cho Bồ tát ở điện Phổ Quang Minh, Vô Ngại Hành cũng có mặt tại đây. Các vị Bồ tát nhớ đến nguyện hành của Phổ Hiền thần thông biến hóa không thể bàn thêm. Khi đó, Phổ Hiền Bồ tát cũng đến nghe Phật giảng pháp. Vì mọi nguyện đã đạt, Phật tổ xin Phổ Hiền giảng giải hạnh nguyện của bản thân và cách tu luyện Tam muội. Bồ tát Vô Ngại Hành cùng các Bồ tát khác lĩnh hội thêm được rất nhiều, lòng được



Tôn giả Vô Ngại Hành

thanh tịnh không trở ngại, dùng bản nguyện làm lợi cho chúng sinh không biết mệt mỏi. Bồ tát Vô Ngại Hành lại có đủ 4 vô ngại trí. Thứ nhất là, khéo giảng giải câu cú trong kinh, phương pháp truyền dạy dễ hiểu nên được gọi là Pháp Vô ngại; thứ hai là, có thể kiến giải chính xác nghĩa lý từng câu trong kinh điển gọi là Nghĩa Vô ngại; thứ ba, thông hiểu các loại phương ngôn, văn tự của các nước, có thể dùng mọi ngôn ngữ để giảng pháp gọi là Từ Vô ngại; thứ tư, vì mọi người giảng pháp mà trong lòng vui vẻ, chúng sinh khi

thụ giảng lòng cũng vui vẻ gọi là Lạc thuyết Vô ngại. Bồ tát Vô Ngại Hành đem 4 vô ngại hành trong thế gian làm lợi chúng sinh, công đức vô lượng.

426

TÔN GIẢ PHỔ TRANG NGHIÊM



Tôn giả Phổ Trang Nghiêm

Tức Bồ tát Phổ Trang Nghiêm. Theo *Đại phương quảng Hoa Nghiêm kinh*, quyển 4: Khi Thích Ca tính tọa dưới gốc Bồ đề bên bờ sông Ni Thiễn Liên nước Ma Kiệt Đà và bắt đầu thành chính giác, Bồ tát Phổ Trang Nghiêm đã từng đến Đạo tràng Bồ Đề lễ bái, được quán đỉnh, có đầy đủ đức hạnh của Bồ tát, chứng được Tam muội, làm yên ổn tất cả chúng sinh, lực thần thông tự tại ngang với Như Lai, trí tuệ thâm nhập được vào chân lý, hàng phục ma quỷ, tuy ở thế gian nhưng lòng thanh tịnh.

427

TÔN GIẢ VÔ TẬN TỪ

Tôn hiệu là Quan Âm Bồ tát Đại Từ, còn có tên gọi khác là Thánh Quan Âm Bồ tát, là 1 trong 6 vị Quan Âm, là bộ chủ trong bộ Hữu Phương Liên Hoa giới Thai Tạng. Chúng sinh



trong thế gian có hành vi bất chính hoặc hủy báng Phật pháp, phá hoại giới luật, chùa chiền, hoặc có người vọng tưởng với Thánh hiền, Tôn giả đều trừ bỏ giúp, ông được sự tôn kính của người đời, được người ca tụng, danh nổi bốn phương, có công bổ khuyết chỗ thiếu của kinh điển, là người thực học. Chúng sinh làm việc ác hoặc điều xấu, kiếp sau đọa thai làm quỷ đói. Trong kiếp này bị lửa thiêu, diện mạo như dáng quỷ, sau đó bị đưa vào thành Ngạ quỷ chịu sự đói khổ. 100 năm thậm chí



Tôn giả Vô Tận Tử

1000 năm, không được nghe nước chảy, không nhìn thấy một hạt gạo, không được uống, ăn. Khi Thiên thần giao dịch thì đuổi quỷ đói tới phục vụ lao dịch, trong hoàn cảnh này, khổ không nói hết. Chúng sinh bị lạc vào cõi Ngạ quỷ cần cứu vớt, Bồ tát Đại Từ Quan Âm có lòng đại từ bi, chuyên phá nghiệp của quỷ đói ma đạo. Hiện tại, nếu ai đã bị chuyển sinh vào cõi này, nếu thành tâm niệm danh hiệu Bồ tát sẽ được tiêu tan khổ ải; người sắp chuyển sinh vào cõi Ngạ quỷ, thành tâm niệm danh hiệu Đại từ Bồ tát thì được kiếp sau miễn sinh vào đường Ngạ quỷ.

428

TÔN GIẢ THƯỜNG BI MÃN

Tức Thường Bi Bồ tát. Theo *Lục Độ Tập kinh*, quyển 7: Ông sinh thời không có Phật, chúng sinh bỏ chính theo tà, thật hư lẫn lộn, như bướm bay vào lửa mà không tự



Tôn giả Thường Bi Mẫn

biết. Ông thấy đời ô trọc, muốn gặp Phật nghe pháp mà không được, nên ngày ngày khóc lóc. Như Lai ảnh Pháp Vô Nhuế Phật nhập Niết bàn thấy thế cảm động, nên trong mộng đã thuyết kinh cho ông, ông nghe pháp như người đói lâu được ăn, vô cùng vui sướng. Ông bỏ vợ con, gia đình xuất gia, vào núi tu hành, ăn dựa cho no. Trong núi mỗi lần nghĩ tới đời ô trọc, mà không gặp các Phật thì càng buồn thương. Thiên thần chỉ cho ông ngưng tâm thanh tịnh, đi về đông, cầu chính pháp. Ông mong gặp các Phật, vừa khóc vừa đi. Thường Bi thành tâm thấu trời, các Phật hiện thân lấy uy nghi chỉ dẫn ông khai ngộ. Sau vô số thành tựu tu Phạn hạnh, ông mãn đại nguyên, hưng long Phật pháp, nói truyền Tam bảo, không bỏ lòng từ cứu độ chúng sinh. *Đại phương tiện Phật bảo ân kinh* còn ghi: Ông đã từng đến núi Kỳ Xà Quật thành Vương Xá nghe Phật thuyết pháp.

429

TÔN GIẢ ĐẠI TRẦN CHUÔNG

Tôn giả an trú tại Thế giới Chủ Giải thoát - quốc độ rất xa xôi, nằm về phía Đông nước Ấn Độ, đã chứng quả vị Phật. Theo *Phật thuyết thập nhị Phật danh thân chủ hiệu lượng công đức trừ chương diệt tội kinh*: "Tôn giả này tên là Hư Không Công Đức Thanh Tịnh Vi Trần... Như Lai A La Ha Tam Miêu Tam Phật Đà". Tôn giả tự do qua lại

các vùng đất Phật, giảng pháp cho chúng sinh. Thiện nam, tín nữ phạm vào 4 trọng tội, 5 điều trái hoặc phỉ báng Phật giáo, hoặc xuất gia phạm giới luật, lâu ngày tội thêm nhiều, như bàn chân dẫm đạp, tạo ra vô số hạt vụn, mỗi hạt vụn như một tội kiếp. Người phạm vô số tội, nhưng sau thành tâm, xưng tụng tên hiệu Tôn giả, thành thực hối lỗi, dốc lòng sửa đổi, thành kính lễ bái thì các tội được tiêu trừ. Những người lương thiện thanh bạch khi tụng tôn hiệu ngài, lại thành kính lễ bái thì sẽ được hưởng phúc lành và những điều may mắn.



Tôn giả Đại Trăn Chương

430

TÔN GIẢ QUANG DIỆM MINH



Tôn giả Quang Diệm Minh

Tức Bồ tát Quang Diệm Minh, tên ngài được gọi theo đức hạnh. Hòa Diệm là thế giới ánh sáng, đầy uy lực của Bồ tát. Theo *Tán A Di Đà Phật kệ*: Gặp ánh sáng này các tội tiêu trừ. Theo *Vô Lượng Thọ kinh*, quyển thượng: "Ánh sáng vô biên chiếu khắp thế giới". Đức hạnh và pháp lực của Tôn giả cùng hàng với Phật A Di Đà. Theo *Đại phương quảng Hoa Nghiêm kinh*: Khi đức Phật vừa chứng được chính giác dưới gốc Bồ Đề bên dòng

sông Ni Liên Thiên nước Ma Kiệt Đà, Bồ tát Quang Diệm Minh đến đây thành kính lễ bái.

431

TÔN GIẢ TRÍ NHÂN MINH



Tôn giả Trí Nhân Minh

Vị Tôn giả này có đủ 5 trí, đã chứng quả vị Bồ tát. 5 trí gồm: Trí thông đạt: khám phá hết bụi trần, xa rời thế tục mà đạt được phép Phật; Trí tùy niệm: có thể nhớ các việc kiếp trước rồi rút ra kinh nghiệm làm lợi chúng sinh; Trí an lập: có thể ước thúc lời nói và hành động của bản thân để gò ép theo giới luật và trở thành vị đệ tử chân chính; Trí hòa hợp: tìm hiểu các phương pháp tu luyện trong thế gian, rút ra kinh nghiệm cho bản thân để nghiệp tu ngày càng tiến bộ; Trí như ý: Vì lợi ích của chúng sinh mà làm mọi việc, mở rộng sự ảnh hưởng của Phật pháp, không việc gì không làm theo tâm. Có được 5 trí của Tôn giả thì như có được nhãn trí (trí của mắt). Nhãn trí không phải mắt thường, không phải mắt trời mà do học tập, nhìn nhận muôn vật tìm ra chân lý. Qua việc học tập mà có trí tuệ này, giống như đôi mắt sáng nhìn thấu mọi vật, rồi phân tích và nhận thức được sự tồn tại của muôn vật trong thế gian, không diêm hoại nghi, không còn chướng ngại.



TÔN GIẢ KIÊN CỐ HÀNH

Tức Bồ tát Kiên Cố Hành, tên ngài được gọi theo đức hạnh. Kiên giống như gốc rễ cây không lay động, Cố là sự vững vàng khi tiếp vật. Kiên Cố chỉ cái tâm không biến động, giống như các Bồ tát một lòng tin theo Phật pháp mà chứng quả vị, trí tuệ viên thâm, thần thông quảng đại có thể hàng phục tà ma, giải thoát chúng sinh. Theo *Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm kinh*: Khi Thích Ca mới chứng được A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ đề tại đạo tràng Bồ Đề nước Ma Kiệt Đà, Bồ tát Kiên Cố Hành đã đến đạo tràng, thành tâm kính lễ, nghe Phật giảng pháp.



Tôn giả Kiên Cố Hành

TÔN GIẢ CHÚ VÂN VŨ

Nhờ khả năng hô mưa, gọi gió mà Tôn giả có tên gọi như vậy. Người dân khi mặt trời lên thì đi làm, lặn thì nghỉ; được mùa (ngũ cốc tốt tươi) nhân dân vui vẻ, đem ngũ cốc dâng Phật, đó cũng là nguyện vọng. Khi hạn hán, bão táp, hạn không mây, lâu không mưa, đất nứt toác ra, gió nóng tới, muôn vật héo khô, đất đỏ ngàn



Tôn giả Chú Văn Vũ

dậm, quả lép, hạt khô, ai oán đến trời. Mỗi khi hạn hán, nếu thành tâm kính lễ Tôn giả, Tôn giả chiều theo nguyện vọng của chúng sinh từ không trung bay xuống, niệm câu thần chú, phá trừ hạn hán, mây đến, mưa nhuộm khắp nơi, muôn vật tốt tươi, chúng sinh thoát khổ. Tôn giả hô mưa gọi gió, công đức vô lượng, sau chứng quả vị A La hán.

434

TÔN GIẢ BẤT ĐỘNG LA

Tức Bồ tát Bất Động. Theo *Đại Bảo Tích kinh*, quyển 19: Cách nơi đức Phật cư trú về phía Đông 1000 thế giới có chùa Diệu Hỷ, Quảng Nguyệt Như Lai từng hiện thân ở đây giảng pháp. Trong khi giảng pháp, một vị Tỳ kheo đứng lên phát thệ: Thưa! Nay tôi chứng được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ đề tâm, không siểm nịnh, không ngông cuồng, lời nói trung thực, truy cầu Nhất thiết trí mà chưa chứng được quả vô thượng Bồ Đề, nếu chúng sinh rạp tâm hăm hại, tôi nguyện hiện thân trong thế giới vô biên để giảng về các phép của đức Như Lai. Vì thế, Tỳ kheo này thành Bồ tát Bất Động. *Nhân vương hộ quốc Bát Nhã Ba La Mật Đa kinh*, quyển thượng có bài kệ rằng: “Bồ



Tôn giả Bất Động La

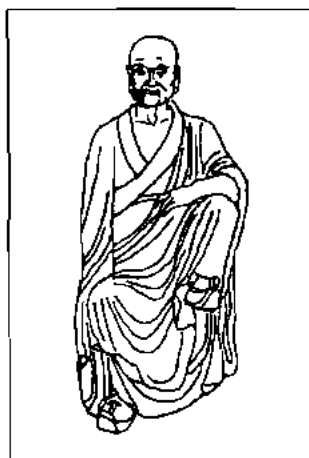


tát Bất Động vua nhị thiên, thân biến thường tự tại, trong trăm vạn kiếp vi trần, tùy hình hóa chúng sinh, là đệ nhất nghĩa mà không động”.

435

TÔN GIẢ PHỔ QUANG MINH

Tôn giả khéo tu thiền định Tam Ma Đề, thần thông quảng đại, là một đại sư huyền ảo về pháp thuật. Theo *Độ chú Phật cảnh giới trí quang nghiêm kinh*: Bồ tát Phổ Quang Minh ngồi tu thiền định, phát động lực thần thông, khiến cho thế giới 10 phương chấn động; ông lấy công đức ban cho một phương Phật độ thì các nơi trên thế gian đều thụ ích lợi Phật độ; khiến cho tín đồ Như Lai của 10 phương thế giới trình diện cho tín đồ Như Lai một phương thế giới; đem tướng thân chư Phật trình hiện trước chúng sinh thế gian; cũng mang hình tượng tự thân hiện cho thế gian; có thể cho chúng sinh thế gian thấy quá khứ, vị lai, cũng như việc hiện tại; có thể khiến cho tự thân và người khác nhập vào Tam Ma Đề thiền định; lại khiến cho thế giới một phương nhập vào lỗ hồng to nhỏ của một sợi lông. Bồ tát lấy thần thông lực vô biên hàng phục ma chương, làm lợi ích cho chúng sinh, kiến lập công đức vô lượng trên thế gian.



Tôn giả Phổ Quang Minh

TÔN GIẢ TÂM QUÁN TỊNH



Tôn giả Tâm Quán Tịnh

Theo đạo Phật, chúng sinh có tâm thanh tịnh, nếu biết xa rời tạp nhiễm thì sẽ có Tâm tự tính thanh tịnh, hay còn gọi là tâm Như Lai tạng, chân tâm. Trong mỗi chúng sinh đều có tâm Bồ đề, tự tính trong sáng như mặt trăng, nên luôn giữ gìn, đừng để vương bụi. Theo *Bồ đề tâm luận*: “Giữ được bản tâm tự nhiên thanh tịnh, như trăng tròn chiếu sáng muôn nơi mà không phân biệt”. *Đại Nhật kinh* ghi: “Lòng không trở ngại sẽ có tâm Bồ đề”. Tâm như mặt trăng luôn trong sáng, không bụi bặm, thì có thể đạt được tâm Bồ Đề viên mãn. Tôn giả Tâm Quán Tịnh phá bỏ tất cả trở ngại tu thiền định mà được tự tại, sau chứng quả vị La hán.

TÔN GIẢ NA LA ĐỨC

Tức Bồ tát Na La Đạt, vì có phẩm đức đầy đủ cho nên gọi là Na La Đức. Theo *Quán hư không tạng Bồ tát kinh*: Thế gian có 8 vị Đại Bồ tát, từ vô số kiếp đến nay không ngại khổ nhọc mà học Phật đạo, họ đều được công đức viên mãn, có thể chuyển sinh làm Phật, nhưng 8 vị Đại Bồ tát đều

chưa đạt được ngôi vị Phật. Na La Đạt là vị thứ 4 trong tám vị Đại Bồ tát đó, ông thường trụ tại thế gian hộ trì cho chúng sinh. Nếu có người bệnh tật, chỉ cần xưng tán danh hiệu ngài thì bệnh được thuyên giảm; nếu có người gặp tai nạn, chỉ cần xưng tán danh hiệu ngài thì sẽ được chuyển hung thành cát, gặp nạn hóa may; nếu thường cúng lễ ông thì đạt được phúc báo hiện thế gian, sau khi chết được nghênh tiếp tới thế giới Cực lạc, chuyển sinh trong hoa sen, trở thành Bồ tát bất sinh bất diệt.



Tôn giả Na La Đạt

438

TÔN GIẢ SƯ TỬ TÔN



Tôn giả Sư Tử Tôn

Người Ấn Độ, họ Bà La Môn, ông là tổ 24 trong 28 tổ Tây Thiên. Theo *Cảnh Đức truyền đăng lục*: Tổ 23 là Hạc Lạc Na khi du hóa, thấy Sư Tử có tuệ căn, bèn xuống tóc và giao chính pháp nhân tạng cho ông. Sư Tử cũng hành hóa 4 phương, đến nước Kế Tân dạy thiền định, tri kiến, chấp tướng, xả tướng, bát ngũ, các chúng đều quy y Phật giáo, danh tiếng vang động. Sau ông gặp Bà Xá Tư Đa nhận làm đệ tử, rồi

phó pháp tạng, lệnh cho đến Nam Ấn hành hóa, Sư Tử ở lại nước Kế Tân. Bọn ngoại đạo cùng nhau mưu phản, chia rẽ Phật giáo, nhưng việc không thành. Qua việc này, vua căm ghét đạo Phật, phá bỏ chùa chiền, đuổi chúng tăng. Vua tự tay cầm kiếm chặt đầu Sư Tử, một dòng máu trắng vọt lên cao vài thước. Một lúc sau, tay trái vua tự rơi xuống đất, sau 7 ngày thì chết. Thái tử lên ngôi mai táng Sư Tử, xây tháp cúng dàng.

439

TÔN GIẢ PHÁP THƯỢNG TÔN



Tôn giả Pháp Thượng Tôn

Ông an trụ tại vùng Phổ Quang Minh, cách xa Đông Ấn. Đây là đất giáo hóa của Cát Tường Vương Phật, trong thế giới này có vị Bồ tát là Pháp Thượng Đại, có 63 ức Bồ tát là quyến thuộc. Khi thuyết pháp, ông bay lên không trung, biến hóa thân ẩn trong cây Thất Đa La, rồi giảng giải về Pháp môn Bồ tát Đà La Ni Kim Cương Chân Ngôn. Một ngày, phía tây xuất hiện ánh hào quang và có tiếng chuông vọng lại. Bồ tát Pháp Thượng hỏi đây là điềm gì? Cát Tường nói: Thế

giới Sa Bà ở Tây Phương, chúng sinh được Thích Ca giáo hóa, vị Phật này công đức lớn lao, pháp lực vô biên, toàn thân phát sáng, lại phát ra tiếng chuông có ý chiêu tập các Bồ tát trong thế giới Đại Tam Thiên nghe kinh, ngài nên lập tức đến đó. Theo *Đại Bảo Tích kinh*, quyển 58: Pháp



Thượng nghe lời dẫn 63 ức Bồ tát bay về Tây, bỗng dừng muôn nhạc cùng tấu, hoa tươi rơi rụng, các phướn, tràng rất trang nghiêm, trong khoảnh khắc bay đến thế giới Sa Bà, dẫn các Bồ tát vây quanh tòa sen của Đức Thích Ca lắng nghe giảng kinh.

440

TÔN GIẢ TỊNH TIẾN BIỆN

Theo Lục Độ Tập kinh quyển 6 ghi: “Trong thời quá khứ, Nhất Thiết Độ Vương Như Lai Vô Sở Trước Tối Chính Giác Phật, giảng kinh cho người trời. Trong số đại chúng nghe giảng, có hai vị Tỷ kheo tên là Tịnh Tiến Biện và Đức Lạc Chính. Tịnh Tiến Biện chuyên tâm nghe giảng, hết sức vui mừng và chứng phép Bất Thoái Chuyển, còn Đức Lạc Chính thì ngủ nhiều không hiểu gì. Tịnh Tiến Biện khuyên Đức Lạc Chính cố gắng tu hành để có tâm giác ngộ thì không



Tạng giả Tịnh Tiến Biện

nên ngủ nhiều, Đức Lạc Chính nghe lời nhưng dưới gốc cây lại ngủ liên miên, trong lòng phiền loạn không yên. Khi tỉnh dậy thấy mình bên dòng suối, nghiêm túc suy nghĩ một hồi nhưng không tìm ra cách gì lại ngủ tiếp. Tịnh Tiến Biện giúp ông ta, hiến phép thần thông, hóa thành vua ong mật bay đi bay lại trước mắt Đức Lạc Chính. Đức Lạc Chính mơ màng rồi ngủ tiếp, thế là ong mật liền đốt ông ta cho tỉnh dậy, vua ong mật hiện trên cánh hoa trên suối, Đức Lạc

Chính sợ hãi không dám ngủ nữa. Tinh Tiến Biện nhân đó mà giảng pháp cho ông giác ngộ.

441

TÔN GIẢ LẠC THUYẾT QUẢ



Tôn giả Lạc Thuyết Quả

Tức Đại Lạc Thuyết, đã từng nghe Phật giảng pháp. Theo *Lược dị tướng kinh*, quyển 6: Một ngày, khi Phật chuẩn bị giảng pháp, mặt đất bỗng mọc lên một tòa tháp báu sừng sững cao đến cung Tứ Thiên vương, các Bồ tát vui mừng hỏi Đức Thế tôn về nhân duyên đó. Phật tổ nói: Từ xa xưa có nước Phật tên là Bảo Tịnh ở phương Đông, vị Phật an trụ ở đây tên là Đa Bảo từng thể trước khi nhập Niết bàn, từ nay về sau nếu nơi nào giảng *Pháp Hoa kinh* thì tháp này mọc lên nghe

kinh. Bồ tát Đại Lạc Thuyết nghe xong rất vui, nguyện cùng các Bồ tát chiêm ngưỡng sự tôn nghiêm của tòa tháp và nghe *Pháp Hoa kinh*. Thân đức Phật rạng ánh hào quang, tay trái chỉ vào cửa tháp. Khi tháp mở ra, Đa Bảo Phật rời khỏi Niết bàn lên tiếng: Thiện tai! Thích Ca hãy giảng *Pháp Hoa kinh*, ta vì muốn nghe mà tới. Đức Thích Ca cùng Đa Bảo Phật ngồi trên tòa Sư Tử dùng phép thần thông nói với các Bồ tát tại đó và trên không trung, rồi tuyên giảng *Diệu Pháp Liên Hoa kinh*. Bồ tát Đại Lạc Thuyết là người chăm chú nghe nhất trong các Bồ tát.



TÔN GIẢ QUÁN VÔ BIÊN

Tức Bồ tát Quán Vô Biên, tên ngài được gọi theo đức hạnh. Quán tức quan sát để thấu hiểu chân lý. *Ma Ha chỉ quán*, quyển 5 nói: Pháp giới mở rộng muốn việc rõ ràng, nên gọi là Quán. Vô Biên chỉ sự rộng lớn không biên giới. Theo *Đại Thừa khởi tín luận*: Khoảng không vô biên nên thế giới vô biên, vì vậy chúng sinh vô biên; chúng sinh vô biên nên tâm hạnh khác nhau cũng vô biên. Tôn giả Quán Vô Biên đem tâm tính và trí tuệ sáng suốt xem xét thế giới vô biên, chúng sinh vô biên và sự khác biệt về tâm hạnh trong chúng sinh vô biên, sau mới thi hành giáo hóa, qua sự đối chứng tới bờ giải thoát. Theo *Phật danh kinh*: Khi các vị Bồ tát trong 10 phương đang kính lễ Phật tại La Liệt ứng, nhiều lần nhắc tên Bồ tát Vô Biên Quán. Những ai thành tâm hướng tới vị Bồ tát này hành lễ sám hối thì có thể rửa hết tội và được hưởng quả phúc.



Tôn giả Quán Vô Biên

TÔN GIẢ SƯ TỬ PHIÊN

Tức Quan Âm Sư Tử Vô Úy, là một trong 6 vị Quan Âm. Chúng sinh trong thế gian, nếu không biết tu tập công đức thì kiếp sau không được đầu thai mà bị chuyển sinh vào



Tôn giả Sư Tử Phiên

Lục đạo. Nếu có người phạm vào 5 việc thì kiếp sau phải đầu thai vào cõi súc sinh. Thứ nhất, người xuất gia vi phạm giới luật cho đến người không xuất gia ăn cắp của người; thứ 2, rêu bô trách nhiệm không biết hối cải; thứ 3, sát hại sinh mạng chim thú; thứ 4 không nghe theo kinh Phật; thứ 5, gây tội ác nặng sẽ bị chuyển sinh vào Ngạ quỷ hoặc Địa ngục, nếu biết cúng dàng cho chúng tăng có thể được giảm nhẹ tội, không bị đày vào Địa ngục mà được chuyển sinh vào cõi Súc sinh, rong ruổi trong rừng, tàn sát nhau, hoặc được người nuôi thì phải phục dịch, tính súc sinh ngu độn, chịu nhiều khổ nạn. Quan Âm Sư Tử Vô Úy dùng uy mãnh của Thủ vương có thể giải trừ mọi nỗi khổ trong cõi Súc sinh, đưa cúng dàng chúng sinh trở về chính đạo.

444

TÔN GIẢ PHÁ TÀ KIẾN

Tức Bồ tát Phá Tà Kiến Ma, tên ngài được gọi theo đức hạnh. Tà Kiến là nương theo đạo lý chủ trương không nhân - quả, trên đời không có nguyên nhân của kết quả, và kết quả không sinh ra từ nguyên nhân, cho nên làm ác mà không sợ, làm tốt không cho là hay. Phật giáo cho đây là tà đạo cần phá trừ. Tôn giả Phá Tà Kiến là vị Bồ tát giúp chúng sinh trừ bỏ ác tà. Theo Phật



Tôn giả Phá Tà Kiến

đanh kinh: Phá Tà Kiến Bồ tát được nhiều người kính trọng và biết vị Bồ tát này khuyến thiện trừ ác, lại thường dùng pháp lực và công đức để bảo vệ thế gian.

445

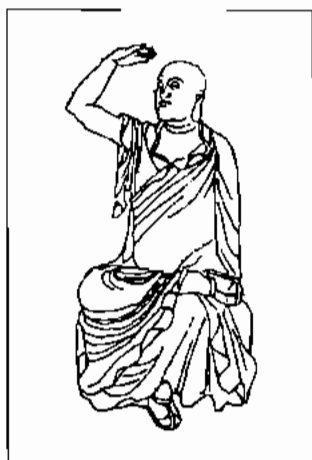
TÔN GIẢ VÔ ƯU ĐỨC

Tôn giả Vô Ưu Đức là phân thân Phật của Thích Ca. Khi Thích Ca giảng pháp cho chúng sinh trên đỉnh núi Linh Thứu thành Vương Xá, toàn thân phát ánh hào quang chiếu khắp Tam thiên Đại thiên thế giới. Hào quang như muôn đóa hoa sen hương bay rộng khắp, Thích Ca ngồi trên nhụy hoa giáo hóa chúng sinh. Tôn giả Vô Ưu Đức ở tại thế giới Ly Nhất Thiết Ưu. Thế giới này nếu có chúng sinh mang lòng phiền não hoặc nổi máu tranh giành, nhưng chỉ cần quán tưởng đến Đức Phật Vô Ưu thì mọi trở ngại tiêu tan, tranh giành chấm dứt, tự nương về thiện, công đức thêm dày. Chính vì vậy mà thế giới này không còn kẻ tham, lừa dối, có trật tự và nhiều trí tuệ. Theo *Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa kinh*: Khi Thích Ca diễn thuyết kinh này thì Tôn giả Vô Ưu Đức phái các Bồ tát thuộc hạ cùng đến nghe, dâng lên đài sen ngàn đóa hoa thơm để tỏ lòng thành kính, cầu nguyện cho Phật tổ không ốm đau, ít phiền não, khí lực điều hòa, vui mừng an lạc, không phiền thế sự, chúng sinh được giải thoát.



Tôn giả Vô Ưu Đức

TÔN GIẢ HÀNH VÔ BIÊN



Tôn giả Hành Vô Biên

Tức Bồ tát Vô Biên Hành, tên ngài được gọi theo đức hạnh. Vô Biên Hành là Vô Tận Hành, một trong Thập Hành Bồ tát, ý là tùy cơ sở của chúng sinh mà hiện thân, Tam thế được bình đẳng, thấu suốt 10 phương, lợi cho muôn việc. Qua đây có thể thấy Tôn giả Hành Vô Biên đã coi việc cứu độ chúng sinh là trách nhiệm. Theo *Phật danh kinh*: Bồ tát Vô Biên Hành là một Bồ tát trong 10 phương được nhiều người lễ bái, chúng sinh phải kỹ sinh là phạm phu hoặc làm trái nghiệp, hoặc nhân tạo tác, phạm nhiều tội lỗi, nếu biết thành tâm hướng tới Bồ tát sám hối sẽ được rửa tội, hưởng phúc dài lâu.

TÔN GIẢ TUỆ KIM CƯƠNG

Tức Bồ tát Kim Cương Tuệ. Tôn giả này pháp lực vô biên, biến hóa vô cùng, có thể bay trên không, không gặp chướng ngại; biến hóa tự tại, tùy lòng mong mà được. Ông có thể làm Pháp vương thế gian, lấy thần thông thông đạt, trí tuệ vô biên giáo hóa chúng sinh, vì cao tăng mà thụ trì. Theo *Đại*

phương quang Phật Hoa Nghiêm kinh, quyển 40: Ông có đủ 10 loại pháp bất tận, tức các Phật xuất hiện trên thế gian không cùng, chúng sinh biến hóa vô tận; thế giới như ảnh trí vô tận; thâm nhập vào pháp giới trí vô tận; giữ năm vững trí Bồ tát vô tận; Bồ tát không thoái trí vô tận; khéo xem tất cả pháp nghĩa trí vô tận; giữ vững tâm lực trí vô tận; ở tất cả Phật pháp, thệ nguyện vô tận. Tuệ Kim Cương Tôn giả cũng dàng chư Phật, thụ trì Phật pháp, cứu độ chúng sinh, là Bồ tát có công đức lớn lao.



Tôn giả Tuệ Kim Cương

448

TÔN GIẢ NGHĨA THÀNH TỰU



Tôn giả Nghĩa Thành Tựu

Tức Bồ tát Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu, hay còn có tên gọi khác là Bồ tát Tác Thành Tựu Nhất Thiết Nghĩa. Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu là thuật ngữ chỉ Thích Ca. Ngài qua vô số kiếp tu hành, ngồi trên tòa Kim Cương và chứng quả Vô Thượng Bồ Đề, trụ ở Không quán mà tác thành quả Phật viên mãn. Nhưng do chưa thấy bản tính trong lòng, cho nên chư Phật chốn Biến Không đều đến hội tập, giác

ngộ cho học phép thiền định và cùng nhau thảo luận Quán môn, sau được quả Phật viên mãn, 5 trí đủ đầy (đây chỉ trí tuệ và phép thần thông giống như Phật đà). Theo *Phật danh kinh*: Các vị Bồ tát đang kính hành lễ, trong số này có ông - một Bồ tát trong mười phương, thành tâm sám hối, giúp đỡ chúng sinh giác ngộ và giải thoát.

449

TÔN GIẢ THIÊN TRỤ NGHĨA



Tôn giả Thiên Trụ Nghĩa

Vốn là con các vua ở trời Dao Lợi. Nghi Trượng Thắng Quá Vương không kính Phật pháp mà làm việc gây tổn hại dân trong thiên hạ. 7 ngày trước khi ông mất, có hỏi vị thầy tướng và biết mình sẽ bị chuyển sinh 7 lần vào cõi Súc sinh, lần chuyển sinh thứ 8 bị đày vào Địa ngục, lòng lo sợ mà không tin, nhưng cũng dốc lòng cầu cứu trời Đế Thích. Đế Thích không giúp được gì, hướng ông ta đến cầu Thích Ca. Phật tổ giảng giải cho ông về *Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni Chân*

Ngôn để Đế Thích chỉ cho Thiên Trụ Thiên tử biết, nếu niệm câu chú này thì kéo dài tuổi thọ. Đế Thích liền chuyển về trời Dao Lợi dạy Thiên Trụ niệm lời chân ngôn. Thích Ca thương xót cho Thiên Trụ Thiên tử và chúng sinh trong cõi ác thú đã giúp cho họ trừ được nghiệp chướng. Trong giây lát, thân Phật phát sáng, mặt đất có 6 chấn động, tội ác của Thiên Trụ và chúng sinh đều được giải trừ. Thiên Trụ



Thiên tử từ đó thành tâm lễ Phật làm nhiều việc tốt, sau chứng quả vị La hán.

450

TÔN GIẢ TÍN TRỪNG

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Theo *Câu xá luận*, quyển 4: Tín là toàn tâm thanh tịnh. Theo *Tụng số*, quyển 4: Tín là thanh tịnh, như ngọc ngăm trong nước đục mà vẫn trong sáng, Phật giáo cho Tín là niềm tin phụng trì Phật pháp. *Hoa Nghiêm kinh*, quyển 6, chép: “Tín là nhân của công đức to lớn, tăng trưởng tất cả các thiện pháp, trừ hết nghi hoặc, thể hiện vô thượng đạo”. Tôn giả Tín Trùng đối với Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng) luôn sẵn lòng tin không nghi ngại, lòng sáng như nước trong. Ngoài sùng tín Phật pháp, ông còn chuyên tu thiền định, sau chứng quả vị La hán.



Tôn giả Tín Trùng

451

TÔN GIẢ HÀNH KÍNH ĐOAN

Tức Kính Đoan Hành, vốn là kẻ sĩ có tiếng giàu có. Ông không bằng lòng với phú quý, luôn ước thúc bản thân, rừ



Tôn giả Hành Kinh Doan

bỏ ham muốn, ăn đủ no, mặc đủ ấm, không xa hoa lãng phí. Vợ chồng cần êm ấm, hòa thuận, tai không nghe điều xấu, lòng không tham của, một lòng nương theo giới luật Phật. Theo *Phật thuyết thành cụ quang minh định ý kinh*: “Khi Phật tổ trú tại nước Ca Duy La Vệ đã từng mời 80 ức vạn 2 nghìn danh sĩ, Hành Kinh Doan cũng đến đó. Phật tổ dùng phép thần thông, các danh sĩ được ngồi tòa sen bay lên không trung nghe Phật giảng pháp. Nghe xong Thành Kinh

Doan rời thế tục, rũ bỏ phiền não, im lặng như mặt trăng mà chứng quả vị La hán.

452

TÔN GIẢ ĐỨC PHỔ HIỆP

Theo *Phật thuyết thành cụ quang minh định ý kinh*: Khi Phật ở tỉnh xá nước Ca Duy La Vệ, một buổi sớm, Phật biết sẽ có người đến thỉnh giáo nên cho A Nan mời các danh sĩ: Trừ Ác Chúng, Vô Trước, Phục Tích,... cùng đến nghe giảng pháp, Đức Phổ Hiệp cũng được mời đến. Sau khi được nghe Phật thuyết pháp, ông không rời đất Phật, hành các giới, phá trừ Tam độc, ngũ uẩn, rồi im lặng như mặt trăng, như hương hoa, chứng quả vị La hán.



Tôn giả Đức Phổ Hiệp

TÔN GIẢ SƯ TỬ TÁC

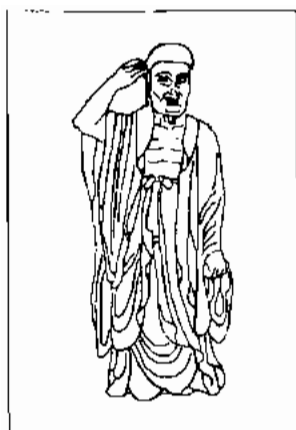
Tôn giả đã chứng quả vị La hán. Theo *Đại phương tiện Phật bảo ân kinh*, quyển 1: Tôn giả này đã trau dồi đức hạnh từ lâu, từng đi khắp nơi tham vấn chư Phật và các Bồ tát 10 phương, thệ nguyện viên mãn, thông hiểu các phép thiền định và Chân ngôn Đà La Ni; lòng đại từ bi, thân thiện chúng sinh, nguyện cùng làm bạn, đưa chúng sinh đến bờ giác ngộ, chấn hưng đạo Phật. Bồ tát Sư Tử Tác đã có đủ 10 lực Như Lai: 1 là, Tri Giác sử không ngoài trí lực; 2 là, Tri Tam thế nghiệp báo trí lực; 3 là, Tri chư Thiên Tam muội trí lực; 4 là, Tri Bát giải thoát Tam muội trí lực; 5 là, Tri chủng chủng giải trí lực; 6 là, Tri chủng chủng giới trí lực; 7 là, Tri Nhất thiết trí sở đạo trí lực; 8 là, Tri Thiên Nhân vô ngại trí lực; 9 là, Tri Túc mệnh vô lậu trí lực; 10 là, Tri Vĩnh kỳ tập khí trí lực. Duy chỉ có công đức lớn lao của vị Bồ tát này mới có thể chở được 10 lực Như Lai.



Tôn giả Sư Tử Tác

TÔN GIẢ HÀNH NHẪN TỪ

Tên ngài được gọi theo đức hạnh, tức là đức hạnh tu Nhẫn Từ. Nhẫn có hai ý nghĩa: Thứ nhất, chỉ nhẫn nại, thứ



Tôn giả Hành Nhân Từ

hai, chỉ tâm kiên định, tin theo Phật pháp. Theo *Du Già luận*: Không phần nộ, không báo oán, được gọi là Nhân. Sách *Duy Thức luận*, quyển 9 chép: Nhân là trí tuệ quán xuyên, vốn từ tính. Sách *Đại Thừa nghĩa chương*, quyển 9 chép: Trí tuệ trong tâm kiên định gọi là Nhân, nghĩa của Từ là giúp người làm điều vui. *Trí độ luận*, quyển 27 chép: Người có lòng thương người cao cả luôn cùng tất thấy chúng sinh vui vẻ. Tôn giả Hành Nhân Từ tu hành nhiều năm, đủ đức nhân từ, công đức viên mãn.

455

TÔN GIẢ VÔ TƯỚNG KHÔNG

Là danh tăng đời Đường, con vua nước Tân La (Triều Tiên), họ Kim, pháp hiệu là Vô Tướng, còn được gọi là Kim hoàng thượng, xuất gia từ nhỏ. Niên hiệu Khai Nguyên (Đường Huyền Tông) năm thứ 16 (728), ông đến Trung Quốc, vào Thục bá kiến Hòa thượng Sử Tịch Đại chùa Đức Thuần - Tư Châu làm thầy và học được Thiền pháp Hoàng Mai. Sau đó, ông đi sâu vào Tô Châu tu phép Thực Đà hành, thân mặc áo, ăn qua ngày,



Tôn giả Vô Tướng Không

mỗi ngày chỉ dùng một bữa trưa. Sau đó, ông tu thiền trong khu rừng ở Không Khoáng. Sau khi kết thúc phép Thực đà hành, ông giảng Phật pháp hơn 20 năm, người Thực kính ông như Thánh. Cuối năm Thiên Bảo, Đường Huyền Tông chạy loạn, vào Thực gặp Tôn giả cung kính hành lễ rồi ban thưởng rất hậu. Tháng 5 năm Thiên ứng nguyên niên (762) Tôn giả viên tịch, thọ 79 tuổi.

456

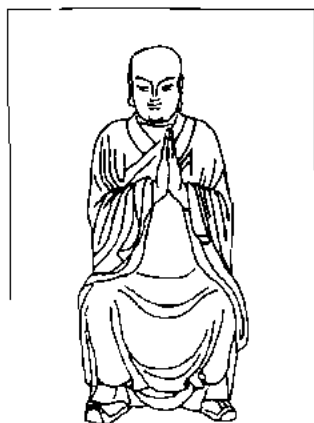
TÔN GIẢ DỪNG TÌNH TIẾN

Tức Dừng Mãnh Tình Tiến Bồ tát. Theo *Phật thuyết Như Lai bất tư nghĩ bí mật Đại Thừa kinh*, quyển 1: Bồ tát từng đến núi Thấu Phong thành Vương Xá nghe Thích Ca thuyết diệu pháp. Bồ tát tại vô số kiếp cần khổ tu hành, tích tập đạo hạnh Bồ đề tối cao, tâm bình đẳng, như hư không vô biên trên trời. Ông đã đạt được thân Kim cương chẳng hư hoại, diễn thuyết Phật pháp như sư tử gầm khiến cho chúng sinh chấn động. Thân ông phóng ánh vàng che lấp mặt trời, mặt trắng, khiến cho chúng sinh trong phần được ánh quang của Phật pháp chiếu sáng đều theo về con đường chứng đạo A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề.



Tôn giả Dừng Tình Tiến

TÔN GIẢ THẮNG THANH TỊNH



Tôn giả Thắng Thanh Tịnh

Tôn giả đã đạt được quả vị Phật đà. Vị Phật này có lòng đại từ đại bi, làm lợi ích cho chúng sinh, cứu vớt tăng nhân vi phạm giới luật. Nếu có Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di tu hành tại gia phá 5 giới luật, phạm vào tám giới; nếu có người xuất gia tu hành Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Sa Di, Sa Di ni phạm vào 4 điều cấm; nếu tại gia tu hành Bồ tát phạm 6 loại pháp, xuất gia tu hành phạm 8 loại pháp cấm, mà không được giải thoát, đời sau chuyển sinh vào

6 đường ác. Người tu hành vi phạm giới luật có thể hướng về Cứu thế Đại Bi Thắng Thanh Tịnh Phật tán xưng danh hiệu, thân mặc y phục thanh tịnh, tâm chứa thẹn thùng, như bệnh nhân cầu thầy thuốc tốt, lễ liên tục trước Thắng Thanh Tịnh Phật có thể tiêu trừ được khổ nạn. Theo *Quán hư không tạng Bồ tát kinh*: Người phạm giới luật có thể hướng về Đại Hư Không Bồ tát, đốt hương thơm, dâng nước sạch, chấp tay quỳ, thành tâm sám hối, trên đỉnh đầu Hư Không Tạng Bồ tát sẽ hiện bảo châu Như ý, trình hiện Thắng Thanh Tịnh Phật tướng trang nghiêm giúp người phạm giới được miễn trừ tai họa.

TÔN GIẢ HỮU TÍNH KHÔNG

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Hữu Tính chỉ tính được thoát ly, giải thoát, đồng thời chỉ người có Phật tính và biết xiển dương nó, đối lập với Vô Tính. Không có hai nghĩa: một, chỉ nghĩa lý không tịch của bản thể; hai, chỉ pháp cứu cánh của nhân duyên sinh ra mà lại không có thực thể. Tôn giả Hữu Tính Không tự tính thanh tịnh, trời sinh ra đã có đầy đủ tâm hướng cầu đạo Phật, sau khi xuất gia tu hành lại vượt qua nhiều khắc khổ, khiến cho tâm tính thanh tịnh, không có tỳ vết, sau chứng ngộ Tam không (ngã không, pháp không, pháp ngã câu không), đạt được giải thoát, chứng quả A La hán.



Tôn giả Hữu Tính Không

TÔN GIẢ TỊNH NA LA

Ông là người nước Thất La Phật Thái Đề, sinh vào thời Thích Ca còn tại thế, xuất gia đi tu, chẳng may thân mang bệnh, chịu nhiều thống khổ bởi bệnh tật. Ông cảm thấy, ngày dài như năm, lại không được người khác cảm thông và quan tâm nên ở một mình trong một căn nhà tồi tàn.



Tôn giả Tịnh Na La

Theo *Đại Tỳ Bà Sa luận*: Chính Phật tổ đã đích thân đến thăm Tịnh Na La, hỏi ông khổ đau như thế nào? Sao lại ở riêng? ông trả lời: “Thân lo bệnh tật, lười đi khám bệnh, cho nên lâu không khỏi. Nhân tình tình lười biếng, cho nên mọi người khinh thị mà không ai ở cùng và không ai quan tâm đến tôi”. Phật an ủi ông: “Lành thay nam tử! Nay ta đến quan tâm ngươi”. Thích Ca dùng tay xoa nơi bị bệnh, bệnh tật liền khỏi, lại dìu Tịnh

Na La ra ngoài cửa, thay chân, đổi áo mới, rồi tắm cho Tịnh Na La, sau lại khuyên nhủ: “Người xuất gia, nên luôn gắng sức”. Từ đó về sau, Tịnh Na La bỏ cũ thêm mới, tụng kinh giữ giới không lười, thành bạn tốt của người tu, kẻ tục, chứng quả vị A La hán.

460

TÔN GIẢ PHÁP TỰ TẠI

Tức là Pháp Tự Tại Bồ tát. Theo *Thập vạn sinh kinh*, quán niệm pháp môn viết: Nếu chúng sinh toàn tâm niệm A Di Đà Phật, nguyện vãng sinh thế giới cực lạc, A Di Đà Phật sai 25 vị Bồ tát có Pháp Tự Tại đến bảo hộ, không chịu ác quỷ ác thần nhiễu loạn, ngày đêm yên ổn. Theo *Duy Ma Cát sớ thuyết kinh*, *Thuyết vô cấu kinh* ghi thì



Tôn giả Pháp Tự Tại



Bồ tát Pháp Tự Tại từng nhập Bát Nhị Pháp môn “sinh diệt là hai, pháp vốn không sinh, nay thì không diệt, đạt được vô sinh pháp nhẫn, thế là nhập bát nhị pháp môn”. Nói về công đức, cái gọi là pháp tự tại, tức được đại biện tài, trong các pháp diễn thuyết vô biên pháp môn mà không chướng ngại. Mới biết Tôn giả Pháp Tự Tại là người tinh thông nghĩa lý của Phật pháp, lại có tài biện luận nhiệt tình giảng Pháp độ vô số chúng sinh.

461

TÔN GIẢ SƯ TỬ GIÁP

Tôn giả là vua nước Ca Tỳ La - Ấn Độ, chăm lo việc nước, bảo hộ dân, thiên hạ yên bình, muôn dân no ấm. Ông có 4 con trai, 1 con gái. 4 con trai là Duyệt Đâu Đà Na, A Di Đà Đà Na, Đề Lô Đà Na, Thâu Câu Hộ Đà Na và con gái là Cam Lộ Vị. Con trưởng kế ngôi là vua Tịnh Phạn, nối nghiệp cha trị vì đất nước. Ba người con khác cắt đất phân phong là vua Bạch Phạn, vua Học Phạn và vua Cam Lộ Phạn. Vua Tịnh Phạn sinh ra thái tử Tất Đạt Đa sau ngộ đạo thành Phật Thích Ca. Tôn giả Sư Tử Giáp là ông đức Phật Thích Ca.



Tôn giả Sư Tử Giáp

TÔN GIẢ ĐẠI HIỀN QUANG



Tôn giả Đại Hiền Quang

Tức Hiền Quang Bồ tát, ở Tây phương - thế giới A Di Đà Phật, là đệ tử trí tuệ của Phật. Theo *A Di Đà cổ âm thanh vương Đà La Ni kinh*: Thế giới của Phật A Di Đà nằm ở phía Tây, ở đây cỏ cây tươi tốt, hoa nở thường xuyên, có năm sắc quý trang điểm cho thế giới này, không khí có hương vị nồng ấm, âm thanh như những tiếng nhạc, đất như vàng, tòa hoa sen mọc lên từ đất. Chúng sinh chỉ cần niệm danh hiệu A Di Đà Phật, Phật A Di Đà liền sai Bồ tát Hiền Quang đến thị hiện

toàn thân, chúng sinh hoan hỷ, công đức tăng lên và sinh vào Cực lạc quốc.

TÔN GIẢ QUANG PHỔ HIỆN

Là danh tăng đời Đường, pháp hiệu Thiện Đạo. Xưa ông học Tịnh Độ Tông ở Hà Tây (Vũ Uy - Cam Túc), bái Đạo Trác Đại sư làm thầy, thể niệm Phật để giải thoát, cả ngày thành tâm niệm Phật, không ngại khó, để cầu giải thoát. Sau ông tới Trường An giảng phương pháp tu hành Tịnh Độ Tông cho chúng tăng, khuyên mọi người niệm Phật



để siêu sinh Tịnh Độ. Ông tự tay sao 10 vạn quyển kinh A Di Đà, vẽ 300 tượng Phật. Khi nhân tàn, ông thường niệm Phật, miệng tỏa ra ánh hào quang, thân phát sáng và được tôn xưng là Quang Minh Đại sư. Đường Cao Tông năm Vĩnh Long Nguyên niên (680), Quang Minh Đại sư hướng về Tây cầu Phật: “Phật hãy đến dẫn ta về cõi Tịnh độ”, sau đó, ông ngồi ngay ngắn mà nhập diệt.



Tôn giả Quang Phổ Hiện

464

TÔN GIẢ ÂM ĐIỀU MẪN



Tôn giả Âm Điều Mẫn

Tôn giả chính là Phổ Điều Mẫn trong sách Phật. Theo *Phật thuyết thành Cự quang minh định ý kinh*: Một sớm, khi Thích Ca đang hành hóa tại tịnh xá nước Ca Duy La Vệ, ông biết trước có người đến thỉnh giáo, mệnh cho A Nan chiêu hợp các vị Minh Sĩ, Trừ ác Chúng, Vô Trước, Phục Tích đến nghe giảng pháp. Tôn giả là một vị minh sĩ, nghiêm luật thủ giới, lòng, miệng trong lành, như trắng như hoa, giải trừ được Tam độc, nhận thức được Ngũ uẩn, tu diệu hạnh, chứng quả vị La hán.

TÔN GIẢ SƯ TỬ ƯC



Tôn giả Sư Tử Ưc.

Tức Sư Tử Hung Ưc, là một trong những Ma Hầu La Già Vương. Tôn giả này có sức thần thông vi diệu, cùng 10 vạn đệ tử, dẫn dắt chúng sinh xa đời ái dục, tận hưởng nhiều lạc thú. Theo *Đại Thừa bản sinh tám địa quán kinh*, quyển 1: Khi Phật tổ giảng pháp ở núi Kỳ Xà Quật thành Xá Vệ, chúng sinh bốn phương kéo đến nghe kinh, trong số đó có vài chục vạn Tỷ kheo, 8 vạn 4 nghìn Bồ tát, 6 vạn Dục Thiên tử cùng nhiều vị Sắc giới Thiên tử, 4 vạn 8 nghìn Long Vương, 5 vạn 8 nghìn Dược Xoa thần, 8 vạn 9 nghìn Can Thát Bà Vương, 5 ức Ca Lâu La Vương, 9 ức Hê Na La, 9 vạn 8 nghìn Ma Hầu La, trong số đó có Sư Tử Hung Ưc... Phật tổ ngồi trên tòa Sư tử liên hoa giảng pháp, Sư Tử cùng chúng sinh cung kính lắng nghe.

TÔN GIẢ HOẠI MA QUÂN

Tức Bồ tát Hoại Ma. Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Ma quân là quân binh ác ma. Tương truyền, lúc Thích Ca chứng đạo dưới cây Bồ đề, Thiên Ma vương thứ 6 sai thuộc

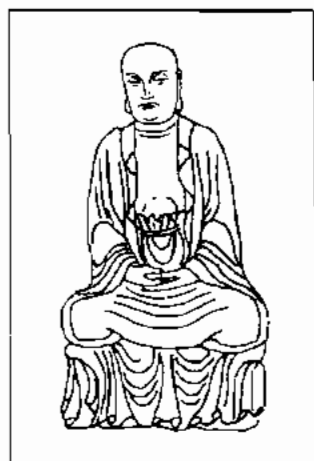
hạ đến cản trở Phật thành đạo, cuối cùng bị lực thần thông hàng phục. Sau đó, tất cả ngoại đạo bị gọi là Ma quân. Tôn giả Hoại Ma quân tu hành nhiều năm có trí tuệ, công đức lớn, có thể hàng phục mọi ác ma. Theo *Tri độ luận*, quyển 5: Hoại Ma dùng trí tuệ bắn, tu định bằng lực trí tuệ diệt trừ lũ Ma quân. Tôn giả có đức từ bi, tu hành Phật pháp, bảo vệ chúng sinh. Theo *Phật danh kinh*: Bồ tát Hoại Ma là một trong các vị Bồ tát được lễ kính.



Tôn giả Hoại Ma Quân

467

TÔN GIẢ PHÂN BIỆT THÂN



Tôn giả Phân Biệt Thân

Tôn giả là phân thân của Phật tổ. Phật tổ có nhiều phân thân ở khắp Tam thiên Đại thiên thế giới, giáo hóa chúng sinh. Một ngày Phật sai đệ tử Mục Liên đến đỉnh núi Tu Di, gióng chuông chiêu tập phân thân các xứ của Phật. Khi chuông gióng, Thích Ca thân tỏa hào quang, mặt đất chấn động, phân thân kéo về như mây. Theo *Pháp Uyển Châu Lâm*, quyển 12: Phật tổ cùng các phân thân chấp tay trước tòa bảo tháp thành kính lễ bái, cửa tháp mở ra, trong tháp có 6 vị Tỳ kheo đã

nhập vào cõi nhập định. Bồ tát Phổ Hiền hướng Kim Loa tới Phật tổ hô 6 vị Tỳ kheo xuất định. Một Tỳ kheo nói với Phật: “Câu Lưu Phật trước khi nhập Niết Bàn đã để lại kinh và tượng, nay chúng ta lấy xem. Câu Lưu Phật dự đoán Thích Ca xuất thế thì Phật pháp hưng thịnh, Phật nhập Niết bàn thì kết tập Tam tạng. Nay xin các Phật lấy một bản, để dùng khi kết tập, Thích Ca đã nhập Niết bàn”. Phân Biệt Thân và các phân thân Phật khác đều lấy một bản và trở về quốc độ. Sau khi Phật tổ nhập Niết bàn, Ca Diếp kết tập Tam tạng, đem kinh của Câu Lưu Phật quy tụ về một nơi, khơi dậy các pháp của Thích Ca, khiến các pháp đó được lưu truyền.

468

TÔN GIẢ TỊNH GIẢI THOÁT



Tôn giả Tịnh Giải Thoát

Tức Bồ tát Tịnh Giải, tên ngài được gọi theo đức hạnh. Giải thoát là cõi trời, thoát khỏi quả khổ trong Tam giới mà được tự tại. Theo *Duy thức thuật ký*, quyển 1: Giải là cõi bỏ, Thoát là tự tại. *Chú Duy Ma kinh*, quyển 1 dẫn lời Tăng Triệu: Thoải mái không vương gọi là giải thoát. Bản tính con người thanh tịnh, vì phiền não mà tự tính bị che lấp, tạo ra vô số chướng ngại, nếu biết giải trừ thì được giải thoát tự tại. Tôn giả Tịnh Giải Thoát lập nhiều công đức. Theo *Duy Ma Cật*

kinh, quyển hạ: Khi Duy Ma Cật hỏi các vị Bồ tát về Bất nhị pháp môn, Tịnh Giải Bồ tát đáp: “có số và không số gọi

là hai, rồi hết các số, thì đạo và không như nhau, ý là giải vô sở trước, là bất nhị nhập”.

469

TÔN GIẢ CHẤT TRỰC HÀNH I

Người nước Khuất Chi vùng Tây Vực cổ đại. Ông sùng kính Phật giáo, là em cùng mẹ với vua Khuất Chi. Vua Khuất Chi cũng sùng kính Phật giáo, muốn đến Ấn Độ xem dấu tích Phật, quyết định đem quân đi, giao đất nước lại cho Chất Trục Hành. Chất Trục Hành thụ mệnh nhưng trong lòng sợ bị hại ngầm, nên để “dương khí” - dương vật vào hòm niêm phong kín rồi giao vua mang đi, đợi khi trở về sẽ mở ra. Vua Khuất Chi đi mấy năm, trở về có người vu cáo, trong cung Chất



Tôn giả Chất Trục Hành

Trục Hành dâm loạn. Vua rất giận, bèn lệnh chặt đầu Chất Trục Hành. Trục Hành xin vua mở hòm vàng. Thế là rõ ràng mọi chuyện, anh em thân mật như xưa. Một người chăn trâu muốn cắt 500 đầu trâu, Chất Trục Hành thương loài súc sinh, lòng niệm: Ta nay hình tàn do nghiệp tiền thế báo đáp, có thể mua trâu giảm tội. Liền bỏ tiền của mua 500 con trâu đó. Thế là cảm ứng từ thiện, Chất Trục Hành dần khôi phục lại được đặc trưng nam nhi (mọc lại dương vật). Ông tư chất đức hạnh, ngay thẳng, được vua, quan và dân kính ngưỡng. Chất Trục Hành chứng quả vị A La hán, lấy chất bọc trọc mà diệt ác tà, tai ương trong thiên hạ.

470

TÔN GIẢ TRÍ NHÂN TỪ



Tôn giả Trí Nhân Từ

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Trí tức là lực cắt đứt. Theo *Đại Thừa nghĩa chương*, quyển 9: “cắt đứt với cảnh, gọi là Trí”. Nhân tức là lòng nhân ái. Từ tức là làm cho người an vui. Theo *Trí Độ luận*, quyển 27: “Đại từ và tất cả chúng sinh sinh ra yên vui”. Tôn giả thông qua tu hành mà tâm chứng ngộ, đạt trí tuệ lớn, có lòng từ thiện nhân ái, khai ngộ cho chúng sinh, khiến họ được hưởng niềm vui trong pháp giới.

471

TÔN GIẢ CỤ TỨC NGHI

Tức La Hầu La, con của Phật tổ. Sau khi phu nhân có mang La Hầu La, thái tử Tất Đạt xuất gia tu khổ. Phu nhân thương chồng tu khổ hạnh mà ăn ngủ không ngon, thể trạng suy nhược. Sau 6 năm, biết Thích Ca chứng quả thì trong lòng vui trở lại, thể lực phục hồi, mới sinh ra La Hầu La. La Hầu La 15 tuổi đi tu, sau thành đệ tử của Phật, là người nổi tiếng trong mật hạnh, có ý thức giữ gìn giới luật. Trong giới luật của Phật



Tôn giả Cụ Túc Nghi

giáo có 3000 uy nghi, 8 vạn giới hạnh, La Hầu La thông giới luật và chấp hành nghiêm, không hề sơ suất. Theo *Pháp Hoa kinh Nhân ký phẩm*: Phật tổ đoán rằng, kiếp sau La Hầu La thành Phật hiệu là Đạo Thất Bảo Hoa Như Lai.

472

TÔN GIẢ NHƯ Ý ĐÓA

Trong kinh điển Phật giáo, vị này chính là Như Ý, âm Phạn là Mạt Nô Yết Thích Tha, là vị sư nổi tiếng Bắc Ấn thế kỷ 5, thầy của Thế Thân. Theo *Đại Đường Tây vực ký*, Như Ý cư trú tại Xá Vệ tuyên truyền Phật pháp, vua Siêu Nhật Vương theo ngoại đạo nói về nghĩa mây lửa mà không đủ dẫn chứng. Như Ý thấy chúng sinh bị nhọc, đã cất lưỡi tự tử, trước khi chết có để lại lời di huấn cho đệ tử Thế Thân: Chúng kết bè đảng không theo điều nghĩa, chìm trong mê muội, không biết chính luận. Trước tác của ông có *Tỳ Bà Sa luận*.



Tôn giả Như Ý Đóa

473

TÔN GIẢ ĐẠI XÍ DIỆU

Tức Diệm Xí Tạng, đã chứng quả vị Bồ tát, nhờ trí tuệ sáng như lửa mà được mệnh danh như vậy. Lòng ông thanh



Tôn giả Đại Xí Diệm

tĩnh, công đức vô biên, cung kính cúng dàng chư Phật, chăm chỉ học pháp, chư Phật đối với Bồ tát Diệm Xí Tạng, có nhiều sự trợ duyên, nhờ trí tuệ lớn mà hóa giải được nhiều, không bị lay động, thu được trí lực bất khả tư nghì. Theo *Thập Trụ kinh*, quyển 1: Sau khi lĩnh được ý chỉ của Phật, Bồ tát Kim Cương Tạng truyền lại pháp cho Bồ tát 10 phương: Hỷ địa, Tịnh địa, Minh địa, Diệm địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Thâm viễn địa, Bất động địa, Thiện tuệ địa, Pháp vân địa. Sau khi thụ pháp, lòng ông vui vẻ, một lòng tin Phật mà Phật tính tăng thêm, căn thiện thêm sâu, chúng sinh được ban ơn huệ.

474

TÔN GIẢ KIẾP TÂN NA

Tức Kiếp Tỳ Na, nghĩa là phòng túc, hoặc phòng tĩnh, người nước Kiều Tát La - Ấn Độ, đệ tử của Thích Ca. Ông có thể biết nơi các vì sao ở, là người được chúng tăng kính trọng. Thích Ca biết ông có căn tính nên hóa thành Tỳ kheo đến phòng ông ở. Trong đêm, Kiếp Tân Na nhận được điểm hóa của Thích Ca rồi đắc đạo. Ông không quên học tập, một lòng ghi nhớ lời Phật và truyền giáo cho



Tôn giả Kiếp Tân Na

các vị Thanh văn, Thanh văn là chỉ đệ tử của Phật giáo Tiểu Thừa.

475

TÔN GIẢ PHỔ DIỆM QUANG

Tức là Bồ tát Diệm Quang, đã chứng quả vị Bồ tát. Theo *Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm kinh*, quyển 60: Bồ tát Diệm Quang từng nghe Phật giảng kinh ở vườn Cấp Cô Độc nước Thất La Phiệt. Ông có đủ hành nguyện của Bồ tát Phổ Hiền, có thể bay đến tất cả các vùng đất Phật, cung kính cúng dàng, thân pháp biến hóa thần thông, tai luôn nghe Phật giảng kinh. Ông đi khắp vùng Thánh địa Phật giáo, xem các đạo tràng hành lễ, sau lĩnh hội được yếu chỉ của Phật pháp. Tôn giả có trí tuệ lớn như vũ trụ vô biên, ánh sáng chiếu vào hang rồng, chiếu trong bốn biển, lại có tài hùng biện, hàng phục ngoại đạo, khiến muôn người tin theo Phật pháp.

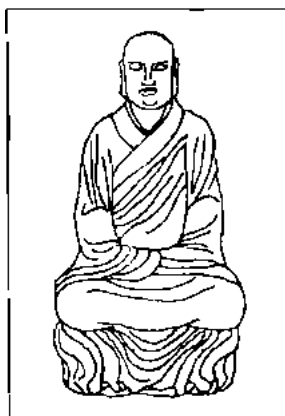


Tôn giả Phổ Diệm Quang

476

TÔN GIẢ CAO DẬT HÀNH

Tức Cao Viễn Hành. Theo *Phật thuyết thành cụ quang minh định ý kinh*: Một sớm tại tinh xá nước Già Duy La,



Tôn giả Cao Đạt Hành

Thích Ca biết sẽ có người đến hỏi về Diệu pháp Vô thượng, ông liền sai A Nan mời các Minh sĩ, Trừ ác chúng, Vô trước, Phục tích đến nghe Phật giảng pháp, Tôn giả cũng là một Minh sĩ. Ông nghiêm giữ giới luật, thông hiểu ngũ uẩn, tâm khẩu yên lặng, sáng lòng thấy tính, chứng quả vị A La hán.

477

TÔN GIẢ ĐẮC PHẬT TRÍ

Là danh tăng đời Tống, người Cối Kê, họ Tiền, sinh vào niên hiệu Tống Nguyên Phong năm thứ 8 (1085). 14 tuổi xuất gia, pháp hiệu là Đoan Dụ, bá danh tăng chùa Tịnh Từ ở Lâm An (Hàng Châu) làm thầy. Sau đó lại thỉnh giáo tăng Thanh Viên, Thủ Trác, Cảnh Tường, sau lại gặp thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần. Ông học tập tiến bộ, tâm trí sáng suốt và đạt được vô ngại Phật trí, trong khi diễn thuyết kinh điển, thường tùy ý phát huy phù hợp nghĩa kinh. Là trọng khí của Đại sư Khắc Cần và được giao chức giáo vụ quản lý chùa. Một thời gian sau, Đoan Dụ từ biệt Đại sư Khắc Cần đến chùa Quảng Tế núi Đan Hà giảng pháp, tiếng vang



Tôn giả Đắc Phật Trí

khắp bốn phương, được chúng tăng ngưỡng mộ. Sau đó, ông giảng pháp ở chùa Hổ Khâu, Kính Sơn, Vạn Thọ, Linh Ấn. Năm Thiệu Hưng thứ 18 (1150), Tống Cao Tông ban cho ông chiếc áo vàng và tặng pháp hiệu là Phật Trí Đại sư. Tháng 10 năm thứ 20 niên hiệu Thiệu Long, ông viên tịch, thụy hiệu là Đại Ngộ.

478

TÔN GIẢ TỊCH TĨNH HÀNH

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh, Tịch tĩnh hành là phép cầu Niết bàn tịch tĩnh. Theo *Thám Huyền ký*, quyển 5: “Dạy Tịch tĩnh hành, có 3 nghĩa: 1 là, được Nhị thừa, rời xa sinh tử nhiễm; 2 là, khiến cho người tu nhập vào Hư không Tịch tĩnh hành; 3 là, Vô dư Niết Bàn tức tịch tĩnh, tu theo tên này gọi là Hành”. Nói tóm lại, rời phiền não gọi là Tịch, dứt khổ hoạn gọi là Tĩnh. Phật giáo cho rằng, có hai loại Tịch Tĩnh. Một, Thân tịch tĩnh: tức là đời bỏ gia đình, sống nhàn cư, xả bỏ tình cảm, những mầm ác không dậy lên; hai, Tâm tịch tĩnh: rũ bỏ Tam độc, tu phép Thiền định, các ác pháp đều tiêu tan. Tôn giả Tịch Tĩnh Hành không những tu tập Tịch Tĩnh hành mà còn đạt cảnh giới Tâm Tịnh tĩnh.



Tôn giả Tịch Tĩnh Hành

TÔN GIẢ NGỘ CHÂN THƯỜNG



Tôn giả Ngộ Chân Thường

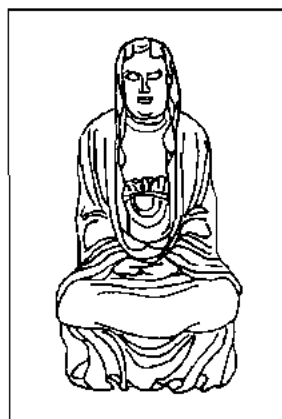
Người Tân La đời Đường (Triều Tiên), pháp hiệu là Ngộ Chân, từ nhỏ đã sang Trung Quốc học Phật pháp, cùng bạn là Hữu Huệ Nhật ở một ngôi chùa tại Trường An theo học Mật tông. Theo *Tỳ lô giá na kinh*: Ngộ Chân chú trọng niệm Phật, trí thức uyên thâm, là một danh tăng nổi tiếng thời đó, ông từng qua khắp vùng Giang Nam, học qua các cao tăng đại đức mà nghiệp học tiến bộ không ngừng. Năm Trinh Nguyên thứ 5 (Đường Đức Tông), ông tới Thiên Trúc, lĩnh hội được cốt yếu trong *Đại tỳ lô giá na kinh* và *Phạn giáp dư kinh*. Trên đường về Trung Quốc, ông viên tịch ở Thổ Phồn. Tôn giả học không ngừng nghỉ, thường cầu phẩm đức bất xả và được chúng tăng ngưỡng mộ.

TÔN GIẢ PHẢ OAN TẶC

Tên ngài được gọi theo đức hạnh. Chủ trương của Phật giáo là đem lòng từ bi thí phụng Phật pháp, oan thân bình đẳng. Oan là chỉ nỗi oan gia, Thân là chỉ người thân. Nếu



một người khăng khăng nghĩ tới ân oán thì trong lòng nghĩ tới mê muội đó là giặc của Phật pháp, cảnh giới tinh thần không được đề cao. Tôn giả đã diệt trừ hết giặc đó, phát lòng từ bi, dù đó là oan gia hay người thân bạn bè đều có cái nhìn nhân đức và được đưa đến bờ giải thoát, nhờ vậy ông thu được chính quả.



Tôn giả Phá Oan Tội

481

TÔN GIẢ DIỆT ÁC THÚ



Tôn giả Diệt Ác Thú

Mật hiệu là Trừ Chương Kim Cương, đã chứng quả vị Bồ tát, tu hành ở viện Trừ Cái Chương Kim Cương - viện thứ 9 trong giới Thai Tạng. Trong viện có 9 vị Bồ tát, Tôn giả Diệt ác Thú là vị thứ 2. Chúng sinh trong thế gian vì không kính Phật pháp hoặc công đức không đủ mà không được giải thoát, bị chìm trong vòng sinh tử, vì Nhân và Nghiệp không tương đồng nên Duyên và Quả cũng khác nhau, kiếp sau có thể chuyển sinh vào 3 loài ác thú, người có nghiệp ác chồng chất sẽ bị đẩy vào cõi Súc sinh, Ngạ quỷ, Địa ngục, gọi là ba ác thú. Bản nguyện của vị Bồ tát này là diệt trừ 3 loại ác thú, chúng sinh khi phạm tội nặng nếu thành tâm cầu cứu Bồ tát thì có thể được miễn tội

đầu thai vào 3 ác thú. Người đã bị chuyển sinh vào cõi 3 ác thú, Tôn giả vẫn có thể giải thoát ra được.

482

TÔN GIẢ TÍNH HẢI THÔNG



Tôn giả Tính Hải Thông

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Tính Hải chỉ lý tính Chân như thâm sâu như biển. Bài tự *Tây Vực ký* viết: “Rộng đưa điều nghi hoặc vào Tính Hải, mở điều giác ở bến mê”. Tôn giả Tính Hải tu hành Thiền định rất lâu, ngộ được lý Chân như, phá trừ Tham, Sân, Si, và các căn nguyên của các phiền não thế tục. Ông đưa chúng sinh ra khỏi bến mê, hóa giải mê loạn trong lòng chúng sinh.

483

TÔN GIẢ PHÁP THÔNG

Là danh tăng sống vào khoảng giữa thời Tùy - Đường, người huyện Ngạc - Thiểm Tây, họ Quan, xuất gia từ nhỏ. Những ngày mới vào ở chùa, thân thể ốm yếu, gió thổi bay. Sau đó, ông thường niệm danh hiệu Quan Âm Bồ tát, trừ hết bệnh tật, thân thể trở nên cường tráng, có thể mang được 500 cân mà chạy như bay. Đời Tùy, nước Tây Vực cống



một đại lực sĩ, sức khoẻ phi thường không ai địch được, vua Tùy lệnh cho Pháp Thông đấu cùng lực sĩ, Pháp Thông nói: Người xuất gia ôm lòng từ bi, không ham tranh đấu. Sau khi gặp lực sĩ, hai người vật tay, lực sĩ không thắng được mà đau đớn kêu lên. Các lực sĩ đương thời tôn Pháp Thông là Thiên Lực sĩ. Tuy là người khỏe mạnh nhưng ông luôn có lòng từ bi, không dám khinh ai, được mọi người tôn kính. Pháp Thông viên tịch vào khoảng những năm Đường Vũ Đức (619 - 626).



Tôn giả Pháp Thông

484

TÔN GIẢ MẶN BẤT TỨC



Tôn giả Mẫn Bất Tức

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Mẫn chỉ sự đau xót. Theo lý luận Phật giáo: Ai là bi ai, Mẫn là thương xót, trước nỗi khổ của chúng sinh mà phát tâm từ bi. Theo *Thắng phát kinh*: Ai Mẫn che chở ta. Vô *Lượng Thọ kinh* ghi: Như Lai đem lòng từ bi giải thoát cho mọi người. *Bảo Quật*, quyển thượng ghi: Ai là đau buồn, Mẫn là lòng thương. Như vậy, Ai Mẫn là lòng từ bi, cùng vui là Từ, dẹp khổ gọi là Bi. *Tri Độ luận*, quyển 27 viết: Đại Từ cùng vui

với chúng sinh, Đại Bi dẹp bỏ khổ nạn cho chúng sinh. Tôn giả Mãn Bất Túc qua việc tu hành gian nan mà giải trừ hết phiền não đạt đến Pháp không, phá được tướng riêng và dị tướng, thương xót chúng sinh không hiểu cảnh giới Pháp không, một lòng muốn trừ nỗi khổ để được yên vui, khiến mọi người theo ý mình dẹp bỏ nỗi khổ mà vui vẻ, không nghĩ ngại, không trễ lười.

485

TÔN GIẢ NHIẾP CHÚNG TÂM



Tôn giả Nhiếp Chúng Tâm

Tức Ca Diếp Ma Đằng, hay Nhiếp Ma Đằng, người Thiên Trúc, thông hiểu Tiểu thừa, có uy nghi lớn, thường du hành khắp nơi giáo hóa chúng sinh. Năm Hán Vĩnh Bình thứ 10 (67), Minh Đế mộng gặp người vàng, thế là muốn đến Tây phương cầu Phật, bèn sai Lang trung Sái Hâm, bác sĩ đệ tử Tần Cảnh đi Thiên Trúc để hỏi về Phật pháp. Trên đường đi, nhóm này gặp Ma Đằng đang đến phương Đông, bèn mời về Lạc Dương, Hán Minh đế tiếp đón rất thịnh soạn, rồi xây

chùa Bạch Mã cho Ma Đằng. Tại chùa này, Ma Đằng đã dịch *Tứ Thập Nhị chương kinh*. Đây là bộ kinh đầu tiên được truyền bá ở đất Hán. Từ đó về sau, nhân dân Trung Quốc tin theo Phật giáo, quy y Tam bảo, công đầu thuộc về Ca Diếp Ma Đằng.



TÔN GIẢ ĐẠO ĐẠI CHÚNG

Tức Bồ tát Đạo Sư, tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh, là người hướng chúng sinh theo Phật giáo. Sách *Thập trụ đoạn kết kinh* chép: Đạo Sư là người dùng chính đạo dẫn dắt chúng sinh. *Hoa Thù kinh* ghi: Vì người ta mà giảng về đạo vô sinh tử, gọi là đạo sư. *Phật Bảo Ân kinh* ghi: Đại Đạo Sư là người đi đường chính đến Niết Bàn để đạt tới cảnh giới vô vi thường lạc. Tôn giả Đạo Đại Chúng thương xót chúng sinh lẫn quần trong vòng sinh tử liền giảng pháp mở đường, hy vọng chúng sinh tìm được đạo Bồ đề. *Thánh tư duy Phạm Thiên sở vấn kinh*, quyển 4 chép lời Bồ tát Đạo Sư: Bồ tát thấy chúng sinh rơi vào tà đạo thì sinh lòng từ bi, dắt dẫn chúng sinh chẳng cần báo đáp nên được gọi là Bồ tát. .



Tôn giả Đạo Đại Chúng

TÔN GIẢ THƯỜNG ẨN HẠNH

Tức Bồ tát Ẩn Thân. Theo *Đại phương quảng Bồ Tát tạng Văn Thù Sư Lợi căn bản nghi quỹ kinh*, quyển 1: Bồ tát Ẩn Thân nắm trong tay tất cả những câu vi diệu và pháp ấn. Người có trí tuệ vô cùng, có thể ẩn mình mà không ai thấy,



Tôn giả Thượng Ẩn Hạnh

lại có thể bay trên không hoặc chui vào đất, phá trừ chướng ngại, hàng phục quỷ Dạ xoa, Dạ xoa Nữ, Tỳ Xá Ni, Tỳ Xá Hữu và các loại ác quỷ hung thần. Nếu ai cầu nguyện Tôn giả này thì trí tuệ tăng trưởng, thông minh từ nhỏ, tuổi trẻ khỏe mạnh, già sống lâu, tránh được tai họa mà muôn phúc trở nên viên mãn. Tôn giả thường niệm chân ngôn, sống trong thế giới thanh tịnh, làm điều lợi để tất cả chúng sinh trong thế gian được an lạc.

488

TÔN GIẢ BỒ TÁT TỪ

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Tôn giả này có đủ lòng từ bi cứu thế như Bồ tát. Bồ tát là tên nói tắt của Bồ đề Tát đóa. *Tịnh Danh số*, quyển 1 chép: Bồ đề là đạo vô thượng; Tát đóa là đại tâm, nói về tâm vô thượng đạo, Tôn giả phát tâm này cứu độ chúng sinh, nên được gọi là Bồ tát. Lại có thuyết khác nói, Bồ đề tức là đạo Phật, Tát đóa là giúp chúng sinh, dùng đạo Phật làm lợi cho chúng sinh nên được gọi là Bồ đề Tát đóa. Cũng có ý kiến khác cho rằng: Bồ tát có hai



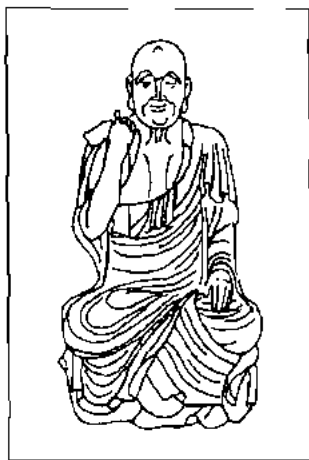
Tôn giả Bồ Tát Từ

nghĩa, một là tự mình tìm được đạo Bồ đề Vô thượng; hai là thành công trong việc giải thoát chúng sinh. Phiên dịch danh nghĩa tập, quyển 1 dẫn lời Pháp Tạng cho biết: “Dùng trí tuệ cao để cầu đạo Bồ đề, đem lòng từ bi cứu độ chúng sinh. Nghĩa này tương đồng với ý kiến cho rằng: Tôn giả Bồ Tát Từ đem lòng từ bi làm lợi lạc cho chúng sinh.

489

TÔN GIẢ BẠT CHÚNG KHỔ

Tôn giả đã chứng quả vị La hán, còn tên gọi khác là Bồ tát Cứu Thoát. Theo *Quán Đỉnh kinh*: Bồ tát Cứu Thoát từng truyền phương pháp giải trừ khổ nạn cho chúng sinh. Trong nhà có người bệnh tật, nằm liệt giường đau đớn rên rĩ, chủ nhà đến chùa cầu đảo, đốt đèn cao 49 thước, mỗi tầng đặt 7 chén, đèn hình bánh xe, phát ra 5 loại ánh sáng và dựng thần phan, kê mệnh tại chùa, cảnh phan cao 49 thước, có đủ 5 sắc, chủ nhân không phạm 8 điều cấm (không sát sinh, không ăn cắp, không dâm dật, không nói xằng, không uống rượu, không ngồi giường cao rộng, không áo hoa, không sáo đàn, không ăn qua bữa). Trong 7 ngày, mời tăng tụng kinh ở 6 thời khắc. Nếu gặp nạn hoặc ma quỷ hoành hành mà trai giới cầu đảo, hoặc bị động vật trong thế giới xâm hại cũng có thể cầu đảo tiêu trừ, xua đuổi ác quỷ, giải hết bệnh tật, muôn việc tốt lành.



Tôn giả Bạt Chứng Khổ

TÔN GIẢ TÂM THANH ÚNG



Tonzia Tam Thanh Ung

Tức Quán Thế Âm Bồ tát. Theo truyền thuyết Bồ tát có lòng đại từ đại bi, khi chúng sinh gặp nạn chỉ cần tụng niệm danh hiệu ngài thì Bồ tát thấu hiểu ngay và đến cứu. Quán Thế Âm còn dịch là Quang Thế Âm, Quán Tự Tại, Quán Thế Tự Tại, là người đứng hầu bên trái Phật A Di Đà, là một trong ba vị Thánh trời Tây phương. Tương truyền, ngài từng hiện linh giảng pháp ở núi Phổ Đà tỉnh Triết Giang. Ngày vía ngài là ngày 19 tháng 2 âm lịch, thành đạo ngày 19 tháng 6, nhập Niết bàn ngày 19 tháng 9. Ngài còn có thể dựa căn khí của người niệm Phật bất đồng mà hiện ra 32 hình tượng biến hóa.

TÔN GIẢ SỐ KIẾP ĐỊNH

Tôn giả tu phép Thiền định, tâm không rối loạn, xa rời những ô trọc của trần thế, lại có thể giúp các bậc thánh hiền, diệt trừ giặc dốt bằng trí tuệ lớn. Tôn giả có trí tuệ rộng lớn như biển, như các ngọn núi trong dãy Tu Di, như ánh sáng ngọn đuốc chiếu trong đêm. Trí tuệ ấy có thể phá tà ác, bỏ tối tăm, dẫn dắt chúng sinh đến bờ giác ngộ.



Tonzia Số Kiếp Định

TÔN GIẢ CHÚ PHÁP THỦY

Trong điển tịch Phật giáo, Pháp Thủy được dùng làm thí dụ để nói về diệu pháp, tẩy trừ bụi bặm phiền não. *Vô lượng nghĩa kinh*, ghi: “Pháp giống như nước, trừ được cấu bẩn... nước phép cũng như thế, trừ được các phiền não của chúng sinh”. *Kim quang minh kinh*, quyển 4 ghi: “Mùa hạ lửa cháy lớn, chỉ mong Thế Tôn ban cho nước pháp từ bi trong, mát để diệt lửa”. *Thánh vô động kinh*, chép: “Lấy lửa trí tuệ để thiêu đốt nghiệp chướng, cũng lấy nước phép để rửa bụi trần”.



Tôn giả Chú Pháp Thủy

Trí Độ luận, quyển 5 chép: “Các Bồ tát như mây, mưa được nước phép”. Qua đó cũng đủ thấy Tôn giả là vị có đạo hạnh uyên thâm, là vị cao tăng có lòng từ bi, vì chúng sinh mà xiển dương những đạo lý nhiệm màu của đức Phật, khiến cho diệu lý nhiệm màu của Phật pháp như dòng nước mát thấm vào ruộng khô của chúng sinh. Đương nhiên, chúng sinh phải thành tâm cầu Phật mới có thể có được phép nhiệm màu của Phật Pháp. *Vãng sinh yếu tập cho biết*: “Nếu ai có lòng kiêu ngạo tự cao, thì nước phép không thể nhuận thấm”.

TÔN GIẢ ĐẮC ĐỊNH THÔNG



Tôn giả Đắc Định Thông

Tôn giả tu tập “Không”, “Vô Tướng”, “Vô Tác” mà đạt được phép Tam muội giải thoát. Ba phép Tam muội đó có thể đoạn trừ được những nghiệp chướng khổ đau, đã không có khổ đau bởi Nhân thì không có khổ đau ở Quả. Không tạo nên những nghiệp chướng trong cõi tục thì sẽ tiêu trừ được những ưu sầu. Tu tập ba phép Tam muội trên có thể xa rời Ngũ uẩn, hai tướng nam, nữ cùng ba tướng Hữu vi, đồng nghĩa với việc thân tâm không nhiễm bụi trần, có thể khiến cho Ngũ uẩn tiêu trừ, tắt lửa phiền muộn,... Tôn giả vì tu tập phép Tam muội nên đạt được phép thần thông vô ngại, chứng ngộ cảnh giới Vô dư Niết bàn, vĩnh viễn được giải thoát.

TÔN GIẢ TUỆ QUẢNG TĂNG

Tên Tôn giả được gọi theo đức hạnh. Tuệ trong Phật giáo thường phân biệt Sự - Lý, là tác dụng tinh thần có thể quyết đoán mọi nghi hoặc. Theo *Duy thức luận*, quyển 9: “Như thế nào gọi là Tuệ? Trong khi quán chiếu các cảnh giới, quyết định đưa ra một ý đoạn trừ được nghiệp chướng, hiểu



rõ được, mắt đều không có trong cảnh đó, tìm đòi trong trí tuệ mà có được quyết định”. Theo giải thích trên, Tuệ thường chỉ trí tuệ. Trong 10 đệ tử của Phật, Xá Lợi Phất được coi là người có trí tuệ hàng đầu, ở đây ví với Tôn giả Tuệ Quảng Tăng. *Trí độ luận* còn chép: “Trí tuệ của tất cả chúng sinh khác với đức Phật, muốn sánh với Xá Lợi Phất về trí tuệ và kiến văn, tỷ như trong muôn vạn không được một phần”. Theo truyền thuyết Phật giáo, Xá Lợi Phất “vốn đã thành Phật hiệu là Kim Long Đà nhưng vẫn theo bên Thích Ca để làm hàng đệ tử”. Khi biết Thích Ca sắp nhập Niết bàn, Xá Lợi Phất không nỡ nhìn thấy cảnh đó, đã nhập Niết bàn trước Phật.



Tôn giả Tuệ Quảng Tăng

495

TÔN GIẢ LỤC CĂN TẬN



Tôn giả Lục Căn Tận

Tức Huỷ Căn, đã chứng quả vị Bồ tát. Phật giáo gọi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là lục căn. Ngũ căn là do tứ đại trong thế gian tạo ra, thông qua lục căn chúng sinh thấy màu sắc, nghe âm thanh, ngửi mùi hương, nếm được vị, biết pháp. Lục căn có đầy đủ trong chúng sinh, ắt sẽ truy cầu vinh hoa, tham lam của cải, sau bị phiền não trói buộc, nếu lục căn thanh tịnh thì nhân quan sẽ nhìn khắp Tam

thiên Đại thiên thế giới, đạt phép thần thông của chư Phật, thấu cội địa ngục, thấy được nỗi khổ của chúng sinh trong luân hồi, xa lìa thế tục hưởng về tịnh độ, truy cầu cảnh giới giải thoát. Lục căn tiêu trừ (hủy căn) nghĩa là diệt trừ hết lục căn trong thế tục, không còn ham muốn trở về trạng thái thanh tịnh. Bồ tát Lục Căn Tận coi chúng sinh như con, khuyên chúng sinh đừng tạo nghiệp ác để được giải thoát. Theo *Thập vị đoạn kết kinh*, quyển 9: Bồ tát Hủy Căn nguyện bảo vệ chúng sinh, đưa họ đến bờ giác ngộ.

496

TÔN GIẢ BẠT ĐỘ LA



Tôn giả Bạt Đà La

Tức Bạt Đà La, là một trong 16 vị La hán nổi tiếng. Có thuyết cho rằng: Khi đức Phật sắp nhập Niết bàn đã lệnh cho Bạt Đà La và 16 La hán mãi trụ lại thế gian để tế độ chúng sinh. Tôn giả Bạt Đà La thường hòa vào các việc chúng sinh để cứu độ. Theo *Đại A La hán Nan đề Mật đa la sở thuyết Pháp Trụ ký*: Nếu các thiện nam, tín nữ phát tịnh tâm, vì chúng tăng 4 phương mở hội bố thí, hoặc hội 5 năm, hoặc 10 chúng tăng đến nhà cầu phúc, hoặc đến chùa bố thí đồ ăn

thức dùng, Tôn giả Bạt Đà La sẽ ghi nhận sự cúng dàng và ban cho phúc tốt.



TÔN GIẢ TƯ TÁT ĐOÁ

Tôn giả tự tâm tạo tác mà chứng quả vị Phật. Trước khi thành Phật, Phật tổ từng chuyển sinh qua vô số kiếp, đời đời tạo công đức sau mới được chính quả. Kiếp trước Phật tổ là con vua Tát Đóa, có lòng từ bi. Con Tát Đóa vương thấy hổ mẹ sinh 7 con trong rừng sâu, vì thiếu vú, hổ con 7 ngày không được bú, đói gần chết. Trước cảnh đó, ông rất thương xót, muốn đem thân mình nuôi hổ liền nằm xuống bên cạnh hổ mẹ. Hổ mẹ khiếp sợ uy lực của lòng từ bi mà không dám ăn thịt. Bồ tát leo



Tôn giả Tư Tát Đóa

lên ngọn núi, rồi gieo mình xuống, nhưng được sơn thần giúp mà thân không sây sứt. Bồ tát lại dùng gậy trúc đâm vào mạch máu, máu chảy hết rồi qua đời. Ngay sau đó, mặt đất xuất hiện 6 loại chấn động, hoa bay ngợp trời, hổ thấy Bồ tát chết, chạy đến ăn thịt, mẹ con đều được cứu. Tôn giả Tư Tát luôn noi theo lòng từ bi của Tát Đóa, làm lợi cho chúng sinh, lập nhiều công đức, sau chứng quả vị La hán.

TÔN GIẢ CHÚ ĐỒ CA

Tức Chú Đồ Bán Thác Ca, là một trong 16 La hán nổi



Tôn giả Chú Đồ Bân Thác Ca

tiếng. Căn cứ vào truyền thuyết Phật giáo, 16 vị đại Bồ tát (bọn Chú Đồ Bân Thác Ca) đều nghe theo lệnh của Thích Ca mãi ở thế gian, tế độ chúng sinh. Theo *Đại A La hán Nan đề Mật đa la sở thuyết Pháp Trù ký*: Thuộc hạ của Tôn giả Chú Đồ Bân Thác Ca có tới 1600 vị A La hán, họ ở trong núi Trì Trục. Thiện nam, tín nữ rộng mở hội cúng dàng cho tăng chúng, Chú Đồ Bân Thác Ca cùng quyến thuộc bền ẩn hình mạo, mặc áo thường dân đến tiếp thụ cúng dàng mà đem phúc quả cho thí chủ.

499

TÔN GIẢ BÁT LỢI LA

Là cao tăng Ấn Độ thời Đường, còn có tên gọi khác là Bạt Nhật La Bồ đề, dịch là Kim Cương Trí, người nước Ma Lợi Da (Nam Ấn), họ Bà La Môn. Cha ông tinh thông Phật pháp, là quốc sư của vua Kiến Chi. Bát Lợi La 15 tuổi xuất gia, trước học luật tạng ở chùa Na Lan Đà tại Trung Ấn. Sau ông qua Tây Ấn học Mật tông, 10 năm sau thông Tam tạng kinh, Luật, Luận. Nghe nói Trung Quốc tôn sùng Phật giáo, năm Khai Nguyên thứ 7 (719), ông



Tôn giả Bát Lợi La



theo thuyền tới Quảng Châu, dựng Đạo tràng Quán đĩnh Man Noa La để chúng sinh quy y. Năm sau, Huyền Tông mệnh cho về ở chùa Đại Từ Ân tại Trường An, rộng mở Du Già Mật pháp. Khi đó trời hạn, ông theo lệnh vua cầu mưa được linh nghiệm, sau rời đến ở chùa Tiến Phúc, các danh tăng Trường An phần nhiều đến với ông để học Du Già. Năm Khai Nguyên thứ 11, ông phụng mệnh dịch kinh, dịch được *Du già niêm tụng pháp*, *Quán tự tại Du già pháp* và rất nhiều bộ khác. Khai Nguyên thứ 20 (732), ông viên tịch ở chùa Quảng Phúc (Lạc Dương), thọ 71 tuổi, được vua ban thụy Quốc sư, táng ở Long Môn.

500

TÔN GIẢ NGUYỄN SỰ CHÚNG

Nguyễn, theo *Chỉ quán*, quyển 7 hạ cho biết: “Phát nguyện là thế vậy. Nếu hứa cho người một vật mà không chỉ rõ thì không biết phân định vật đó thế nào, đem điều thiện cho chúng sinh, nếu không gắng tâm hoặc sợ thoái chuyển, thì phải thế, không như vậy thì như trâu không chế ngự, không biết về đâu. Nguyễn giữ đức hạnh, đến sau cũng như bây giờ”. Chúng là tất cả chúng sinh. Tôn giả Nguyễn Sự Chúng qua vô số kiếp, tu hành tại vô số Phật, công đức viên mãn, ông phát nguyện rằng: không bao giờ rời bỏ thế gian, mãi trụ lại với chúng sinh chưa được giải thoát, giải trừ phiền não và



Tôn giả Nguyễn Sự Chúng

khổ nạn cho họ, vì họ mà chỉ điểm bến mé để đưa họ sang Quốc độ Cực lạc.

TẾ CÔNG



Tế Công

Danh tăng thời Nam Tống, pháp hiệu Đạo Tể. Tự là Hồ Ẩn, hiệu là Phương Viên Sưu, người Lâm Hải, họ Lý. Ông dung mạo tuấn tú, thông minh. Xuất gia từ nhỏ, bái Thiền sư Phật Hải Tuệ Viên chùa Linh Ẩn làm thầy và lĩnh hội được mật truyền. Sau khi thầy tịch diệt, ông là người nối y bát, trở thành tổ thứ 16 của Nam Nhạc. Ông thích những nơi thanh tịnh, vùng sơn dã, ngao du khắp núi sông, lại có tri thức uyên bác, viết chữ cực đẹp, dấu mực được người đời trân trọng,

nhưng tính lại ngông cuồng, quần áo xộc xệch, rượu thịtбет nhè, không theo giới luật, khi say thường đùa cợt trẻ, người đời gọi ông là Tế Diên, và tôn xưng là Tế Công. Vì không theo giới luật, ông bị đuổi khỏi chùa, đến chùa Tịnh Từ núi Nam Bình trước thuật, văn chữ đẹp dẽ, có tác phẩm gì mọi người đều truyền tay đọc. Ông viên tịch năm Gia Định thứ 2 (1209). Sau khi thiêu, xá lợi rất nhiều, dân Hàng Châu thu nhặt đem về nhà cúng dường, các đệ tử cũng thu mà táng trong tháp bên suối Hồ Bảo.



LỜI KẾT

500 La hán là thuật ngữ quen thuộc lưu truyền ở Trung Quốc, họ coi đây là sự tượng trưng cho lực lượng đem lại may mắn cho cuộc sống. Nhiều người cho 500 vị Tôn giả là quá nhiều, nhưng trong thực tế phát triển của lịch sử Phật giáo, các vị cao tăng đại đức không dừng ở số 500 và cũng có nhiều nhân vật mang tính thần thoại hoặc truyền thuyết. So sánh danh hiệu 500 vị Tôn giả với *Đại Tạng kinh*, ta thấy có thể chia làm ba loại:

Thứ nhất là các nhân vật có thật trong lịch sử, họ xuất hiện trong thời kì Thích Ca khai sáng đạo Phật, trong dáng dấp là các đệ tử, hoặc cũng có nhiều vị cao tăng cư sĩ, hộ pháp vương của những thời đại sau có công hiển lớn cho sự phát triển của Phật giáo.

Thứ hai là các nhân vật hư cấu trong tôn giáo, trong truyền thuyết, họ được sinh ra từ nhiều kiếp trong thế giới khác nhau ở những nơi có công đức và trí tuệ siêu phàm, đó là các biểu tượng của các tôn giáo, không có phép đoán định nào có thể xác định được họ tồn tại hay không tồn tại. Các Tôn giả này gồm La hán, Bồ tát, thậm chí cả Phật.

Thứ ba là danh hiệu các vị Tôn giả được xuất phát từ các thuật từ Phật học có những nghĩa lý sâu xa, có tầm quan trọng lớn trong học thuyết và được tôn sùng. Mỗi một giáo nghĩa có thể được thể hiện qua hình tượng nhân vật, lại không thể lý giải được mỗi vị tăng nhân là sự hóa thân của giáo nghĩa nào. Như vậy hòa nhập giữa nhân cách, nhân vật và giáo nghĩa để chúng sinh cúng dàng, đã thể hiện nhận thức sâu sắc của chúng tăng đối với Phật giáo.

Trong số 500 La hán, có vị là nhân vật thật, có vị là nhân vật được xây dựng một cách huyền bí, biến hóa khôn lường, mang nhiều đặc sắc, lại đem giáo nghĩa hòa vào nhân cách để thể hiện sự phò thác, tạo ra nội dung phong phú cho 500 vị La hán. Trong quá trình biên dịch, các tác giả chú trọng vào ghi chép của *Đại Tạng kinh* để độc giả có cái nhìn sát thực về nguồn gốc Phật giáo. Từ khi đạo Phật xuất hiện đến nay, khoa học kỹ thuật phát triển rất mạnh. Phật giáo là tôn giáo có nhiều tín đồ, lại đưa ra lý luận về sự tồn tại và phát triển của xã hội, nhưng cũng có lúc bị khoa học phủ định. Tuy nhiên, tư tưởng Phật giáo đã thể hiện được sự nhận thức ban đầu của nhân loại, của thế giới, là đại biểu cho trí thức, lại giúp con người nhận thức được bản ngã. Phật giáo là sự kết tinh cho sự phát triển của một xã hội, bao quát cả nội dung và tư tưởng, và được xã hội hiện đại nhìn nhận là tôn giáo tích cực có đóng góp lớn, ví dụ: bỏ điều ác làm điều thiện, vì lợi ích của người khác hoặc cộng đồng mà tự thức tỉnh chính mình qua con đường tiết chế...

Sách này đưa ra cách lý giải về sự phát triển của Phật giáo rất rõ ràng. Tuy có yếu tố cường điệu trong việc thể hiện sự tu dưỡng truy cầu cảnh giới Niết bàn, coi Niết bàn là cảnh giới tối lạc, nhưng phù hợp với sự phát triển tất yếu của xã hội. Đây là đặc điểm cần hết sức lưu ý. Qua quá trình biên dịch, các tiểu truyện, chúng tôi biết còn có nhiều thiếu sót, bởi kinh sách quá nhiều, trong thời gian ngắn không thể tham cứu hết được. Xin cảm ơn những đóng góp bổ sung để tác phẩm trở nên hoàn thiện, rất mong các vị học giả và chư tăng chi cho những chỗ còn thiếu sót để cuốn sách được trọn vẹn trong mắt độc giả qua những lần tái bản sau. Trong quá trình biên dịch, chúng tôi nhận được sự giúp đỡ của giáo sư Trần Lâm Biền đã hiệu đính bản thảo.

Các tác giả





Lời nói đầu	5	34. Tôn giả Cưu Ma La Đa	41
01. Tôn giả A Nhã Kiều Trần Như	11	35. Tôn giả Độc Long Quy Y	42
02. Tôn giả A Nê Lâu	12	36. Tôn giả Đồng Thanh Khế Thủ	43
03. Tôn giả Hữu Hiền Vô Cấu	13	37. Tôn giả Tỳ La Chi Tử	44
04. Tôn giả Tu Bạt Đà La	14	38. Tôn giả Phạt Tô Mật Đa	45
05. Tôn giả Ca Lưu Đà Di	15	39. Tôn giả Xà Đề Thủ Na	46
06. Tôn giả Văn Thanh Đắc Quả	15	40. Tôn giả Tăng Pháp Đa Xa	46
07. Tôn giả Chiến Đàn Tạng Vương	16	41. Tôn giả Bi Sát Thê Gian	47
08. Tôn giả Thi Trạng Vô Cấu	16	42. Tôn giả Hiền Hoa Đế Kỳ	48
09. Tôn giả Kiều Phan Bát Đế	18	43. Tôn giả Nhân Quang Định Lực	49
10. Tôn giả Nhân Đà Đắc Tuệ	19	44. Tôn giả Già Da Xá Na	50
11. Tôn giả Ca Na Hành Na	20	45. Tôn giả Sa Đề Mật Xô	51
12. Tôn giả Bà Tô Bàn Đầu	20	46. Tôn giả Ba Xà Đề Bà	51
13. Tôn giả Pháp Giới Tử lạc	21	47. Tôn giả Giải Không Vô Cấu	52
14. Tôn giả Ưu Lâu Tần Loa	23	48. Tôn giả Phục Đà Mật Đa	53
15. Tôn giả Phát Đà Mật Đa	23	49. Tôn giả Phú Na Đa Xá	54
16. Tôn giả Na Đế Ca Diếp	24	50. Tôn giả Già Da Thiên Nhân	55
17. Tôn giả Na Diên La Muc	25	51. Tôn giả Bất Trước Thế Gian	56
18. Tôn giả Phát Đà Nan Đế	26	52. Tôn giả Giải Không Đệ Nhất	57
19. Tôn giả Mật Điện Đế Ca	27	53. Tôn giả La Độ Vô Tận	57
20. Tôn giả Nan Đà Đa Hóa	28	54. Tôn giả Kim Cương Phá Ma	58
21. Tôn giả Ưu Ba Cúc Đa	29	55. Tôn giả Nguyên Hộ Thê Gian	59
22. Tôn giả Tăng Ca Gia Xá	30	56. Tôn giả Vô Ưu Thiên Định	60
23. Tôn giả Giáo Thuyết Thường Trụ	30	57. Tôn giả Vô Tác Tuệ Thiện	60
24. Tôn giả Thương Na Hòa Tu	31	58. Tôn giả Thập Kiếp Tuệ Thiện	61
25. Tôn giả Đạt Ma Ba La	32	59. Tôn giả Chiến Đàn Đức Hương	62
26. Tôn giả Ca Da Ca Diếp	33	60. Tôn giả Kim Sơn Giác Ý	63
27. Tôn giả Định Quả Đức Diếp	34	61. Tôn giả Vô Nghiệp Túc Tận	63
28. Tôn giả Trang Nghiêm Vô Ưu	35	62. Tôn giả Ma Ha Sát Lợi	64
29. Tôn giả Úc Trì Nhân Duyên	35	63. Tôn giả Vô Lượng Bán Hạnh	65
30. Tôn giả Ca Na Đế Bà	36	64. Tôn giả Nhất Niệm Giải Không	66
31. Tôn giả Phạ Tà Thần Thông	37	65. Tôn giả Quan Thân Vô Thường	67
32. Tôn giả Kiến Trì Tam Tự	39	66. Tôn giả Thiên Kiếp Bi Nguyễn	67
33. Tôn giả A Miếu Lâu Đà	40	67. Tôn giả Cù La Na Hàm	68

68. Tôn giả Giải Không Định Không	69	112. Tôn giả Kim Thủ	107
69. Tôn giả Thành Tựu Nhân Duyên	70	113. Tôn giả Kinh Thủ	108
70. Tôn giả Kiên Thông Tinh Tiến	71	114. Tôn giả Chúng Thủ	108
71. Tôn giả Tát Đà Ba Luân	71	115. Tôn giả Biện Đức	109
72. Tôn giả Càn Đà Ha Ly	72	116. Tôn giả Sát Đê	110
73. Tôn giả Giải Không Tự Tại	73	117. Tôn giả Ngộ Đạt	110
74. Tôn giả Ma Ha Chu Na	74	118. Tôn giả Pháp Đăng	111
75. Tôn giả Kiên Nhân Phi Đồng	74	119. Tôn giả Lý Cầu	112
76. Tôn giả Bất Không Bất Hữu	75	120. Tôn giả Cảnh Giới	113
77. Tôn giả Chu Lợi Bàn Đạc	76	121. Tôn giả Mã Thắng	113
78. Tôn giả Cù Sa Tỳ Kheo	77	122. Tôn giả Thiên Vương	114
79. Tôn giả Sư Tử Tỳ Kheo	77	123. Tôn giả Vô Thắng	115
80. Tôn giả Tu Hành Bất Trước	78	124. Tôn giả Tự Tĩnh	116
81. Tôn giả Tất Lăng Già Sa	79	125. Tôn giả Bất Đồng	117
82. Tôn giả Ma Lợi Bất Động	80	126. Tôn giả Hưu Túc	117
83. Tôn giả Tam Muội Cam Lô	81	127. Tôn giả Diệu Đạt	118
84. Tôn giả Giải Không Vô Danh	82	128. Tôn giả Phổ Quang	119
85. Tôn giả Thất Phật Nan Đề	82	129. Tôn giả Trí Tích	120
86. Tôn giả Kim Cương Tinh Tiến	84	130. Tôn giả Bảo Tràng	120
87. Tôn giả Phương Tiên Pháp Tạng	84	131. Tôn giả Thiện Tuệ	121
88. Tôn giả Quan Hành Nguyệt Luân	85	132. Tôn giả Thiện Nhân	122
89. Tôn giả A Na Bàn Đề	87	133. Tôn giả Dững Bảo	123
90. Tôn giả Phất Trần Tam Muội	88	134. Tôn giả Bảo Kiến	124
91. Tôn giả Ma Ha Cù Hi	90	135. Tôn giả Tuệ Tích	124
92. Tôn giả Tịch Chi Chuyển Trí	91	136. Tôn giả Tuệ Trí	125
93. Tôn giả Sơn Đình Long Chung	92	137. Tôn giả Bảo Thắng	126
94. Tôn giả La Vọng Tư Duy	93	138. Tôn giả Đạo Tiên	127
95. Tôn giả Kiếp Tân Phúc Tạng	94	139. Tôn giả Đế Võng	128
96. Tôn giả Thần Thông Úc Cù	95	140. Tôn giả Minh La	129
97. Tôn giả Cù Thọ Cù Đế	96	141. Tôn giả Bảo Quang	130
98. Tôn giả Pháp Vương Bồ Đề	96	142. Tôn giả Thiện Diệu	130
99. Tôn giả Pháp Tạng Vĩnh Kiếp	97	143. Tôn giả Phán Tấn	131
100. Tôn giả Bồ Chú	99	144. Tôn giả Tu Đạo	132
101. Tôn giả Trừ Ưu	99	145. Tôn giả Đại Tướng	133
102. Tôn giả Đại Nhân	100	146. Tôn giả Thiện Trụ	133
103. Tôn giả Vô Ưu Tự Tại	101	147. Tôn giả Trí Thế	134
104. Tôn giả Diệu Cù	101	148. Tôn giả Quang Anh	135
105. Tôn giả Nghiêm Độ	102	149. Tôn giả Quyển Giáo	135
106. Tôn giả Kim Kế	103	150. Tôn giả Thiện Tư	136
107. Tôn giả Lôi Đức	103	151. Tôn giả Pháp Nhân	137
108. Tôn giả Lôi Âm	104	152. Tôn giả Phạm Thắng	138
109. Tôn giả Hương Tượng	105	153. Tôn giả Quang Diệu	138
110. Tôn giả Mã Đầu	105	154. Tôn giả Trục Ý	139
111. Tôn giả Minh Thủ	106	155. Tôn giả Ma Đề	140

156. Tôn giả Tuệ Khoan	140	200. Tôn giả Tịnh Nhãn	174
157. Tôn giả Vô Thắng	141	201. Tôn giả Ba La Mật	175
158. Tôn giả Đàm Ma	142	202. Tôn giả Cầu Na Xá	176
159. Tôn giả Hoan Hỷ	143	203. Tôn giả Tam Muội Thanh	176
160. Tôn giả Du Hỷ	144	204. Tôn giả Bồ Tát Thanh	177
161. Tôn giả Đạo Thế	144	205. Tôn giả Cát Tường Chú	178
162. Tôn giả Minh Chiếu	145	206. Tôn giả Bát Đa La	178
163. Tôn giả Phổ Đăng	146	207. Tôn giả Vô Biên Thân	179
164. Tôn giả Tuệ Tác	147	208. Tôn giả Hiền Kiếp Thủ	180
165. Tôn giả Trự Hoan	147	209. Tôn giả Kim Cương Muội	180
166. Tôn giả Nan Thắng	148	210. Tôn giả Thừa Vĩ	181
167. Tôn giả Thiện Đức	148	211. Tôn giả Bà Tư Tra	182
168. Tôn giả Bảo Nhại	149	212. Tôn giả Tâm Bình Đăng	183
169. Tôn giả Quán Thân	150	213. Tôn giả Bất Khả Tỉ	183
170. Tôn giả Hoa Vương	151	214. Tôn giả Lạc Phúc Tạng	184
171. Tôn giả Đức Thủ	151	215. Tôn giả Hỏa Diệm Thân	185
172. Tôn giả Hy Kiến	152	216. Tôn giả Phả La Đa	186
173. Tôn giả Thiện Túc	153	217. Tôn giả Đoạn Phiến Não	186
174. Tôn giả Thiện Ý	154	218. Tôn giả Bạc Cầu La	187
175. Tôn giả Ái Quang	154	219. Tôn giả Lợi Bà Đa	188
176. Tôn giả Hoa Quang	155	220. Tôn giả Hộ Diệu Pháp	189
177. Tôn giả Thiện Kiến	156	221. Tôn giả Tối Thắng Ý	190
178. Tôn giả Thiện Căn	157	222. Tôn giả Tu Di Đăng	191
179. Tôn giả Đức Đỉnh	157	223. Tôn giả Một Đặc Già	192
180. Tôn giả Diệu Tý	158	224. Tôn giả Di Sa Tắc	193
181. Tôn giả Long Mãn	159	225. Tôn giả Thiện Viên Mãn	193
182. Tôn giả Phát Sa	160	226. Tôn giả Ba Đầu Ma	194
183. Tôn giả Đức Quang	161	227. Tôn giả Trí Tuệ Đăng	195
184. Tôn giả Tấn Kết	162	228. Tôn giả Chiên Đàn Tạng	196
185. Tôn giả Tịnh Chính	162	229. Tôn giả Ca Nan Lưu	197
186. Tôn giả Thiện Quán	163	230. Tôn giả Hương Diệm Tràng	198
187. Tôn giả Đại Lực	164	231. Tôn giả A Thấp Tỷ	198
188. Tôn giả Điện Quang	164	232. Tôn giả Ma Ni Bảo	199
189. Tôn giả Bảo Trượng	165	233. Tôn giả Phúc Đức Thủ	200
190. Tôn giả Thiện Tinh	166	234. Tôn giả Lợi Bà Di	201
191. Tôn giả La Tuấn	167	235. Tôn giả Xá Giá Độc	202
192. Tôn giả Tứ Địa	168	236. Tôn giả Đoạn Nghiệp	202
193. Tôn giả Khánh Hữu	169	237. Tôn giả Hoan Hỷ Trí	203
194. Tôn giả Thế Hữu	169	238. Tôn giả Càn Đà Lạc	204
195. Tôn giả Mãn Túc	170	239. Tôn giả Sa Già Đà	205
196. Tôn giả Xiển Đà	171	240. Tôn giả Tu Di Vọng	205
197. Tôn giả Nguyệt Tịnh	172	241. Tôn giả Trí Thiện Pháp	206
198. Tôn giả Đại Thiên	172	242. Tôn giả Đế Đa Ca	207
199. Tôn giả Tịnh Tạng	173	243. Tôn giả Thủy Triều Thanh	208

244. Tôn giả Trí Tuệ Hải	209	288. Tôn giả Tuệ Y Vương	244
245. Tôn giả Chủng Cự Đức	210	289. Tôn giả Hàng Ma Quán	245
246. Tôn giả Bất Tư Nghì	211	290. Tôn giả Thủ Diệm Quang	246
247. Tôn giả Di Già Tiên	212	291. Tôn giả Trí Đại Y	246
248. Tôn giả Ni Đà Già	213	292. Tôn giả Tạng Luật Hành	247
249. Tôn giả Thủ Chính Niệm	213	293. Tôn giả Đức Tự Tại	248
250. Tôn giả Tịnh Bồ Đề	214	294. Tôn giả Phục Long Vương	249
251. Tôn giả Phạm Âm Thiên	215	295. Tôn giả Xà Dạ Đa	250
252. Tôn giả Nhân Địa Quả	216	296. Tôn giả Tấn Ma Lợi	251
253. Tôn giả Giác Tinh Giải	216	297. Tôn giả Nghĩa Pháp Thắng	251
254. Tôn giả Tinh Tiến Sơn	217	298. Tôn giả Thí Bà La	252
255. Tôn giả vô Lượng Quang	218	299. Tôn giả Hộ Diệu Pháp	253
256. Tôn giả Bất Động Ý	219	300. Tôn giả Vương Trụ Đạo	254
257. Tôn giả Tu Thiện Nghiệp	219	301. Tôn giả vô Cấu Hành	254
258. Tôn giả A Dật Đa	220	302. Tôn giả A Bà La	255
259. Tôn giả Tôn Đà La	221	303. Tôn giả Thanh Quy Y	256
260. Tôn giả Thánh Phong Tuệ	222	304. Tôn giả Thiển Định Quả	257
261. Tôn giả Mạn Thủ Hạnh	223	305. Tôn giả Bất Thoái Pháp	258
262. Tôn giả A Lợi Đa	224	306. Tôn giả Tăng Già Da	259
263. Tôn giả Pháp Luân Sơn	225	307. Tôn giả Đạt Ma Chấn	259
264. Tôn giả Chủng Hòa Hợp	225	308. Tôn giả Trí Thiện Pháp	260
265. Tôn giả Pháp Vô Trụ	226	309. Tôn giả Thụ Thắng Quả	261
266. Tôn giả Thiện Cổ Thanh	227	310. Tôn giả Tâm Thắng Tu	262
267. Tôn giả Như Ý Luân	228	311. Tôn giả Hội Pháp Tạng	262
268. Tôn giả Thủ Hỏa Diệm	229	312. Tôn giả Thường Hoan Hỷ	263
269. Tôn giả Vô Tỷ Hiệu	230	313. Tôn giả Uy Nghi Đa	264
270. Tôn giả Đa Già Lâu	231	314. Tôn giả Đầu Đà Tăng	264
271. Tôn giả Lợi Bà Đa	231	315. Tôn giả Nghi Tẩy Tráng	265
272. Tôn giả Phổ Hiền Hạnh	232	316. Tôn giả Đức Tịnh Ngộ	266
273. Tôn giả Trí Tam Muội	233	317. Tôn giả Vô Cấu Tạng	267
274. Tôn giả Oai Đức Thanh	234	318. Tôn giả Hàng Phục Ma	268
275. Tôn giả Lợi Bà Đa	234	319. Tôn giả A Tăng Già	268
276. Tôn giả Danh Vô Tận	235	320. Tôn giả Kim Phú Lạc	269
277. Tôn giả A Na Tất	236	321. Tôn giả Đốn Ngộ	270
278. Tôn giả Phổ Thắng Sơn	237	322. Tôn giả Chu Đà Bà	271
279. Tôn giả Biện Tài Vương	238	323. Tôn giả Trụ Thế Gian	272
280. Tôn giả Hành Hòa Quốc	238	324. Tôn giả Đăng Đạo Thủ	272
281. Tôn giả Thanh Long Chủng	239	325. Tôn giả Cam Lộ Pháp	273
282. Tôn giả Thệ Nam Sơn	240	326. Tôn giả Tự Tại Vương	274
283. Tôn giả Phú Già Na	240	327. Tôn giả Tu Đạt Na	275
284. Tôn giả Hành Truyền Pháp	241	328. Tôn giả Siêu Pháp Vũ	276
285. Tôn giả Hương Kim Thủ	242	329. Tôn giả Đức Diệu Pháp	276
286. Tôn giả Ma Nô La	242	330. Tôn giả Sĩ Ưng Chấn	277
287. Tôn giả Tạng Luật Hành	243	331. Tôn giả Kiên Cố Tâm	278



332. Tôn giả Thanh Huông Ưng	279	376. Tôn giả Vô Cấu Đức	312
333. Tôn giả Ưng Phó Củng	279	377. Tôn giả Quang Minh Cương	313
334. Tôn giả Trần Kiếp Không	280	378. Tôn giả Thiện Tu Hành	314
335. Tôn giả Quang Minh Đẳng	281	379. Tôn giả Tọa Thanh Lương	315
336. Tôn giả Chấp Bảo Cự	282	380. Tôn giả Vô Ưu Nhân	316
337. Tôn giả Công Đức Tướng	282	381. Tôn giả Khử Cái Chuông	316
338. Tôn giả Nhẫn Sinh Tâm	283	382. Tôn giả Tự Minh Tôn	317
339. Tôn giả A Thị Đa	284	383. Tôn giả Hòa Luân Điều	318
340. Tôn giả Bạch Hưng Tượng	284	384. Tôn giả Tịnh Trừ Cấu	318
341. Tôn giả Thúc Tự Sinh	285	385. Tôn giả Khử Chư Nghiệp	319
342. Tôn giả Tấn Thán Nguyên	286	386. Tôn giả Từ Nhân Tôn	320
343. Tôn giả Định Phất La	287	387. Tôn giả Vô Tận Từ	321
344. Tôn giả Thanh Dẫn Chúng	288	388. Tôn giả Táp Đà Nộ	321
345. Tôn giả Ly Tịnh Ngũ	288	389. Tôn giả Na La Đạt	322
346. Tôn giả Cửu Xá Tộn	289	390. Tôn giả Hành Nguyên Trì	323
347. Tôn giả Úc Đa La	290	391. Tôn giả Thiên Nhân Tôn	324
348. Tôn giả Phúc Nghiệp Trừ	290	392. Tôn giả Vô Tận Trí	324
349. Tôn giả La Dư Tập	291	393. Tôn giả Biến Cụ Túc	325
350. Tôn giả Đại Dược Tôn	292	394. Tôn giả Bảo Cái Tôn	326
351. Tôn giả Thăng Giải Không	293	395. Tôn giả Thần Thông Hóa	327
352. Tôn giả Tu Vô Đức	293	396. Tôn giả Tư Thiện Thúc	328
353. Tôn giả Hỷ Vô Trước	294	397. Tôn giả Hỷ Tín Tĩnh	328
354. Tôn giả Nguyệt Cái Tôn	295	398. Tôn giả Ma Ha Nam	329
355. Tôn giả Chiến Đàn La	296	399. Tôn giả Vô Lượng Quang	330
356. Tôn giả Tâm Định Luận	297	400. Tôn giả Kim Quang Tuệ	331
357. Tôn giả Am La Mãn	298	401. Tôn giả Phục Long Thi	333
358. Tôn giả Đinh Sinh Tôn	298	402. Tôn giả Huyền Quang Không	333
359. Tôn giả Tát Hòa Đàn	299	403. Tôn giả Kim Cương Minh	333
360. Tôn giả Trục Phúc Đức	300	404. Tôn giả Liên Hoa Tịnh	334
361. Tôn giả Tu Na Sát	300	405. Tôn giả Câu Na Ý	335
362. Tôn giả Hỷ Kiến Tôn	301	406. Tôn giả hiền thủ tôn	336
363. Tôn giả Vi Lam Vương	302	407. Tôn giả Lợi Hoàn La	337
364. Tôn giả Đế Bà Trưởng	303	408. Tôn giả Điều Định Tạng	338
365. Tôn giả Thành Đại Lợi	304	409. Tôn giả Vô Cấu Xứng	339
366. Tôn giả Pháp Thủ	305	410. Tôn giả Thiên Âm Thanh	340
367. Tôn giả Tô Tấn Đà	305	411. Tôn giả Đại Uy Quang	340
368. Tôn giả Chúng Đức Thủ	306	412. Tôn giả Tự Tại Chủ	341
369. Tôn giả Kim Cương Tạng	307	413. Tôn giả Minh Thế Giới	342
370. Tôn giả Cù Già Lê	308	414. Tôn giả Tối Thượng Tôn	343
371. Tôn giả Nhật Chiêu Minh	308	415. Tôn giả Kim Cương Tôn	343
372. Tôn giả Vô Cấu Tạng	309	416. Tôn giả Xúc Mạn Ý	344
373. Tôn giả Trừ Nghi Vong	310	417. Tôn giả Vô Lượng Tỷ	345
374. Tôn giả Vô Lượng Minh	311	418. Tôn giả Siêu Tuyệt Luận	345
375. Tôn giả Trừ Chúng Ưu	312	419. Tôn giả Nguyệt Bồ Đề	346

420. Tôn giả Trì Thế Giới	347	462. Tôn giả Đại Hiền Quang	380
421. Tôn giả Định Hoa Trí	348	463. Tôn giả Quang Phổ Hiện	380
422. Tôn giả Vô Biên Thân	348	464. Tôn giả Âm Diệu Mãn	381
423. Tôn giả Tồi Thắng Tràng	349	465. Tôn giả Sư Tử Ưc	382
424. Tôn giả Khí Ác Pháp	350	466. Tôn giả Hoại Ma Quân	382
425. Tôn giả Vô Ngại Hành	351	467. Tôn giả Phân Biệt Thân	383
426. Tôn giả Phổ Trang Nghiêm	352	468. Tôn giả Tịnh Giải Thoát	384
427. Tôn giả Vô Tận Từ	352	469. Tôn giả Chất Trục Hành	385
428. Tôn giả Thường Bi Mãn	353	470. Tôn giả Trí Nhân Tử	386
429. Tôn giả Đại Trấn Chướng	354	471. Tôn giả Cự Túc Nghi	386
430. Tôn giả Quang Diệm Minh	355	472. Tôn giả Như Ý Đóa	387
431. Tôn giả Trí Nhân Minh	356	473. Tôn giả Đại Xi Diệu	387
432. Tôn giả Kiên Cố Hành	357	474. Tôn giả Kiếp Tân Na	388
433. Tôn giả Chủ Văn Vũ	357	475. Tôn giả Phổ Diệm Quang	389
434. Tôn giả Bất Động La	358	476. Tôn giả Cao Dật Hành	389
435. Tôn giả Phổ Quang Minh	359	477. Tôn giả Đắc Phật Trí	390
436. Tôn giả Tâm quán tịnh	360	478. Tôn giả Tịch Tĩnh Hành	391
437. Tôn giả Na La Đức	360	479. Tôn giả Ngô Chân Thường	392
438. Tôn giả Sư Tử Tôn	361	480. Tôn giả Pháp Oan Tặc	392
439. Tôn giả Pháp Thượng Tôn	362	481. Tôn giả Diệt Ác Thủ	393
440. Tôn giả Tịnh Tiến Biện	363	482. Tôn giả Tính Hải Thông	394
441. Tôn giả Lạc Thuyết Quả	364	483. Tôn giả Pháp Thông	394
442. Tôn giả Quán Vô Biên	365	484. Tôn giả Mãn Bất Túc	395
443. Tôn giả Sư Tử Phiến	365	485. Tôn giả Nhiếp Chúng Tâm	396
444. Tôn giả Phá Tà Kiến	366	486. Tôn giả Đạo Đại Chúng	397
445. Tôn giả Vô Ưu Đức	367	487. Tôn giả Thường Ẩn Hạnh	397
446. Tôn giả Hành Vô Biên	368	488. Tôn giả Bồ Tát Từ	398
447. Tôn giả Tuệ Kim Cương	368	489. Tôn giả Bạt Chúng Khổ	399
448. Tôn giả Nghĩa Thành Tự	369	490. Tôn giả Tầm Thanh ứng	400
449. Tôn giả Thiện Trụ Nghĩa	370	491. Tôn giả Sở Kiếp Định	400
450. Tôn giả Tín Trừng	371	492. Tôn giả Chú Pháp Thủy	401
451. Tôn giả Hành Kinh Đoan	371	493. Tôn giả Đắc Định Thông	402
452. Tôn giả Đức Phổ Hiệp	372	494. Tôn giả Tuệ Quảng Tăng	402
453. Tôn giả Sư Tử Tác	373	495. Tôn giả Lục Căn Tận	403
454. Tôn giả Hành Nhẫn Từ	373	496. Tôn giả Tư Tát Đóa	404
455. Tôn giả Vô Tướng Không	374	497. Tôn giả Tư Tát Đóa	405
456. Tôn giả Dũng Tĩnh Tiến	375	498. Tôn giả Chú Đố Ca	405
457. Tôn giả Thắng Thanh Tịnh	376	499. Tôn giả Bát Lợi La	406
458. Tôn giả Hữu Tính Không	377	500. Tôn giả Nguyên Sự Chúng	407
459. Tôn giả Tịnh Na La	377	Tế Công	408
460. Tôn giả Pháp Tự Tại	378	Lời kết	409
461. Tôn giả Sư Tử Giáp	379	Mục lục	411



Tổng hợp & biên dịch: PHẠM ĐỨC HÂN - PHẠM VĂN TUẤN
TRẦN VĂN THỨC - ĐẶNG THÚY THÚY
Hiệu đính: GS. TRẦN LÂM BIÊN

500



VỊ LA HÁN

"500 vị La hán" là một cuốn sách mang ý nghĩa giáo dục và giá trị nhân văn sâu sắc. Ngoài những kiến thức về xuất xứ cũng như quá trình chứng quả vị La hán của các vị La hán, các câu chuyện trong sách còn toát lên những điều áo diệu của giáo lý nhà Phật. Bên cạnh đó, các câu chuyện trên còn có tác dụng vô cùng to lớn đối với tư tưởng, tình cảm và hành động của con người. Sách khuyên con người phải hành thiện, từ bỏ điều ác, sự đố kỵ, lòng tham... biết hy sinh, ban tặng, khoan dung với đồng loại và cả những loài vật nhỏ bé tầm thường.



VIỆN KÍ-42 Ng TM Đm, QJ * ĐT 38242157 - 3829002 * Fax 3829009
77AA QJ QJ-mg, QJ CVáp * ĐT 38894925 - 38894924 * Fax 38894922
Nh * 97Am Đm-gm, QJPT * ĐT 224 97884 - 38419306 * Fax 38419306
Email: vnlang@vnl.com.vn * Website: www.vanlangbooks.com

500 Vị La Hán



8 935073 070242

Giá: 70.000đ